Lời giới thiệu

Người đọc ở thành phố trong Nam cuối những năm 50, suốt những năm 60 và đầu những năm 70 – trên dưới 20 năm – quen với cây bút của nhà văn, nhà báo nữ Tùng Long, thường ký kèm kèm chữ "bà" ở trước tên. Bà Tùng Long nổi tiếng ở các truyện gọi là tâm lý xã hội, đăng trên các nhật báo như một số loại phụ trương nhiều kỳ mà vào thời ấy gọi là "feuilleton". Bà cũng nổi tiếng về các mục giải đáp tâm sự của bạn đọc nữ trên các mục cố định của một số tờ báo hằng ngày hoặc định kỳ. Tờ báo mà bà Tùng Long có mặt thường xuyên hơn hết là Sài Gòn Mới do bà Bút Trà, chị dâu của chồng bà làm chủ nhiệm.

Vào tuổi quá bát tuần, bà Tùng Long viết hồi ký. Đương nhiên, hồi ký của một cây bút thì có chuyện văn chương, chuyện viết lách. Song, tôi tìm thấy trong hồi ký bà những nét đậm lạt của một giai đoạn lịch sử nhiều biến động của đất nước ta, của miền Nam, chủ yếu là Sài Gòn, nơi quy tụ những sự kiện lớn của vùng đất mà cách mạng nối tiếp công việc chưa xong của mình, đối mặt với chính quyền do Mỹ dựng nên. Bà Tùng Long không phải là nhà chính trị, ít nhất, như bà nói trong hồi ký. Tuy nhiên, hồi ký của bà Tùng Long vẫn là một hồi ký không loại bỏ được các nền chính trị đương nhiên tác động lên bà. Bà Tùng Long cũng không phải là nhà văn, nhà báo cách mạng, bà viết, như đã nhắc tới nhắc lui trong hồi ký, là để kiếm tiền nuôi chín đứa con và chồng, song bà không đứng trong hàng ngũ "cách mạng quốc gia" hay "cần lao" hoặc đại loại như vậy, dù rằng về phương diện giao thiệp, bà quan hệ với những nhân vật thuộc chính quyền. Bà cũng từng ứng cử nghị viện Sài Gòn vào thời cuối của triều đình Ngô Đình Diệm – không tự nguyện, không thích, nhưng không thể từ chối.

Anh Lê Phương Chi đã lên danh mục tất cả 50 đấu sách của bà từ năm 1956 đến nay, trong đó có 16 đầu sách tái bản và in mới sau năm 1975 – tôi chỉ nói những tiểu thuyết đã xuất bản thành sách mà hầu hết được đăng tải trên các báo. Tôi cũng không nói về nội dung những mục như "gỡ rối tơ lòng", "tâm tình cởi mở" hay đường hướng của những tờ báo mà bà làm chủ bút, thư ký toà soạn, hay cộng tác viên, tôi làm một công việc đơn giản - giới thiệu hồi ký của bà.

Tập hồi ký chia làm 6 chương thì 3 chương đầu nói về thời niên thiếu, tuổi học sinh và mối tình đầu của bà, 3 chương sau thuật lại quãng đời viết văn, làm báo. Nếu 3 chương đầu giúp cho người đọc hôm nay nhớ lại một thời miền Trung nước ta từ Đà Nẵng ra Huế rồi trở vào Tam Quan những năm 20 và 30 của thế kỉ XX ở Sài Gòn, thì phần sau lại giới thiệu với người đọc một góc của khung cảnh với ký ức văn nghệ Sài Gòn sau Hiệp định Genène. Sách báo hiện nay vẫn còn tương đối hiếm về khung cảnh sinh hoạt vào thời điểm kể. Tuy bà Tùng Long không chủ yếu làm sống lại một cách đầy đủ khung cảnh ấy nhưng vẫn giúp cho người đọc hình dung được chừng nào hoàn cảnh của đất nước mình.

Người đọc có thể còn mong muốn bà Tùng Long nói nhiều hơn những gì bà thấy, bà nghe trong một xã hội chuyển động nhanh chóng, thậm chí không có quy củ, nhưng và chỉ cung cấp chừng ấy thôi, ta không thể đòi hỏi hơn.

Tôi vui lòng viết mấy lời giới thiệu tập hồi ký của bà Tùng Long.

TRẦN BẠCH ĐẰNG
12 -2002

Vài lời thưa cùng bạn đọc

Năm 1985, sau khi nhà tôi bỏ đi trước, cuộc sống của tôi trở nên quá trống vắng, thừa thãi. Các con đều đã lớn, có gia đình riêng, một số lại ra sống ở nước ngoài… Ngồi buồn, tôi lấy giấy bút ra ghi lại những kỉ niệm ngày trước của mình, vì thật sự từ nhỏ tôi đã có thói quen và sở thích viết lách, đến giờ - tôi ngồi cầm bút viết những dòng này vào đúng ngày sinh nhật 88 tuổi - vẫn không thay đổi. Thoạt đầu, tôi không dám gọi đây là hồi ký, mà chỉ là những bài ghi chép, theo những hồi ức và cảm hứng bất chợt, mỗi khi được nhắc nhở một điều gì. Tôi viết về cha tôi, trong đám dỗ của người; về nhà tôi – anh ấy thường về thăm tôi trong những giấc mơ; về một người bạn cũ, khi đọc được tin người ấy qua đời (hằng ngày tôi vẫn đọc đủ các báo, nghe đài, thói quen không thể bỏ được từ thời làm báo); về những học trò củ của tôi mà tình cảm của các em dành cho tôi thật đáng trân trọng; về những kỷ niệm với bạn đọc mà thỉnh thoảng tôi vẫn nhớ lại qua những tờ thư cũ; về một đứa cháu nhỏ khi nó từ nước ngoài về thăm tôi lần đầu với những cảm nhận đầu tiên về Việt Nam….Tôi viết, chỉ để thoả đam mê cầm bút của mình, và cũng để các con tôi sau này đọc lại mà thương mẹ hơn. Vậy thôi…

15 năm sau, tôi cứ ngồi viết như thế, không đầu không đuôi, nhớ gì viết nấy (chính vì vậy, trong tập sách này, chắc chắn sẽ có nhiều sai sót và đôi chỗ trùng lặp, lộn xộn về thời gian viết, mong được bạn đọc tha thứ). Mười mấy cuốn sổ tay đã được tôi viết kín, và cứ để đó. Cho đến một hôm, thằng con trai út của tôi (cũng bày đặt theo nghề viết văn, làm báo) đem về cho tôi đọc những cuốn hồi ký của các ông Trần Văn

Khê, Sơn Nam…., và thuyết phục tôi hãy cho in một phần những gì mà tôi viết, để người đọc có thêm một ít tư liệu về một quãng thời gian lịch sử đã qua và chia sẽ đôi điều với những tâm sự đời tôi, một người viết văn đã đóng góp ít nhiều trong đời sống văn chương – báo chí của miền Nam Việt Nam trước 1975. Họ trò tôi trong ngày họp mặt mừng sinh nhật tôi đều ủng hộ đề nghị đó của nó. Rồi nhà xuất bản cũng đặt yêu cầu….

Cuối cùng các bạn đã có cuốn sách trên tay. Những gì tôi muốn nói, muốn kể với các bạn về cuộc đời tôi, hầu như đã có đầy đủ trong những trang giấy này. Xin chân thành cảm ơn các bạn đã giành thời gian quý báo để nghe tôi truyện trò ,tâm sự. xin cảm ơn tất cả những người đã giúp tôi sắp xếp, hoàn chỉnh bản thảo và giúp đỡ cho ra đời cuốn sách sau cùng này của đời tôi. Nhìn lại, tôi thấy mình quả đã may mắn. Xin cảm ơn tất cả các bạn đọc…

TP.HCM, ngày 1-8-2002

Tùng Long – Lê Thị Bạch Vân

CHƯƠNG 1. THỜI THƠ ẤU

Cha ơi! Hôm nay con đứng ở hành lang cư xá nhìn xuống sân thấy mấy đứa trẻ đang xúm nhau dán diều, rồi sau đó chúng xách con diều giấy chạy qua chạy lại cho diều lấy đà để bay bổng lên không, con bỗng nhớ cha vô hạn. Thời gian trôi qua mau quá cha nhỉ, mới đó mà đã 75 năm! Con đã già, hơn tám mươi tuổi rồi, còn cha đã ra người thiên cổ từ lâu (cha mất năm Bính Thân – 1956).

Hồi con mới lên năm tuổi, cha từ Đà Nẵng đổi vào Tam Quan, một huyện miền biển của tỉnh Bình Định. Mới năm tuổi nhưng con đã biết đọc biết viết do cha dạy. Suốt thời thơ ấu và niên thiếu con, cha luôn luôn là ông thầy nhân từ mà cũng rất nghiêm khắc. Với năm tuổi ấy, con được cha dạy rất nhiều, nào những bài thơ dạy con của Nguyễn Trãi, những bài ca trù con thường nghe cha đọc, cho đến những bài hát bộ mà khi hứng lên cha hát và phùng man trợn mắt như một Lưu Bị hay một Địch Thanh.

Mỗi sáng sớm, vào lúc năm giờ, con thường theo cha ra biển để thả diều ô. Diều của cha là một con diều lớn, làm bằng những miếng tre vót kỹ, có hình thù một con chim, với đôi cánh dài và cái đuôi như cánh quạt, được bồi bằng những tờ giấy màu thật đẹp. Hai cha con , cha đi trước cầm con diều, con đi theo sau ngắm vầng thái dương mới ló dạng ở chân trời. Gió biển buổi sáng thật mát, thật trong lành và mặc dù phải dậy sớm, trong khi mẹ con còn ngủ với em, con vẫn tỉnh tào và chạy lạch bạch theo cha, lòng vô cùng thích thú.

- Cha ơi! Hôm nay trời mát quá cha nhỉ?

- Mau lên con, gió đang lên, diều sẽ bay cao…

Bãi biển với những cồn cát rất quen thuộc với tôi, nhưng mỗi ngày tôi luôn khám phá ra một chuyện gì đó rất mới mẻ để mà theo đuổi trong khi cha tôi đang điều khiển sợi dây cước cho diều lên, lên cao, lên cao. Tôi đi tìm những ổ trứng của các con chim biển đẻ trên bãi cát. Chim chỉ cần bươi một cái hộc cạn rồi đẻ. Có khi tôi lượm được ba trứng, có khi năm, và sau đó cắc ca cắc củm đem về luộc ăn. Có khi tôi tìm thấy cả một đống trứng ba ba hay con vít, làm dấu để đó, không dám hốt, chờ khi cha tôi cuốn dây cước, hạ diều xuống, hai cha con mới hốt về. Thế là được một bữa ăn lạ miệng. Khi không tìm được trứng chim, tôi đi hái những trái ma vương chín ở các bụi gai mọc rải rác trên bãi biển, dưới chân các nống cát. Trái ma vương có mùi thơm, ngọt ngọt, chua chua, ăn rất dòn và ngon hơn cả trái sơri. Gặp mùa, tôi hái bỏ đầy cả hai túi áo. Khi về, hai cha con vừa đi vừa ăn thật thích thú.

Cha tôi thỉ thả diều đến sáu giờ hơn, khi mặt trời đã đã lên khỏi chân trời và rọi sáng mặt biển, vì cha tôi còn phải về ăn sáng rồi đi làm việc.

Sáng nào cũng vậy, nếu trời không mưa là cha con tôi đi thả diều. những buổi sáng ấy là những ngày đẹp đẽ nhất trong cuộc đời tôi, sau này và mãi mãi không bao giờ tôi tìm lại được.

Cha tôi làm thông phán ở Sở Thương chánh Tam Quan, ngày nay đó là công việc của một viên chức hải quan lo chuyện xuất nhập của ghe thuyền. Sở nằm trên một ngọn đồi cao nhìn ra biển và nhà của chúng tôi ở cách đó một cây số. Sở làm bằng bê-tông cốt sắt, còn ngôi nhà của cha tôi gồm ba gian một chái, một bếp lợp tranh, nền xi măng, lát gạch, nằm giữa một ngôi vườn rộng và quay mặt ra sông, quay lưng ra biển. Trước nhà là một con đường đất bằng phẳng chạy dài, một bên là con sông, một bên là hàng dừa ngút ngàn. Ngoài cổng nhà là một giàn thiên lý, đêm đêm hoa toả hương thơm cả xóm.

Cha tôi rất thích trồng cây, nhất là hồng, đủ thứ, đủ màu. Có lẽ cha tôi mạng thủy nên hễ cây cha tôi trồng là tươi đẹp và lắm bông. Phần tưới cây là phần của tôi, cha tôi mua cho tôi một cái đồ tưới nhỏ, vừa với sức của tôi để tôi sáng và chiều tưới những chậu hồng nhung, những bụi tường vi dọc rào và những chậu mẫu đơn. Cha tôi dạy tôi sử dụng cái bay để xới đất: "Phải xới đất để rễ cây thở và cây xanh hơn".

Cha tôi nói: "Hồng nhung là biểu tượng của sự trung trực, hồng trắng sự trinh bạch, còn hồng vàng là sự phản bội".

Tôi hỏi:

- Vậy sao cha trồng cả hồng vàng làm gì?

Cha tôi nói :

- Vườn hoa cũng như trường đời, có người trung trực, trinh bạch thì cũng có kẻ phản bội, vô ơn bạc nghĩa… Ra đời phải biết phân biệt ai tốt ai xấu con ạ.

Có lần tôi nói:

- Con thấy hoa mẫu đơn chả thơm tho gì sao cha trồng làm gì vậy?

Cha tôi liền đọc:

- Mẫu đơn thiên hạ xôn xao

Ham mùi phú quí biết bao nhiêu người

Rồi cha nói:

- Vườn hoa phải có nhiều loại, chả lẽ mình trồng toàn hồng cả sao? Huống chi mẹ con lại thích hoa mẫu đơn để ngày rằm, ngày mồng một hái vào cúng Phật nên cha trồng.

Trong những lúc đi biển, cha tôi thường kể cho tôi nghe về cuộc đời người.

Xuất thân từ một gia đình nho giáo, học chữ nho đến năm 12 tuổi, sau đó vì thời cuộc đổi thay nên đổi sang học quốc ngữ. Cũng như các thanh niên khác ở thời kỳ ấy, lòng yêu nước khiến họ do dự trước khi bước chân vào đời. Những người có sĩ khí không chịu đi làm cho người Pháp, mặc dù dù đã theo học ở các trường Pháp Việt. Cha tôi là con trai duy nhất của một gia đình. Ông nội tôi quê từ Nghệ An trong một chuyến đi buôn vào Hội An, gặp bà nội tôi, rồi định cư ở đó. Ông nội tôi rất giỏi võ, mấy đời các ông trong gia tộc đã làm quan võ dưới trướng ngày Lê Văn Duyệt. Đến đời ông nội tôi vì không muốn làm cho Pháp, nên bỏ đi buôn với chiếc ghe bầu, từ Bắc chí Nam.

Bà nội tôi là một người đàn bà đảm đang và có tài nói năng hoạt bát, từ khi còn con gái đã buôn bán giỏi có tiếng. Bà chuyên đón các ghe ngoài Bắc vào hay trong Nam ra cửa bể Hội An để mua cả chuyến hàng trên ghe như lúa gạo, hột vịt trong Nam, mạch nha, tương ngoài Bắc. mua như vậy chỉ cần nhắm hàng trả giá tổng quát, khi chủ ghe chịu thì bà đứng ra kêu các hiệu buôn bán lại. Xong đâu đó mới nộp tiền cho chủ ghe, buôn lối ấy gọi là buôn kiểu đầu nậu.

Với cái nghề ấy bà tôi gặp ông tôi trong một chuyến ông tôi chở đường và tương ra Bắc vô Nam. Và rồi người cảm tài, kẻ phục đức, hai bên đã xây tổ ấm ở một làng tên gọi Hội Sơn gần Bàng Thạch, cách Hội An một buổi đò dọc.

Ông nội tôi ngày trứơc cũng như các cụ khoa bảng đều có chân trong trong các hội chống Pháp bằng cách làm việc, dành dụm tiền đóng góp cho Hội để đưa người ra nước ngoài vận động cho phong trào chống Pháp. Để tìm thêm hội viên ở khắp các tỉnh miền Trung. Vì vậy cha tôi khi còn đi học đã gia nhập phong trào Duy Tân, theo các bậc đàn anh làm chính trị, và sau khi học xong, cha tôi vẫn không chịu làm cho Pháp. Khi bà tôi còn buôn bán, gia đình tuy không giàu có nhưng cũng đủ ăn đủ xài, việc cha tôi phải tìm kế sinh nhai bà tôi không quan tâm cho lắm. Khi còn buôn bán, bà tôi là người nổi tiếng là giàu lòng từ thiện. Mấy làng ở Hội An, như Hội Sơn, Bàch Thạch, chợ nội Rang…, không ai là không biết tiếng bà Quyền. Cứ đến ngày mồng một và ngày rằm là bà tôi sai một người chú bà con của tôi và cũng là người làm vườn, săn sóc nhà cửa cho bà tôi, nấu chè, nấu xôi múc ra, đĩa bát bày đầy cả ba nong sắp giữa sân rồi kêu những người đi xin ở các chợ về ăn. Họ có thể kéo đến bất cứ giờ nào, cứ tự tiện ngồi vào các chiếc chiếu trải ngoài sân và muốn ăn bao nhiêu cũng được. Cứ thế bà tôi đã làm công việc từ thiện ấy suốt cả thời gian bà tôi còn ăn ra làm nên. Khi tôi còn nhỏ, mỗi lần theo cha về thăm ông bà, tôi đã chứng kiến được cảnh ấy…

Nói đến chuyện đi tăm ông bà cả chuỗi dài kỷ niệm của một thời thơ ấu êm đềm vô giá. Trước khi cha tôi

vào làm ở Tam Quan, thời thơ ấu của tôi đã trải qua trên thành phố Đà Nẵng, con sông Hàn, ở làng Trẹm của bờ biển Đà Nẵng.

Lúc ấy là lúc ông bà tôi gặp một chuyện tai biến, bao nhiêu tiền của bị mất sạch vì mấy chuyến buôn bán thua lỗ, mà nguyên nhân chỉ tại chánh quyền Pháp nghi ngờ việc cha tôi gia nhập phong trào Duy Tân.

Cha tôi là con trai duy nhất nên ông bà tôi rất e ngại bị mất cha tôi, vì thế cứ khóc lóc nài nỉ cha tôi phải kiếm việc làm hợp tác với chánh phủ Pháp để khỏi bị tình nghi và theo dõi. Vì thế cha tôi phải ra Đà Nẵng lúc bấy giờ là thuộc địa của Pháp. Không khí ở đây dễ thở hơn các tỉnh thuộc quyền bảo hộ của Pháp. Các đồng chí đàn anh hiểu hoàn cảnh cha tôi nên khuyên cha tôi xin làm cho một hãng buôn của Pháp, hãng Sica làm rượu, nấu rượu bán cho dân để dễ hoạt động và cũng để che mắt bọn mật thám Tây, bọn này dạy cho cha tôi và không khỏi khen cha tôi có chí. Khi làm ở đây thì tôi ra đời, hoàn cảnh sinh sống lại càng khó khăn, nay kẻ này bị bắt, mai kẻ khác bị kêu lên Sở Mật thám để điều tra.

Về chuyện này bà nội tôi hết sức lo nghĩ, tâm thần bất an nên sinh ra bệnh hoạn, công việc làm ăn lại bị trở ngại. Ông nội tôi cứ với lai lịch ở Nghệ An, cái nôi của bao nhiêu cuộc nổi dậy chống Pháp,từ chối không chịu làm cho các quan cai trị dưới chế độ Pháp thuộc, nên lúc nào cũng bị theo dõi. Đã vậy ông tôi rất giỏi võ, một mình có thể đánh với một lũ cướp gồm hai ba chục người nên lại càng bị nghi là thuộc nhóm người võ trang chống Pháp. Bà tôi bệnh kéo dài trở thành viên phổi mãn tính, phải cần thuốc thang tĩnh dưỡng, với mẫu vườn trồng khoai, bắp và mì, thêm mấy sào ruộng không đủ cho ông bà tôi sống qua ngày, thế là cha tôi phải đi làm hãng Sica. Là một thanh niên có học, có tinh thần trách nhiệm, liêm khiết, dù làm cho một hãng buôn Pháp cha tôi vẫn giữ sự ngay thẳng, làm việc siêng năng cần mẫn, nhờ vậy ông chủ hãng mấy lần đã bênh vực cha tôi khi sở mật thám bí mật cho biết cha tôi là một đồng chí của phong trào Duy Tân.

Mùa đông năm ấy, thời tiết ở Đà Nẵng rất xấu, lụt bão lung tung, nhà cha mẹ tôi ở ven biển, làng Trẹm, nên trong một trận lụt lớn đã ngập nước. Nước dâng lên cao, ngập cả sân nhà, tràn vô nhà, tràn lên giường chiếu, lúc bấy giờ cha mẹ tôi lo dọn đồ đạc trong nhà mang vào hãng gởi. Chiếu nôi của tôi treo trên cao, lúc ấy tôi mới năm, sáu tuổi, không ai ngờ nước có thể lên đến, vả lại trong một giờ đem đồ gởi xong trở về có ai nghĩ là nước sẽ dâng mau, lên đến nóc nhà hay ngập cả chiếc nôi treo lơ lửng trên cột. Cũng may lúc bấy giờ một bác nông dân trong hãng được cha tôi nhờ chạy về khuân đồ đạc bắt gặp nước đã liếm lên đáy nôi mà tôi thì cứ nằm yên, ngon giấc. Bác công nhân này vôi vàng ôm toi trùm trong chiếc áo mưa, bỏ cả đồ đạc lội về phía thành phố, cứu tôi khỏi bị nước cuốn trôi đi. Lúc bấy giờ cha mẹ tôi hoảng hốt nhớ lại chiếc nôi không biết nước có dâng cao hơn không, vội vã chạy về thì dọc đường gặp bác công nhân đang ôm tôi vào lòng, chạy về hướng thành phố.

Thật hú hồn và ai cũng bảo là mạng tôi lớn nếu không bị nước cuốn trôi đi mất rồi. Sau này mỗi lần gặp tôi, bác ấy thường nhìn mặt tôi nói:

- Không có bác thì nước lụt đã cuốn mất cháu đi rồi.

Lụt bão làm hư hại mùa màng, gây ảnh hưởng lớn ở các vùng nông thôn lân cận, vì vậy sự tiếp tế cho các đảng viên cũng gặp nhiều khó khăn, không đủ tiền để nuôi các đồng chí trong tù, không có tiền để giúp một số tahnh niên trong phong trào Duy Tân trốn ra nước ngoàivà cũng không có tiền để một số cán bộ nữ làm kinh tài. Trong khi làm việc ơ hãng Sica, cha tôi đã xin vào đảng Phục Hưng, lúc bấy giờ do bác Pham Thành Tài cầm đầu. Theo mẹ tôi kể lại thì mấy chú mấy bác đảng viên lấy nhà cửa của cha tôi làm chỗ liên lạc. Mỗi tháng bác Phan Thành Tài (cha của ông Phan Bá Lân và Phan Thuyết, Phan Kình, Phan Út) mang tiền từ Quảng Nam ra giao cho cha tôi (do tánh cha tôi liên khiết, cẩn thận, ngăn nắp kính đáo, nên đảng đề nghị cha tôi giữa tiền, tức là làm thủ quỹ cho đảng), sau đó có người đến lấy để lo công việc tiếp tế cho đồng đội. Mẹ tôi nói, bác Thành Tài nhét tiền trong một cái ruộng tượng dài mang quanh người, ăn mặc rách rưới, đầu đội nón lá, đi bộ từ Quảng Nam ra, di dọc theo đường rầy xe lửa, nguỵ trang như một người đi ăn xin ra tỉnh tìm việc làm. Các bác các chú mỗi lần đền gặp cha tôi rất thương tôi, ãm bồng nâng niu và không khỏi lo lắng cho cha tôi, e rằng công việc khó qua mắt bọn Tây mật thám và tôi sẽ mất cha khi còn quá nhỏ. Những chú còn trẻ chưa lập gia đình, chưa có con thì thương tôi như con. Các bác đã già như bác Tám Vận, bác Thành Tài thì con cái đã lớn, xem cha tôi như em út và mỗi lần đến là nuông chìu tôi, cho quà bánh.

Thế rồi cuối năm Ất Mão, bác Thành Tài trong một chuyên đi liên lạc các nơi bị mật thám bắt. Bác nhất định không chịu khai và bị kê án tử hình. Việc này làm một số đồng chí phải chốn chui trốn nhủi. Bác Tám Vận sai người bí mật bảo cha tôi phải cho mẹ tôi ãm tôi về quê nội (Hội Sơn, một làng ở cách Hội An hai giờ dò dọc) sống với ông bà nội tôi. Một mặt khác, các bác khuyên cha tôi thu xếp nhà cửa gọn gàng đâu vào đó, như là nhà cửa một kẻ độc thân, bao nhiêu giấy tờ liên quan đến hội, danh sách các đồng chí đều đốt hết. Ban đêm ba tôi ôm sách đi học tiếng Pháp với tụi lính Tây trong đồn như cũ, như không có chuyện gì xảy ra.

Khi mẹ tôi ãm tôi về quê nội thì cha tôi liền thủ tiêu hết tất cả giấy tờ quan trọng, dọn dẹp nhà cửa gọn gàng. Trong khi ấy bác Tám Vận và nhiểu bác khác bị bắt, bị tra tấn nhưng không ai khai cho cha tôi. Tuy

vậy, lính mật thám vẫn đến xét nhà cha tôi vì biết cha tôi có quen với bác Thành Tài. Tụi nó lục lạo từ trên xuống dưới. Trần nhà, cỗng rãnh, bất cứ chỗ nào chúng nghi ngờ là lục lạo, nhưng không thấy có gì đáng nghi cờ cả. Tiền bạc thì cha tôi chỉ có năm ba đồng, sổ sách thì chỉ có tiền gởi về nhà cho ông bà nội tôi, cùng tên thuốc men mua ở tiệm thuốc tây vì bà tôi bị suyễn. Tủ giường ngăn nắp, giấy ti72 đâu vào đấy, tụi nó đành kéo nhau về đành nói với cha tôi: “Thật là một thanh niên có thứ tự”. Không có chứng cớ, họ không bắt cha tôi. Nhờ vậy một số các chú các bác làm ở các cơ quan nhà nước Pháp không bị bắt. Những bác bị bắt đều bị đày ra Côn Đảo lãnh án tù từ 10 đến 20 năm. Tôi còn nhớ khi tôi học ở trường Đồng Khánh năm 1931, trong mùa hè niên học ấy bác Tám Vận được thả về có đến thăm cha mẹ tôi và khi thấy tôi đã lớn, bác mừng rỡ cười nói om sòm, chỉ tôi và nói:

- Cái con nhỏ này hồi tụi tao tụ tập tại nàh ba mày thì mày mới có sáu, bảy tuổi. Nếu không vì mày, không thương cha mày là con một và mày là đứa cháu nọi của dòng họ Lê thì tụi tao sau những trận tra tấn xé thịt nát da thì đã khai ra cha mày rồi!

Thế là cha tôi khỏi bị tù đày nhưng điều này khiến cha tôi không khỏi áy náy trong lòng và lúc nào cũng nghĩ là mình mang cái tình che chở của bao nhiêu người đã huy sinh, kẻ bị án tử hình như bác Phan Thành Tài, bác Thái Phiên và còn bao nhiêu người bị dày ra Côn Đảo. Khi phong trào này êm dịu bớt, mẹ tôi mới đưa tôi về Đà Nẵng sống với cha tôi.

Sống trong một gia đình như vậy làm sao tôi không chịu ảnh hưởng của các bậc cha chú và lẽ nhiên tôi lớn lên trong một bầu không khí có nhiều gương tốt đẹp, đáng noi theo. Tiếc vì tôi là con gái mà ở vào cái xã hội ấy,cái xã hội bị đô hộ, bao nhiêu lớp người đã huy sinh, bao nhiêu đảng phái bị tan rã, tôi cứ thường nghe các bậc cha chú than thở: “Các bác, các chú còn không làm được việc gì! Các cháu là con gái thôi thì cứ ráng lo học hành, học công dung ngôn hạnh. Ngay như các bác, các chú và cả cha con phải tìm kế sanh nhai, phải đi làm công chứ cho Pháp. Các con của bác Phan Thành Tài còn phải để cho bọn Tây giúp đỡ đi học”. Lúc ấy tôi nghĩ: Lớp người này làm không được thì lớp người sau tiếp tục làm, miễn là tinh thần yêu nước, cái tinh thần bất khuất của Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Hai Bà Trưng, Bà Triệu, vẫn còn sống mãi trong đầu óc người dân Việt.

Còn bác Thành Tài khi bị kêu án tử hình thì người con trai lớn là anh Phan Bá Lân đang học ở trường tiểu học Đà Nẵng hay Hội An gì đó. Mật thám can thiệp không cho anh học, buộc nhà trường phải đuổi anh. Tôi cũng nghe các người làm ở toà khâm sứ Huế kể lại, lúc ấy anh Phan Bá Lân tìm gặp ông khâm sứ và đã giận dữ nói: “On a tue’ mon père, et on a fermé l’école à moi !” (Người ta đã bắn cha tôi, người ta còn đóng cửa trường với tôi !). Thấy thái độ phẫn nộ của anh Phan Bá Lân lúc ấy, viên khâm sứ tên Chatel-nếu tôi nhớ không lầm-đã cho anh Phan Bá Lân học lại và cũng từ đó giúp đỡ anh học cho đến thành tài. Có người còn nói anh Lân là con nuôi của Chatel. Việc ấy tôi không biết có đúng không? Nhưng theo tôi hiểu thì anh Lân nhân cơ hội này học hành thành tài và cả đàn em của anh người nào cũng có bằng cử nhân, bằng tú tài và cả các con của các anh này đều học rộng, tài cao, hiện giờ một số vẫn làm nghề giáo. Sau này vào khoảng năm 1930, anh Lân mở trường tư thục Chánh Thanh ở Sài Gòn và thu hút được nhiều giáo sư giỏi về dạy. Trong ấy có ông Phan Khôi dạy Việt và Hán văn. Anh Lân còn là bạn tâm giao của anh Hồng Tiêu, chồng tôi. Khi anh Hồng Tiêu cưới tôi, anh Phan Bá Lân đã mừng ngày cưới chúng tôi cả một giường nệm có mùng theo kiểu Tây, một cái gương to treo trên tường, và suốt những năm chúng tôi sống ở Sài Gòn vẫn gặp anh Lân rất thường.

Khi Nhật xâm chiếm Việt Nam và sau đó Mỹ thả bom ở Sài Gòn, năm 1943, tôi đưa các con về Quảng Ngãi quê chồng,mất liên lạc với anh Phan Bá Lân. Sau hiệp định Genève, tôi nghe tin anh Phan Bá Lân ở ngoài Bắc và năm 1975, sau ngày thống nhất đất nước, tôi nghe tin anh Lân về Sài Gòn, đôi mắt bị mù. Anh về trong Nam, nghe nói có nhờ người đi tìm nhà tôi và anh Bút Trà nhưng lúc ấy Sài Gòn đang hồi bể dâu, nên chẳng ai dám chỉ, họ sợ mang vạ vào thân. Thành ra những người bạn thân xa nhau những bao nhiêu năm vậy mà trước chuyện sống chết lại không có cơ hội gặp nhau, để cùng bắt tay nhau một lần chót. Thương tâm và cũng chua xót thật ! Bây giờ khi tôi ngồi viết những dòng này thì tất cả anh em Phan Bá Lân, Phan Kình, Phan Thuyết (cựu hiệu trưởng trường Đạt Đức ở Phú Nhuận), Phan Út (cựu hiệu trưởng trường Tân Thịnh ở Tân Định) đều đã ra người thiên cổ.

Trở lại chuyện sao khi Đảng Phục Hưng bị bể bạc. Bà tôi khi nghe tin về chuyện bọn Tây đến lục xét nhà cho tôi và trong đường tơ kẽ tóc, cha tôi có thể bị bắt và bị đi đày thì đâm ra hoảng hốt, gọi cha tôi về, thuyết đủ mọi cách,nào hăm doạ bị tù đày, bỏ vợ bỏ con không ai nuôi,nào cha mẹ già không chỗ nương tựa. Lời nói không làm xiêu lòng cha tôi, thì bà nội tôi lại lấy nước mắt để cha tôi phải nghe theo. Ông tôi không hề nói gì vì ông xuất thân từ một tùy viện của ngài Lê Văn Duyệt, có võ, không thể ngăn cản con mình vì nó cũng đi vào con đường mà mình đã trải qua. Nhưng ông tôi chỉ nói là nếu không ai lo cho ông bà tôi trong lúc tuổi già bóng xế thì ông tôi sẽ trở về Nghệ An vì ngoài ấy ông tôi có cả một đại gia đình có thể sống yên thân cho đến cuối cuộc đời. Nghe thế bà tôi càng khóc lóc than thở: “Sắp mất con bây giờ lại sắp mất chồng”.

Thế là cha tôi trở lại công việc ở hãng Sica. Nơi đây người chủ Tây rất mến nể cha tôi vì cha tôi làm việc

chuêyn cần thanh liêm, công nhân trong hãng cũng rất yêu mến. Mấy lần cha tôi xin thôi việc để thi vào một công sở không có liên quan gì nhiều đến việc chánh trị như là Bưu Điện, Sở Thương chánh, hay phòng Thương mại, nhưng ông chủ hãng cứ cho lên lương mỗi lần cha tôi muốn nghỉ, để giữ cha tôi lại. Cho đến khi cha tôi thi đậu vào Sở Thương chánh Đà Nẵng, làm ở làng Trẹm, và sẵng có người chông mới cưới của dì tôi, một nhân viên có tay nghề, biết đánh máy, chịu nhận công việc của cha tôi thì ông xếp mới bằng lòng cho cha tôi nghỉ. Chuyện đổi việc làm này một phần do sức ép của bà nội tôi, muốn con làm trong cơ quan nhà nước có nhiều tiền hơn và có tương lai hơn.

Bà tôi hay tin mới yên lòng và mẹ con tôi lại từ quê nội ra sống bên cha tôi. Thời gian này tôi sống bên cha mẹ dược hấp thụ sự dạy dỗ chu đáo và tình yêu thương vô bờ bến. Tôi mãi đến bốn tuổi mới có em nên thời gian này được sự nuông chiều của cả cha nẹ lẫn ông bà nội ngoại.

Trong những năm tháng này tôi thường thao cha mỗi tuần về thăm ông bà nội tôi. Cứ chiều thứ bảy cha tôi và tôi xuống ghe-đò dọc-ở sông Hàn để sáng lại về đến Hội An, qua Bàng Thạch về thăm ông bà nội tôi. Một đêm tên sông nước, nhìn phong cảnh ahi bên bờ sông, được cha tôi kể chuyện sông nước,cuộc sống của những người chài lưới trên sông, và gặp những đêm sáng trăng thì tha hồ mà ngắm cảnh đẹp, nghe tiếng hát của các cô gái chèo thuyền, hát đối đáp với các chàng trai trên các chiêc ghe khác cùng đi về một hứơng hay ngược dòng sông. Những kỷ niệm ấy ngày nay tôi không còn làm sao tìm thấy được,những kỷ niệm ấy vẫn sống mãi trong lòng tôi sau bao nhiêu vật đổi sao dời. Sáng chủ nhật ghe cập bến trước nhà ông bà tôi, cha tôi và tôi mang hành lý lên sống bên ông bà tôi suốt một ngày, để tối lại có ghe đến rước. Rồi cũng suốt đêm trên cuộc phiêu lưu giữa sông dài, trời rộng, cho đến năm giờ sáng thì đến bến chợ Hàn kịp để cha tôi về nhà ăn sáng rồi đi làm.

Với những chuyến đi ấy, tôi học được rất nhiều điều lạ, bổ ích mà các trẻ em ở cái tuổi ấy chưa chắc đã biết được. Nào cuộc sống của người mò cua bắt cá trong đêm, họ vừa làm việc vừa hát hò đối đáp, dường như không thấy được cái cảnh lấy đêm làm ngày nhọc nhằn, khổ sở. Nào những con đò xuôi ngược, họ quen nhau vì thường gặp nhau trên đoạn đường này. Mỗi lần gặp nhau họ kêu ơi ới, chào hỏi vui vẻ. Có ghe câu được cá liền ném qua cho các ghe chưa có gì để nấu buổi cơm tối cho khách trên ghe. Thường thì chúng tôi được mời ăn cháo lúc mười giờ đêm, gọi là ăn khuya, món cháo cá vừa câu được, hay cua tôm mua được của những người đi mò dưới sông. Sống ở thành phố, có biển, có hàng phi lao vi vu của bãi tắm Đà Nẵng, có sông có núi, tôi về quê được sống với những người nông dân chân lấm tay bùn, cày sâu cuốc bẫm, trồng trọt quanh năm, tôi có thêm nhiều kiến thức. Tôi chứng kiến những bữa cơm đạm bạc của họ. Một rổ rá cơm ghế khoai lang hay ghế bắp, thường thì khoai hay bắp nhiều hơn gạo, với một tô mắm cá cơm đã mặn còn bỏ thêm một vốc muối, ít khi có rau và chỉ có những quả cà pháo bỏ trong mắm. Vậy mà người nào người nấy ăn rất ngon, có người ăn cả năm sáu bát, khiến tôi cảm thấy chán cơm trắng của tôi mà bà nội tôi đã bỏ đầy cá thịt không còn ngon lành, trái lại còn vô vị nữa là khác. Và tôi đã năm nỉ chú Đài của tôi, người bà con trong họ giúp việc cho ông bà nội tôi, đổi chén cơm của tôi lấy một chén cơm trộn khoai hay bắp. Chú Đài không dám đổi mà những người đến làm thuê cho ông bà nội tôi cũng không ai chịu đổi. Tôi năm nỉ mãi và cuối cùng tôi cũng đạt được ý muốn trẻ con ấy. Nhưng mà mấy người này khuyên tôi nên bưng cơm ra bụi tre mà ăn đừng để ông bà tôi thấy. Ôi! Cái hồi đó tôi thấy chén cơm ghế khoai lang hay ghế bắp sao mà ngon đến thế! Sau này khi tôi đưa các con tôi về Quảng Ngãi, rồi tản cư lên Mỹ Thịnh, vì đồng lương của tôi chỉ đủ mua có hai mươi ngày gạo, đó là không nói đến thức ăn, tôi phải thêu may mướn mới có tiền mua thịt cá. Còn mười ngày gạo kia phải thêm bắp hay khoai lang khô vào cơm. Mấy đứa con tôi chẳng đứa nào chịu ăn bắp ăn khoai mà lừa lại, bới toàn cơm không.

Bà tôi bị suyễn vì vậy mỗi lần cha tôi về đều có mang theo thuốc xông hạ cơn, trà tàu cho ông tôi và dầu bạc hà hiệu Khuất Thần cho bà tôi nữa. Ngoài ra còn có những thứ như lạp xưởng, giò lụa hay khô bò, thịt chà bông mà mẹ tôi đã thức cả đêm trước để làm bỏ vào các hũ, lọ.

Tôi còn nhớ có lần cha tôi không tìm ra loại thuốc suyễn dùng để xông cho hạ cơn nên khi về thiếu món này thì bà tôi giận bắt cha tôi nằm xuống đánh mấy roi. Ôi! Giáo dục gia đình thật nghiêm khắc. Bà tôi là người sâu sắc, ban ngày ban mặt mẹ tôi có làm gì lầm lỗi, không vừa ý bà thì bà chẳng bao giờ rầy la ngay, chờ lúc đêm khuya thiên hạ hàng xóm đều an giấc, kẻ ăn người ở trong nhà đều ngủ yên,lúc ấy mới kêu mẹ tôi dậy, bảo cha tôi cũng đứng một bên mẹ tôi để nghe bà tôi dạy bảo bổn phận làm dâu, làm vợ.

Bà tôi có tánh sạch sẽ đến ai cũng phải nể. Nền nhà bằng đất, đâu phải nền gạch hay nền xi măng, mà mỗi khi đặt chân xuống nghe có cát đất là bà tôi bắt chú Đài của tôi phải quét lại nhà. Bà tuy rất thương tôi nhưng không hề bồng ẵm, chỉ vuốt tóc hay hôn nhẹ lên má tôi. Trên bờ ao ngoài vườn là một bụi tre lớn rậm rạp để che mắt cho người nhà khi ra lấy nước tưới cây hay rửa ráy đồ đạc, vậy mà mỗi ngày chú Đài hai ba lần phải vớt lá khô để nước ao được sạch sẽ, khỏi ủng hôi vì lá úa.

Sau này mẹ tôi cũng học được tánh sạch sẽ, ngăn nắp của bà tôi, và chị em chúng tôi cả thảy bảy người con gái cũng sạch sẽ, ngăn nắp, như manh trong người dòng máu di truyền của bà.

Cha tôi và tôi mỗi tuần, dầu mưa hay nắng, ấm áp hay giá lạnh đều làm một cuộc hành trình trên chuyến đò tre như thế, cho đến khi tôi lên năm tuổi. Có lẽ vì tình hình chánh trị lúc ấy trở lại lộn xộn nên bà tôi mới để cha tôi thay đổi chỗ làm. Nhân có một người bạn làm ở Sở Thương chánh Tam Quan (một huyện nhỏ ở

Bình Định) muốn về Đà Nẵng, cha tôi đã bằng lòng xin hoán đổi. Đi xa như vậy theo tôi biết cũng là một sự bất đắc dĩ, vì cha tôi là con trai duy nhất, bà tôi lại đau ốm, từ Tam Quan ra Đà Nẵng xa lắm, đâu có thể mỗi tuần về viếng an bà tôi.

Thế là cha mẹ tôi đưa tôi và em gái tôi vào Tam Quan, và cuộc đời thơ ấu của tôi bước vào giai đoạn khác. Những chuyện tôi viết trên đây về những lần đi thả diều ở bãi biển là ở thời điểm này. Thời kì sống ở Tam Quan là thời kì êm đẹp nhất của tuổi thơ tôi. Ở đây tôi bắt đầu học đọc học viết, giúp cha trồng hồng và săn sóc đủ loại hồng mà cha tôi đã kiếm giống về.

Tôi đã nói nhiều về cuộc sống ở Tam Quan, nhưng viết mấy tôi cũng cảm thấy chưa đã chút nào. Vì chính nơi này, những năm tháng sống ở nơi này, tôi thấy tôi ở gần với thiên nhiên và cảm nhận một cách tự nhiên cái đẹp của sông núi của cát đất, của cây cỏ, của tìngh người mộc mạc, của những kẻ suốt đời chỉ biết làm việc và làm việc… Là tất cả những gỉ tôi cảm nhận lúc ấy. Tôi cũng chưa hiểu rõ tình yêu quê hương. Sau này lớn lên tôi mới biết quê hương của mình thật đáng yêu và không đâu đẹp bằng quê hương của chúng ta cả.

Từ thuở nhỏ, tôi đã sống với sách báo, thơ văn, vì cha tôi lúc ấy một công chức Sở Thương chánh bất đắc dĩ, nên ngoài những giờ làm việc ở sở ra, cha tôi đọc báo, đọc sách, và viết những bài báo gởi ra Bắc cho báo Nam Phong của Phạm Quỳnh hay Hữu Thanh của Tản Đà. Cha tôi mua thật nhiều sách báo lúc bấy giờ, để đầy các tủ, và mẹ tôi lãnh phần chăm sóc đống sách báo ấy không cho mối mọt gặm nhấm. Cứ mỗi tháng một lần, mẹ tôi chọn ngày nắng ráo đem ra phơi, và cái phần trông chừng sách, lại là phần chủ tôi. Với những ngày phơi sách, tôi cứ cắm đầu đọc các tờ báo, các quyển sách, và có khi say mê đến nỗi ngồi ngoài năng mà không hay biết.

Cha tôi rất nghiêm như không nóng nảy. Mẹ tôi rất nóng tánh, khi giận lên là gặp roi quất roi, gặp cán quạt là khẻ, nhưng tôi không hề một lần nào bị đánh hay bị khẻ. Có lần tôi ra sân mải mê cất những ngôi nhà bằng cát, quen cả giờ đi tắm, bị mẹ tôi đập mới cái là cha tôi không bằng lòng, bảo “Đừng đánh nó !”. Từ ấy tôi không bao giờ bị đánh.

Một dịp phơi sách là một dịp đọc say mê, đọc mà đôi khi chưa biết những trang sách quá khó đối với cái tuổi quá nhỏ của tôi, nhưng tôi vẫn đọc. Vì vậy tôi rất thích văn chương. Chiều chiều sau giờ ở sở về, cha tôi dắt tôi cùng người cậu em của mẹ tôi, lớn hơn tôi vài tuổi, đi dạo trước hàng dừa, vừa đi cha tôi vừa kể cho tôi và cậu tôi nghe những bài ngụ ngôn của Fontaine, những bài trong tập Nhị thập tứ hiếu, hay đọc những lời giáo huấn của Nguyễn Trãi…

Tuổi thơ bình thản, ngày tháng trôi qua êm đềm như vậy, đã gây trong đầu óc tôi nhiều cảm nghĩ về thơ văn, về sách vở. Thấy mỗi tối cha tôi viết bên ngọn đènmanchon, tôi rất muốn viết như cha tôi lúc bấy giờ, và có lẽ mầm văn chương đã nảy nở trong đầu óc tôi lúc ấy.

Sáu, bảy tuổi, tôi đã quen với những bộ tiểu thuyết Tàu, mà mỗi lần mẹ tôi bận may, bảo tôi đọc mẹ nghe những trang Mạnh Lệ Quan. Thế là ông nội tôi đề nghị phải dạy tôi học chữ nho, không cho tôi được tự do ngao du sơn thuỷ theo kiểu của tôi , đi bắt bướm, gài bẫy những con ong mun, hay chạy đua với lũ trẻ trên con đường trước nhà, rợp mát bởi những hàng dừa xanh tươi. Con gái gì mà đi chơi ngoài nắng suốt ngày, đen như chà và. Tôi bắt đầu học Tam Tự Kinh từ đó. Tập viết chữ vói cây bút lông. Nét nào phải viết trước, nét nào phải viết sau tôi không cần để tâm, tôi viết như vẽ, muồn vẽ sao cho có chữ thì thôi, thì bị ông tôi rầy la, ghép vào khuôn khổ. Tôi chỉ học được vài năm, ngày dăm ba chữ. Trong khi đó tôi còn phải chỉ cho ông tôi đã gần 80 tuổi học chữ Việt. Và chiều nào cũng vậy, ông tôi dẫn tôi và chú Huấn,cậu Sắc tôi ra bãi biển. Trong khi chú và cậu tôi tắm biển, đá banh, thì tôi lại đọc Mạnh Lệ Quân (Tái Sinh Duyên) hay chuyện Chiêu Quân Cống Hồ cho ông nôi tôi nghe. Ông tôi già nhưng đầu óc rất trẻ trung, thích sống hợp trào lưu, và ông tôi vốn là người ở Nghệ An vào Quảng buôn bán, gặp bà nội tôi rồi lập nghiệp luôn ở đấy. Tôi thấy ông tôi ngồi tập viết chữ quốc ngữ mà không khỏi khâm phục.

Hai năm sau tôi phải ra Đà Nẵng học và không còn học chữ nho với ông tôi nữa.

Tôi sở dĩ nói dông dài như thế để các bạn thấy tôi đã nuôi mộng viết văn từ khi còn quá nhỏ, chưa có một khái niệm gì về tình ình đất nước cũng không hiểu tại sao cha tôi, một người Việt Nam lại phải làm việt dưới quyền một người Pháp. Và trên đất nước mình lại có những người Pháp ăn trên ngồi trước, coi dân Việt Nam như cỏ rác.

Khi còn nhỏ, tôi thường được bà con và những người quen nhận xét là tôi rất lì, không hề sợ những lời nhát ma hay đe doạ. Đêm tối ở thôn quê, cha mẹ sai đem quà cho một nhà xa ở trong xóm, tôi vẫn đi. Tôi còn nhớ có lần lúc ấy tôi mới lên sáu, bảy tuổi gì đó, cha mẹ tôi bưng một thố chè qua nhà chú Phán làm cùng sở với cha tôi (ở Tam Quan), hai bên đường là những hành dừa cao vút và phía trước là dòng sông chảy lững lờ. Tôi vừa ra khỏi cổng, cách nhà độ 15 thước, bỗng một bóng người to lớn từ đâu chạy xô đến cười

hăng hắc và ồ ề nói: “Con nhỏ kia, đi đâu đó, bưng cái gì ngon vậy, đưa cho tao ăn mau !. Tự nhiên một laính tính báo cho tôi biết người này không phải là ma, cũng chẳng phải kẻ gian, kẻ cướp, mà là một người hàng xóm có tánh hay đùa giỡn, phá phách ồi tiếng ở đây, tên là Thiện. Tôi đứng ngay lại và nói: “Chú thiện đừng hòng doạ nạt tôi. Chú mà ù tôi, tôi liệng thố chè này vào người chú liền bây giờ!”. Chú Thiện nghe vậy cười lớn: “Con nhỏ này gan thật, tao chịu thua đó”. Khi đi về, tôi liền kể cho cha mẹ tôi nghe. Cha tôi nói “Giỏi đó!”, rồi kêu chú Huấn tôi lên và nói: “Em thấy đó, con Vân có sợ ma như em đâu”.

Trước đó, hễ trời tối là chú Huấn tôi, lớn hơn tôi độ năm tuổi, không bao giờ dám ra ngõ hay đi quanh nhà. Chú sợ ma ghê lắm. Có lần cha tôi sai chú ra ngoài cổng coi ai gọi ngoài đó, chú không dám đi, phải nhờ tôi. Buổi tối chú thường rút dưới nhà bếp với vú Lạc, không dám ngồi ở cái chòi phía nhà sau mà học, vì cái vòi này xây mặt ra biển, mà trên bãi biển có bãi tha ma. Để trị tật sợ ma của chú, cha tôi hay trói chú ngoài cổng, chú khóc lóc van xin mấy cha tôi cũng không tha. Nhưng rồi cái tánh sợ mà của chú vẫn không chừa được. Tôi thì lại thích những đêm trăng ra ngoài đường ngồi dưới gốc cây dừa nhìn trăng và nhìn ra sông xem các con thuyền đi đánh cá…

Ôi! Viết sao hết những kỷ niệm của những năm tháng ở Tham Quan, ở làng Thiện Xuân, một vùng đất dưới sông, có biển, cồn cát, hàng dừa. Tam Quan là xứ dừa mà. Công đâu công uổng công thừa, công đâu gánh nước tưới dừa Tham Quan. Mà thời kỳ này tôi đã bắt đầu học, đọc sách và cái tính ham thích văn chương cũng khởi động trong tôi lúc ấy. Cha tôi là một người ham học, mê đọc sách nên không có sách nào vừa xuất bản mà cha tôi không mua. Cha tôi mua cả các loại ngoài Bắc, trong Nam, báo Nam Phong của Phạm Quỳnh, báo Hữu Thanh của Tản Đà, các báo hằng ngày nhưTrung Bắc Tân Văn, Lục Tỉnh Tân Văn… Cha tôi cắt những bộ tiểu thuyết đăng mỗi ngày (feuilleton) trên các báo, đóng thành sách như các bộ Tài Sanh Duyên tức Mạnh Lệ Quân và Phi Giao Hoàng Hậu, Chiêu Quân Cống Hồ, Bình Sơn Lãnh Yến do Đỗ Mục dịch từ các tiểu thuyết Tàu. Những chuyện này đã in sâu vào đầu óc trẻ thơ của tôi, đề cao vai trò của người phụ nữ ở xã hội, lòng trung hiếu của người dân trong một nước và nhất là chuyện Bình Sơn Lãnh Yến với các nâhn vật Bình Như Hành, Sơn Đại, Lãnh Giáng Tuyết và Yến Bạch Hạm với tài nhả ngọc phun châu khiến tôi thấy cái thú làm thơ viết văn là con đường chắc sau này tôi phải chọn. Bao nhiêu hoài bão để trở thành nhà văn đã nảy sanh ra từ lúc đó. Lại thêm những ngày thơ ấu sống với thiên nhiên, đã có tôi một tâm hồn thật bình thản, thật tự tin và cũng thật muốn phục vụ, phụng sự cho một cái gì đó cao đẹp mà tuổi còn nhỏ cũng chưa hiểu rõ lắm đó là cái gì, từ trong bụng mẹ đã mang giòng máu yêu nước của cha, sự đấu tranh để khỏi làm người dân nô lệ, ra đời trong tình yêu thương cha mẹ, ông bà, được dạy dỗ đầy đủ và ngay từ lúc tập tành đi hay bập bẹ nói đã học được những kiến thức mà một đứa bé khác dù sống trong giàu sang phú quí ở thành thị cũng không bao giờ có được. Khi ngồi trên chiếc ghe đi trên sông để về thăm ông bà nội, cha con cùng ngắm trời sao, sông nước. Cha tôi chỉ có tôi sao Bắc Đẩu, sao Nam Tào, rồi sao Thần Nông, sao Hôm, sao Mai, giải Ngân Hà, và kể nào chuyện Chức Nữ Ngưu Lang, kẻ đầu sông Thương người cuối sông. Gặp những đêm sáng trăng thì kể chuyện chú Cuội ngồi gốc cây đa, chị Hằng trên Nguyệt Điện.

Chính những chuyến đi này và nhiều chuyến đi khác mà tôi đâm ra thích đi du lịch.

Ngày nào cha tôi cũng dạy tôi học, biết đọc, biết viết, biết cả bốn phép toán nhưng mới năm tuổi thì làm sao vô lớp năm (tức lớp 1) bây giờ. Hồi đó chưa có những lớp mẫu giáo, học sinh ở phần đông tuổi nhỏ học chữ Hán, không học ở các trường tiểu học nên vô học chữ quốc ngữ rất trễ. Mãi đến năm tôi lên sáu mới vào trường tiểu học, mà là học chung với bọn con trai. Thấy tôi nhỏ, học giỏi lại được thầy cưng, các học trò trai thường tìm cách ăn hiếp, khi thì ăn cắp bình mực khi giấu quyển tập, khi ra về thì bắt nạt đủ điều. Lúc đầu tôi còn nhịn vì giáo dục gia đình không cho phép tôi hung dữ, cãi cọ, gây gỗ với bạn bè, nhưng lần lần không chịu được sự ăn hiếp, tôi phản đối kịch liệt, không sợ ai, hễ gặp cái gì tôi liệng cái ấy, có lần tôi liệng cả bình mực vào đầu một nam học sinh có tiếng là rắn mắt, khiến cả bọ thấy làm ngạc nhiên. Nhưng tôi vừa liệng bình mực vừa hô hoán để thầy nghe vào can thiệp vì là giờ ra chơi. Những đứa học trò ngày thường ăn hiếp tôi, tưởng tôi hiền, nay thấy tôi chống cự lại thì không khỏi nể nang, sửng sốt. Chúng còn nể nang vì học thua tôi. Những bài toán chúng làm không ra phải cầu cứu đến tôi, những bài luận văn cũng nhờ tôi viết.

Từ khi biết chạy cho đến lớn rồi ra đời, tôi chưa hề bị một lần cha mẹ đánh đập, cha tôi rất yêu thương tôi, đến nỗi mẹ tôi cũng phải nể tôi mà không nỡ đánh.

- Nó là con cưng của cha mày.

Mẹ tôi thường nói với em tôi nhưng thế. Và các em tôi, tám đứa đều sợ tôi và răm ráp nghe theo lời tôi.

Cho đến những người giúp việc khi học lầm lỗi gì, đều cầu cứu đến tôi để khỏi bị quở phạt.

Cha tôi thích ăn cơm nhão, mẹ tôi lại thích cơm khô. Nấu cơm để vừa ý cả nhà tôi, chị bếp phải có một nghê thuật riêng trong khi cơm vừa cạn. Nhưng rủi lần nào cơm bị khô, cha tôi tỏ vẻ không bằng lòng là tôi nói liền: “Thưa cha, tại con coi chừng nồi cơm cho chị bếp, vì con nhờ chị đi mua cho một trái dừa”

Chị bếp đã năn nỉ tôi phải nói như thế và cha tôi không còn bực mình nữa.

Chuyện cơm khô, cơm nhão là chuyện nhỏ, còn chuyện quan trọng hơn tôi cũng đứng ra gánh để những người giúp việc trong nhà khỏi bị rầy.

Có lần cha tôi lên phố mua cây đèn manchon, lúc ấy nhà ai có cây đèn manchon kể như là sang lắm. Cha tôi rất tự hào khi mỗi đêm thắp cây đèn sáng toả khắp cả phòng. Rồi cha tôi đọc sách đọc báo, mẹ tôi vái may bênh cạnh, tôi làm bài nơi bàn, các em tôi chơi bên thềm nhà, gia đình êm ấm, vui vẻ.

Có đêm mẹ tôi ngủ sớm với các em tôi, cha tôi đem đèn ra sân để dưới giàn thiên lý rồi ngồi gảy đàn. Cha tôi có cây đàn nguyệt, đàn những bài Hành vân, Tứ đại cảnh, còn tôi thì ngồi làm bài gần đó.

Tiếng sóng xa xa vang lại phía sau nhà, tiếng nước sông vỗ vào bờ phía trước hoà cùng tiếng đàn khoan nhặt của cha tôi giữa đem khuya, thật dễ xoa diệu những tâm hồn mệt mỏi.

Cha tôi quý cây đèn lắm. Khi vô dầu cũng như khi lên đèn, cha tôi đều tự làm không sai ai, dù trong nhà lúc đó cũng có hai người chú họ của tôi được cha tôi đưa từ Quảng Nam vào để học. Một trong hai chú tôi hôm quét bù hóng gián nhện ở trần nhà vô ý thế nào mà làm bể cái chụp đèn. Chú tôi hốt hoảng khóc lóc với mẹ tôi. Mẹ tôi cũng không biết làm sao. Từ nhà tôi lên phố phải qua một con đò ngang rồi còn đi đến năm cây số nữa mới tới, làm sao mua kịp mà chú tôi cũng không quen chuyện này. Tôi vừa đi chơi ngoài bãi biển về với mấy đứa bạn hàng xóm thì chú tôi chạy ra kể lể và năn nỉ:

- Cháu nhận giúm chú là cháu làm bể.

Cha tôi rất ghét ai nói láo, nên tôi hơi do dự.

Nhưng mẹ tôi nói:

- Nói láo để giúp một người khỏi bị rầy la quở trách thì không có tội đâu con.

Thế là tôi ra đường đón cha tôi. Thấy cha tôi từ xa đi về, tay cầm mấy tờ báo là tôi phóng lên phía trước, đón cha. Cha tôi vui vẻ đứng lại chờ tôi rồi câm tay tôi dắt về nhà.

- Lại chuyện gì thế?- Cha tôi hỏi khi thấy tôi có vẻ lo sợ.

Tôi ngập ngừng:

- Cha đừng rầy con thì con mới dám nói.

- Thì chuyện gì thế? Nói thật cha không rầy đâu.

Tôi nói một mạch:

- Chú Hộ quét bù hóng gián nhện, con giành cây chổi quét và vô ý làm bể bóng đèn manchon rồi!

Cha tôi khựng lại nhìn tôi rồi nói:

- Con còn nhỏ như vậy tại sao chú Hộ để con làm?

- Tại con mà !

Cha tôi thở dài:

- Tối nay không có đèn sáng rồi ! Ngày mai mới lên phố mua được.

Nói xong cha tôi lại nắm tay tôi hối hả về nhà vừa đi vừa nói:

-Một đêm với cây đèn dầu hoả tù mù cũng chẳng sao. Mình quen ăn cơm từ khi trời chưa tối, cũng không cần đàn.

Tình thương của cha tôi như vậy đó, làm sao mỗi khi nhắc đến cha, tôi không cảm thấy một cái gì xao xuyến trong tim, mặc dù hôm nay tôi đã ngoài 80 tuổi.

CHƯƠNG 2. NHỮNG NGÀY TƯƠI ĐẸP

1. CHÍN TUỔI ĐÃ XA NHÀ ĐI HỌC

Những năm đẹp nhất của tôi ở Tam Quan rồi cũng trôi qua. Tôi học đến lớp ba, lúc bấy giờ Bộ Giáo dục bày ra chuyện thi bằng sơ học yếu lược, không những học sinh có một bằng cấp để có thể tìm việc làm (vì thời ấy, học đến đó cũng đủ để xin một chân tổng thư văn ở các sở vì đã có chút ít vốn liếng tiếng Pháp để nghe và hiểu người chủ sai bảo cái gì) mà còn để giúp những người lớn tuổi đang làm ở các làng xã, thi có bằng cấp mới có thể tiếp tục lo việc hành chánh.

Năm ấy tôi cũng đi thi, từ Tam Quan phải lên phủ Bồng sơn để dự thi. Cha tôi phải xin nghỉ việc để đưa tôi đi thi, đường xa mấy chuc cây số dốc đèo hiểm trở phải đi xe kéo. Lúc ấy tôi mới lên chín tuổi, vào thi thấy toàn mấy ông già lý trưởng, hương cả, thôn trưởng, thư kí ở các nha, và những người ở cỡ tuổi ba mươi, bốn mươi cũng mang giấy tờ, bút mực đi thi, tôi không khỏi lo ngại. Tôi cứ theo hỏi cha tôi, người ta lớn như vậy mà đi thi thì làm sao con đậu được. Cha tôi giải thích, người ta thi để bổ túc giấy tờ đi làm việc, còn con thi là để ghi một giai đoạn đã học qua và là nấc thang đầu tiên để con bước lên các cấp khác trên đường học vấn.

Khi ngồi trên xe, cha tôi đã dạy kĩ tên làng xã, phủ huyện, quê quán, ngày tháng, năm sinh cùng tên cha, tên mẹ. Vậy mà khi ngồi trước mặt tờ giấy mà một giám khảo phát cho để điền và làm bài, tôi quên bẵng không còn nhớ gì cả. Nhưng từ nhỏ tôi đã chẳng biết sợ ai, rất dạn dĩ. Tôi ngó qua lớp thi thấy lố nhố toàn các ông bịt khăn đóng, bên cạnh để cây dù, mà là thí sinh đồng khóa với tôi, tôi không khỏi buồn cười và cảm thấy mình nhỏ quá. Tôi liền đứng dậy lên xin phép ông giám khảo cho tôi ra ngoài gặp cha tôi để hỏi lại quêï quán của tôi, vì chỗ tôi ở hiện nay không phải chánh quán. Người ta chưa phát đề bài nên không ai làm khó dễ tôi về việc này. Tôi còn nhớ kĩ, cái đề luận hôm ấy là "Lợi ích của cây dừa". Vì Bình Định là xứ dừa mà hằng ngày tôi được mắt thấy tai nghe về những gì mà người ta thâu được lợi với cây dừa, lá để lợp nhà, trái làm dầu, nấu ăn, vỏ để chụm, hay đập ra đánh thành cây dừa, yếm dừa, thân dừa, gốc dừa … đều có việc dùng, không bỏ một thứ gì. Nước dừa còn để uống bồi bổ con người khi mệt nhọc. Ôi thôi, tôi viết tràng giang đại hải và mấy ông bà già thấy vậy kêu nhau nói:

- Con nhỏ này, con nhà ai mà học giỏi quá vậy?

Cha tôi đứng ngoài nhìn vào thấy tôi viết không ngừng cũng yên lòng và tôi đã góp bài luận trước ai hết, được phép ra ngoài để còn thi tiếp môn toán.

Lẽ dĩ nhiên năm ấy tôi thi đậu và cũng vì có cái bằng sơ học yếu lược này mà cuộc đời thơ ấu của tôi lại đi vào một khúc quanh khác. Vì ở Tam Quan không có trường dạy cấp hai, cũng không có trường riêng cho nữ, trong khi cha tôi rất quan tâm đến chuyện đi học của tôi. Ông nội tôi cứ nói rằng tôi là con gái mà ngang bướng quá, lại thêm được cha tôi quá nuông chiều, còn mẹ tôi thì nói ở nhà không ai dám rầy la tôi, mẹ tôi còn không hề đánh tôi một cái tát nhẹ. Phải tìm cho tôi một trường nữ. Mà trường nữ phải về Đà Nẵng hay là ra Huế học trường Đồng Khánh ở luôn trong ký túc xá.

Nghe thế tôi không hề ngán chút nào, đi thì đi, miễn là được tiếp tục học, đừng bắt ở nhà vá may, thêu thùa, công dung ngôn hạnh và làm việc nhà như bao đứa con gái khác ở thời buổi của tôi.

Cha mẹ tôi đang trù tính thì bỗng xảy ra một chuyện thu xếp ở gia đình. Số là bà ngoại tôi có một cậu con trai duy nhất. Cậu của tôi vì quá được nuông chiều nên không chịu đi học, trong nhà không sợ ai, muốn làm gì thì làm, đi học muốn bỏ là bỏ; còn nhỏ, lớn hơn tôi vài tuổi, mà muốn đá banh là nhập bọn đi đá suốt ngày. Vậy mà cậu tôi chỉ sợ có cha tôi. Lúc cha tôi ở Đà Nẵng, mỗi lần cậu tôi làm điều gì sai trái, bà tôi chỉ cần nói "để tao sai đi mời anh Tường mầy về đây trị mầy mới được" là cậu tôi sợ ngay. Trong một lần mẹ tôi về thăm bà tôi và cũng thử chở cây dừa về Đà Nẵng bán giúp thêm tiền cho gia đình, bà tôi ngỏ ý muốn gởi cậu tôi vô Tam Quan ở với cha mẹ tôi. Nhưng bà tôi lại nói thêm: "Nó đi rồi chắc tao cũng buồn nhưng làm sao bây giờ, muốn nó nên người thì đành vậy thôi".

Mẹ tôi liền đề nghị: "Hay con gởi con Vân về đây ở với má, vì trong ấy không có trường nữ mà nó thì rất muốn đi học. Đi xa nó không sợ".

Thế là thực hiện ngay một sự trao đổi. Năm học ấy (1924), tôi ra Đà Nẵng, còn cậu Sắc của tôi thì vào Tam Quan. Tôi được vào học trường Tiểu học Nữ Đà Nẵng.
Đà Nẵng là một thành phố thuộc địa của Pháp, nên từ bậc tiểu học, học sinh đã học theo chương trình Pháp, rất có nhiều giờ tiếng Pháp. Ở đây nữ sinh lớp ba đã biết thêu may, học tiếng Pháp rất giỏi và nhiều môn khác mà khi tôi học ở Tam Quan không có, vì thế tôi không được vào lớp nhì mà ở lại lớp ba, ngoài này chả ai cần cái bằng Sơ học yếu lược cũng chẳng ai lấy nó làm nấc thang đi lên lớp nhì cả. Thế là tôi lại mất thêm một năm học lớp ba. Ở đời trong cái rủi thường có cái may. Nhờ học đi học lại cái mình đã biết từ năm nảo năm nào, thành ra mình càng đi sâu vào sự hiểu biết, cũng như sau này khi tôi đã có một vốn học Pháp ngữ, mỗi lần đọc một kiệt tác của nhà văn Pháp như Les Misérables của Victor Hugo, hay quyển

Sans Famille của Hector Malot, quyển Le Petit Chose của Alphonse Daudet cũng như các tác phẩm khác, là một lần tôi cảm nhận cái hay một cách khác. Lần đọc đầu khi còn đi học, thường là để biết những câu chuyện mà tác giả kể một cách hấp dẫn. Đến khi đã lập gia đình, thường xuyên tiếp xúc với đời, tôi mới thấy tác giả viết rất thâm thúy và tôi thường rút tỉa ra bao cái hay, cái đẹp, cũng như cái xấu xa mà hoàn cảnh đã tạo ra cho con người. Rồi sau này khi tôi ngoài sáu mươi tuổi, rảnh rang không còn bận rộn với công việc, có dịp đọc lại tôi thấy quả thật Victor Hugo là một đại văn hào, Alphonse Daudet có lối viết về những năm trai trẻ thật trung thực, và Litenberger viết cho tuổi thơ vô cùng lý thú. Cứ học đi học lai một bài văn hay một bài toán, tôi lại có dịp nghiền ngẫm, mình cũng có thể tả được như họ, hay tìm ra một cách giải bài toán khác với cách thầy giáo đang giải trên bảng đen.

Nói về chuyện học ở Đà Nẵng thật là cả một khoảng đời đầy kỷ niệm thật vui và thật đáng nhớ.

Mới chín tuổi mà phải xa nhà, nhất là khi ở nhà lại là một đứa con được nuông chiều và thương yêu nhất, vậy mà khi nghe đi Đà Nẵng học, tôi rất vui mừng, bằng lòng đi ngay không một chút bịn rịn. Từ nhỏ tôi đã phải chứng kiến những cảnh ly biệt, chia tay, nên sau này ra đời, gặp phải cảnh xa người thân yêu, xa chồng, xa con cái, tôi vẫn có đủ can đảm chấp nhận, không hề than thở buồn rầu.

Lần đầu về lại Đà Nẵng để đi học, tôi được mẹ đưa đi, lo việc đơn từ và chỗ ăn chỗ ở cho tôi tại nhà bà ngoại. Bà ngoại tôi có một tiệm buôn lớn gần nhà ga nhỏ Đà Nẵng mà người ta gọi là nhà ga chợ (vì gần chợ Đà Nẵng), trên con đường ngó ra sông Hàn và đây cũng là trung tâm của thành phố Đà Nẵng lúc bấy giờ. Bà ngoại tôi là một người đàn bà giàu lòng bác ái, nhưng lại rất nóng tánh, đa nghi và không hề biết sợ ai. Bà tôi lấy chồng Tàu, ông ngoại tôi đã mất khi tôi ra ở đây. Mẹ tôi, dì và cậu Năm tôi đều là con nuôi của bà ngoại tôi. Bà tôi có chồng cả chục năm mà không có con, vì vậy bà tôi nuôi mẹ tôi từ tấm bé do một người đàn bà mang đến cho. Rồi năm lụt sau đó ở Quảng Nam, nhà cửa mất, ruộng vườn ngập, người ta nghèo đói không thể nuôi con, nên có người đem con cái ra Đà Nẵng bán. Bà tôi liền mua cả hai chị em con của một nông dân nghèo về nuôi. Thế là bà tôi có mẹ tôi rồi dì tôi cùng một tuổi với nhau, và cậu Năm, tất cả ba đứa con mà bà tôi đều nuôi dạy tử tế và xem như con ruột. Cả chục năm sau bà tôi mới sanh được một người con trai, đó mới là máu mủ của bà.

Mẹ tôi không đẹp, nhưng rất giỏi dang, giúp bà tôi rất nhiều trong việc nhà và việc buôn bán. Còn dì tôi rất đẹp lại còn thích ăn chơi, chưng diện. Sau mẹ tôi gặp cha tôi, còn dì tôi thì kết hôn với một người Tàu giàu có. Bà tôi thật là người hiếm có trên đời. Bà thương đám con nuôi và thương cả lũ cháu như ruột thịt. Và khi ở với bà tôi, tôi được thương yêu rất nhiều. Nhờ vậy mà tôi không nhớ nhà, sống bên bà như sống với cha mẹ. Bà thích ăn ngon và ăn toàn các thứ bổ – quen theo ông chồng Tàu của bà – nên tôi cũng được ăn uống theo bà, toàn là những thứ mua ở các tiệm Tàu: gà hầm thuốc bắc, mì thánh, cơm Dương Châu, vịt hầm măng, yến chưng đường phèn, heo sữa quay …, thôi thì đủ thứ mà từ nhỏ tôi chưa hề được ăn vì Tam Quan là một vùng ven biển toàn cá và cá.

Bà tôi rất giàu lòng nhân ái, thương người nghèo khó, nhưng rất ghét bọn cậy quyền ỷ thế. Tánh bà lại nóng nảy không chịu thua ai và rất chống đối những ai ăn hiếp bà. Vào những năm sống dưới quyền cai trị của người Pháp, ai cũng sợ bọn phu-lít (police – cảnh sát), bọn Hải quan đi khám xét các cửa hàng để đánh thuế. Vậy mà những người này phải tránh đụng chạm đến bà tôi, vì bà tôi dám chửi phu-lít trước mặt mọi người mà chẳng chút kiêng nể, khi họ kiếm cách phạt bà tôi. Riết rồi họ không dám đụng chạm đến bà tôi, và họ nói với nhau: " Đừng có đụng đến bà Hòa Tai" (tên chồng bà tôi). Họ không bao giờ bắt nạt và ăn được của bà tôi một đồng xu nào. Nhưng bà có một lối xã giai khác, thỉnh thoảng những lúc bà vui, bà cũng mời họ vài ly rượu, hay biếu họ một món quà nếu hay tin vợ sanh con trai hay họ lên lon. Nghĩa là đừng bao giờ bắt nạt bà trái phép hay hăm dọa bà.

Tôi học ở trường Đà Nẵng, cứ Tết hay nghỉ hè là về Tam Quan sống với cha mẹ và các em. Nhưng các bạn có biết mỗi lần đi về như vậy, tôi đi với ai và về với ai không? Tôi chỉ mới chín, mười tuổi thôi mà! Tôi đi một mình! Khoảng đường từ Đà Nẵng vào Tam Quan phải đi qua Hội An, Tam Kỳ (Quảng Nam) rồi Bình Sơn, Tư Nghĩa, Mộ Đức, Đức Phổ (Quãng Ngãi), rồi mới đến Tam Quan (Bình Định). Đi xe thơ (xe lớn chở thơ đi các tỉnh và lấy khách luôn), phải mất từ sáng đến tối mới đến. Nghĩa là phải ngồi suốt trên xe cả ngày. Xe chỉ ngừng ở các tỉnh lị để đưa thơ, và hành khách chỉ được xuống xe ở thị xã Quảng Ngãi, ngay tại nhà bưu điện, để ăn trưa và nghỉ đó hơn một giờ rồi đi tiếp.

Mỗi lần tôi phải ra Đà Nẵng thì cha tôi thường đưa tôi từ cửa Thiện Xuân ra nhà bưu điện Tam Quan, mua vé xe rồi gửi tôi cho bác tài xế, chọn cho tôi một chỗ ngồi ở chiếc ghế sau lưng bác, như gửi một món hàng. Tôi bình thản ngồi vào ghế, giao cái vali cho bác tài, còn mình thì giữ lại cái giỏ xách có đựng một bịch cơm và một gói thịt nướng để ăn trưa, một chai nước trà nóng cùng mấy trái chuối, cam, hay một gói bánh ngọt. Cái khăn lau mặt, vài quyển sách giáo khoa để học. Khi xe chạy, cha tôi mới về. Ai lúc ấy cũng bảo tôi quá gan lì, dạn dĩ. Khi xe đến Đà Nẵng thì bà tôi đã sai người ra đón và đưa tôi về nhà. Lúc ấy tôi chả thấy có gì phải lo sợ. Tôi rất thích ngồi gần cửa để nhìn phong cảnh bên đường. Những hàng dừa bạt ngàn của Tam Quan, những bãi cát trắng xóa của Bình Sơn, những dãy núi trùng trùng điệp điệp hùng vĩ bao la thay đổi màu sắc tùy theo giờ giấc của ngày, của thời tiết. Và tôi quên tất cả những nỗi buồn xa nhà, xa cha mẹ, các em.

Khi tôi từ Tam Quan ra Đà Nẵng học thì cậu Sắc của tôi, người con duy nhất của bà tôi đẻ ra, lại được gửi vào Tam Quan để cha tôi dạy. Vốn là con cưng, cậu hư hỏng đâm ra lười biếng không chịu học. Vì cậu lúc nhỏ chỉ sợ có ba tôi, ông anh rể lớn trong nhà. Vì vậy mỗi lần tôi đi ra là cậu Sắc đi vô, mà tôi trở về Tam Quan thì cậu trở về Đà Nẵng. Xe thơ gặp nhau tại Quảng Ngãi và cậu thường ném qua xe tôi một gói bánh mì lạp xưởng hay chả lụa cùng những thứ trái cây nhập từ Trung Quốc: cam Tiều, quýt Tàu, hồng khô … Gói quà này do bà ngoại dặn cậu đưa cho tôi tại bưu điện Quảng Ngãi khi xe ra vô gặp nhau.

Ở với bà tôi, ngoài những buổi đi học, tôi thường giúp bà buôn bán. Bà tôi thường bị người dâu vợ cậu Năm lấy cắp nhiều thứ mỗi khi về thăm bà, và các chị giúp việc cũng không thành thật, họ thường lợi dụng lúc bà tôi đi mua hàng , đi chùa, … là lấy tiền, bán hàng không đưa tiền cho bà tôi. Giờ có tôi, biết tôi rất thật thà và không bao giờ xin xỏ gì cả, bà giao hàng cho tôi, hoặc các buổi trưa bà ngủ, tôi thức coi hàng và hễ bán được bao nhiêu, tôi ghi rõ và đưa hết cho bà. Vào ngày nghỉ, bà thường cho tôi đi chơi khắp Đà Nẵng với bạn bè hay với các cô giáo, vì vậy hang cùng ngõ hẻm nào ở Đà Nẵng tôi cũng biết. Tôi theo bạn bè về các vườn ăn ổi, ăn mận, hái quýt hái cam. Những năm sống ở Đà Nẵng đã mở cho tôi một chân trời mới.

Năm tôi lên lớp nhì (1ère Année) thì tôi không còn học với bà Phạm Đoàn Điểm, một giáo viên người Huế, vợ một dược sĩ có một tiệm thuốc lớn trên đường bờ sông. Bà Điểm hiền lành, dễ thương và là cô giáo đầu tiên của tôi khi bắt đầu đi học. Tôi rất thương cô giáo và những ngày chủ nhật rỗi rảnh tôi thường đến thăm cô, chơi với các con cô nhỏ tuổi hơn tôi. Giai đoạn ở niên học này không có gì là xuất sắc và những ngày êm đềm đã trôi qua thật nhanh để tôi bước vào năm học mới với thật nhiều kỷ niệm nhất của đời học sinh ở Đà Nẵng của tôi.

Cô giáo mới dạy tôi ở lớp nhì là cô Trần Phạm Thị Loan, người Nghệ An, đã trên ba mươi tuổi nhưng còn độc thân. Cô xuất thân từ trường Đồng Khánh (Huế), có tiếng là một học sinh xuất sắc, khi ra dạy là một giáo viên có tài và rất thích hoạt động, tham gia các đoàn thể thống Pháp. Vì cô tham gia vào những phong trào đấu tranh chống sưu cao thuế nặng, quyên góp tiền cho các nhà chí sĩ đi du học ở Nhật, ở Tàu, nên cô bị đổi từ Nghệ An vào Đà Nẵng và còn bị chánh phù Pháp cho người theo dõi. Cô dạy giỏi, tánh tình hoạt bát, có phần bồng bột, nóng nảy và không chịu nể ai, chống đối với cả bà hiệu trưởng Casanova người Pháp, dạy lớp nhất.

Tụi mật thám Pháp thường theo dõi cô, nhưng cô cứ tỉnh bơ muốn đi đâu thì đi, thăm ai thì thăm, các nhà chí sĩ bấy giờ là cụ Huỳnh Thúc Kháng, cụ Phan Sào Nam và cả các nhân sĩ trong phong trài Duy Tân. Cô thường dẫn theo vài nữ sinh mà cô thương và tin cậy nhất. Khi biết cha tôi cũng đã từng ở trong tổ chức phong trào Duy Tân thì cô rất thích tôi, lại thấy tôi học giỏi cả hai môn Pháp và Việt văn nên cô thường bảo tôi hãy đến chơi với cô vào những ngày chủ nhật hay chiều thứ năm. Còn những hôm dạy xong các tiết buổi chiều, cô thường hướng dẫn học sinh trong lớp ra biển chơi, hóng gió biển, lội nước. Hồi đó, các nữ sinh tắm biển không phải mặc đồ tắm hở hang như bây giờ. Chúng tôi chỉ xăn hai ống quần, quấn hai vạt áo dài gọn lại và lội nước, đùa với các đợt sóng. Như vậy cũng là quá nhiều và nếu không có cô Loan hướng dẫn thì chúng tôi không dám ra bãi biển lúc bấy giờ. Vì trường nữ của chúng tôi ở trên một gò cát gần đất thành Tây và phía sau lưng là biển. Gần trường là đồn lính Tây. Chúng tôi ít khi dám đi ngang qua đồn lính, nếu đi một mình là phải đi vòng phía đất thánh Tây để khỏi bị lũ lính Tây kêu réo chọc ghẹo. Cô Loan chẳng hề sợ bọn lính này. Hễ bị bọn nó ghẹo là cô đứng lại mắng nhiếc tụi nó là vô lễ và đòi vô mét với những sĩ quan cấp chỉ huy của tụi nó. Cô nói tiếng Pháp rất cừ nên tụi nó sợ.

Tôi còn nhớ có lần sau buổi học chiều, cô dẫn số nữ sinh ra bãi biển chơi. Thầy trò thường ngồi dưới rặng phi lao và nhìn ra biển, chờ nắng dịu bớt mới ra đùa với sóng. Khi thầy trò đang vui đùa với những con sóng đua nhau chạy vào bờ thì từ đằng xa có một bọn lính Tây, cỡi xe đạp, cũng đang đùa với sóng biển. Tụi nó thấy thầy trò tôi thì a thần phù đạp đến cố làm cho nước tung toé ướt cả áo quần chúng tôi và còn đưa tay ra vỗ vào đầu vào lưng chúng tôi ra vẻ thích thú. Có đứa còn lấy cả nón lá của chúng tôi rồi cười ngặt nghẽo. Cô Loan tức lắm, mấy lần la to mắng tụi nó vô lễ. Nhưng tụi nó chỉ nghe răng cười, tứa thì đứa nào đi ngang là cô xô chúng nó làm nhào cả xe lẫn người trên sóng. Có thằng sừng sộ đến gây với cô, nhưng cô vẫn không hề sợ, cãi tay đôi với bọn nó rồi còn lôi kéo tụi nó bảo đi theo cô về đồn để kiện cô, cô cũng không sợ. Thấ là cả bọn rủ nhau chuồn mất và cô đứng nhìn theo cười ồ lên, bọn chúng tôi cũng cười ầm ĩ. Từ hôm đó khi thấy chúng tôi ngoài biển thì bọn lính Tây kéo đi thật xa, không dám lại gần. Những cử chỉ này của cô khiến tụi tôi hết sức khâm phục. Khi bà hiệu trưởng người Pháp hay được chuyện này thì bà mời cô vào phòng hiệu trưởng, khuyên cô nên tránh đụng chạm với bọn lính Tây. Bà nói một là chúng nó ít học, thô lỗ, ỷ quyền ỷ thế. Mình chống lại với nó không ích gì. Nay mai nếu chúng nó gặp nữ sinh, chọc ghẹo trả thù mà không có cô ở đó thì chỉ phiền phức cho các nữ sinh thơ ngây yếu đuối mà thôi. Nghe bà hiệu trưởng nói vậy, cô không bằng lòng nhưng cũng hứa với bà từ rày không dẫn học sinh ra biển chơi nữa. Bà hiệu trưởng nói với cô là bà sẽ viết một văn thư cho cấp chỉ huy của đồn lính Tây yêu cầu họ phải răn dạy bọn lính thiếu lịch sự này. Lúc ấy cô Loan mới không tức giận cho rằng tụi Pháp binh nhau.

Đến năm tôi học xong lớp nhì thì lại xảy ra một chuyện thay đổi ởbộ giáo dục. Người ta bày ra hai lớp nhì, Moyen 1ère Année và Moyen 2è Année. Thế là thay vì chỉ cần học một năm lên lớp nhất, tôi phải học hai năm lớp nhì theo chương trình giáo dục lúc bấy giờ nhằm đào tạo học sinh giỏi Pháp văn để khi lên lớp nhất học toàn các môn bằng tiếng Pháp. Tôi lại phải mất thêm một năm học, nhưng nhờ vậy mà tôi rất giỏi

môn Pháp văn, luôn luôn đứng nhất lớp.

Vì cô Loan dạy giỏi nên bà hiệu trưởng đề nghị cô dạy tiếp lớp nhì 2è Année. Học với cô thêm một năm nữa, tình thầy trò càng thêm khăng khít. Trong năm học này xảy ra một việc rất quan trọng. Cụ Phan Châu Trinh, một nhà chí sĩ từng đấu tranh cho nền độc lập của Việt Nam thời bấy giờ, bị bệnh nặng qua đời. Ở các tỉnh khắp nước, nơi nào cũng làm lễ truy điệu cụ, mà lễ truy điệu lớn nhất là làm tại Đà Nẵng, quê hương của cụ. Cô Loan đã tham gia lễ truy điệu này. Cô huy động các giáo viên và học sinh cùng cô cầm cờ đi dự lễ. Cô rất tích cực, đọc điếu văn kể cuộc đời đấu tranh vì độc lập nước nhà của cụ, cô quyên góp tiền, cô túc trực bên đám tang … Cô sốt sắng đến nỗi bà hiệu trưởng phải cảnh cáo cô, không cho cô huy động học sinh, khuyên các cô giáo khác không nên tham gia vì chánh quyền đã có văn thư ngăn cấm. Cô cứ mặc, cô vẫn tham gia, vì vậy cô bị Sở mật thám mời đến cảnh cáo mấy lần và hăm dọa sẽ bắt cô nếu cô không thay đổi thái độ và không bỏ ý định lôi kéo cả trường tjheo cô làm chính trị.

Bà hiệu trưởng đòi đổi cô đi, nhưng không có trường nào ở tỉnh chịu nhận cô về. Cô bất mãn và những hôm chủ nhật chúng tôi đến thăm cô, cô thường khuyên chúng tôi đừng đến nữa, sợ liên lụy cho gia đình chuýng tôi. Mùa hè năm ấy, thay vì về Nghệ An thăm gia đình thì cô lại nhận lời một bạn đồng nghiệp đang dạy ban tiểu học ở trường Đồng Khánh, ra Huế chơi và luôn cơ hội này thăm cụ Phan Sào Nam đang bị giam lỏng ở Bến Ngự. Khi cô đi thì chúng tôi đã học hết lớp nhì 2è Année và sau khi nghỉ hè sẽ lên lớp nhất học với bà hiệu trưởng người Pháp. Cô có vẻ rất bịn rịn lớp học cũ vì chúng tôi đã học vơi cô suốt hai năm trời. Riêng với tôi, cô rất thương.

Nhưng sau ba tháng nghỉ hè, cô lại trở về trường Nữ học Đà Nẵng và tiếp tục dạy lớp nhì 2è Année, khiến chúng tôi rất vui mừng khi gặp lại cô. Cô cho chúng tôi biết cô chỉ còn dạy ở đây một thời gian thôi, không biết có dạy hết năm không, vì cô dự định xin đổi về Nha Trang. Khi cô nói chuyện này với tôi, tôi thấy cô có vẻ hớn hở vui tươi như một thiếu nữ. Chúng tôi không khỏi lấy làm lạ và cứ hỏi nhau cô mình có chuyện gì vui vậy kìa? Hay cô sắp đi ra nước ngoài? Thực hiện được giấc mộng làm chánh trị?

Sau đó, bọn học trò cũ chúng tôi chỉ còn lại sáu đứa còn theo học lớp nhất với bà Cassnove, một số khác đã đổi ra học nghề, một số khác đã tìm việc làm để giúp đỡ cha mẹ. (Thời tôi đi học, cha mẹ ít cho con gái học nhiều. Vừa học xong bậc tiểu học đã kiếm việc làm hay lập gia đình). Bà Cassnova là một hiệu trưởng nghiêm khắc nhưng khi dạy lại rất dễ thương. Bà dạy rất nghiêm túc, khi rảnh còn dạy thêm giờ cho chúng tôi và bà tuyên bố năm học ấy trong mấy đứa chúng tôi phải có một đứa thi tiểu học đậu thủ khoa để lấy tiếng cho trường Nữ. Bên trường Nam, lớp nhất có ba bốn chục học trò, Pháo văn thì học ông hiệu trưởng Rivìere, một dân Pháp gốc Algérie hay Martinique, còn các giờ khác thì học với thầy Thái Viên, một giáo viên có tiếng dạy giỏi nhất về môn Toán. Năm học với bà Cassanova, tôi luôn đứng nhất, về nhà còn được cha tôi dạy thêm Pháp văn và Việt văn. Bà Cassanova thương tôi lắm, bà thiên vị thấy rõ, cái gì của tôi làm, viết, vẽ, bà đều cho là giỏi nhất. Năm học này, với các môn khác như khoa học, toán, sử, địa tôi chỉ cần xem qua vài lần rồi với vốn tiếng Pháp của mình, tôi đứng lên trình bày chớ không cần phải học thuộc lòng. Đó là một lợi thế để tôi có thì giờ đọc sách Pháp, tha hồ mà đọc vì cha tôi có cả một tủ sách Pháp thích hợp cho tuổi thanh niên, sách lành mạnh, cổ điển và có thể thâu lượng làm tài liệu viết văn sau này. Tôi ham mê đọc sách vào lúc ấy, có khi đọc quên cả học.

Trong thời gian này, tôi không còn gần gũi cô Loan nhiều, nhưng thỉnh thoảng vào ngày nghỉ tôi vẫn cùng vài người bạn đến thăm cô. Tôi nhận xét một điều là cô rất ít nói đến chính trị như lúc trước. Cô vui vẻ , hăng hái với công việc hàng ngày hơn, thậm chí không tỏ thái độ ghét Tây, chửi bọn quan lại như trước nữa. Tôi hơi lấy làm lạ và tự nhiên trong thâm tâm, tôi cảm thấy như bị ai đó xúc phạm, khiến không còn thích đến thăm cô thường nữa.

Trong giờ ra chơi, các cô giáo tụ họp dưới sân, người đan , người thêu, vừa làm vừa nói chuyện , cười vui không khác gì học trò. Những hôm ấy tôi để ý thấy cô Loan thường bị các cô giáo khác chọc ghẹo và cô cũng vui vẻ tham gia trò đùa của các bạn chứ không ngồi lì trong lớp như những năm trước. Có lần cô Thục, một giáo viên độc thân, giựt lấy đồ len mà cô Loan đang đan, la lớn:

- Đan cho ai mà đan hoài vậy chị Loan, áo đàn ông à? Ghê thật! Sao bí mật thế, có ông nào rồi phải không?

Rồi cô Thục giựt cho được tấm đan trên tay cô Loan. Cô loan vừa chạy vừa cười thích thú:

- Ta đã nói là đan áo cho ông anh mà!

Cô Điềm vốn rất hiền lành và nghiêm nghị, cũng xen vào nói:

- Sao hai năm nay không đan áo cho anh? Anh nào thế? Hay là tình nhân?

Cô Loan vẫn cười và nói:

- Là tình nhân thì đã sao? Ở tuổi ngoài ba mươi rồi. Các cụ cứ ép phải lo bề gia thất, không thì cấm cửa không cho về nhà nữa.

Một lần khác, các cô đuổi nhau lấy cho được bức thư của người tình cô Loan ở Nha Trang gửi vào. Thấy mấy cô vui như trẻ con, học trò cũng vui theo, nhưng không dám lại gần. Cô Loan từ dạo ấy mặt mày tươi hẳn ra, lúc nào cũng vui cười, ngọt ngào với mọi người. Chẳng lẽ tình yêu tay đổi con người đến thế sao?

Lúc ấy, bọn học trò cũng muốn biết cô Loan sẽ kết hôn với ai, người được cô yêu là ngươi như thế nào, và người ấy ở đâu, làm gì. Ở Phan Thiết, họ gặp nhau vào lúc nào? Những chuyện này biết hỏi ai đây? Cô Điềm không bao giờ chịu nói chuyện người khác. Cô Triệu thì lớn tuổi rồi, dạy lớp năm và tôi không học với cô, chỉ còn có cô Thục, không trẻ lắm, cũng đã hai bảy,hai tám tuổi rồi. Ở cái tuổi ấy, xã hội ngày xưa đã lên án là ế, là hâm đi hâm lại rồi. Thấy cô Loan đã trên ba mươi mà còn lấy chồng nên cô Thục có vẻ không vui, cảm thấy thân phận hẩm hiu của mình. Sen, một bạn thân của tôi, đề nghị:

- Mình đến thăm cô Thục để dò hỏi, Vân chịu không?

- Vân không có học với cô Thục.

- Thì Sen học. Không học cũng là học trò của trường, có sao đâu.

- Vậy thì đi.

Nhưng mới đi được nửa đường, hai chúng tôi bỗng gặp Dõng, một học sinh kém nhất lớp. Dõng bàn là cô Thục không chịu nói đâu, mình cứ đến thăm cô Điềm là biết rõ, vì cô Điềm là người Huế, cô có bà con nhiều ở Huế.

Thế là cả ba cùng đến nhà cô Điềm. Cô từ trong nhà bước ra, thấy chúng tôi thì vui mừng tiếp đón, đưa ba đứa tôi lên lầu, ngồi ngoài bao lơn ăn bánh ngọt và hỏi:

- Sao có ba em? Còn Lợi và Mỹ đâu?

Sen trả lời:

- Thưa cô, chị mỹ phải phụ mẹ bán hàng Tết. Còn chị Lợi thì sắp nghỉ học học rồi cô ạ. Chị sắp lầy chồng, một chủ ghe xuôi ngược đường Đà Nẵng, Hội An, Tam Quan buôn thực phẩm.

Cô Điềm chép miệng:

- Sao Lợi không đợi đến cuối năm hãy nghỉ, như vậy may ra có bằng tiểu học, sau này muốn xin đi dạy cũng dễ.

Rồi không nghe bọn này trả lời, cô nói:

- Ừ, mà chuyện đời làm sao biết trước được.

Sen bấm tôi, vì thấy câu chuyện đang đi vào lợi thế. Tôi liền nói:

- Thưa cô, còn chị Dõng này, coi vậy mà đã đính hôn rồi đó. Chồng là ông lớn đó cô.

Dõng véo tôi một cái nhảy nhổm. Cô Điềm vui vẻ:

- Vậy cô mừng cho em Dõng. Nhưng chờ thi xong bằng tiểu học đã nhé, chỉ còn mấy tháng nữa thôi. Mà ông lớn nào vậy em?

Sen vội vã:

- Thưa cô, ông Phán Mai làm ở Sở mật thám đó.

Cô Điềm liếc mắt nhìn Dõng, rồi cúi đầu làm thinh. Ông Phán Mai làm Sở mật thám thì ai mà không biết. Ông ta có tật nơi chân, tuổi đã gần tứ tuần, có tiếng là dữ và độc ác, dựa hơi bọn Pháp hăm dọa kẻ này kẻ khác để ăn tiền.

Một lát sau cô Điềm nhìn Dõng và hỏi:

- Thế em có bằng lòng không hả Dõng?

Dõng ấp úng:

- Em năn nỉ, khóc lóc với cha mẹ để em học đến bậc trung học, ra làm cô giáo rồi hãy lấy làm chồng, nhưng

cha mẹ em nói, con gái càng học nhiều càng ế chồng và đàn ông, con trai ít ai muốn có vợ đi làm, có nghề nghiệp ngoài xã hội. Ba mẹ em còn nói: Phần đông các cô mụ, các cô giáo đều ế chồng.

Dõng rất đẹp, ông Phán Mai thường đi theo Dõng những lúc Dõng ở trường về nhà. Ông chọc ghẹo Dõng không được, mua quà tặng Dõng cũng không lấy, bèn lập kế bắt anh của Dõng và vu cáo là chống đối chánh phủ Pháp, rải truyền đơn ở các làng gần đó. Thế là cha mẹ Dõng phải tìm đến ông Phán mai nhờ ông cứu đứa con vô tội. Sau đó ông Phán Mai lui tới nhà cha mẹ Dõng rất thường và ngỏ ý muốn cưới Dõng, chỉ chờ Dõng thi đậu tiểu học là làm đám cưới. Ở thời 1925, con gái đâu dám cãi lời cha mẹ. Huống chi cha mẹ Dõng lại nghèo, gả con cho một ông Phán làm Sở mật thám là một chuyện ngoài sức tưởng tượng. Đây lại là chuyện đền ơn đáp nghĩa. Câu chuyện của Dõng khiến cô Điềm rất thương cảm, nên hôm ấy cô đã thổ lộ về chuyện cô Loan mà không cần bọn tôi gạn hỏi, Mặc dù tánh cô rất ít nói, không chịu nói những chuyện riêng tư của người khác.

Cô Điềm suy nghĩ một lát rồi thở dài:

- Bây giờ có một số chị em được đi học, có nghề nghiệp ngoài xã hội, nhưng cái xã hội còn phong kiến này chưa ai thay đổi được đâu. Tam tùng tứ đức, trọng nam khinh nữ, công dung ngôn hạnh, hôn nhân cưỡng bức … Những chuyện ấy chưa có ai đứng ra bênh vực cho phụ nữ. Cả nửa thế kỷ nữa chưa chắc đã có bình quyền bình đẳng giữa nam nữ ở nước ta. Cô hy vọng ở thế hệ các em đó. Vậy mà bây giờ Dõng còn là vật hy sinh cho cái xã hội phong kiến, hôn nhân cưỡng bức, thì thật đau lòng. Không biết cô Loan khi nghe câu chuyện này sẽ nghĩ thế nào? Cô thường chống đối những chuyện như thế này lắm.

Tôi đưa mắt nhìn Sen, Sen liền lên tiếng:

- Thưa cô, cô Loan cũng sắp lập gia đình rồi phải không cô?

Cô Điềm hỏi:

- Cô Loan nói với các em à?

Sen nói:

- Thưa cô, năm nay tụi em học với bà Cassanova, nhiều bài vở lắm nên tụi em không có thì giờ đến thăm cô Loan. Nhưng mỗi lần gặp cô Loan, tụi em thấy cô vui lắm, chắc là có chuyện mừng.

Cô Điềm liền nói:

- Cô Loan sắp lấy chồng. Tết này là đám cưới, và đến cuối niên khóa thì cô sẽ đổi về Phan Thiết, vì chồng cô là một tri huyện hay tri phủ gì đó.

Rồi cô Điềm thở dài:

- Thì cũng là một chuyện cưỡng bức hôn nhân, có gì khác đâu! Thật ra cô Loan đâu có muốn lập gia đình, cô chỉ muốn làm đại sự, muốn thay đổi thế cờ, muốn giải phóng phụ nữ, muốn thật nhiều chuyện, mà rốt cuộc cũng chỉ việc có chồng, có con, làm vừa lòng cha mẹ già. Người phụ nữ Việt Nam đến bao giờ mới tiến bộ, các em nhỉ?

Khi nghe cô Điềm nói, tự nhiên tôi thấy buồn buồn làm sao ấy.

Cô Điềm nhìn tôi và hỏi:

- Vân nghĩ gì thế? Em không muốn cô Loan lấy chồng sao? Người phụ nữ chỉ có một trách nhiệm thiêng liêng và cao cả là làm vợ và làm mẹ. Dù có tạo được cho mình một sự nghiệp gì chăng nữa thì thiên chức của người phụ nữ vẫn làm làm vợ, làm mẹ. Cô Loan tâm huyết, có tấm lòng yêu nước thương nòi, sinh ra khi nước đã mất, cô cũng muốn thấy nước mình độc lập, nhưng cô là một phụ nữ, dù cô làm hết mình thì một con én cũng không làm nổi mùa xuân. Cô bị áp lực bên ngoài, mà còn bị áp lực bên trong nữa. Cô còn cha già, mẹ yếu. Cha mẹ cô nghĩ bấy lâu nay cô đã phung phí cuộc đời cô nhiều rồi. Cả trên mười năm nay, cô đã làm những việc mà xã hội lên án, gia đình phiền trách. Bây giờ, nếu cô không ngừng lại để lo lập gia đình thì sẽ rước họa vào thân. Cha mẹ đã già rồi còn bị khổ lây là khác. Cô bị gọi về Nghệ An nhiều lần, mẹ cô đã trên bảy mươi tuổi đang đau nặng và chính quyền địa phương thì cứ hăm dọa bà phải dạy dỗ con gái, nếu không sẽ bị tán gia bại sản. Trước những áp lực như vậy, cô đành ngừng hoạt động chính trị, để hết tâm trí vào việc dạy dỗ học trò. Nhưng còn lập gia đình thì ngoài ba mươi rồi, muốn kiếm một ông chồng đâu phải là chuyện dễ. Các ông giáo ở tuổi cô đều đã có gia đình. Người cô yêu ngày xưa cùng một hoài bão, một ý chí thì nay đang bị giam cầm ngoài Côn Đảo. Cô có ý chờ đợi, nhưng tình thế này làm sao mà đợi? Không thể trái lời cha mẹ bây giờ. Anh em họ hàng ai cũng khuyên lơn dỗ dành. Gia đình cô vốn là một gia đình khoa bảng, mấy đời đỗ đạt, có người ra làm quan nhà Nguyễn, có người theo cách mạng bị tù đày. Muốn lập gia đình, cô phải kiếm một người xứng đáng, có chức phận, đủ sức để che chở cô, bảo đảm

an ninh cho gia đình cô. Thế rồi một người chú của cô liền làm mai cho cô một ông tri phủ, con nhà quan thế phiệt, lại xuất thân từ trường Tây. Ông này đã ngoài năm mươi tuổi, trải qua một đời vợ và có con riêng đã lớn, sống với ông bà nội và có người em đang du học ở Pháp. Với một người có đầu óc cách mạng, nuôi bao nhiêu hoài bão như cô mà nay phải về làm vợ ông chồng như vậy, chắc cô phải chua xót cho thân phận lắm. Không nói đến chuyện ông chồng đã trên năm mươi, chỉ nghĩ gia đình ông ta là tôi trung của nhà Nguyễn phục tùng bọn Tây mà cô đã bỏ suốt mười năm chống đối, cũng biết cô đau lòng đến đâu. Vậy mà vào giờ ra chơi, tôi vẫn thấy cô cười đùa một cách vô tư với bạn đồng nghiệp. Nhưng có điều này tôi không khỏi lấy làm lạ là cô không hề may sắm áo cưới, không hề nói đến ngay cưới. Bạn bè hỏi, cô thường nói: "Cũng gần rồi".

Chiếc áo cô đan mà các cô giáo ghẹo là đan áo cho ông chồng sắp cưới, chỉ là chiếc áo đan cho cụ thân sinh. Cô nói với tôi trong một lần tôi đến thăm cô mà nét mặt không vui. Cô sợ sau này khi đã có chồng sẽ không còn dịp đan áo ấm cho hai cụ. Bọn tôi đến thăm không hề giờ dám hỏi bao giờ có đám cưới và đám cưới xong cô có còn dạy ở trường này nữa không.

Cô Điểm hôm ấy cũng chỉ kể sơ tôi nghe, tôi biết cô cũng ngậm ngùi về chuyện hôn nhân của cô Loan, nhưng cô vốn xuất thân từ một nhà quan, không có tư tưởng chống đối, quan niệm sống của cô khác hẳn với quan niệm sống của cô Loan, nên cô cho rằng cô Loan lập gia đình là phải, và lập gia đình với một tri phủ là may mắn lắm rồi. Cô Điểm là vợ một dược sĩ nổi tiếng thời bấy giờ, có cửa hàng thuốc Tây, có chồng giàu, có con đi du học, cô sống trưởng giả và cô cho thế là mãn nguyện. Đối với cô, người đàn bàhoàn thành được sứ mạng làm vợ làm mẹ thì không còn gì hạnh phúc bằng. Huống gì cô, cô còn có chức nghiệp nhà giáo, một nghề cao quý!

Hôm ấy ở nhà cô Điểm ra, tôi cứ đăm đăm nghĩ ngợi. Tôi muốn tự tai nghe cô Loan kể chuyện của cô, nhưng làm sao hỏi cô được? Trước kia khi hoạt động chánh trị thì cô rất cởi mở với lũ học trò cô thương, còn từ ngày cô có vị hôn phu thì dường như cô muốn tránh xa bọn tôi.

2. THỦ KHOA KỲ THI TIỂU HỌC PHÁP Ở ĐÀ NẴNG (1930)

Tết năm ấy, trường tôi có hai cái tin không vui. Bà Casanova đang dạy chúng tôi và tôi rất yêu thương bà vì bà là một nhà giáo rất có lòng tâm và trách nhiệm. Bà lại rất yêu thương tôi. Một hôm bà vào lớp và báo cho chúng tôi biết bà không thể dạy hết niên khóa vì chồng bà đang làm tại Tòa Sứ có lệnh dời qua Algérie và lẽ dĩ nhiên bà phải đi theo.

Tụi tôi ngồi sững hồi lâu không nói lên lời. Bà liền nói tiếp:

- Các con đừng lo, tôi đã đề nghị Ty giáo dục để cô Loan dạy các con vì cô Loan dạy rất giỏi và cô cũng là một cô giáo rất có lương tâm.

Sen liền hỏi:

- Sau này bà có trở lại Việt Nam không?

Bà cười:

- Tôi rất yêu Việt Nam, nhất là học trò Việt Nam, nhưng nếu tôi có trở lại thì các con đã ra trường rồi, có lẽ có con đã làm cô giáo là khác.

Rồi bà hỏi tôi:

- Vân, sau này con làm nghề gì?

Tôi nói, giọng thật buồn:

- Con không nghĩ chuyện ấy, mà điều con nghĩ là bà đừng đổi thì con vui mừng nhất.

Bà Cassanova tỏ vẻ cảm động. Rồi ba hôm sau, đi dự họp ở Ty giáo dục Đà Nẵng về, bà không được vui lắm. Bà nói với tụi tôi:

- Rủi quá, bà tưởng cô Loan có thể thay bà lãnh dạy lớp nhất và quyền hiệu trưởng trong thời gian chưa ai thay thế bà. Ai ngờ Ty giáo dục không đồng ý cho cô Loan thay thế. Vả lại, Tết này cô Loan về Huế lấy chồng và đến cuối niên học thì cô đổi vô Phan Thiết vì chồng cô làm tri phủ ở đó.

Sen vội hỏi:

- Rồi làm sao bây giờ?

Bà Cassanova nói:

- Lớp chỉ có năm nữ sinh, nên Ty có ý định đưa các con qua học chung với lớp nhất trường Nam, do thầy Thái Viên, một giáo viên đã có thành tích dạy giỏi, số học trò đậu cao nhất ở tỉnh này.

Chị Lợi, một nữ sinh lớn tuổi nhất lớp, lại là người học dở nhất, trong khi gia đình thì nghèo, ở trên một chiếc ghe đậu ở bến chợ Hàn, liền nói:

- Tôi có ý định nghỉ học cả tháng nay nhưng thương bà Cassanova nên chưa nghỉ, nay tình thế như vầy chắc tôi nghỉ quá.

Bà Cassnova không hiểu tiếng Việt nên hỏi Lợi nói gì vậy. Lợi nói lại bằng tiếng Pháp rồi ứa nước mắt khóc, khiến bà Cassnova cũng cảm động. Bà phân trần:

- Ta có muốn như vậy đâu.

Cái tin cô Loan sẽ về Huế làm lễ cưới và cuối niên khóa sẽ đổi vô Phan Thiết, khiến cả trường không khỏi bàn tán. Trước Tết Tây, bà Cassanova về nước, năm nữ sinh lớp nhất giờ đây còn bốn chuyển qua trường Nam và bắt đầu đi học. Chúng tôi ngồi chung một bàn đầu gần bàn của thầy Thái Viên. Những giờ Pháp văn, như giảng văn, luận văn, văn phạm, chúng tôi học với ông hiệu trưởng Rivière. Chúng tôi được phép đi cửa trước, cửa dành cho các thầy cô giáo và nhân viên văn phòng của trường, được vô lớp khi chưa có trống hiệu báo giờ học. Đó là ưu tiên cho các nữ sinh, để tránh chung đụng với đám nam sinh.

Từ đó, chúng tôi ít có cơ hội gặp gỡ cô Loan. Chủ nhật chúng tôi phải tụ nhau khi ở nhà tôi, khi ở nhà Sen để ôn bài, làm bài chung, để khỏi thua bọn con trai. Trong bốn chị em, chỉ có tôi là dạn dĩ nhất, tôi ỷ thầy Thái Viên là bạn thân của cha tôi, nên hễ có một nam sinh nào trêu ghẹo bọn tôi là tôi lên méc với thầy ngay.

Được cái là tôi rất giỏi Pháp văn, đọc tiếng Pháp như đầm và rất tự nhiên, không coi bọn nam sinh ra gì. Đến môn toán là môn tôi không giỏi lắm, vậy mà hễ thầy Thái Viên ra một đề toán và hỏi ai lên bảng giải, tôi đưa tay xin lên làm ngay. Lần nào cũng được thầy Thái Viên khen giỏi, còn viết văn thì khỏi nói. Bài luận văn nào tôi cũng đứng đầu, điểm cao, được khen. Mấy tuần đầu tụi con trai chưa biết tôi học Pháp văn ra sao, nên mỗi lần ông Rivière vô lớp, tụi nó ngồi sau lưng tôi và nói xầm xì: “Gọi Vân đi! Xem thử có giỏi không nào? Thầy Thái Viên nể nó, chứ nó đâu có giỏi:. Tình cờ một hôm ông Rivière kêu tôi đọc bài lecture tiếng Pháp, cả lớp đều im phăng phắc chờ tôi đọc. Khi tôi đọc thì cả bọn sửng sốt vì tôi đọc như đầmthật, sau đó ông Rivière gọi lên bảng viết, tôi viết rất rành mạch tiểu sử của nhà văn bằng nét phấn trên bảng đen thật đẹp đến nỗi ông Rivière phải khen và nói:

- Madame Cassanova sera très fière d’avoir une élève comme vous. (Bà Cassanova sẽ rất hãnh diện khi có một người học trò như em).

Sau lần đó, lần nào vô lớp ông cũng bắt tôi đọc những bài thơ ngụ ngôn của La Fontaine, hoặc những bài văn của các tác giả Alfonse Daudet hay Anatole France. Nhờ vậy mà bọn học trò con trai không dám chọc ghẹo tôi. Môn gì tôi cũng thuộc, đến bản đồ châu Á tôi còn vẽ được trên bảng đen khiến thầy Thái Viên phải khen là giỏi.

Cuối năm học, tôi được sắp đứng đầu lớp và đi thi tiểu học, bằng Certificat d’études primairés của chương trình Pháp. Lúc bấy giờ giáo sư Nguyễn Khoa Toàn làm giám khảo, từ Huế đổi vào, khi vô vấn đáp, ông hỏi tôi môn Pháp văn và bắt tôi dịch bài: Người ta đi cấy lấy công. Tôi nay đi cấy còn trông nhiều bề. Trông trời, trông đất, trông mây. Trông mưa, trông gió, trông ngày, trông đêm. Trông cho chân cứng đá mềm…

Thầy Ngoạn, một giáo viên dạy lớp nhì trường nam, thấy vậy liền phản đối nói rằng đó là một bài thơ, một bài ca dao, một học sinh lớp nhất làm sao dịch được ra tiếng Pháp. Nhưng tôi cứ dịch tỉnh bơ:

On repique pour gagner quelque chose.
Moi, je repique en espérant beaucoup de chose.
J’espère en le ciel, en la terre, en les nuages.
J’espère en le pluies et les vents…

Tôi mới dịch đến đó thì ông Toàn đưa tay bảo ngừng lại, rồi nói với thầy Ngoạn: “Mais elle peut traduire le texte, voyez-vous?” (Nhưng nó đã dịch được, ông thấy chưa?).

Ông Toàn cho tôi mười điểm và còn đòi mời cha tôi đến để khen về đứa con rất có khiếu về văn, khiến thầy Ngoạn vui mừng khôn xiết, chạy đi báo tin cho cha tôi biết.

Còn nữa, khi vô hỏi vấn đáp về môn địa lý, một giáo viên người Pháp từ Qui Nhơn ra hỏi một nam sinh về

một thành phố lớn và một hải cảng lớn ở Tây Bắc Mỹ, một thành phố lớn và một hải cảng lớn ở Đông Bắc Mỹ … Và vẽ lên bản đồ Bắc Mỹ. Lúc bấy giờ tôi đang đứng gần đó, chờ đến phiên mình vô vấn đáp. Tôi không để ý đến ông giám khảo đang hạch sách nam sinh kia một cách gay gắt, mà theo dõi nam sinh kia vẽ bản đồ nước Mỹ trên bảng. Bỗng nhiên, tôi bật cười vì nghe vị giám khảo chế giễu:

- Anh vẽ bản đồ Bắc Mỹ sao giống một củ khoai lang quá vậy?

Viên giám khảo thấy tôi cười liền xoay lại hỏi:

- Bộ cô vẽ được hay sao mà dám ngạo người ta? Giỏi thì lên vẽ đi? Đưa tấm thẻ đây.

Thế là ông ta cho điểm cậu học trò kia và lấy tấm thẻ đi thi của tôi. Tôi đâu có ngán. Tôi liền đi ngay lại tấm bảng đen, ung dung chùi bản đồ cậu nam sinh đã vẽ và cầm viên phấn vẽ liền bản đồ Bắc Mỹ không cần phải sửa chữa một vệt nào cả. Xong đâu đó tôi xoay lại nói với giám khảo về hai thành phố lớn bên hai bờ Đại Tây Dương và Thái Bình Dương cùng hai cảng lớn. Vừa nói vừa ghi trên bản đồ và xoay lại chờ câu hỏi tiếp. Nhưng ông giám khảo người Pháp liền trả tấm thẻ cho tôi và bảo rằng:

- Đủ rồi, giỏi lắm!

Lần thi đó tôi đậu thủ khoa và ban giám khảo đã mời cha tôi vào để khen và khuyên cha tôi nên cho tôi học tiếp. Lẽ dĩ nhiên là tôi được ghi tên thi vào lớp đệ thất trường Nữ trong học Đồng Khánh (Huế) và tôi cũng đậu luôn năm ấy (niên khóa 1930-1931).

Nhưng rủi ro cho tôi là ra học đệ thất với thành tích tôi đã gặt hái được ở ban tiểu học như vậy, thế mà tôi lại không phải là một học sinh giỏi. Vì tôi gặp một cô giáo người Pháp, cô Hélène Rérat, dân Pháp lai Maroc hay Algérie gì đó, dạy môn Pháp văn và sử địa. Buổi đầu tôi không hiểu tại sao cô lại rất nghiêm khắc với những nữ sinh ở Đà Nẵng ra, trong đó có tôi và chị Mỹ. Chúng tôi học thế nào, cố gắng đến đâu, cũng đều bị cô la rầy cho điểm thật gắt gao. Nhiều khi vô cớ cũng bị phạt, bị chép phạt bài cả mười trang giấy vì một tội không đâu. Chán nản vì sự bất công của cô, tôi không còn thiết học hành gì nữa. Tôi đâm ra bỏ bê bài vở, chỉ học những môn của các giáo viên khác. Lúc rảnh rỗi trên nội trú ngày chủ nhật không ra ngoài được, tôi học đan, học móc Crochet hay học thêu với mấy chị bạn các lớp trên. Vào giờ Etude (tức giờ học bài và làm bài có giám thị coi chừng vào buổi tối), tôi chỉ chép thơ, thơ Pháp, thơ Việt Nam mà các chị ở lớp đệ tam đệ tứ thường chép thành những quyển kiểu sưu tập. Vì vậy mà cuối năm tôi xếp hạng rất thấp lại còn bị thi lại các môn Pháp văn, toán, và lý hóa. Sau này, khi tôi hỏi một chị bạn cùng ở Đà Nẵng đang học lớp đệ ngũ về chuyện tôi bị cô Hélène Rérat đì đến nỗi không cất đầu lên được, thì chị này nói:

- Vân không biết là cô này thù bọn mình lắm sao? Học sinh nào ở Đà Nẵng ra là cô thù không đội trời chung mà.

- Tại sao vậy?

- Lúc tôi mới ra, tôi cũng bị đì cất đầu không nổi. Mình thuộc bài mà cũng bị bắt bẻ rồi bị chất vấn những câu ngoài đề, là bị ăn không điểm hay hai điểm. Lúc ấy tôi tức lắm, đi điều tra cho ra. Tôi được biết là có lần cô ta vô chấm thi Tiểu học ở Đà Nẵng, bị học sinh phản đối vì cô hỏi ngoài chương trình. Học trò làm reo kêu cô ta là con mọi xứ Maroc, không chịu vô thi môn cô. Rốt cuộc ông giám khảo chánh lúc bấy giờ là một giáo sư người Việt phải can thiệp, học trò mới chịu thi và năm đó số học sinh rớt Tiểu học đông lắm. Vì vậy cô thù học trò Đà Nẵng. Tôi cũng bị một năm khổ vì cô, liền đem chuyện này nói với cha tôi. Cha tôi làm thanh tra tòa sứ, tức lắm, đến tìm cô và hỏi tại sao bất công với học trò Đà Nẵng. Cô nói vì lý do riêng, không ai được quyền hạch hỏi cô, có giỏi thì đi kiện đi. Tuy vậy sau đó cô không dám ăn hiếp tôi và cuối năm cô cho tôi lên lớp.

Các cô bạn đồng hương về vai chị của tôi khuyên tôi: “Em đừng thèm cãi lại làm chi, ráng học qua năm học này là xong”. Nhưng cứ bị đè ép kiểu này thì làm sao lên lớp và còn tinh thần nào để học? Mấy môn khác làm sao kéo nổi môn Pháp văn mà cả trường chỉ có một lớp đệ thất. Nữ học sinh ở cái thời của tôi rất ít người đi học bậc trung học. Họ vừa đậu tiểu học là xin thi vào sư phạm để học và để ra dạy, có nghề càng sớm càng tốt.

Cũng may cuối năm học đệ thất ở Đồng Khánh Huế, vì ông nội tôi đã mất năm 84 tuổi, nên cha tôi xin hoán đổi với một người bạn ở Sài Gòn. Thế là tôi đã học tiếp bậc trung học ở trường Nữ Gia Long (nay là trường PTTH Nguyễn Thị Minh Khai) và những năm học sau này tôi vẫn là một nữ sinh xuất sắc về hai môn Pháp và Việt (Việt bị xem là một môn sinh ngữ!) và cả trường Gia Long trong những năm 1931 đến 1934 không ai không biết tên Bạch Vân. Trường Gia Long không phải như trường Đồng Khánh, mỗi một khóa có hai ba lớp đệ thất, đệ lục, đệ ngũ, có lớp riêng cho các nữ sinh theo học sư phạm, vì vậy bài nào hay các giáo sư thường đem đọc cho các lớp khác nghe và người có bài được đọc lẽ dĩ nhiên là được bạn bè biết đến. Thời kỳ tôi học ở Gia Long là thời kỳ vui nhất, nhiều bạn bè thương mến nhất và cũng được các giáo sư dạy văn để ý đặc biệt. Về Việt văn thì có cô Năm Phạm Văn Của, về Pháp văn thì từ đệ lục tôi học với cô Suzanne Thiệp (cô này dạy thế một bà giáo sư về Pháp nghỉ thường niên), cô Devilar, bà Cadillon, bà Ventournouz

và còn một vài bà nữa mà tôi không nhớ hết, các bà này đều là giáo sư thuộc hạng giỏi. Ở giai đoạn còn là một học sinh vậy mà tôi đã nổi tiếng về văn chương, đây cũng là một phần ảnh hưởng cho cuộc đời cầm bút cho tôi sau này. Trong thời kỳ này, trường đã đưa tôi đi dự những chương trình văn chương Pháp như đề tài "Con Tem Bài Lao" cho các trường trung học ở Sài Gòn. Ngay lần đầu thi về "Le timbre antituberculeux", vận động cho phong trào lao, tôi đã chiếm được một phần thưởng đem danh dự về cho trường Gia Long, đây là cuộc thi của cả các trường Pháp lúc bấy giờ là trường Chasseloup Laubat và trường Marie Curie. Học sinh học ở các trường Pháp đều tự phụ là giỏi hơn học sinh các trường Pháp Việt như Gia Long, Pétrus Ký, vậy nên khi tôi được giải thưởng lúc còn học ở lớp đệ ngũ, bà hiệu trưởng và bà giáo sư của tôi rất lấy làm hãnh diện.

Tôi kể những chuyện này để các bạn thấy rằng những ngôi sao văn trong số tử vi của tôi vào các cung có lợi cho sự nghiệp viết văn của tôi sau này. Và khi tôi thi ra trường để lấy cấp bằng Diplôme là cấp bằng dành riêng cho các trường Pháp Việt, chương trình Pháp Việt trung học, tôi còn ghi để thi hai bằng Brevet là Brevet Elémentaire và Brevet d'Enseignement Primaires Supérieur. Bà hiệu trưởng trường Gia Long chỉ ký chứng nhận cho tôi thi bằng Diplôme thôi vì đây là bằng của các học sinh trường Việt. Còn muốn thi các bằng kia, bà hỏi: "Tụi bây muốn tranh giành với tụi chương trình Pháp sao? Muốn thì cứ làm đơn thi tự do". Một trường chỉ có vài ba chị cùng thi như tôi. Năm nào cũng vậy, và năm nào chúng tôi đã thi là chúng tôi đều đậu, không ai rớt, mặc dù thi Brevet có thêm nhiều môn mà ở Gia Long chúng tôi không được học thường xuyên như môn âm nhạc cả lý thuyết lẫn thực hành, môn vẽ và may cắt áo quần trên giấy, cả môn thể thao. Chúng tôi phải đem đơn ra Tòa Đô Chánh xin thị thực, và ngày thi phải tự lo lấy, không ai chỉ dẫn cả. Vậy mà tôi đã đậu cả ba bằng. Đậu với Mention Assez – bien (hạng Bình thứ) mới khoái chớ. Lẽ ra thì tôi phải thi và lấy bằng ở cuối niên học 1933-1934. Nhưng rủi là cuối năm học tôi lại bị bệnh, phải nằm bệnh viện và lần thi 2è section, tôi không đậu được. Năm sau (tháng 6-1935) tôi đậu cả ba cấp bằng, lúc ấy nếu tôi ghi tên học ở trường Pétrus Ký thì chắc có lợi cho công danh sự nghiệp về giáo dục hơn nhiều, nhưng sức khỏe của tôi thời đi học yếu lắm, cứ mỗi lần cuối năm là tôi đau cả tháng. Vì sức khỏe kém lại thêm tôi là chị cả trong gia đình tám con, cha tôi chỉ là một công chức, đồng lương chỉ đủ nuôi các con, và mẹ tôi phải cần kiệm tối đa mới khỏi thâm thụt. Lúc bấy giờ cha tôi cũng rất muốn cho tôi tiếp tục học nữa, nhưng tôi đề nghị để tôi ở nhà học thêm Việt văn, đọc sách, ghi tên học Pháp văn của trường Ecole Universelle bên Pháp qua lối hàm thụ. Tôi đã nghĩ đến các em tôi, nhất là đứa em trai duy nhất đang học ở trường Chasseloup Laubat và ba em gái kế tôi đang theo học ở Gia Long, ban tiểu học…

Tôi sở dĩ kể lể dài dòng như vậy để các bạn hiểu rõ có một thời gian dài tôi không còn gần cô Loan nữa.

Như tôi đã kể, khi bà Cassanova về Pháp thì tôi qua học ở trường Nam. Cô Loan dạy lớp nhì 2è Année nhưng không được làm hiệu trưởng, mà ông Rivìere bên trường Nam kiêm luôn hiệu trưởng trường Nữ.

Tết năm ấy cô Loan về Huế làm đám cưới, và nghỉ phép hai tuần để đi Phan Thiết – Phan Rang – Nha Trang, là nhiệm sở của ông chồng tri phủ. Đến tháng tư, lúc tôi đang bận rộn học bài thi tiểu học thì một hôm có một học sinh của cô tìm đến nhà và cho biết cô Loan muốn gặp tôi.

Tôi đến thăm cô vào một buổi sáng Chủ nhật và thấy cô đang lo xếp vải để cắt những bộ quần áo trẻ nít. Bên cô là một đống chỉ len màu xanh nhạt. Thấy tôi, cô vui mừng lắm và hỏi:

- Còn các em khác đâu chưa tới?

Tôi ngạc nhiên:

- Cô muốn hỏi Dõng, Sen?

- Và cả các em từng học với cô.

- Chi vậy cô?

- Để giúp cô may những chiếc áo này.

Tôi vui vẻ hỏi:

- Cô sắp sanh rồi sao?

Cô nói giọng thật vui.

- Qua nghỉ hè kia! Thế là niên học sau cô không dạy được, phải lo cho đứa con đầu lòng. Cô nghe cô Điểm nói em học thêu, học đan với con ông bà Thị Giảng nên khéo lắm phải không?

Tôi nói:

- Thật ra, em học với mẹ em nhiều hơn. Em có cả thảy sáu đứa em, nên những chuyện may đan áo trẻ em,

em rành lắm.

Thế là tôi bắt tay vào việc thêu những chiếc áo nhỏ, còn cô thì may tã, thêu khăn lông … Cô cứ nói không ngớt là cô muốn có một đứa con trai. Cô tưởng ở tuổi cô, cô không còn có thai được nữa! Cô chỉ muốn có một đứa con trai, thế là mãn nguyện lắm rồi. Chắc cô phải về Huế sanh, vì ngoài ấy cô có mấy bà cô. Cô không thích về bên chồng sanh. Họ đâu có quý con cái của cô vì họ có khối con rồi.

Nói đến đây, cô biết mình bị hớ, nên đính chính: "Gia đình của thầy đông anh em lắm, người nào cũng làm lớn: phủ, huyện, án sát. Ông nào cũng có hai, ba bà nên con cháu đông lắm, chỉ có cô bây giờ mới có thai".

Rồi cô nói như than:

- Người đàn bà không làm được sự nghiệp gì đáng kể như bà Trưng bà Triệu, cô Bắc cô Giang, thì ráng kiếm một đứa con để dồn hết tình thương cho nó, để lấy nó làm lẽ sống cuộc đời của mình chớ biết sao!

Lúc nghe cô nói thế, tôi chỉ hiểu lơ mơ là cô tiếc rẻ cuộc đời làm chánh trị của mình, chớ không hiểu nhiều về nỗi đau khổ riêng tư của một người đàn bà khí khái ngang tàng như cô mà phải khép mình trong hoàn cảnh làm vợ của một người chồng đã lớn tuổi và đã một lần có gia đình, có con với một người đàn bà khác.

Tôi ở cả ngày với cô, cùng Sen và Dõng để thêu những chiếc áo nhỏ xinh xinh bằng vải batit trắng, may những chiếc gối nhỏ, thêu góc các khăn tắm. Còn len thì tôi đem về nhà đan cho cô những chiếc áo, vớ, nón. Chủ nhật sau tôi mang lại cho cô.

Ngày chủ nhật hôm sau ấy là ngày tôi từ biệt cô. Vì tuần sau tôi trở lại thăm cô thì cô bạn làm y tá ở bệnh viện cho tôi hay là ông tri phủ chồng cô bị bệnh, đánh điện gọi cô về gấp và có thể cô sẽ ở luôn Nha Trang cho đến ngày sanh đẻ, không trở lại Đà Nẵng nữa.

Thế là tôi vừa mất bà Cassanova, bây giờ lại mất luôn cô Loan. Và cũng từ ấy tôi không còn gặp cô nữa. Tôi cũng không biết cuộc hôn nhân của cô có đem lại hạnh phúc cho cô không. Rồi tôi theo cha mẹ vào Nam, học tiếp ở trường nữ Gia Long. Rồi lập gia đình, làm báo Tân Thời được một năm, có con phải nghỉ, sau đó lại đi dạy học. Đến năm 1943, chồng tôi đi Huế để gặp ông Trần Trọng Kim và rồi vì bất đồng ý kiến sao đó nên bỏ về Quảng Ngãi. Tụi Pháp theo sát chồng tôi, vì vậy muốn đánh lạc hướng của tụi nó, chồng tôi nhắn về Sài Gòn bảo tôi đưa các cháu về Quảng Ngãi gấp. Lấy cớ là Mỹ đang thả bom ở Sài Gòn, mẹ con tôi phải về lánh nạn ở Quảng Ngãi. Lúc ấy anh chị Bút Trà phản đối việc này, vì anh chị nghĩ rằng mẹ con tôi làm sao sống được ở Quảng Ngãi. Lúc bấy giờ tôi mới có ba đứa con, hai đứa con gái đứa lên sáu, đứa lên bốn, và trai đúng một tuổi. Anh chị tôi định tạm cư về Long An, quê chị tôi, một thời gian, bao giờ thời cuộc lắng dịu thì trở về Sài Gòn làm việc lại. Còn cha tôi được lệnh đổi về Trà Vinh cũng muốn đem tôi và ba cháu theo, nhưng chồng tôi khẩn khoản bảo phải đưa gấp mấy đứa nhỏ về vì có thể chồng tôi sẽ nhận một công việc ở Huế. Lúc bấy giờ, con gái lớn của tôi là Thanh Hương đang được ông bà ngoại thương yêu lắm, một hai đòi giữ con bé ở lại để cho theo học trường Pháp. Nhưng còn bé nhất định đi về Quảng Ngãi với chúng tôi. Vì vậy mà chúng tôi đã ở Quảng Ngãi từ năm 1943 đến năm 1951 và đã nếm mùi gian khổ của cuộc sống thời kháng chiến ở Liên khu 5. Tôi sẽ viết lại giai đoạn này ở một tập khác.

Năm 1946 hay 47 gì đó, khi đang ra phố để hỏi mua vài món hàng, tôi gặp lại Dõng tại một tiệm chụp hình. Như tôi đã kể, Dõng kết hôn với một viên chức mật thám theo lệnh của cha mẹ, sau khi thi đậu tiểu học và theo chồng vô Quảng Ngãi.

Tôi với Dõng thân với bà chủ tiệm hình, nên mỗi khi đi phố thường ghé lại đây uống nước và nói dăm câu rồi chia tay ra về. Dõng ở cùng đường với tôi, nên hai chị em thường đi bộ về nhà. Hôm ấy tôi đang nói chuyện với Dõng và bà chủ tiệm chụp hình, thì từ ngoài cửa một bà khách hàng đến hỏi lấy hình. Bà chủ tiệm chạy ra tiếp khách. Tôi nhìn bà khách thì thấy nét hơi quen, nên đứng lên đi ra đến gần để nhìn bà thật kỹ. Bỗng bà đưa tay lên sửa cặp kiếng, cử chỉ này làm tôi nhớ lại cô Loan, mỗi lần giảng bài cô thường sửa cái kiếng như vậy, nên tôi reo lên: "Cô có phải là cô Loan của tụi em hồi ở Đà Nẵng không?". Cô vừa ngạc nhiên vừa mừng nhìn tôi hỏi lại:

- Vậy em là ai?

Lúc ấy Dõng chạy ra, ôm chầm lấy cô:

- Nó là Vân đó cô, còn em là Dõng đây mà!

Thế là thầy trò ôm nhau cười ra nước mắt. Cô Loan nói:

- Bao nhiêu năm rồi nhỉ… 1930, bây giờ là gần hai mươi năm rồi còn gì? Các em ở Quảng Ngãi sao?

- Còn cô?

- Cô ở Nha Trang.

Tôi lanh trí mời cô về nhà để thầy trò nói chuyện.

Cô rất ít nói về chuyện gia đình của cô, và khi tôi hỏi em nhỏ khi cô mang thai mà tôi đan áo là trai hay gái thì cô liền nói: “Nó là trai”. Rồi cô ngập ngừng không chịu nói thêm. Cô hỏi thăm về gia đình tôi, các con tôi, và vì sao tôi lại về Quảng Ngãi. Tôi cũng chỉ nói sơ cho cô biết. Lần đó là lần tôi gặp cô sau bao nhiêu năm xa cách, nhưng tôi thấy dường như cô không vui và cũng không muốn nói nhiều.

Rồi từ đó cho đến lần cô từ tòa soạn báo Sài Gòn Mới vào nhà tìm tôi về một câu chuyện Gỡ Rối Tơ Lòng. Lúc ấy tôi mới biết qua tâm sự của cô trong thư là đứa con trai duy nhất của cô đã chết. Và cô đã nghe lời tôi, đứng ra gả con dâu cho một người đàn ông khác để khỏi mất mấy đứa cháu nội. (Tôi sẽ kể lại chuyện này với đầy đủ chi tiết hơn, trong một chương sau). Sau này tôi được biết qua một độc giả ở Nha Trang, là cô đã sống tiếp những năm vui vẻ bên các cháu.

Khi tôi viết những trang hồi ký này thì chắc cô Trần Phạm Thị Loan không còn nữa. Trên 20 năm sau ngày 30-4-1975, tôi mất liên lạc với cô. Nhưng tôi luôn nhớ về cô cũng như về tất cả những thầy cô khác, trong suốt những ngày đi học, cũng là những ngày tươi đẹp nhất cuộc đời tôi.

CHƯƠNG 3. ĐẦU TIÊN VÀ CUỐI CÙNG

Trong thời gian đang học bậc trung học đệ nhất cấp (chương trình Pháp) ở trường Gia Long, tôi đã tập viết những bài báo, tùy bút hoặc dịch các bài viết về phụ nữ của các báo Pháp, như LaFemme, Marie Claire, Rester jeune de corps, D'Âme et d'esprit… Tôi gởi bài đến báo Sài Thành (sau đổi tên là Sài Gòn Mới), ba tôi có quen mấy người làm việc ở đây do cùng sinh hoạt trong Hội Trung Việt ái hữu. Lại cũng có khi ở không, tôi tập viết truyện ngắn gởi đăng thử ở các báo và vẫn ký Bạch Vân, không có bút hiệu. Bài tôi gởi báo Sài Thành thường được đăng và sau đó tôi nhận được những lời khuyến khích của tòa soạn mời tôi tiếp tục viết. Nhưng tôi không có thời gian nhiều vì bận học thi.

Thế rồi trên mặt báo Sài Thành bỗng có đăng một mẩu quảng cáo: "Dạy viết văn, làm thơ, dạy cả chữ Hán, theo cách hàm thụ cho những ai yêu thích văn thơ hay thích nghề làm báo, do cô Nhứt Chi Mai (NCM) phụ trách. Bài vở gởi về địa chỉ báo Sài Thành". Vài người bạn của tôi đã gửi thư xin học và rủ tôi cùng tham gia. Tôi đã ghi tên học hàm thụ viết văn ở trường Universelle bên Pháp, thì bây giờ ghi tên học lớp này cũng rất tiện lợi, một cơ hội tốt cho tôi chớ có sao đâu. Hỏi ý kiến cha tôi, cha tôi chỉ nói:

- Con coi có đủ thì giờ học không? Hãy viết thư hỏi thể thức học ra sao và tiền thù lao như thế nào rồi mới ghi tên. Con phải cẩn thận, không biết Nhứt Chi Mai là ai? Một người đàn bà ư? Hiện giờ có bao nhiêu phụ nữ viết báo mà giỏi cả Hán văn, Việt văn và cả Pháp văn? Cộng sự viên của báo Sài Thành thì cha quen nhiều, phần đông là người Trung ở Quảng Nam, Quảng Ngãi, như Thiên Trà, Hoa Đường, còn hai anh em ông chủ nhiệm Bút Trà và ông chủ bút Hồng Tiêu đều là người Quảng Ngãi, cha thường gặp ở những ngày Hội Trung Việt ái hữu nhóm họp.

Cha tôi chỉ nói vậy chớ không cấm nên tôi liền viết thư xin điều lệ và được gởi ngay một bản hướng dẫn cách thức học, gởi bài một tuần một lần và chỉ trả học phí khi nào cô NCM thấy học viên có đủ trình độ theo học. Bản điều lệ được đánh máy và ghi rất rõ.

Tôi xin học viết báo, viết những bài xã luận về phụ nữ, viết truyện ngắn và không học làm thơ. Và tôi gởi ngay một truyện ngắn. Chỉ ba ngày sau tôi nhận được bài đã chấm và phê bình rất kỹ, chứng tỏ cô NCM là người có tài và rất am hiểu văn chương. Cô khen tôi viết khá, chỉ cần học sáu tháng, nhưng nên học làm thơ vì một nhà báo cần phải biết đủ các thể văn, và thơ sẽ làm cho con người có một tâm hồn cao thượng hơn. Tôi viết trả lời là chuyện học làm thơ hãy để sau, bây giờ chỉ học viết văn cho thông đã, vì tôi học chương trình Pháp từ nhỏ nên ít có giờ Việt văn. (Theo chương trình này thì Việt văn chỉ là một môn ngoại ngữ).

Nhưng sau khi bài đã được chấm và trả về, tôi để ý một điều là cô NCM nhất định không phải là phái nữ. Vì nét chữ của cô rất bay bướm, có khi rất cứng nét nhưng có khi lại mềm và rất khó đọc. Việc này tôi chưa nói cho cha tôi biết. Nhưng truyện ngắn ấy của tôi đã được chọn đăng ngay trên tờ Sài Thành.

Trong khi đó, tôi có một người bạn ở Cần Thơ, tên Lê Thục Nữ, con một điền chủ ruộng đất cò bay thẳng cánh, trong lớp cũng rất thích văn chương và có lần đã cho tôi biết là chị có viết thư qua lại với Nguyễn Tiến Lăng, hồi đó chưa làm bí thư cho bà Nam Phương Hoàng hậu. Nguyễn Tiến Lăng vừa thi xong bằng tú tài Pháp ở trường Albert Sarraut Hà Nội và là con đỡ đầu của một nhân vật Pháp trong chánh quyền thực dân. Lê Thục Nữ không đẹp, người hơi thấp, trán trợt và lưng tôm, nhưng da trắng, mắt đẹp, răng rất đều đặn. Người không đẹp nhưng Thục Nữ cứ nghĩ mình là một giai nhân tuyệt thế, nên đi đứng làm điệu rất khó coi, bạn bè ít ai thích. Đã vậy Thục Nữ còn tự phụ mình giàu, sau này sẽ hưởng ba phần gia tài, một của cha, một của ông bà ngoại và một của mẹ (đã sống riêng). Năm đệ tứ, Thục Nữ thi rớt Diplôme và bỏ học luôn định ra Hà Nội tìm cách làm văn với Nguyễn Tiến Lăng. Thục Nữ rất mến tôi và có tâm sự gì đều kể cho tôi nghe, làm việc gì cũng bàn với các bạn của tôi như Như Hằng, Nguyễn Thị Yến, và Nguyệt lưng gù. Vì bỏ học không có ý thi lại Diplôme nên Thục Nữ về Cần Thơ. Lúc ấy, tôi bỗng nhận được thư của Thục Nữ. Thục Nữ kể cho tôi nghe là còn thấy cái quảng cáo dạy viết văn làm báo của cô NCM ở tờ Sài Thành, đã viết thư xin học, gởi bài và nhận được bài sửa. Tôi còn nhớ rõ nguyên văn Thục Nữ viết:

"Bạch Vân ơi! Vân có học hàm thụ với cô NCM nào đó quảng cáo trên Sài Thành không? Mình nghe là Vân có ghi học rồi! Thế ý kiến của Vân ra sao? Mình không nói về tài và học thức của cô ta vì chắc chắn đây là người có học nhiều, cả cổ lẫn kim, tuổi cũng trên 30 rồi, không trẻ đâu. Mà mình nói thật cho Vân nghe, cô NCM này không phải là cô đâu mà là thầy đó. Vân nghĩ sao nếu ông ta không phải là cô? Mình không học đâu! Sợ lắm! Văn chương là một thứ bùa chú mà do đầu óc người ham mê văn chương vẽ ra, không ai xóa bỏ được bằng thứ bùa chú nào khác. Qua cách sửa bài và giảng trên giấy, ông này dạy giỏi lắm đấy, nội nét chữ cứng rắn mà mềm mại như vẽ của một người chắc đã từng học chữ Hán, sau đổi qua học chữ Việt. Vân ơi! Thục Nữ không học nữa đâu! Vân muốn học thì cứ học, bởi vì Vân chưa có ai là tri kỷ, còn mình, mình đã chọn anh Lăng rồi. Khi nào thất bại sẽ hay, bây giờ thì đang còn hy vọng! Cẩn thận nhé, người bạn yêu dấu của ta ơi!".

Chính tôi, tôi cũng có ý nghĩ như Thục Nữ, nhưng tôi vẫn tiếp tục học và cứ nghĩ mình học qua hàm thụ có gặp ai đâu mà ngại, có gì thì ngừng không học nữa là xong. NCM dạy rất nghiêm túc, bài phê phán kỹ

lưỡng, dạy từng cách dùng chữ Hán vào bài viết và ý nghĩa những câu thơ chữ Hán, rồi đề nghị tôi nên học chữ Hán, học làm thơ. NCM còn nhận xét cách viết văn của tôi khá hay, chỉ thiếu phần kinh nghiệm sống và phần đọc sách, đọc báo hàng ngày để tiếp xúc với trào lưu văn học trong nước và trên thế giới…

Thế là tôi học làm thơ thêm với NCM. Tôi tự biết mình không thích môn này và cũng không có khiếu, lại thêm đầu óc tôi rất thực tế, mà muốn làm một thi sĩ phải sống rất đam mê, mơ mộng, yêu trăng yêu gió, thích trời cao đất rộng, đi đó đi đây… Những thứ lúc nhỏ tôi đều được hưởng, nhưng bây giờ lớn lên là một thiếu nữ, lại là một thiếu nữ Việt Nam phải khép mình trong bao nhiêu lễ giáo gò bó, khó lòng làm được một nhà thơ như ý muốn của mình. Nên tôi có viết cho cô NCM là tôi không thích làm thơ, chỉ thích viết văn.

Thời bấy giờ trong Nam chỉ có một tờ Phụ Nữ Tân Văn mà chủ nhiệm lại là một người đàn ông (cùng tên Nguyễn Đức Nhuận với anh chồng tôi – bút hiệu Bút Trà – sau này). Ngoài Bắc thì có tờ Phụ Nữ Đàm cũng do một số cây bút phái nam viết và ký tên cô này bà nọ. Từ lâu tôi đã nuôi mộng viết văn như nhóm Tự Lực Văn Đoàn mà tôi là độc giả trung thành lúc bấy giờ. Tôi cũng không bỏ sót một tác phẩm nào của các nhà văn Nguyễn Công Hoan, Thanh Châu, Lê Văn Trương, và cả nhóm Tiểu Thuyết Thứ Bảy. Như vậy tôi đã chịu ảnh hưởng rất nhiều của các nhà văn ngoài Bắc lúc bấy giờ, trong đó có cả các đàn anh, đàn chú như Ngô Tất Tố, Chu Thiên, Tản Đà, Thế Lữ …Ôi! Tôi đọc tất cả.

Trong khi đó cha tôi cũng đã điều tra về NCM khi đi dự các cuộc họp của Hội Trung Việt ái hữu. Cha tôi nói, theo Hoa Đường – một cộng sự viên của báo Sài Thành – thì NCM chính là Hồng Tiêu, tên thật là Nguyễn Đức Huy, chủ bút của báo và là người giữ mục Tranh Xã Hội với bút hiệu Như Hoa, một cây bút đang nổi tiếng lúc ấy, được nhiều độc giả ở Sài Gòn cũng như ở lục tỉnh, miền Trung mến phục. Cha tôi dặn: "Con liệu coi nếu không tiện thì nghỉ học, kẻo rủi có chuyện rắc rối sau này". Nhưng rồi cha tôi lại tiếp: "Nhưng mình học qua hàm thụ, có ai gặp ai đâu, muốn học tiếp hay nghỉ cũng dễ dàng thôi". Thế là tôi tiếp tục học với NCM. Tôi thấy ông ta chấm bài cho tôi rất kỹ, giảng về thơ rất hay. Đã biết NCM là đàn ông, nên mỗi khi viết bài gởi đi, tôi đều rất cẩn thận.

Cô em thứ sáu của tôi tên Hạnh, rất đẹp và cũng rất rắn mắt, đề nghị để em đem bài của tôi xuống thẳng nhà báo đưa cho NCM để biết mặt ông ta. Lúc đó, Hạnh mới 14 tuổi nhưng rất lanh lợi, nói là làm. Hạnh đã gặp một người đàn ông ngoài 30 tuổi ra nhận bài và nhìn em thật lâu. Hạnh chào ra về và nói với tôi: "Ông NCM mặt mày quạu quọi, có vẻ khó chịu lắm. Thôi chị Hai ơi, đừng học nữa. Chị không thấy chị Thục Nữ bỏ học rồi đó sao?".

Nhưng kỳ thi lần đó, tôi và Như Hằng, cô bạn thân có họ hàng với nhóm Đông Hồ-Mộng Tuyết, ngồi chung một phòng, một bàn, và cả hai đều rớt. Khi làm toán, ngoài trời đang mưa mà căn phòng lại dột, chúng tôi ngồi mỗi đứa một góc. Như Hằng rất giỏi toán nên viết không ngừng, còn tôi thì đọc đi đọc lại đầu bài không tìm ra lối thoát. Đã vậy ông giám khảo coi thi lại cứ ngồi nhìn tôi trân trối, thỉnh thoảng còn đứng lên đi xuống đứng bên tôi, cầm tấm thẻ học sinh của tôi mà ngắm. Rồi trở lại lên bàn ngồi nhìn xuống, rồi đi xuống nhìn hình, cứ thế làm tôi hết sức khó chịu, nhất là khi tôi vẫn chưa tìm ra cách giải bài toán hình học (tôi vốn rất kém môn này). Rồi trời đổ mưa, bài Như Hằng làm xong bị ướt, chép lại không kịp … Sau đó Như Hằng phải trở về Trà Ôn ôn lại bài vở thi kỳ nhì. Trước khi về, Hằng ghé ở chơi với tôi mấy ngày và cố ý nói xa gần về một người anh bà con tên Trúc Hà, đang dạy ở các trường tư thục và cũng có viết văn làm thơ, cộng tác với Đông Hồ trên báo Sống.

Cũng vì việc tôi thi rớt kỳ 1 mà cha tôi không muốn tôi học viết văn với NCM nữa, để có thì giờ tập trung học lại bài vở thi kỳ 2. Nghe lời cha, tôi viết thư báo với NCM vì bận học thi, tôi phải nghỉ tạm lớp "cô" dạy và chờ một cơ hội khác. Vừa báo nghỉ thì vài ngày sau đó, các em tôi thấy một người đàn ông ăn mặc sang trọng tay cầm cây can ngồi chễm chệ trên một chiếc xe kéo cứ chạy qua chạy lại trước nhà. Hạnh chạy lại nép sau tấm màn trúc nhìn ra và chỉ cho tôi: "Đúng rồi, chị Hai ơi! Cô NCM đó! Hí hí!". Nhiễu, cô em thứ ba bình luận: "Cô NCM này gan lì thiệt!". Tôi vừa thấy sợ vừa thấy vui vui trong lòng.

(Sau này, khi đã thân, NCM mới nói cho tôi biết là do từ đầu rất khâm phục văn chương của tôi nên anh đã nhờ những người đi phát báo – cha tôi đặt mua thường xuyên và tòa soạn cho người phát tận nhà – xem thử mặt mũi tôi ra sao. Họ đều nói tôi rất đẹp. NCM liền tự đi tìm hiểu và thú nhận là đã thương tôi ngay trong lần đầu biết mặt).

Cha tôi biết tin này càng cương quyết không cho tôi học nữa.

Từ đó, trên trang văn nghệ báo Sài Thành bắt đầu xuất hiện những bài thơ đại loại như thế này:

NHẮN AI

Từ khúc 1

Yêu nhau mới biết văn là nợ
Mến tiếng cần chi phải gặp người
Trăng tỏ bên trời

Hoa tỏ bên người
Trăng trong không vết hoa đua thắm
Biểu hiện lòng ta với ý người
Làm bạn lạ trên đời

Non xanh xanh
Nước xanh xanh
Nước nước non non biết mấy tình
Mỏi mòn ngày sáu khắc
Trằn trọc trống ba canh
Nhớ ai nào biết ai thương nhớ
Chỉ nặng riêng ai một khối tình
Non xanh xanh
Nước xanh xanh

NHẮN AI

Từ khúc 2

Gió khóc mây kêu khắp bốn bề
Đôi vai một gánh nặng nề
Đừng làm hoa trước gió
Làm con oanh gọi cái xuân về
Đừng làm hoa trước gió
Làm con quyên gọi để đời nghe
Biển Manche mặc kẻ đua tài lội
Biển học mong em học được nghề
Em yêu chị lắm
Chị bảo em nghe

Từ đường tân học bước ra đời
Mặc đẹp ăn sang biết mấy người
Mong em chị chẳng mong em vậy
Chị chỉ mong em chuyện vá trời
Non thăm thẳm, biển khơi khơi
Mây sầu sông thẳm khắp nơi nơi
Em ơi! Ráng học cho ra vẻ
Học một thay ai, em học mười.

N.C.M

NCM làm nhiều bài thơ liên tiếp đăng trên báo (tôi chép lại tất cả là 25 bài), còn chiều nào thì cũng ngồi xe kéo chạy qua nhà. Nhà tôi trên đường Lareynière (bây giờ là đường Trương Định), chỉ cách trường Gia Long chừng mấy trăm thước, nên tôi đi học hay về nhà đều đi bộ, mà khổ thay dọc đường nhất là vào buổi chiều, trước các căn phố, nhiều thanh niên, học sinh có, công chức có, cứ ra đứng chờ coi tôi đi qua với chiếc xe kéo chở người đàn ông chạy theo, nên tôi thấy khó chịu và viết thư than phiền, yêu cầu đừng làm như vậy nữa, NCM cuối cùng đành nghe theo. Anh còn gởi thư xin tôi cho gặp mặt nói chuyện, mời tôi đi chơi vườn Bách Thú…, tôi đều từ chối. Sau đó trên báo Sài Thành thỉnh thoảng có nhiều hôm mục Tranh Xã Hội bị bỏ không ai viết với lời cáo lỗi tác giả Như Hoa đang bị bệnh. Những tin này cũng có làm tôi phân vân lo nghĩ, rồi tự cho mình có lỗi. Tuy vậy tôi vẫn nghe lời cha, không liên lạc với NCM qua thư từ nữa.

Những bài thơ trên báo lại bày tỏ nỗi lòng một cách khác. Chẳng hạn có bài:

HỎI NGƯỜI BÊN ĐƯỜNG

Đường ra Hà Nội bao xa?
Anh ơi, đứng lại cho ta hỏi cùng.
Dù cho muôn núi ngàn sông,
Núi rào sông đón cũng không ngại gì.
Lòng ta đã quyết tìm đi,
Thì xa xôi chẳng khác gì tấc gang.
Đường đây lên bóng thái dương,
Anh ơi, cho biết có đường lên không?
Cao mù cao mút ngàn không
Dù đi không tới nhưng trông thấy thường
Ở đời lắm cảnh đau thương
Có người không thấy, có đường không qua

Đêm ngày giọt lệ nhỏ sa
Khóc ai mà lại hóa ra khóc mình
Ai lên ta hỏi ông xanh
Bày chi lắm cảnh thương tình đớn đau.

Trong giai đoạn này NCM làm thơ nhiều lắm, biết thế nào tôi cũng đọc. Nào đau nặng không làm việc được, nào rạch tay lấy máu đã bao phen, thư viết vừa gửi xong gởi ngọn đèn… Tôi đọc tất cả nhưng đành im lặng. Thật tình lòng tôi cũng xúc động, khi thấy một người tài hoa, nổi tiếng, lại si mê mình như vậy. Nhưng tôi còn quá trẻ, lại còn đang đi học, gia đình lễ giáo, làm sao tôi dám đón nhận tình cảm này? Tôi chỉ thấy vừa thương xót vừa ăn năn đã vô tình gây ra chuyện đau lòng như vậy.

Thấy làm cả mấy chục bài thơ mà tôi vẫn không nao núng, chắc NCM nghĩ tôi bị áp lực của cha tôi, bèn thay đổi chiến thuật không khóc than trên báo mà tìm đến gặp cha tôi để trình bày một chuyện có lợi cho tôi và xin nhận tôi làm em gái. NCM nói gần đây có một góa phụ, trước kia là vợ một ông tham tá làm ở tòa sứ dưới Lục tỉnh, còn trẻ chưa quá ba mươi tuổi, thuộc vào hạng đẹp mà lại giàu nhất tỉnh lúc bấy giờ, lên tìm ông Như Hoa (cũng chính là NCM) và đề nghị sẽ bỏ tiền ra cho Như Hoa làm một tờ báo hằng ngày, bà ta quản lý và hai người sẽ đi đến hôn nhân. Vì có chuyện này nên NCM trình bày với cha tôi là từ nay sẽ chỉ xem tôi như em gái, nếu nhận lời người đàn bà kia thì bà ta sẽ cho tôi đi du học.

Đó cũng là lần đầu tiên NCM được chính thức gặp và trò chuyện riêng với tôi, sau khi nói chuyện với cha tôi và được cha tôi cho phép gặp tôi. Lúc đó tôi rất run, còn NCM có vẻ xúc động lắm. Anh lớn hơn tôi 13 tuổi, vào đời đã hơn 10 năm, thân tự lập thân, lăn lội cũng nhiều, nhưng trước tôi, anh lúng túng thấy rõ. NCM thú thật là rất thương tôi, nhưng hoàn toàn không muốn tôi phải khổ tâm giữa tình và hiếu, vả lại hiện nay trong làng báo có mấy đồng nghiệp đang công kích NCM và khen tôi đủ can đảm dứt khoát một chuyện tình thơ mộng như vậy. Trong lãnh vực văn chương, những chuyện tình như thế xưa nay không phải không thường xảy ra. Bên Pháp có Victor Hugo với Juliette Adam yêu nhau và giúp nhau trong sự nghiệp văn chương, Anatole France với De Caillavet cũng là đôi bạn yêu nhau vì tài, mến nhau vì sự nghiệp văn chương. Alfred de Musset với George Sand, chuyện tình thơ mộng đã để lại cho đời bao tác phẩm tuyệt tác.

Sau đó NCM tiếp tục nói chuyện với cha tôi rất lâu và hứa sẽ để yên cho tôi học thi học kỳ 2, trong thời gian này sẽ tìm hiểu chuyện bà tham tá góa chồng và những đề nghị của bà. Và NCM đã giữ đúng lời hứa ba tháng không ngồi phếch đốc trên xe kéo chạy qua chạy lại trước đường Lareynière nữa, nhưng thỉnh thoảng trên báo vẫn có những bài thơ Nhắn ai bày tỏ tình cảm sâu đậm và chân thành giữa một người nam và một người nữ, khi thì ký NCM khi lại ký một bút danh khác, chắc anh tin tôi đọc sẽ hiểu.

Cha mẹ tôi cũng tạm yên lòng không để ý nhiều về chuyện tôi vì văn chương mà không thể quên NCM. Cha mẹ tôi biết tôi là đứa con có hiếu, là chị cả của một bầy em, nên ra sức săn sóc chiều chuộng tôi để tôi học vì cũng gần ngày thi rồi. Lúc bấy giờ tôi cũng được nhiều người theo đuổi, toàn là những thanh niên con nhà giàu có, chức phận trong xã hội để ý và ngỏ lời muốn cùng tôi kết hôn sau khi tôi thi xong dù đậu hay rớt.

Trong khi ấy có nhiều người kể cho mẹ tôi nghe là NCM có tiếng là người tốt, thường hay giúp đỡ anh em, có khi đem cả gia đình một người ở cùng quê thất nghiệp về nhà nuôi cho đến khi tìm được việc làm. Vốn là người có lòng tốt, thường giúp đỡ người nghèo, không thích làm bạn với người nhà giàu mà chỉ chọn những người thiếu thốn cần giúp đỡ, mẹ tôi nghe kể về NCM như vậy thì cũng có ý nể nang, nhưng ngặt vì mẹ tôi không tin một người đàn ông đã ngoài ba mươi mà lại chưa có vợ con nên thường dò hỏi về chuyện này. Cũng có nguồn tin cho biết NCM đã có vợ con, điều này càng làm mẹ tôi thêm lo ngại và không đồng tình chuyện NCM theo đuổi tôi.

Ba tháng NCM để cho tôi học nhưng thật sự tôi có yên tâm mà học chút nào! Những người mến mộ tôi ở đâu mà lúc này hiện ra quá nhiều. Ngoài Trúc Hà mà Như Hằng đã giới thiệu ra, còn có con một ông tỉnh trưởng ở Lục tỉnh xin cha mẹ đi hỏi tôi. Rồi thì quanh xóm cũng có nhiều gia đình có con học ở các trường nam như Chasseloup Laubat, Pétrus Ký… cũng đến gặp mẹ tôi để dò hỏi về gia đình và ngỏ ý cưới tôi khi con họ ra trường và được bổ làm đâu đó.

Riêng Trúc Hà thì ngày nào cũng đi ngang qua nhà tôi và nhìn qua bức màn trúc mà phía sau là một phòng lớn mỗi chiều tôi dạy đứa em trai thứ bảy đang học ở Chasseloup Laubat học. Rồi tôi nhận được một bài thơ của Trúc Hà:

Mỗi bận đi ngang trước cửa nhà
Dưới rèm trông thấy bóng tiên nga
Nhìn ai nào biết ai nhìn lại
Chỉ khổ cho mình lủi thủi qua

Lẽ dĩ nhiên tôi không trả lời. Sau đó một tuần, Trúc Hà đến gặp cha tôi và đặt vấn đề xin cưới tôi, nói rõ vì cha mẹ chết hết nên Trúc Hà phải tự dấn thân đến trình bày với cha tôi về công việc làm hiện nay, về nhà

cửa, bà con… ở Hà Tiên. Hôm ấy cha tôi từ chối ngay không cần hỏi ý kiến tôi vì cha tôi thấy Trúc Hà quá yếu tướng. Sau này quả thật thế. Trúc Hà cưới chị Thương, một người bạn trong nhóm Đông Hồ-Mộng Tuyết, chưa được mấy năm thì anh đã qua đời.

Vì có chuyện Trúc Hà đi hỏi tôi, nhiều đám khác cũng cho người mai mối. Cha mẹ tôi đều từ chối, nói để tôi học và thi xong đã. Biết chuyện nhiều người muốn xin cưới tôi, NCM rất lo ngại nên tiếp tục làm nhiều bài thơ ký tên khác đăng trên báo Sài Thành.

Kỳ thi thứ 2, Như Hằng đậu cả ba bằng Diplôme, Brevet Elémentaire và Brevet D'Enseignement, còn tôi lại rớt, vẫn vì môn toán. Cha mẹ tôi hơi buồn về việc này nhưng không rầy la tôi vì trong thời kỳ này tôi không hề liên lạc thư từ gì với NCM cả.

Bỗng một hôm NCM lên gặp cha tôi và nói là chuyện của bà tham tá nào đó không xong, vì bà ta quá tham lam khi bàn công việc làm ăn, lại không hề tin NCM có thể quên tôi. Lần này NCM nói là sẽ kiếm thầy dạy toán cho tôi học thêm để thi lại, khuyên tôi vô Gia Long học lại lớp đệ tứ để năm sau thi. Nhưng tôi không muốn học lại ở trường, vả lại tôi nói chuyện học hành của tôi hãy để tự tôi tính toán.

Tôi trở vô trường Gia Long gặp bà Saint Marty là hiệu trưởng. Bà rất thương tôi vì tôi dạy bà học tiếng Việt, bà thi đậu bằng thứ hai và đang học để thi bằng ba. Bà đã khuyên tôi cứ ở lại lớp. Tôi nghe lời ghi tên ở lại lớp, nhưng vô học được hai tuần tôi thấy học thế này thì tôi không thể giỏi môn toán được. Các môn kia thì tôi chỉ cần ở nhà ôn lại, còn toán thì phải tìm thầy học thêm.

Giữa lúc này NCM bỗng có một người học trò mà ngày trước đã học với anh ở trường tư thục Nguyễn Phan Long, bây giờ đi Pháp về với bằng cử nhân toán, tên là Vita (lấy tên mình là Vị với tên vợ là Tâm – cũng học Gia Long ra trước tôi một năm). NCM trình bày với cha mẹ tôi để Vita đến dạy toán cho tôi mỗi ngày một giờ và dạy suốt cho tới ngày tôi thi kỳ 1. Chuyện tiền nong NCM sẽ chịu.

Cha mẹ tôi phân vân về chuyện tiền thì Vita nói xin ông bà yên lòng , con mà đi Pháp được cũng nhờ thầy con (tức NCM) giúp đỡ lúc ban đầu.

Mỗi chiều Vita đều đến dạy tôi, từ ba đến bốn giờ. Trong lúc này NCM mỗi tuần lên thăm tôi một lần vào ngày thứ năm là ngày mà Vita nghỉ. Khi NCM đến, lúc nào cũng có mẹ tôi ngồi trên bộ ván gần salon, làm bộ cắm cúi may nhưng thật sự là để nghe chúng tôi nói chuyện. Có một lần NCM đến gặp lúc mẹ tôi đang lên cơn suyễn nhưng vẫn ra nằm trên bộ ván. NCM thấy vậy liền hỏi:

- Hôm nay má không được khỏe à?

Tôi trả lời:

- Má lên cơn suyễn.

- Vậy lâu nay má uống thuốc ở đâu, thuốc Nam, thuốc Bắc, hay đi bác sĩ?

- Má uống thuốc Bắc, một ông thầy quen của gia đình em. Mỗi khi em đau, em cũng uống cả hai, ba chục thang.

NCM nghe vậy liền nói:

- Vậy là ông thầy này không giỏi hoặc không chuyên về bệnh suyễn rồi. Anh có quen ông thầy chữa bệnh suyễn rất giỏi, nếu má cho phép thì anh sẽ rước ông ta lên coi mạch cho má.

Mẹ tôi nghe vậy liền lên tiếng:

- Thôi, bác không dám làm phiền cháu.

NCM liền nói:

- Dạ có chi mà phiền, bây giờ con về đi rước liền.

Mẹ tôi không cản kịp, nên khi NCM đi rồi, bà thở dài: "Nó kiếm chuyện ở ngoài sân lần vô bếp đó". Tôi không rõ là mẹ tôi khi nói câu ấy đã cười thầm hay tức giận.

Đúng hai giờ sau, NCM đưa ông thầy đến. Ông thầy này bắt mạch cho mẹ tôi rất lâu rồi kết luận: "Suyễn quá lâu rồi, không chữa ngay gốc bệnh mà chữa bổ thì bị nặng hơn là phải rồi!".

NCM lấy toa thuốc đi bổ, dặn sau khi uống ba thang NCM sẽ rước ông lên bắt mạch lại. Dù muốn hay không thì việc làm của NCM cũng được mẹ tôi đồng ý, vì trong thâm tâm mẹ tôi đã cho là ông thầy thuốc

mà cha tôi gọi là thầy thuốc gia đình vốn không giỏi, chỉ chữa tạm bớt mà không lành hẳn. Ngay như con em thứ năm của tôi tên Nhẫn, mỗi lần bệnh cha tôi rước ông ta đến bắt mạch cho toa thì nó không bao giờ đi hốt thuốc mà nói với tôi: “Em bọc cái toa của ổng trong túi mấy ngày là lành bệnh liền. Sợ quá mà lành chứ em đâu có uống!”.

Mẹ tôi uống ba thang của ông thầy mà NCM đem lại, hết lên cơn suyễn, ngồi dậy ăn uống được, và lần sau khi NCM đến thăm tôi thì mẹ tôi lại ra ngồi trên bộ ván với ô trầu và quyển sách Đông Châu Liệt Quốc. Mẹ tôi nói với NCM:

- Ông thầy mà cháu đưa đến chữa cho bác đó giỏi lắm, nhưng tiền thuốc chắc mắc. Tốn bao nhiêu cháu để bác gởi lại cho cháu.

NCM nói, mặt nghiêm trang:

- Thưa bác, tiền bạc có là bao, huống chi ông thầy này ở ngoài Trung vào chưa có khách, con giúp ông ta cũng nhiều, bác đừng ngại.

Thế là trên con đường tiến dần vào sự chấp thuận chuyện hôn nhân của chúng tôi sau này, NCM đã chiếm được một phần cảm tình của mẹ tôi, nhưng mẹ tôi không bao giờ để tôi thấy là mẹ tôi đã bằng lòng hay đã có chút cảm tình với NCM.

Mẹ tôi lúc nào cũng nói, nét mặt không vui:

- Dù sao con cũng còn nhỏ và còn nhiều nơi xứng đáng, thương chi người quá sành sõi, cuộc đời của con sau này sẽ khổ nhiều hơn là sung sướng. Con là chị cả, nếu hôn nhân của con tốt đẹp, may mắn, thì các em con gả cưới cũng dễ dàng, con ạ.

Mẹ tôi nói như vậy là buộc tôi vào một trách nhiệm rất lớn. Hễ tôi gặp chuyện hôn nhân trắc trở thì các em tôi khó có chồng! Nhưng tôi nghĩ, chị em mỗi đứa có một số phận khác nhau, đâu phải như mẹ tôi nghĩ. Mẹ tôi nói tôi chỉ nghe chứ không dám có ý kiến, vì chuyện đâu còn có đó kia mà.

Lúc đó là vào cuối năm 1934. Một hôm NCM đến thăm tôi khá bất ngờ, không phải vào ngày thứ năm như thường lệ. Vô cửa gặp ngay mẹ tôi đang ngồi trên bộ ván phòng ngoài, NCM liền hỏi:

- Bác thật khỏe chưa? Bác có cần con mời ông thầy thuôc hôm nọ tới xem mạch lại không? Vì mai con có công việc phải đi Đà Lạt một thời gian.

Mẹ tôi nói:

- Bác đỡ nhiều rồi. Bác vẫn còn giữ cái toa của thầy Năm cho, khi nào trở trời thì uống vài thang. Cháu đi Đà Lạt để làm gì?

NCM nói:

- Nhà báo phải đi xa mới kiếm được đề tài để viết, bác ạ. Lên Đà Lạt khí hậu tốt, con lại có nhiều bạn bè trên ấy. Lúc này con thấy mệt nhiều, định lên đó nghỉ một thời gian và xem có gì viết không.

Gặp tôi, NCM cũng nói sẽ đi nghỉ ở Đà Lạt ít lắm cũng vài tuần. Trên đó anh có bạn bè đông và độc giả mến mộ cũng sẵn lòng mời anh đến nhà ở chơi. Nhà họ rộng rãi, có vườn hoa, chuồng ngựa, rẫy cà phê… Phong cảnh hữu tình, bạn bè yêu mến cũng nguôi nỗi lòng phần nào.

NCM hỏi tôi về cách dạy của thầy Vita và nói:

- Vita dạy giỏi lắm, vì ở Pháp mới về chưa kiếm ra trường, nên anh nhờ lên đây dạy em.

Anh nói thêm dăm phút nữa rồi đứng lên ra về, dặn tôi:

- Anh phải đi gấp, không gặp ba được. Ba về em thưa giùm anh. Khi nào về anh sẽ tới thăm ba má và em. Ráng học nghe chưa?

Mấy hôm sau trên mặt báo Sài Thành đã có ngay bài của NCM, ký tên Hồng Tiêu, đăng mỗi ngày. Anh viết về Đà Lạt, tả phong cảnh luôn luôn kèm thơ, có khi có thơ của các bạn cùng họa. Bạn của NCM toàn là giáo sư, giáo viên, công chức… Họ đi chơi khắp nơi, mỗi lần đi là một lần có thơ, có bài tả cảnh, nói về các sinh hoạt ở Đà Lạt. Cha mẹ tôi và tôi qua báo đã theo dõi được việc đi đứng của NCM. Còn độc giả thì rất thích những phóng sự của NCM mỗi khi anh rời Sài Gòn đi viết đâu đó. Có lần anh đi Phnôm Pênh cũng viết được rất nhiều bài và gầy được khá nhiều bạn bè bên ấy.

Hàng ngày đi làm về, cha tôi thường đem tờ Sài Thành ra đọc bài của NCM. Cha tôi rất phục cách viết văn của Như Hoa khi viết mục Tranh Xã Hội, còn những lần NCM đi xa viết phóng sự thì cha tôi đều theo dõi. Tôi biết thâm tâm cha tôi nhìn nhận Như Hoa có tài và là một trong những cây bút nổi tiếng nhất lúc bấy giờ.

Một hôm cha tôi đi họp ở Hội Trung việt ái hữu về, nói với mẹ tôi và tôi:

- Hôm nay có người vừa nhắc cha nhớ là năm 1925, khi con ra ở học tại nhà bà ngoại thì Hồng Tiêu có vô Tam Quan xuống tận nhà gặp cha để bàn về phong trào chống thuế cao và tìm những mạnh thường quân bỏ tiền giúp những người hoạt động trong bóng tối. Lúc đó Hồng Tiêu ăn nói hoạt bát, lanh lợi, cử chỉ tự nhiên, tướng mạo phương phi, rất dễ gây cảm tình với mọi người…

Cha tôi nói tiếp là trước kia cha cũng có góp phần trong phòng trào của ông Phan Thành Tài nhưng rồi công việc đổ bể, nhờ anh em thương tình không khai, che chở vì có mẹ già con dại. Vì chữ hiếu mà cha phải đi làm gì như thế này, và bây giờ thì vì các con nên không thể làm gì được hơn là thực hiện bổn phận làm cha làm chồng. Kết luận, cha tôi nói:

- Cha cũng rất mến Hồng Tiêu, nhưng trong cảnh này cha không biết làm sao. Con là con gái mới lớn, Hồng Tiêu thì quá từng trải. Sống với một người quá từng trải như vậy, liệu con có hạnh phúc không? Chớ cha thấy mấy chục bài thơ của nó cũng có tình có nghĩa và thành thật lắm.

Thì ra cha tôi cũng đọc không sót bài thơ nào của NCM!

Tôi nói:

- Nhà thơ mà cha. Nhưng Victor Hugo hay Alfred de Musset, Lamartine, có ai bạc tình bạc nghĩa bao giờ. Họ lấy mối tình ấy để củng cố sự nghiệp văn chương của họ và để cho đời những bài thơ kiệt tác cho tới ngày nay không cây bút nào viết nổi. La lac của Lamartine, Aimer của Alfred de Musset, L'enfrant của Victor Hugo từ thế kỷ này qua thế kỷ nọ vẫn là những tuyệt phẩm.

Nghe giọng tôi có ý bênh vực NCM, cha tôi bèn chấm dứt câu chuyện bằng cách hỏi tôi sắp tới tính sao, có muốn học thêm nữa hay không. Cha nói:

- Cha có thể lo cho con học thêm đến nơi đến chốn mà. Học Pétrus Ký hay Chasseloup Laubat gì cha cũng lo được. Con là đứa con đầu nên lũ em sẽ noi theo gương.

Nhưng điều tôi lo nhứt lúc ấy lại là sức khỏe của mẹ tôi. Mẹ tôi bị suyễn nặng mà khí hậu Sài Gòn lại không có lợi cho bệnh này.

Tôi học với Vita mỗi chiều một giờ về môn toán, học xong tôi xuống bếp phụ lo bữa cơm tối, có khi tôi đi thư viện mượn sách về đọc. Từ khi học trường Gia Long mỗi tuần tôi đều đi thư việc một lần và mỗi lần mượn về hai cuốn sách để đọc. Tôi thường đi một mình, đi xe kéo của người quen đậu trước nhà, họ rất tử tế với gia đình tôi vì mẹ tôi mỗi lần có giỗ chạp là đem cả mâm thức ăn ra tặng họ. Ngoài ra tôi còn dạy thêm cho em trai thứ bảy của tôi là Lê Đình Hải đang học ở Chasseloup Laubat, đi chợ mua sắm vật dụng cho gia đình…

NCM đi Đà Lạt, không hề có thư từ riêng cho tôi và mãi đến Tết mới trở về, lên chúc Tết cha mẹ tôi, nói chuyện vui vẻ với tôi và các em tôi, đưa bao lì xì cho từng đứa. NCM nói rất lâu với cha tôi và luôn nhắc tôi phải học để đậu ba bằng cấp với thứ hạng cao như Như Hằng. Anh nói:

- Em không thể thua ai được.

Sau lần thăm Tết, NCM lại đi công tác nhiều nơi, lên Phnôm Pênh gặp các bạn học cũ và cổ động cho báo Sài Thành, rồi viết bài kể chuyện người Việt sinh sống ở Phnôm Pênh như thế nào.

Sau Tết, tôi học rút và lo việc nộp đơn, liên lạc với các chị bạn đang học ở trường để làm đơn và hỏi thăm các tin tức quan trọng có liên quan đến chuyện thi. Việc nộp đơn thi cũng có phần rắc rối. Đơn thi Diplôme thì trường Gia Long nhận, nhưng đơn thi hai cái bằng Brevet thì bà hiệu trưởng Saint Marty thương tôi đến thế vẫn nhứt định không nhận. Bà còn nói:

- Tụi bây học chương trình Việt thì thi Diplôme được rồi, thi Brevet là giành bằng cấp của các trường Pháp.

Vì vậy tôi và một người bạn nữa phải xuống Tòa Đô chánh xin chứng nhận để thi hai bằng Brevet.

Trước khi tôi thi một ngày, thầy Vita đến ôn bài vở cho tôi và chúc tôi thi đậu. Thầy nói khi thi xong cả ba bằng thầy sẽ lên mừng tôi, bây giờ nhân lúc rảnh thầy sẽ đưa chị Tâm, vợ thầy, về thăm bà con hai bên. Thầy Vị khi học bên Pháp có viết thư tìm bạn ở VN, nên quen chị Tâm lúc ấy đang học ở Gia Long, hai bên

cha mẹ không hay. Bây giờ cả hai đều có sự nghiệp nên về quê ra mắt cha mẹ.

NCM cũng lên thăm và chúc tôi thi đậu cả ba bằng như Như Hằng trong kỳ thi năm ngoái. NCM nói với tôi là anh cũng đang lo một số giấy tờ và nhờ người giúp xin ra một tờ báo hằng ngày, chớ cứ làm cho Sài Thành sẽ chẳng dư dả chút nào. Mẹ tôi nghe vậy liền nói:

- Chớ làm bao nhiêu lo nuôi bạn bè bấy nhiêu, không nợ nần là may còn đâu mà dư.

NCM nghe vậy nhìn mẹ tôi ra vẻ cảm ơn vì hiểu hoàn cảnh và tính tình của anh.

Mấy hôm sau tôi nhận được giấy gọi đi thi, thi Diplôme tại trường Gia Long và thi Brevet cả hai bằng tại trường Pétrus Ký.

Viết đến đây tôi bỗng nhớ tới một chuyện thật buồn cười và thật trẻ con. Số là trước ngày thi Diplôme, mặt tôi bỗng nhiên mọc một cái nhọt to bên má trái, khiến gương mặt đang đẹp đẽ bỗng bị méo mó, nhìn vào gương thấy mà buồn. Cha tôi biết tôi rất âu sầu nên bằng mọi cách giúp tôi làm cái nhọt ấy xẹp. Thôi thì cha tôi xuống Chợ Cũ vào các tiệm thuốc Bắc mua loại thuốc dán đặc biệt về dán, rồi xoa dầu, rồi đắp nước nóng cho nó tan bớt. Nhưng làm gì thì làm, cái nhọt vẫn không vỡ, cứ sưng húp, và cả vùng má bị đen sạm. Cha tôi lo tôi bỏ cuộc thi. Với con gái mỗi năm là thêm một tuổi lớn bộn! Sáng dậy tôi thấy mình quá vô lý, nên lò mò lấy giấy tờ và mặc áo đi thi. Mẹ tôi thấy vậy rất mừng, đòi kêu xe cho tôi đi, tôi nói đây đến trường Gia Long đi xe làm gì, rồi ra đi trước sự nhẹ nhõm của cha mẹ tôi và sự vui mừng của các em. Sau khi làm các bài thi, tôi biết tôi sẽ đậu phần thi viết, nên chuẩn bị để vô vấn đáp. Lần thi đó tôi đậu cao: mention Assez-bien (hạng Bình thứ).

Thi xong bằng Diplôme, tôi lại chuẩn bị thi hai cái bằng Brevet tổ chức tại trường Pétrus Ký. Vô môn đầu, luận văn và chính tả, tôi gặp bà Ventournouz, thầy cũ của tôi khi tôi học đệ tứ ở Gia Long. Gặp thì gặp chớ ai dám chào hỏi. Bà giáo sư này khi dạy tôi thương tôi lắm. Những ngày Chủ nhật bà kêu tôi đến nhà chơi để nghe bà kể chuyện xứ Corse quê hương của bà.

Học sinh trường Marie Curie có nhiều người là dân Việt Nam, chỉ có vài cô đầm thôi. Có mấy cô Việt Nam ngồi sau lưng tôi khi nghe bà Ventournouz đọc bài chính tả thì lắc đầu vì có nhiều chữ bà đọc giọng đảo Corse họ nghe không rõ. Tôi thì quen nghe rồi nên không lấy làm lạ, bài chính ta không hề lấy một lỗi.

Thi cái bằng này thật vui vì phải biết âm nhạc, biết vẽ, biết may cả bộ quần áo – riêng môn âm nhạc là thí sinh các trường sợ nhất.

Kết quả làn thi này, tôi đậu cả hai bằng Brevet Elémentaire và Brevet D'enseignement Supérieur cũng với mention Assez-bien. Lần thi nào cha tôi cũng đi coi kết quả, đứng chờ cả mấy giờ ngoài sân trường với đám học sinh. Buồn cười là bà hiệu trưởng Saint Marty của trường Gia Long, khi xin bà ký cho tôi đi thi Brevet thì bà không ký mà còn rầy la là bọn tôi đi giành bằng cấp của học sinh trường Pháp, nhưng đến khi có kết quả thì bà lại lái xe đến trường Pétrus Ký để xem học trò mình đậu mấy đứa. Thấy hai đứa học trò của mình đều đậu cả, bà sung sướng lên xe ra về.

Lần thi này tôi đã làm cha mẹ tôi vui mừng, nhưng chưa tính tôi có học lên nữa hay không. Khi được cha tôi hỏi ý kiến, tôi nói sức khỏe tôi kém, học lên nữa e chịu không nổi. Vả lại học Pétrus Ký thì phải đi xe kéo hàng tháng, tốn kém nhiều cho cha mẹ. Tôi định kiếm việc làm hay xin đi dạy ở các trường tư. Ở thời buổi ấy, có những bằng cấp như tôi thì kiếm việc làm rất dễ, có thể giúp được cha mẹ phần nào trong việc nuôi các em ăn học.

Trong lúc tôi còn đang phân vân, thì mẹ tôi bỗng ngã bệnh. Một bệnh gì đó chớ không phải suyễn, có lẽ vì suy nhược thái quá. Mẹ tôi là một người nội trợ giỏi, lo hết mọi việc nhà, nấu nướng ngày hai buổi, may vá áo quần cho con cái, dọn dẹp nhà cửa, việc gì mẹ tôi cũng tự làm mới vừa ý, vì tánh khó nên rất khó tìm được người làm vừa ý. Năm đó may sao có người giới thiệu một chị bếp giỏi nên cũng đỡ phần nhọc mệt cho mẹ tôi, vậy mà lần này mẹ tôi lại đau nặng. Khổ nỗi là mẹ tôi không chịu đi nhà thương hay đi bác sĩ, cứ nằm nhà mời ông thầy thuốc Bắc của gia đình đến bắt mạch bổ thuốc.

Trừ tôi ra, ai săn sóc mẹ tôi cũng không bằng lòng. Một tháng trời như vậy mẹ tôi nằm có khi mê man, việc rửa ráy, thay áo quần, cho uống thuốc… đều do tôi lo. Các em tôi không đứa nào giúp được việc gì. Tôi lo sợ không biết có phải vì chuyện của tôi và NCM đã khiến mẹ tôi phát bệnh chăng. Khi tôi tỏ ý này với cha tôi thì cha tôi nói:

- Mẹ con yếu quá, do sinh đẻ nhiều lần. Mà biết đâu cũng có thể vì mẹ con lo nghĩ nhiều về chuyện của con.

Nghe cha nói thế, tôi lo lắm, nên có lần tôi viết mấy chữ dặn NCM đừng lên vì mẹ tôi đau nặng. Lúc ấy NCM đang đi các tỉnh để quảng cáo cho báo Sài Thành, không có ở nhà.

Tôi săn sóc mẹ tôi suốt một tháng trời như vậy mẹ tôi mới bớt dần, ngồi dậy rồi ăn uống lại được. Một hôm tôi đang ngồi đọc sách ở phòng trong thì nghe mẹ tôi hỏi em tôi:

- Mấy lúc nay NCM có tới đây không?

Em tôi nói:

- Anh ấy đi đâu rồi không thấy đến. Nhưng thỉnh thoảng thấy cha tôi đọc bài viết của anh viết về các tỉnh ở đâu đâu con không biết.

Mẹ tôi làm thinh, không hỏi tôi về chuyện này, nhưng mẹ tôi thương tôi lắm. Thấy cách tôi nuôi bệnh mẹ tôi và săn sóc từng li từng tí, ngồi suốt từ sáng đến chiều trong phòng tối, mẹ tôi rất thương. Một hôm mẹ tôi hỏi:

- Gần hết nghỉ hè chưa con? Con có định ghi tên học nữa không?

Tôi thẳng thắn trả lời:

- Con không học nữa đâu mẹ. Con ở nhà, khi nào mẹ thật khỏe, con sẽ kiếm việc làm để giúp các em học cao hơn con.

Mẹ tôi thở dài không nói gì.

Khi mẹ tôi khỏe được mấy tuần, đi chợ Sài Gòn được, mẹ tôi mua hàng vải về nói là để thưởng tôi thi đậu, và nếu tôi có đi làm thì sẽ có áo quần đẹp. Rồi mẹ tôi nói với vẻ ngậm ngùi:

- Con gái thì dù có học đến đâu rồi cũng phải lấy chồng, mà lấy chồnbg thì đâu còn ở với cha mẹ nữa!

Tôi cầm lấy tay mẹ:

- Con còn lâu mới lấy chồng.

Tụi em tôi đứng gần đó cũng nói:

- Tụi con cũng vậy đó mẹ.

Mẹ tôi cười nói vui vẻ:

- Như vậy người ta lại nói là các con của mẹ ế chồng!

Em kế của tôi là Nhiễu tánh hay đùa giỡn liền nói:

- Gì mà khó chịu vậy? Cái gì cũng nhắm vào các cô gái, còn mấy ông đàn ông thì sao? Con gái ế chồng thì đàn ông ế vợ.

Mấy mẹ con đang vui vẻ nói cười thì tôi bỗng nghe chóng mặt. Tôi nói:

- Con phải vô trong nhà nghỉ một chút để còn xuống phụ chị bếp nấu cơm. Hôm nay hình như chị ấy làm nem nướng đó mẹ. Cha con đi chơi tennis về thì bữa cơm sẽ xong và ngon lành lắm.

Nhiễu nói:

- Mấy hôm nay chị mệt nhiều rồi, để em xuống phụ cho. Chị lên nghỉ đi.

Một ngày Chủ nhật thật vui vẻ và tối đó chị em tôi kéo ra trước sân ngồi chơi đến khuya. Khi vào đi ngủ, Nhiễu chợt ghé tai tôi hỏi nhỏ:

- Mà thật sự chị không yêu anh NCM chớ?

Tôi im lặng đi về phòng mình mà con tim bỗng nghe như đang bị ai bóp chặt. Trong bóng tối, tôi nằm nghe bên tai mình cứ vang lên câu hỏi của cô em gái:

- Mà thật sự chị không yêu anh NCM chớ?

Rồi tôi thao thức nhớ lại hết bài thơ này đến bài thơ khác của NCM:

Gió lọt sương sa ngọn nến mờ

Trăm chiều tâm sự rồi đường tơ
Đường trong gang tấc, trời đôi ngã
Tình nặng non sông, giấy một tờ
Vườn cúc gió lồng hoa nép mặt
Non thần mây khuất khách đương mơ
Hỏi người tri kỷ hay chăng tá
Có biết lòng ai nỗi đợi chờ…

Nhiều nhứt là những bào viết cho tôi in trên báo chứ không gởi, mà NCM biết thế nào tôi cũng dọc. Những bài thơ này NCM viết lúc đi Đà Lạt hoặc các tỉnh khác, lấy sự gặp bạn bè làm vui.

Trăm lạy trời xanh chớ phụ phàng
Muôn nghìn đau khổ dám từ nan
Dọn đường chị quét xong gai góc
Để bước em đi được nhẹ nhàng

Tình ái xưa nay vật thế nào?
Bây giờ mới biết nó ra sao!
Yêu em, yêu lắm nên ham sống
Sống để dìu em cái bước đầu

Vốn nhà thi lễ bực trâm anh
Đâu dám như ai thói bộc tình
Rìu búa ngửa vưng lời trách móc
Đá vàng không lợt dạ đinh ninh…

Đến khi quá mệt mỏi, tôi mới chợp mắt được và sáng ra không dậy nổi. Trong giấc ngủ mê mệt ấy, tôi mơ màng nghe mẹ tôi nói: “Đừng kêu chị con dậy. Chắc nó mệt cả tháng với mẹ, cứ để nó ngủ thêm đi”.

Nhưng đến trưa tôi cũng không dậy được. Khi cha tôi đi làm về nghe nói tôi không dậy được thì lo lắng nói:

- Nó bị bịnh rồi! Đi mới thầy Năm đi.

Nhiễu lẩm bẩm:

- Lại thầy Năm!

Mẹ tôi nói:

- Đêm qua tụi nó ngồi ngoài sân lâu quá, chắc nó bị trúng gió rồi.

Có lẽ chỉ có Nhiễu biết là tôi suốt đêm qua đã nghĩ đến NCM, nên bây giờ không dậy nổi, rồi Nhiễu tự trách cũng tại mình, nhắc làm chi, có khác nào bươi đống tro tàn… Nhiễu nói một mình khi đi qua đi lại bên giường tôi: “Không phải đống tro tàn đâu, than đỏ vùi trong tro đó!”.

Đến chiều cha tôi đi làm về, tôi vẫn nằm mê man. Mẹ tôi gọi dậy ăn cơm, tôi vẫn không nhúc nhích, sờ đầu thì nóng như lửa, hai chân lạnh ngắt. Lại một đêm làm cha mẹ và các em lo sợ. Qua ngày thứ ba thì cha tôi không chịu được nữa, cha tôi nghĩ chắc là tôi nhớ NCM vì từ ngày mẹ tôi đau, tôi không hề nhắc đến tên NCM, còn tỏ vẻ ra vui vẻ cho mẹ mau lành bịnh. Sáng hôm sau, trước khi đi làm, cha tôi dặn em Hạnh: “Từ nay đến chiều không có NCM lên thì đúng năm giờ con xuống nhà báo mời anh lên cho cha bảo, có chuyện”.

Cả ngày tôi vẫn nằm mê, đến năm giờ em Hạnh xuống tòa soạn báo Sài Thành thì thấy có một mình NCM đang ngồi sửa một đống bài. Thấy Hạnh, anh giật mình như biết có điều không lành. Anh hỏi:

- Có việc gì vậy em?

Hạnh nói:

- Chị Hai đau li bì bốn hôm nay rồi, ba biểu em đi kiếm anh.

Lúc đó là giờ các cây bút lục đục đến lo bài vở cho tờ báo ra ngày mai. Chắc NCM đang viết Tranh Xã Hội. Hạnh nghe anh dặn một người nào đó:

- Nếu anh về không kịp thì Đồng viết thế anh bài Tranh Xã Hội. (Đồng đây là nhà báo Jean Batipste Đồng).

Đến nhà, NCM vô phòng khách ngồi nói chuyện với cha tôi, hỏi thăm mẹ tôi mấy câu nhưng mẹ tôi không

trả lời. Chờ cha tôi cho phép vô thăm tôi, anh mới dám đứng dậy đi theo và nhắc cái ghế ở bàn học của tôi để xa xa phía dưới chân, ngồi nhìn tôi một cách lo lắng. Sau đó, theo Nhiễu kể, anh đi ra ngoài và xin phép ra về để sáng mai đem thầy đến. Mẹ tôi nghe vậy toan phản đối nhưng cha tôi nói:

- Thì mình cứ để NCM rước thầy, chớ mình có biết ông thầy nào khác thầy Năm đâu. Mà thầy Năm thì sáng hôm qua đã chạy, lắc đầu rồi.

Ba bốn hôm sau tôi tỉnh lại rồi ngồi dậy ăn uống được. Tôi khỏe nhưng mẹ tôi lại lo vì thấy câu chuyện đã đổi chiều: Nào NCM lo rước thầy dạy tôi học để đậu ba bằng cấp, nào NCM khăng khăng đòi cho tôi đi du học, nào hứa với cha mẹ tôi không lên thăm thường nữa mà lo làm ăn chớ không bỏ đi khắp nơi mà không biết là đi đâu… NCM không làm gì trái ý cha mẹ tôi cả năm nay từ ngày đưa Vita lên dạy tôi học, và chỉ lên thăm tôi một lần khi tôi thi đậu.

Tôi dậy và tiếp tục công việc như mọi ngày, phụ làm bếp, chiều thì đi thư viện đổi sách mỗi tuần một lần. Không có bạn bè gái và càng không nhận được thư từ của Thục Nữ hay Như Hằng, nghĩa là tôi không làm gì để cha mẹ phải kiểm soát.

Lúc này cha tôi có mua một quyển sách bằng tiếng Pháp dạy yoga và cũng dạy cách chữa bệnh qua thôi miên. Tôi đọc suốt ngày và tập nhiều môn sách dạy để tự chữa bệnh. Tôi cố dùng cho hết thì giờ, ngày đọc đêm đọc thực hiện các cách dạy trong sách, để quên NCM. Trong một lần NCM đến thăm tôi trong khi tôi nằm bệnh, tôi nghe anh nói với cha tôi là anh đang tìm một người thật xứng đáng, con nhà tử tế để đưa đến giới thiệu với tôi, nhưng người nào cũng nói:

- Anh yêu chị ấy như thế và chị ấy cũng yêu anh như thế thì ai mà chịu, anh làm chuyện mất công. Anh nên nhờ người có uy tín để nói cho hai bác hiểu hoàn cảnh của anh, để ông bà thỏa thuận, như thế có lẽ hay hơn. Thật sự anh vẫn còn yêu chị Bạch Vân quá mà!

Rồi khi cha tôi đi họp ở Hội Trung Việt ái hữu, ông Phan Bá Lân mời cha tôi ra nói riêng:

- Tộâi nghiệp Hồng Tiêu, lúc này cứ vắng tòa soạn luôn, thỉnh thoảng tôi gặp thì nói không biết làm sao thuyết phục bác gái chấp nhận vì bác gái nghe nói Hồng Tiêu đã có vợ con. Sự thật chuyện này không phải khó giải quyết. Hồng Tiêu ở với người đàn bà đó là một sự bất đắc dĩ, anh em người Trung ai mà không biết câu chuyện đáng buồn cười này. Nhưng nếu Hoa Đường hay Thiên Trà nói, bác gái sẽ không tin đâu. Để tôi nghĩ thử ai biết rõ đầu đuôi gốc ngọn nói có chứng có cớ thì may ra bác gái mới chịu.

Về nhà, cha tôi suy nghĩ rồi quyết định cứ hỏi thẳng NCM, không cần dò hỏi ai làm gì, vì NCM là con người trung thực, nóng nảy, nói điều gì là có điều đó, cũng như nói là làm, không bày điều đặt chuyện hoặc làm mà đổ lỗi cho ai. Trong làng báo ai cũng biết tánh NCM. Thế là cha tôi cho gọi NCM tới. Thấy anh, mẹ tôi đứng lên định bỏ đi thì NCM nói:

- Xin má ngồi cho con thưa chuyện.

Mẹ tôi nói, vẻ mặt không vui:

- Chuyện gì cứ nói với ba con Vân được rồi.

Cha tôi mở lời trước:

- Hôm qua tôi đi họp trên Hội Trung Việt có gặp Phan Bá Lân.

NCM nói:

- Dạ, con cũng có nghe anh Phan Bá Lân kể. Hôm nay con đến đây để thưa rõ những điều hai bác cần biết về con. Con thật tình yêu em Vân, nhưng vì đời con trong lúc chân ướt chân ráo bước vào Sài Gòn, gặp nhiều chuyện may cũng có mà gặp một chuyện rủi khó gỡ cũng có.

Đúng là con có ăn ở với một người đàn bà và đã có ba con với người này. Nguyên là hồi đó con đang làm ở báo Opinion (Ngôn Luận – một tờ báo của Pháp, xuất bản một bản tiếng Pháp, một bản tiếng Việt), có đến ở ăn cơm tháng nhà một người đàn bà gần 50 tuổi, không chồng mà có năm con. Theo hàng xóm kể con nghe thì bà này mỗi người con là của một ông khác nhau. Đã ở lỡ rồi, đợi đủ tháng kiếm chỗ khác thì từ đâu ba bốn người bạn ngoài miền Trung vào, chưa có công ăn việc làm cũng tấp vô, hy vọng con kiếm được việc cho họ để họ có tiền trả tiền cơm, tiền trọ. Nào ngờ báo Opinion đóng cửa và chính con cũng bị thất nghiệp luôn.

Người đàn bà này biết tụi con thất nghiệp nhưng cứ để tụi con ở và vẫn nấu nướng cho ăn tử tế. Cho đến một hôm bà ta mời con ra và hỏi: - Tiền ăn ở mấy tháng chưa trả, bây giờ các cậu tính sao đây?

Con nói:

- Xin bác cho cháu một tháng nữa, kiếm được việc cháu sẽ giải quyết hết.

Bà ta cười:

- Còn nếu không kiếm được việc thì sao? Tôi nói huỵch toẹt ra các cậu nghe. Tôi có đứa con gái, con Lan đó, nó cũng không đến nỗi xấu, đã đến tuổi có chồng nhưng ai hỏi nó cũng không ưng, chỉ ưng có chồng làm báo. Vậy trong các cậu ai chịu cưới nó thì tôi miễn nợ, khi nào có việc làm rồi sẽ hay.

Con liếc mắt nhìn Hoa Đường và Hoa Đường gật đầu thì bà ta nói:

- Ngặt là nó chỉ ưng ông Hồng Tiêu.

Cô Lan không đẹp, được cái da trắng nhưng ít học, ăn nói lừng khừng, câu nào cũng không hết ý. Con đang nghĩ đến bà nội con, con nhà quyền quý, cô của ông Phạm Liệu, làm quan ở triều đình Khải Định, rồi nhớ đến hai ông bác con cũng làm quan lớn và bị xử tử trong vụ vua Duy Tân chống Pháp. Còn ông nội con làm quan án sát ở Phan Thiết cũng bị kêu về để cùng bị xử với hai anh. Nhưng khi ghe đi đến Quảng Ngãi thì ông nội con qua đời, ghe phải ghé vào Quảng Ngãi chôn cất rồi bà nội con cùng cha con ở lại nhận Quảng Ngãi làm quê hương.

Trong khi con đang nghĩ về gia thế của mình thì bà này lại giục:

- Thế nào Hồng Tiêu? Cậu nhận lời hay không, hay chê con gái tôi quê mùa?

Lâm vào hoàn cảnh ấy, con phải chịu, nhưng nói:

- Tôi nhận, nhưng với nhiều điều kiện.

Bà ta mừng rỡ:

- Mấy điều kiện cũng được. Cứ nói đi.

- Tôi chịu nhận cô ta làm vợ nhưng không làm hôn thú. Lại nữa, sau nầy khi tôi gặp người vừa ý, có học thức, có nghề nghiệp, thì tôi có quyền chánh thức làm đám cưới. Cô lấy tôi đừng có con càng tốt, nếu rủi để cho có con thì con phải lấy họ mẹ, sau này dù tôi có vợ, các con này tôi cũng không cho theo về gia đình tôi. Lại nữa, công việc tôi tôi làm, không được hỏi đến hay cản trở.

Con ra các điều kiện ngặt nghèo như vậy là để họ chạy, nhưng hai mẹ con và bốn người anh trai đều chịu hết. Các bạn con thở dài nói:

- Tụi này làm khổ anh rồi Hồng Tiêu ơi!

Con nói:

- Miễn là tụi bây làm chứng cho tao việc này được rồi.

Nhưng rồi vì là tuổi trẻ, thêm lúc đó có biết cách ngừa thai đâu, mấy năm sau đó Lan đã có ba con, hai gái một trai, tất cả đều theo họ Trần của mẹ. Sau đó con kiếm được việc, các bạn con cũng đi mỗi đứa một nơi. Vì không phù hợp tính tình, trình độ, xung khắc nhiều thứ, mấy năm nay con và Lan coi như ly thân, Lan về Gia Định ở với bà con. Chị Bút Trà thấy vậy mới đem ba đứa nhỏ về nuôi, hiện chúng đang ở với anh chị con. Nếu hai bác cho phép con cưới em Vân thì con sẽ nhờ anh chị Bút Trà đứng làm chủ hôn, lập hôn thú ở Tòa Đô chánh Sài Gòn hẳn hoi.

Cha tôi làm thinh nghe kể, nhưng cha tôi là người rất ngại dư luận, nên vẫn phân vân về việc con gái lại gả cho người đã có gia đình, còn mẹ tôi thì phản đối ra mặt.

NCM nói tiếp:

- Việc con đã trình bày xong, nếu hai bác nghĩ thương chúng con thì chị Bút Trà sẽ lên thưa thêm nhiều việc, vì đây cũng là trách nhiệm của anh con.

Cha tôi nói:

- Bác thấy chuyện này thật không phải dễ. Nhưng thôi, để bác tính lại với bác gái.

NCM ra về rồi thì mẹ tôi la ầm lên: - Không việc gì phải tính lại với tôi cả! Tôi đã nói là tôi không bằng lòng

kia mà, vì tôi thấy nhiều chị bạn lâm vào cảnh này hay gặp phiền phức lắm, dù các chị ấy chỉ góa vợ.

Nhưng rồi sau đó, khi vợ chú Huấn tôi đến thăm nghe đầu đuôi câu chuyện, đã dỗ dành mẹ tôi. Thím người Bồng Sơn, con nhà giàu, lại giỏi về buôn bán, ăn nói khôn ngoan. Thím lần lần trình bày câu chuyện tuy khó nhưng không phải không giải quyết được. Hồng Tiêu đã hứa như vậy thì chắc sẽ làm như vậy. Và nghĩ lại cũng tội nghiệp cháu Vân hiền lành, nó thương anh chị, anh chị không bằng lòng nó đâu dám cãi, nhưng rồi nó đau khổ âm thầm sẽ nguy đến sức khỏe, tánh mạng…

Khi bà Bút Trà lên, mẹ tôi không chịu ra, để cha tôi và thím tôi tiếp. Hồi cha tôi dẫn tôi lên Bồng Sơn thi sơ học yếu lược, chú Huấn đang học trường trung học Qui Nhơn, cha tôi thấy cô Thuận (sau này là thím tôi) giỏi giắn thì để ý là sẽ cưới cho chú tôi. Gia đình bên ấy bằng lòng liền mặc dù chưa thấy chú tôi bao giờ. Sau hau người thư từ qua lại, hiểu nhau và gia đình bên thím tôi chịu gả, đưa dâu xuống tận cửa biển Tam Quan và rất nể nang cha mẹ tôi vì nuôi em cô cậu cho học hành thành tài còn đứng ra dựng vợ gả chồng. Thím tôi trình bày những khó khăn, việc gì bà Bút Trà cũng nói:

- Ông bà đòi hỏi thế nào thì tôi cũng lo được, không làm cho ông bà mất mặt, cho em gái phải mang tiếng. Cưới hỏi có hôn thú bậc nhất làm tại Tòa Đô chánh, có luật sư Diệp Văn Kỳ làm người chứng. Chúng tôi sẽ thay mặt cha mẹ cưới cho em. Danh chánh ngôn thuận, đâu ai chê bai được. Huống chi vừa nghe Hồng Tiêu cưới vợ là bốn tiệm thuốc lớn ở đây đã cho mượn bốn cái xe hơi lớn (ở Sài Gòn lúc ấy chỉ có bốn tiệm thuốc Võ Văn Vân, tiệm bà Phan Thị Bạch Vân và hai tiệm khác trong Chợ Lớn là có xe hơi lớn mà thôi), còn xe nhỏ thì các chủ báo đều có cả.

Thím tôi nói chuyện với bà Bút Trà khá lâu để giải quyết những chuyện khó khăn có thể xảy ra, và hứa sẽ trình lại với mẹ tôi. Thím tôi còn nói, Hồng Tiêu hứa vậy nhưng khi đã ăn ở với cháu tôi rồi, muốn làm gì thì cháu tôi hiền lắm, làm sao cãi được? Một trăm cái hôn thú mà lòng dạ đổi thay, tình cũ nghĩa xưa, con cái làm sao mà bỏ, cháu tôi làm sao tự đối phó được? Chuyện thơ văn chỉ để tô điểm cuộc sống, mê hoặc con người, còn thực tế có chạm trán mới biết ra sao. Cháu tôi bà thấy đó, nó hiền lành nết na, chỉ biết có học. Chưa ra đời, chưa hiểu đời muôn mặt nghìn lòng, lúc đó muốn rút lui cũng không phải dễ. Huống chi một cuộc hôn nhân được rất nhiều người quan tâm, các báo lớn nhỏ đều nói đến, nếu sau này không tốt đẹp thì sẽ bị người đời cười chê…

Bà Bút Trà thấy thím tôi còn nhỏ mà ăn nói rất chí lý cũng mến phục. Bà thì ít học nên cứ nói đi nói lại, cứ hứa:

- Chúng tôi là anh chị thay mặt cha mẹ chẳng lẽ lại không biết điều hay sao thím? Thím thưa với ông bà là chúng tôi cũng phải giữ lời hứa và tiếng tăm của chúng tôi chớ. Chuyện trước đây của Hồng Tiêu đúng là như vậy, và dù chú ấy được hoàn toàn tự do kết hôn đúng luật, chúng tôi cũng vẫn sẽ thu xếp mọi chuyện thật êm đẹp, không để xảy ra chuyện gì không hay cho em Vân hết.

(Sau đó quả bà Bút Trà đã giúp chị Lan mở một nhà thuốc tây và chị đã lâïp gia đình khác, được thêm ba người con nữa. Dù đã có điều kiện từ trước, ba người con đầu của anh Hồng Tiêu vẫn trở về với anh, tôi đều phụ anh nuôi dạy cho đến khi nên người).

Khi bà Bút Trà ra về rồi, mẹ tôi lại làm trận với cha tôi và còn rầy thím tôi: - Với bà Bút Trà mà mình tin được sao? Có phải là cha mẹ Hồng Tiêu đâu. Bà ta cũng đã có chồng, chắp nối với ông Bút Trà nghe đâu đã có hai ba đời vợ, bà còn một gia đình riêng trong Chợ Lớn. Uy tín một người như vậy ai dám tin?

Nhưng rồi cha tôi và thím tôi phân tích phải không với mẹ tôi cả một ngày một đêm thì mẹ tôi cũng bớt tức giận và nghĩ thương tôi, mẹ tôi nói:

- Ừ, thì để coi họ tính sao đây.

Cuối cùng, chắc cũng chỉ vì thương tôi mà mẹ tôi đã chấp nhận chuyện hôn nhân này.

Được tin, Hồng Tiêu (từ đoạn này tôi xin không dùng tên NCM nữa) liền thu xếp về Quảng Ngãi làm khai sinh để làm hôn thú. Hôm đi anh có lên từ giã ba má tôi và vui vẻ cười nói với tôi: - Cái thời trước vậy đó, thi ba bốn bằng chữ nho, hai ba bằng chữ Pháp, mà chẳng cần khai sanh, bây giờ 33 tuổi phải có nó mới cưới được vợ!

Hồng Tiêu về Quảng Ngãi lần này không phải đi bộ như hồi anh còn trẻ từ đó tay trắng vào Sài Gòn lập nghiệp. Anh đi xe lửa, về đến tỉnh liền thuê xe kéo xuống Cổ Lũy. Trong khi đứng đợi đò ở Cổ Lũy về Trường Yên, nơi mà bà, cha mẹ cùng anh chị em của anh từng sống ở đó, cám cảnh anh xuất khẩu đọc thành thơ:

Qua sông ta gọi con đò
Lòng ta như nắm chỉ vò trong tay
Lìa quê từ bấy đến nay

Biết rằng cảnh có như ngày ta đi
Mây xanh trăng bạc từ khi
Bây giờ lại thấy mặt mày cố nhân
Ngậm ngùi thân lại tủi thân
Bốn phương nặng nợ mười ân lỗi nghì
Cây xưa nọ gốc bồ đề
Nhà xưa chủ mới mình nầy ngươi xưa
Mơ màng trong cõi nắng mưa
Đòn cân tạo hóa trừ thừa biết sao
Để chân về chốn chôn nhau
Mà như khách lạ nơi nào đến chơi
Cố hương ơi! Cố hương ơi!
Người con mặt biển chân trời về đây
Tư bề lặng lẽ nước mây
Vô tình nước chảy mây bay một chiều

Làm xong khai sanh, anh trở về liền và đi thuê ngay một căn phố lầu ở đường Alsace Lorraine (bây giờ là Đặng Thị Nhu) để làm chỗ ở cho chúng tôi và dự định sau này làm báo. Trên lầu là phòng ngủ và phòng khách riêng, dưới dành cho tòa soạn tương lai. Bạn bè kẻ cho bộ salon, người cho bộ bàn ăn, anh Phan Bá Lân thì cho một bộ giường nệm với một cái mùng kiểu treo trên tường phủ xuống… Nhà bếp đầy đủ đồ dùng, chén bát, soong nồi…, không thiếu một cái gì.

Chúng tôi đăng ký làm đám cưới tại Tòa Đô chánh Sài Gòn vào ngày 16-10-1935. Bên phía anh Hồng Tiêu, anh chị Bút Trà làm chủ hôn, luật sư Diệp Văn Kỳ, một luật sư học ở Pháp về nổi tiếng thời bấy giờ, và nhà báo Thanh Phong làm hai người chứng. Bên phía tôi, cha mẹ tôi, chú thím tôi làm người chứng.

Đồ sính lễ cũng rất trọng thể, hai áo nhung dài và đầy đủ nữ trang. Tiệc đãi tại một tửu lầu ở Chợ Lớn, chị Bút Trà đặt cả chục bàn đãi khách cả đằng trai lẫn đằng gái. Xe đến rước dâu, khách khứa lên chật cả bốn chiếc xe lớn mà các hãng thuốc cho mượn. Hôm ấy tôi nhìn cha tôi mà thương cảm vô cùng, một thời thơ ấu sống với cha như vậy đến khi vừa học xong trung học, chưa đền đáp được một ngày công ơn cha mẹ đã đi lấy chồng… Tôi cúi mặt cố nuốt nước mắt, nhưng hai giòng lệ cứ tuôn chảy. Đây là lần đầu tiên tôi khóc. Trong đời tôi, tôi chỉ khóc có bốn lần, mà lần này là lần thứ nhất.

Sau đám cưới, một tiệm chụp hình ở đường Bonard (Lê Lợi) đến mời chúng tôi đi Sở Thú và chụp cho chúng tôi cả mấy trăm kiểu hình và khi rửa xong mang đến mừng chúng tôi. Thế mới thấy độc giả của anh NCM thương anh đến bậc nào.

Hôm đám cưới, ai cũng xì xầm hỏi cô phụ dâu là ai vậy. Có phải là bạn cùng học với tôi không. Họ bảo cặp dâu và phụ dâu đẹp nhất trong đám cưới. Đây cũng là một câu chuyện hơi lạ, vui vui mà tôi xin kể ra đây trong hồi ký:

Nguyên cha tôi có một người bạn tên Tân, chúng tôi thường gọi là chú Tân. Chú cũng làm Sở Thương chánh nhưng ở Hội An. Chú góa vợ đã hai năm rồi và chú đem lòng yêu một cô, nhưng khi nói ra thì chẳng những cô này không ưng mà cha mẹ, bà con ai cũng phản đối. Khi có đám cưới của tôi, chú liền xin phép cha tôi cho cô vô dự, làm phụ dâu để cô thấy khi đã thật lòng yêu thì mọi việc đều có thể thu xếp và đi đến hôn nhân hạnh phúc. Sau đám cưới của tôi, cô trở về Hội An và bằng lòng làm vợ chú. Chú Tân viết thư vô cảm ơn cha mẹ tôi và gởi lời chúc chúng tôi luôn hạnh phúc.

Trở lại chuyện đám cưới, khi tiệc tan xe đưa chúng tôi về nhà cùng một số khách thân như vợ chồng Băng Dương, Thụy An, gia đình bên tôi… Cha mẹ tôi xem qua nhà cửa, kiểm lại mấy món quà bà con ban bè biếu. Rồi mọi người lần lượt ra về. Khi đưa cha mẹ tôi xuống lầu, cha tôi nói:

- Nhà cửa như vậy cha thấy cũng được, nhưng chưa mướn được người làm phải không?

Hồng Tiêu nói:

- Hiện giờ thì con muợn đỡ một em nhỏ, nay mai sẽ có chị bếp trước làm cho Batipste Đồng đến giúp việc

Khi mọi người về rồi, anh Hồng Tiêu nói với tôi:

- Anh mệt đừ, ba ngày nay em biết không, anh chỉ ăn có ba tay cầm cháo trắng mà chạy hết đầu này đến đầu nọ, mệt quá em ơi! Cho anh đi ngủ vài giờ đã.

(Sau này khi sống với anh, tôi mới biết tay cầm cháo mà anh ăn là như thế nào! Một tay cầm lớn nấu được một lon rưỡi gạo và anh ăn hết, chỉ với muối. Anh nói người Tàu cho là ăn bạch chúc (cháo trắng) sẽ bổ ngũ tạng.

Nhưng khi tôi vừa dọn xong thì anh bỗng thức dậy. Anh ra ngồi ở chiếc ghế salon và chỉ tôi ngồi xuống ghế đối diện. Anh nói: - Chúng ta nói chuyện được không? Em có buồn ngủ không?

Tôi lắc đầu và ngồi xuống đối diện anh. Anh nói:

- Trước khi mình sống chung với nhau suốt đời, em có gì hỏi hay ra điều kiện gì với anh không?

Tôi suy nghĩ một chút rồi nói:

- Có chớ. Em nói có điều gì anh thấy không hạp ý, thì mình bàn lại. Điều thứ nhất là gia đình em ba đời rồi không hề có tiếng chửi thề, cha em giận thì chỉ nói: “Sao mà ngốc thế!”.

Hồng Tiêu nói:

- Gia đình anh cũng vậy. Bà nội anh dòng dõi quí tộc, nghiêm lắm, có giận đến đâu cũng chỉ nói: “Củi mục một bè, củi tre một bọn!”. Còn gì nữa không?

- Cha mẹ em không bao giờ đánh em. Chỉ có một lần mẹ giận đánh em chỉ bằng cái đuôi quạt mà cha em cũng không bằng lòng. Em nghe nhiều người nói, anh nóng như Trương Phi, đến như chị Phương Lan, vợ của anh Bùi Thế Mỹ, lúc anh làm chung với chị ở báo Opinion, anh dám vác cái khuôn chữ in liệng vào mặt chị, đúng không? Chuyện này ai mà không biết, cái gì không vừa ý anh là anh la hét om sòm, anh mà hét thì ngoài đường cũng nghe. Anh không được đánh em dù chỉ là một cái tát nhẹ, và bớt la hét đi, kỳ lắm.

Hồng Tiêu hỏi:

- Khi giận làm sao dằn được? Rủi anh không dằn được thì sao, em đánh lại hả?

Tôi buồn cười nhưng vẫn bình tĩnh nói:

- Anh thì như Trương Phi, còn em, anh thấy thân em có bằng chị Bút Trà của anh chưa mà dám đánh lại? Nhưng ai lại vợ mà đánh chồng, vô duyên lắm. Em nói rồi, anh không được đánh em. Người Pháp lịch sự với đàn bà và nói không bao giờ đánh phụ nữ dù chỉ bằng một cành hoa.

Anh nhìn tôi rồi nói:

- Mình có phải người Pháp đâu.

- Kìa, em đã nói anh không được đánh em.

Anh ngẫm nghĩ rồi nói:

- Thôi được rồi, anh sẽ ráng giữ điều cấm kị này. Hễ anh giận định giơ tay đánh em thì anh rút tay lại, lấy nón ra đi, đi bậy bạ đâu đó, hay qua nhà báo, hết giận thì về, được chưa?

- Được, đây không phải là chuyện giỡn đâu mà cười.

Sau này, mỗi khi anh giận đưa tay lên định đánh tôi, thấy tôi giương mắt nhìn thì chợt nhớ ra lời hứa, liền rút tay lại, lấy nón đội lên rồi ra đi. Có khi đi cả ngày mới về, có lần qua bên chị Bút Trà thấy họ đánh tứ sắc, nhào vô chơi suốt đêm, ăn cả túi tiền mới về, còn kêu theo một gánh thịt nướng và một gánh chè bột khoai, đãi cả xóm.

Anh hỏi:

- Còn gì nữa, nói hết đi để anh còn đi ngủ. Em đi tắm rửa, thay đồ mát, rồi vô ngủ sau, việc gì cũng để ngày mai sẽ tính. Ba năm trời mới lo được việc rước em về, giờ rước được rồi, đã là vợ chồng thì ngày tháng là của mình, có gì mà gấp phải không em?

Và anh đã giữ đúng lời, suốt 50 năm chung sống [1], anh không bao giờ đánh tôi, mọi việc nặng nhọc anh đều giành lấy làm, không xâm phạm vào quyền tự do của tôi, tôi có công việc của tôi, anh có công việc của anh. Anh nói tôi là quyển từ điển tiếng Pháp của anh, cần lúc nào, dù tôi đang ngủ, anh cũng đánh thức dậy trong lúc anh viết bài để hỏi tên một tỉnh thành nào đó bên Pháp hay một nhân vật nào đang làm Tổng thống ở đâu đâu bên châu Âu.

Còn tôi, lúc nào tôi cũng xem anh như một người thầy, một người anh, một người bạn, một người chồng.

Đó là mối tình đầu tiên và cuối cùng của tôi.

---

1 Anh mất ngày 26-3-1985 tại nhà, thọ 84 tuổi.

CHƯƠNG 4. VUI BUỒN NGHỀ VĂN – NGHỀ BÁO

1.TÔI TÌM Ở ĐÂU ĐỀ TÀI ĐỂ VIẾT?

Trong hai mươi năm tôi làm báo và viết văn, người ta nói đùa là tôi đã viết 1001 truyện ngắn. Còn tiểu thuyết dài và vừa thì gần cả 100 bộ. Sự thật thì tôi đã xuất bản độ 70 bộ truyện dài và truyện vừa. Truyện đã đăng báo nhưng chưa in thành sách vẫn còn khoảng chục bộ. Truyện nhi đồng viết vì yêu cầu của nhà xuất bản Nhi đồng khoảng vài chục truyện. Còn truyện ngắn cũng vài trăm cái.

Vì vậy người ta mới lấy làm lạ, tôi lấy đề tài từ đâu mà viết được nhiều như vậy? Lấy đề tài ngoài đời mà mắt tôi thấy, tai tôi nghe khi tôi bắt đầu hiểu. Quanh tôi có bao nhiêu chuyện đáng để ý, đáng suy nghĩ và đáng nhớ. Tiếp đó là những chuyến đi xa, đi khắp miền Nam Trung Bộ từ Huế trở vô. Từ khi còn nhỏ tôi đã biết quan sát, cái gì không hiểu đã có cha tôi hướng dẫn, dạy dỗ. Rồi cuộc sống ở các trường học, tiếp xúc với bạn bè. Đã tiếp xúc, lẽ dĩ nhiên là có va chạm, có cách đối phó, có những suy nghĩ gây mầm, thu góp hành trang để đi vào đời sau này.

Xã hội của tuổi trẻ thời học trò có nhiều gay cấn, biến động không ngừng và chính tình cảm con người với con người nảy sinh vào thời kỳ này rất quan trọng. Tình bạn, tình thầy trò, tiếp nối tình yêu thương ở gia đình, tình phụ tử, mẫu tử, huynh đệ đã cho tôi thêm một mớ hành trang để đi vào đời viết văn. Nói như Victor Hugo, con người nào mà trái tim rung động, linh hồn nhạy cảm mới có thể cầm bút viết dễ dàng. Nếu trái tim chúng ta như một khối hình ảnh thì rồi cũng có một lúc những điều tra ta tiếp nhận được sẽ đầy ắp, một lúc nào đó bị rung động sẽ trào ra ở ngọn bút hay cây cọ, tiếng nhạc…

Lúc nhỏ, thấy thân phụ tôi viết bài, làm thơ, tôi thường nghĩ những điều ấy một ngày nào đó tôi có thể làm được không? Làm một nhà văn chắc là thích thú lắm? Nhưng cha tôi viết văn là chỉ để dùng thì giờ nhàn rỗi vào chuyện giải tỏa tâm hồn, chứ thật sự cha tôi chỉ là một công chức ngày hai buổi đi làm ở công sở.

Cha tôi thường nói với tôi: "Đây là một cách giải trí lành mạnh, một cách nuôi dưỡng trí óc, tâm hồn trong sáng, chứ nghề viết văn ở xứ ta ở thời buổi này (vào những năm 1920-1925) không thể nuôi người viết một cách tự do và đầy đủ. Vào thời kỳ lệ thuộc ấy, muốn viết những gì mình cảm nhận, những gì mình muốn nói, không phải là chuyện dễ. Viết văn để kiếm ăn ở thời kỳ ấy đều phải tùy thời, thậm chí phải đánh mất tự do của mình là khác".

Khi còn đi học, tôi cũng thử viết những truyện ngắn, tập dịch những bài hay của các nhà văn Pháp, và thấy làm việc ấy không mấy khó khăn. Viết lách đối với tôi cũng không đòi hỏi nhiều cố gắng, nhiều công sức. Tôi làm công việc ấy dễ dàng như khi tôi viết những bài luận văn hay Pháp văn để góp cho các giáo sư, mà lần nào tôi cũng nhận được những lời khen hay những điểm lớn.

Những cuộc thi văn chương chung với các trường Pháp như Chasseloup Laubat (bây giờ là Lê Quý Đôn), trường Marie Curie, trường Sư phạm (Ecole Normale), tôi vẫn được giải thưởng cao nhất. Vì vậy đặt bút viết khi mới 16, 17 tuổi, tôi vẫn không dùng giấy nháp, y như lúc tôi cầm bút viết báo sau này. Một thiên phú chăng? Nếu vậy thành thật cảm ơn các đấng sinh thành đã cho tôi cái thiên phú ấy.

Thật ra viết đối với tôi không phải là khó, vì ngay từ nhỏ tôi đã quen viết. Mới chín tuổi tôi phải xa nhà để ra Đà Nẵng học, vì vậy mỗi tuần cha tôi bắt buộc tôi phải viết một bức thư về nhà, không được dưới bốn trang giấy học trò. Mới chín tuổi tôi bới đâu ra để mà viết dài dòng như vậy ngoài những lời hỏi thăm thường lệ? Bây giờ nghĩ lại, tôi nhận thấy đây cũng là một cách cha tôi luyện cho tôi viết văn, mà lúc ấy tôi không nghĩ đến.

Cha tôi cho tôi một cái dàn bài phải viết như thế nào, viết có thứ tự và có những đề tài để viết. Cái nào phải viết trước, cái nào phải viết sau. Và luôn luôn đọc kỹ thư cha tôi để trả lời những câu cha hỏi. Đó cũng là một cách dạy tôi cách viết thư và có chuyện để nói dông dài mới chiếm được bốn trang giấy.

Chẳng hạn cha tôi hỏi về sức khỏe bà ngoại tôi, bà tôi tuần này buôn bán ra sao, có thâu hàng thêm không? Bà tôi có thường đi chùa không, và khi bà tôi đi vắng, ở nhà tôi có coi cửa hàng và bán những thứ lặt vặt cho bà tôi không? Rồi đến chuyện tôi đi học. Bạn bè của tôi có những ai? Tôi có bạn để cùng đến trường không? Trường cách xa nhà không? Tôi đi bộ mỏi chân không? Tôi có tiền ăn quà bánh không? Tôi làm gì những ngày chủ nhật? Có đi chơi xa không? Tôi có gì vui hay buồn phải kể cho cha tôi biết. Rồi đến chuyện học hành trong lớp có theo kịp bạn bè không? Cha tôi còn nhắc có khi nào tôi quên gia phong, thốt lên lời chửi rủa một ai đó không? Thí dụ như một người bạn làm mình bực mình hay một người nghèo cứ luẩn quẩn bên mình để xin tiền… Với bao nhiêu lời dặn, với bao nhiêu câu hỏi, tôi trả lời còn khó hơn làm một bài luận văn. Thư nào tôi quên một câu hỏi là thư sau bị rầy và bị nhắc lại.

Bây giờ ngồi viết lại những trang nhật ký này tôi thấy cách cha tôi huấn luyện viết thư cũng là một cách tập cho tôi viết văn. Mà các bạn biết không? Tôi ở Đà Nẵng với bà tôi cả ba năm, một tháng viết bốn lá thư. Lần lần tôi quen, tôi kể đủ chuyện cho cha tôi nghe.

Sau Đà Nẵng, tôi còn ra Huế học ở trường nữ trung học Đồng Khánh và cũng phải viết thư về nhà. Những thư viết ở ký túc xá thường bị kiểm duyệt, nên tôi không còn viết dài dòng nữa. Có những chuyện bực mình muốn nói mà không dám nói. Nếu có việc gì cần nói riêng, hay than thở chuyện trong trường thì tôi phải viết rồi nhờ bạn ngoại trú bỏ giùm ở bưu điện.

Các bạn thấy đó, mới trên chín tuổi đầu tôi đã quen viết những bức thư về nhà như vậy thì khi ngồi trước bài luận, tôi không còn sợ đầu óc mình khô khan. Và tôi có thể viết hết bốn trang giấy ở các phòng thi sau này một cách dễ dàng mà không sợ bị lạc đề.

Viết đến những dòng này, tôi bỗng dưng thấy thương nhớ cha tôi quá. Một người vừa là thầy, vừa là cha, vừa là bạn. Tôi học ở cha tôi đủ thứ, cả cách trồng hoa, nhất là hoa hồng, săn sóc cây kiểng và ươm cây, chiết nhánh. Tôi học ở cha tôi cái đam mê đọc sách. Nhưng tôi lại không học được cái thú tiêu khiển bằng cây đàn nguyệt, mà em gái kế tôi, em Nhiễu, những lúc tôi đi học xa, ở nhà đã được cha tôi dạy môn âm nhạc ấy. Tôi không có khiếu âm nhạc nhưng em tôi lại không có khiếu văn.

Chính nhờ được luyện viết từ lúc nhỏ, nên khi vào làng báo, tôi không cảm thấy bỡ ngỡ lắm, trái lại còn được tiếp đón một cách niềm nở là khác.

Những câu chuyện từ trường học cũng cho tôi nhiều đề tài để viết. Ví dụ như truyện Gương Vỡ Lại Lành, tôi lấy ngay đề tài ở trường Gia Long nơi tôi học, mà nhân vật chính lại là một chị bạn học năm cuối của trường. Chị đi thi trung học và về kể lại một chuyện khá vui. Chị vào thi vấn đáp môn toán với một giáo sư người Việt còn trẻ và ông này cứ theo nhìn chị hoài và sau cùng hỏi địa chỉ của chị. Chị không cho thì ông ta cười và nói cô giấu làm gì, trong cái thẻ học sinh này, tôi đã thấy địa chỉ của cô mà. (Sự thật thì trong thẻ học sinh làm gì có địa chỉ riêng!).

Vậy mà sau đó ông ta cũng tìm ra được địa chỉ nhà chị ở Mỹ Tho. Ông ta tìm xuống tận nơi, để rồi một cuộc tình thơ mộng đã nung nấu hai tâm hồn trẻ. Họ yêu nhau lại được cha mẹ ưng thuận, nên sau đó mấy tháng một đám cưới đã tổ chức trọng thể vì hai bên cha mẹ đều là chủ đồn điền, mà nhà trai có tiếng là gia đình phúc đức, một điền chủ không bóc lột. Rồi họ lên Sài Gòn mua một căn nhà ở gần chỗ Thạch, chồng chị dạy. Họ sống trong hạnh phúc không gặp ai, không tiếp bạn bè, thỏa thuận cùng nhau. Nhà chỉ có hai cái chén, hai đôi đũa, cái gì cũng hai. Không tiếp cả cha mẹ, chị em.

Một chuyện tình tốt đẹp quá, thơ mộng quá, nhưng cũng lãng mạn quá. Họ sống riêng biệt bên nhau cả mấy tháng trời. Thạch đi dạy thì chị ở nhà lo nấu nướng, thêu may, dọn dẹp và khi Thạch về thì cả hai như đôi chim ríu ra ríu rít, cười đùa không ngớt. Đến nỗi cha mẹ cả hai bên phải than phiền là con cái tệ quá, quên cả cha mẹ. Vậy mà có ai ngờ được chuyện tình ấy lại dang dở vì một trận đau kéo dài của chị, bệnh lao phổi. Rồi cô em gái của chị lên thăm, lấy cớ ở với chị để phục vụ việc nhà, và cũng để học tiếp ở trường nữ Gia Long, xin chuyển từ Mỹ Tho lên.

Ở đời không có chuyện gì là bất ngờ cả. Hoàn cảnh đã làm thay đổi con người. Cô chị thì đau yếu, cô em lại mạnh khỏe, ông chồng thì thiếu người trông nom, thiếu tình thương, nên đã bị cô em lôi kéo vào một chuyện yêu thương tội lỗi.

Câu chuyện kể từ bạn bè đó đã cho tôi đề tài để viết một quyển tiểu thuyết, một chuyện có thật ở xã hội, với những tình cảm éo le, nhưng lại rất thường tình: Gương Vỡ Lại Lành. Sau này tôi đổi tên lại là Còn Vương Tơ Lòng, là vì gương vỡ không lành chỉ hàn tạm, chứ sự thật thì tình chồng vợ của hai người đã từng yêu nhau tha thiết, nay không còn nữa. Thay vào đó họ chỉ còn vương lại một chút tơ lòng. Sau 1975, tôi định viết lại chuyện này hoàn toàn theo sự thật. Vì tôi rất cảm động trước cư xử rất khoan dung, rất ưu ái của bà mẹ chồng đứng giữa hai người yêu của con trai mình. Người dâu đầu bà cưới, chỉ do con trai bà thương. Nhưng sau đó bà thật sự cảm mến cô dâu ấy vì lòng yêu thương chân thành và sâu đậm cùng tánh trung hậu, đàng hoàng của cô. Nhưng cô đau yếu, mang một bệnh ngặt nghèo mà vào thời ấy, cho là khó chữa lành, nguy hiểm, lây lan. Và bà thương cảnh con trai mới có vợ ba năm, chưa có đứa cháu nội nào cho bà bồng ẵm, bây giờ phải phòng không gối chiếc còn phải lo cho vợ ở bệnh viện. Đến khi có cô em vợ xen vào, và đã lén lút yêu thương con trai bà, bà biết nhưng giả vờ như không hay biết. Bà là người rất sành tâm lý. Bà hiểu cô em chỉ ghen với hạnh phúc của cô chị, thấy cô chị được thương, được ở nhà cao cửa rộng, nên cố ý đoạt hạnh phúc của chị. Chứ thật sự không yêu thương Thạch như cô chị.

Rồi cô ta có thai. Thật là một chuyện khó xử, nhưng lại là một tin mừng cho bà. Thạch là con một, bà sắp có cháu trai để nối dõi tông đường. Bà ráng thu xếp việc này cho thật yên. Nhưng trong khi cô chị âm thầm đau khổ, cô em lại khai thác ưu thế của mình một cách quá trớn, nay đòi ẵm con về nhà mẹ, mai đòi ra sống bơ vơ ngoài đời. Thạch thì không biết phải làm sao cho ổn thỏa. Bà mẹ chồng nảy ra cái ý đưa cô dâu lớn qua Pháp chữa trị và để nhà cửa lại cho cô em và cậu con trai.

Một mối tình chân thật, một mối tình có tính toán, một bà mẹ chồng vì quyền lợi của mình, nhưng cũng vì yêu thương cô dâu đức hạnh nên cố dàn xếp. Đây là một cốt truyện rất thường tình trong xã hội.

Cũng từ những câu chuyện hồi đi học, tôi đã viết truyện Bóng Người Xưa, mới vài tuần đầu đã gây được tiếng vang khắp nơi, độc giả nam cũng như nữ theo dõi, bàn tán, có kẻ nóng lòng muốn biết kết cục, đã gửi thư hỏi thăm. Thật là một điều đáng khích lệ. Truyện này tôi viết về một chị bạn cùng học ở trường Đồng Khánh năm 1930-1931. Chị học lớp đệ tứ, trong khi tôi mới vào ký túc xá năm đệ thất. Chị là người Nghệ An hay Quảng Bình gì đó, học rất giỏi. Tuy ở ký túc xá nhưng chị không có bao nhiêu bạn. Lúc nào tôi cũng thấy chị thui thủi có một mình. Giờ ra chơi cũng như những giờ được nghỉ, chị thường thơ thẩn một mình, lúc nào cũng có vẻ suy tư và lo lắng về một chuyện gì đó. Chị lại là người thương bị phòng kế toán gọi hối thúc đóng tiền học. Có lần bị bà giám thị mắng nhiếc, chị buồn và chui vào một xó phòng thể dục, lau nước mắt. Tôi thấy hoàn cảnh chị nên rất thương và tìm cách làm quen với chị. Tên chị ở trường không phải Lệ Hằng như tên tôi đặt trong tiểu thuyết. Bây giờ ngồi viết lại những kỷ niệm cũ, tôi vẫn còn thấy mến phục chị, thương chị vô cùng. Không biết ở một phương trời xa xôi nào đó, chị có còn sống không? Chị lớn hơn tôi khoảng ba, bốn tuổi. Có lần thấy chị đan một cái khăn len màu ngà, rông cỡ 1m2, tôi đến làm quen với chị. Chị thấy tôi lại gần, mỉm cười nhưng không bỏ đi như có lần một vài chị khác đến làm quen. Chị hỏi tôi: “Dân mới về trường phải không? Ở đâu đến vậy? Tên chi?”.

Chị hỏi một hơi dài, làm như hỏi cung không bằng. Tôi vẫn vui vẻ trả lời: “Dân mới về trường nhưng không bị ăn hiếp vì có các chị cùng quê ở đây che chở. Ở Đà Nẵng đến và tên là Bạch Vân”.

Chị gật đầu: “Tên hay đấy!”.

Rồi chị nói: “Mình ra băng đá ngồi đi, ngồi trong hốc này tụi giám thị tưởng đâu mình âm mưu gì”.

Lúc đó tôi chưa hiểu nên hỏi:

- Âm mưu gì?

- Tụi nó nghi mình làm chính trị.

- Làm chánh trị? – Tôi ngạc nhiên hỏi lại. Chị cười và nói:

- Thế là em chưa biết chị. Tụi nó nghi chị vào đây để truyền bá chủ nghĩa cộng sản đó em.

Chị kéo vào tôi ra bàn đá giữa sân, trên đường ra cổng và nhìn về giòng sông Hương đang lờ đờ chảy ở phía trước xa xa.

Tôi hỏi: “Chị đan làm gì cái khăn len quá rộng như vậy? Mà sao em thấy chị đan hoài nó vẫn không dài thêm tấc nào. Em ra đây đến nay là ba tháng rồi!”.

Chị cười xòa:

- Đan cho qua thì giờ. Mình vừa đan vừa suy nghĩ, không ai để ý, chớ ngồi ngây người ra tụi nó lại nghĩ, mình định âm mưu gì.

Rồi chị cười lớn ra vẻ thích chí. Tôi nhìn sững chị và thấy chị có một vẻ đẹp quý phái, nhưng bên trong vẻ đẹp ấy là một nét buồn kín đáo.

Chị bỗng đưa cái khăn đang đan lên và bảo:

- Tụi nó đang theo dõi em đó. Tốt hơn em không nên gặp chị thường, chị dễ gây tai họa cho người khác lắm.

Có lần cũng thấy chị ngồi đan một mình trên ghế đá, tôi đi ngang và nói:

- Chị đan hoài không xong, chị làm như bà Pénolope trong chuyện cổ La Mã, ngày đan đêm tháo.

Chị trợn mắt nhìn tôi, rồi cười xòa:

- Em cũng biết chuyện bà Pénopole sao?

- Em đọc sách thấy nói bà ta là một hoàng hậu thật đẹp, một ông vua nước khác si mê bà, bắt bà về ép phải làm hoàng hậu của ông. Bà hứa để bà dệt xong tấm vải may chiếc áo cưới thì sẽ nhận lời. Thế rồi ngày bà dệt, đêm bà tháo, cứ vậy nên tấm vải còn mãi chỗ cũ không bao giờ xong. Bà chờ đến ngày chồng bà đem quân cứu bà ra khỏi tay vị vua kia.

Chị khen tôi kể chuyện hay và thở dài:

- Chị đâu phải là hoàng hậu, chị là người phải làm một nhiệm vụ…

Có lần cô giáo dẫn học sinh ký túc xá đi dạo chơi ngắm cảnh. Chị và tôi cùng là dân không có bà con ở Huế, ít khi Chủ nhật ra ngoài, đã được đi núi Ngự Bình.

Ra tới đây, cô giám thị vào quán ăn bánh bèo, kéo theo một số học sinh, vì bánh bèo ở chân núi Ngự Bình lúc ấy có tiếng là ngon nhất xứ Huế. Tôi thấy chị Lệ Hằng (tên tôi đặt cho chị trong tiểu thuyết) dẫn hai người bạn leo lên núi Ngự Bình. Họ đi thoăn thoắt, tôi chạy theo mà cũng không bắt kịp.

Núi có những bậc tam cấp được người ta đục sẵn, đi lên không khó lắm. Núi lại không cao, nên không dốc lắm. Tôi lên tới đỉnh, thấy sau một bụi cây rậm rạp, chị Hằng ngồi cùng với ba chị khác và họ trao cho nhau những bó giấy, rồi mỗi chị nhét nó vào quần trong áo dài. Nghe tiếng còi báo hiệu tập hợp ra về, chị Hằng và ba người bạn đợi mấy chị khác lên núi xem cảnh chạy xuống trước, rồi họ mới chia nhau chen vào đám đông đi xuống.

Đêm hôm ấy bên Phủ Doãn (nhà giam tù chính trị) đã qua trường Đồng Khánh và bắt chị Hằng cùng ba cô bạn khác về tội rải truyền đơn dọc đường khi ở Ngự Bình về. Trong ba chị bị bắt, một chị được thả về vì có cha làm quan lớn trong triều. Các bạn kể tôi nghe là chị Hằng đã bị theo dõi từ lâu. Năm học đệ ngũ, chị có bị bắt một lần nhưng không tìm ra bằng chứng nên người ta thả chị ra và có hai người bà con làm công chức đứng ra bảo lãnh chị mới được tiếp tục học lại.

Một chị kể:

- Việc lộ ra là hôm chủ nhật khi lớp nam sinh Quốc Học đi phía sau thì lớp nữ sinh Đồng Khanh đi trước đã chờ đợi tốp nam đi qua. Hai bên trao đổi giấy tờ gì đó mà các giám thị bên Quốc Học đã lục soát bọn đi chơi về và bắt được tài liệu. Vì vậy ở bên Quốc Học đêm qua cũng có một số học sinh bị bắt.

Lúc bấy giờ đang có phong trào truyền bá chống thực dân Pháp, đề cao lòng yêu nước trong học sinh sinh viên, rồi phong trào Nguyễn Thái Học ngoài Bắc, các hoạt động của các cụ Phan Sào Nam, Phan Chu Trinh ở miền Trung. Cả chủ nghĩa cộng sản cũng đang phát triển trong nhân dân. Và tụi Pháp đã ra tay đàn áp tàn bạo. Đây là thời điểm các nhà cách mạng nhắm vào thanh niên ở các trường, các trí thức trong hàng ngũ công chức… để vận động.

Chị Hằng bị kêu án ba, bốn năm tù, mấy chị kia lãnh án vài năm. Và chị Hằng bước vào con đường cách mạng từ đó. Nhờ có vài thế lực nào đó, chị được bảo lãnh ra tù, nhưng không được học lại. Chị gia nhập một tổ chức yêu nước và hoạt động trong bóng tối. Bỗng nhiên sau đó một vài chị bạn trong trường kể tôi nghe là chị sắp kết hôn với một kỹ sư và dọn về ở một vùng quê nào đó…

Chính câu chuyện này đã cho tôi đề tài để viết Bóng Người Xưa và quyển này đã giúp tôi có những bước đi thật vững chắc vào làng văn lúc bấy giờ. Sách in lần đầu bán chạy, người ta lại tái bản, cả hai ba lần sau đó. Và sau 1975, Nhà xuất bản Văn Nghệ TP.HCM cũng đã tái bản Bóng Người Xưa (năm 1989). Sách in 15.000 quyển đã bán sạch.

Thật ra, tôi đưa nhân vật Lệ Hằng ra, rồi nhân vật Thúy Ái sau đó là để đề cao người phụ nữ trong phòng trào đấu tranh cho đất nước. Một phụ nữ xông pha với tù đày, đấu tranh vất vả, và một phụ nữ sống trong gia đình, dưới bóng mát của tình yêu thương nhưng không quên bổn phận đóng góp phần nào vào công việc đấu tranh giành độc lập cho nước nhà.

Cũng có khi tôi lấy đề tài từ chuyện trong chính gia đình mình, như chuyện Mẹ Chồng Nàng Dâu, truyện Giang San Nhà Chồng, là hai truyện tôi lấy từ cảnh sống, làm dâu của bà chị chồng và của cô em gái tôi. Cả hai phải đối phó thế nào để vượt qua cảnh khó khăn khi làm dâu với một bà mẹ chồng ỷ giàu và thiếu học.

Quyển Giang San Nha Chồng được chị em phụ nữ theo dõi trên báo hằng ngày. Và khi in thành sách, bán rất chạy. Chị chồng tôi là người có học, xuất thân từ một gia đình nho giáo. Cha chồng tôi là con nhà nho, một thời làm chính trị không thành, trở về dạy học. Chị chồng tôi đa mưu tốc kế, nhưng tánh tình rộng rãi, thương người, sẵn sàng giúp đỡ những ai nghèo khổ. Trái lại, bà mẹ chồng là một nhà giàu keo kiệt, độc ác, gian xảo. Về làm dâu nhà này, bà chị tôi đã phải khổ sở, thức khuya dậy sớm, ăn đói nhịn khát không thua gì một kẻ ở đợ. Về nhà chồng, chị tôi không được mang guốc, không được mặc áo dài, không được ngồi ăn chung mâm với cha mẹ chồng và các anh, chị em chồng. Khi nhà có cúng giỗ, chị tôi phải thức cả đêm để làm bánh, nấu nướng, rồi khi dọn xong thức ăn lên bàn để thờ để họ cúng lạy và khi bày ra bàn để đãi khách thì bà mẹ chồng ác nghiệt kia lại sai chị chồng tôi đi gánh lúa. Đến khi về nhà thì chả ai nghĩ để phần thức ăn, họ đã ăn sạch sành sanh… Những chuyện như vậy mà chị tôi chịu đựng được để rồi tìm cách đối phó và cảm hóa được bà mẹ chồng phải thay đổi thái độ.

Ôi! Chuyện mẹ chồng nàng dâu ở thời phong kiến không bút mực nào ghi cho hết. Không phải ở Việt Nam mà cả bên Trung Hoa, bên Nhật Bản, như trong truyện của nữ sĩ Quỳnh Dao ở Đài Loan, truyện Ôsin của nữ sĩ Nhật. Sau quyển Giang San Nhà Chồng, tôi viết tiếp quyển Mẹ Chồng Nàng Dâu và cả hai truyện này

đều bán chạy.

Tôi còn khai thác nhiều đề tài xã hội, nhờ vào mục Gỡ Rối Tơ Lòng và Tâm Tình Cởi Mở mà tôi giữ trên hai báo hằng ngày Sài Gòn Mới và Tiếng Vang. Câu chuyện bạn đọc kể thường chỉ vỏn vẹn vài trang giấy, nhưng là chuyện rất thường tình ngoài đời. Hằng ngày nếu chịu khó quan sát, chúng ta có thể tìm thấy rất nhiều nhân vật đem vô tiểu thuyết. Xã hội là một sân khấu với tất cả các vai diễn, độc ác có, hiền hậu có, gian xảo có, trung thực có. Cứ nhìn quanh ta là thấy những người có thể nhập vai, rồi thêm sức tưởng tượng và tài liệu khi ta đọc sách của nhà văn các nước.

Trong khi phụ trách hai mục Tâm Tình Cởi Mở và Gỡ Rối Tơ Lòng, tôi gặp biết bao nhiêu cảnh đời éo le, đau đớn khó xử, rứt không ra rời không được, để làm tài liệu đem vào những trang tiểu thuyết hằng ngày, thì một chuyện thình lình đã cho tôi một đề tài thật độc đáo mà từ xưa chưa ai khai thác: Cảnh cha ghẻ con vợ.

Số là một hôm trời nóng nên tôi không viết được bèn nhắc ghế ra sân nhìn trăng, ngắm sao và cũng để tập trung tư tưởng về một bài xã luận phải viết cho tờ Phụ Nữ Diễn Đàn trong ngày mai. Bỗng đứa con gái út của tôi năm ấy lên mười tuổi, đang học tiểu học, chạy ra nói với tôi là con làm bài xong rồi, mẹ cho con qua nhà con Lan – bạn cùng lớp và ở cùng xóm – chơi nghe mẹ. Chúng tôi ở trong cư xá Chu Mạnh Trinh, lô F. Nó đi một lát dẫn về con bé Lan, rồi hai đứa kéo ghế ngồi bên tôi năn nỉ tôi kể chuyện Trạng Quỳnh. Tôi chưa kịp kể thì nhà tôi lại gọi bé Phương Chi vô nhà đọc báo cho ông nghe. Cón bé phải vâng lời. Thành ra bé Lan chỉ ngồi một mình bên tôi. Bỗng nhiên nó thở dài và nói: “Con buồn lắm bác ơi!”. Tôi ngạc nhiên hỏi:

- Buồn chuyện gì nói bác nghe đi. Bác sẽ khuyên con.

Nó do dự một hồi lâu rồi toan đứng lên bỏ về. Tôi ngạc nhiên hỏi:

- Chuyện gì vậy Lan, bộ chị Hương không đi chơi với con sao?

Nó nói cộc lốc:

- Đi chơi rồi. Ba mẹ chở mấy anh chị đi xem hát bóng cả rồi.

- Thế tại sao con không đi?

- Ai cho mà đi! Bác ơi, toàn là chuyện bất công thôi! Không một lần nào con được đi chơi cả. Xem hát hay đi Thủ Đức gì cũng phải ở nhà.

Tôi chưa kịp nói gì thì con bé nói:

- Bác cho con về. Mẹ cấm không cho con qua nhà hàng xóm, mẹ sợ con đem chuyện nhà nói với người ta.

Tôi khuyên nó đừng nên nghĩ vậy về người mẹ của mình, con cái không nên phê phán việc làm của cha mẹ vì các con còn nhỏ quá, chưa hiểu gì đâu.

Nó nhất định không để tôi nói:

- Thưa bác, trường hợp của con là khác, con không biết có nên kể cho bác nghe không? Và liệu bác có tin con không? Con đọc báo thấy nhiều người lớn, cả đàn ông, đàn bà, các cô gái khi có chuyện gì khó xử thường viết thư hỏi bác. Bác vui vẻ trả lời họ. Thế còn con, con có được phép kể cho bác nghe không? Chuyện của con là chuyện thật, không phải bịa đặt đâu. Con còn nhỏ làm sao bịa đặt được một chuyện quá lớn như vậy.

Tôi không ngờ con bé lại ăn nói khôn ngoan quá. Tôi nghĩ chuyện hàng xóm, mình không nên biết, sợ bà Tuyết, mẹ con bé, hiểu lầm. Tôi còn đang suy nghĩ thì bé Lan đứng lên:

- Bác sợ mẹ con hiểu lầm là bác tò mò tìm hiểu chuyện gia đình con phải không? Nhưng con cứ nói: Con không phải là em chị Hương và mấy chị khác. Con là con của chị Mai, chị lớn và là con riêng của mẹ con. Chị ấy bây giờ đang ở trong tu viện. Người con đang gọi là mẹ thật ra là bà ngoại của con.

Con bé nói xong ôm đầu chạy. Nhưng bỗng nhiên nó hốt hoảng quay lại và nói với tôi:

- Bác ơi! Bác đừng có viết chuyện này lên báo nghe bác. Bà ấy mà biết được thì bà ấy đánh con chết.

Tôi thật bàng hoàng và thấy câu chuyện cũng khá hấp dẫn, nên nằm suy nghĩ mãi. Quả là một đề tài xã hội khá hấp dẫn, nhưng khai thác ngay thì tôi chưa thể làm được. Nhà bé Lan cùng cư xá với tôi, ngày nào bà má của Hương cũng đi ngang qua nhà tôi để ra đường đón xe đến công sở.

Nhưng rồi tôi cũng tìm hiểu được câu chuyện, không phải do bé Lan kể mà là do bé Hương, cô chị cùng tuổi với nó.

Thì ra, bà Tuyết vốn xuất thân một gia đình vọng tộc, khi học xong ở trường Đồng Khánh thì kết hôn với một tham tá dòng hoàng tộc. Cuộc hôn nhân này có kết quả là một đứa con gái nhưng sau đó ông tham tá qua đời vì một cơn bạo bệnh. Gia đình bên nội rất quí em bé vì nó đẹp kỳ lạ và khôn ngoan trước tuổi. Vì vậy bằng mọi cách gia đình bên nội cố giữ cô dâu ở chung được ngày nào hay ngày nấy, hy vọng khi cô ta có muốn tái giá thì bắt đứa cháu nội.

Nhưng chỉ hai năm sau, vừa mãn tang chồng, mẹ của bé Lan liền xin phép cha mẹ chồng để lập gia đình, làm lại cuộc đời với một người bạn trai ngày xưa đã có lần xin cưới Tuyết nhưng gia đình Tuyết không chấp nhận vì lẽ gia thế không bằng cha của Mai. Bên nội muốn bắt đứa cháu nhưng mẹ Mai không chịu nhượng bộ, viện lẽ con bé mồ côi cha nay sống xa mẹ thì tội nghiệp. Lại nữa, nó là hình ảnh của một cuộc tình mà bà ta suốt đời không thể nào quên. Thấy con bé là thấy mối tình đẹp của bà, là tình yêu lý tưởng của bà. Bà còn nói lẽ ra bà không nên đi thêm bước thứ hai, bà không muốn mất cái gia đình này và cũng không muốn đứa con của mình phải sống xa gia đình bên nội, một gia đình quan gia thế phiệt.

Nhưng rồi sau ngày cưới, ông chồng mới của bà đã xin đổi vào Nam, làm việc ở Bộ ngoại giao và sống một cuộc đời khác hẳn nếp sống của bà trước đây. Ông sống hoàn toàn theo Âu Mỹ, có làm thì có chơi, ngày nghỉ ông không bao giờ không tổ chức những cuộc đi chơi xa hay ra ngoại ô sống cả ngày trên sông nước hay trong các vườn cây ăn trái.

Đứa con riêng tên Mai của bà lúc nào cũng được ông nuông chiều yêu thương, cho đến khi bà sinh cho ông liên tiếp cả đám con gái và hai đứa con trai thì Mai đã lên 16 tuổi. Bà bàn nên cho Mai vô ký túc xá ở để dễ học, khỏi phải lo cho đám em nhỏ, vì bà thấy Mai càng lớn càng đẹp, đẹp một cách sắc sảo. Bà cũng thấy hơi lo vì bắt gặp cái nhìn say mê của ông mỗi khi thấy Mai đi qua trước mặt ông hay mang đến cho ông một vật gì. Ông lại rất nuông chiều và thương yêu con bé hơn cả mấy đứa con của ông, khiến lũ nhỏ nhiều lần ghanh tị với Mai: “Ba cứ cho chị ấy nhiều tiền để mua sách, mua chỉ thêu, và may áo quần. Ba không bao giờ cho tụi con tiền, ba nói đã có mẹ lo. Vậy chị Mai là con của ba hay của mẹ?”.

Và bà rất đau khổ phải theo giữ Mai từng bước. Nhưng rồi khi bà sanh bé Hương thì ở nhà đã xảy ra chuyện bất hạnh cho Mai. Mai ngây thơ, khờ dại làm sao giữ mình trước những cám dỗ và mưu toan thường luân bại lý của ông cha ghẻ.

Khi việc đổ bể, bà âm thầm cùng chị bếp, một người tin cẩn, đưa Mai lên Đà Lạt ở với người cô ruột của Mai. Bà thường lên xuống Đà Lạt và mấy tháng Mai gần sanh, bà ở luôn trên ấy. Khi Mai sanh, bà ẵm đứa bé về và tuyên bố vì lần có thai này bà yếu đau thường nên phải tịnh dưỡng ở Đà Lạt, nhờ một bác sĩ Pháp chuyên khoa đem đứa bé ra vô sự. Còn Mai thì bà ép buộc phải vào một nhà tu kín ở Thủ Đức, thỉnh thoảng bà đi thăm, nói với mọi người là con bé tự nhiên sùng đạo và không thích sống ở ngoài đời.

Lúc đầu thì không ai ngoài vợ chồng bà, bà cô và chị bếp hay biết việc này. Con bé Lan, con của Mai và ông chồng sau của bà, sống trong gia đình cùng các con bà và được coi như là con gái bà. Dĩ nhiên bà không yêu thương nó bằng mấy đứa khác. Riêng ông thì ông rất thương nó. Rồi vì chuyện ông bênh nó mỗi lần bà hành hạ, bạc đãi nó, không một lần cho nó đi nghỉ mát với các con khác. Con bé bắt đầu hiểu đã cảm nhận sự bất công trong gia đình và mỗi khi bà la rầy nó, ông lại bênh vực che chở nó, khiến bà lại tức giận và rồi chuyện thâm cung bí sử đã bùng ra trong gia đình, khiến các con hay biết và khiến bé Lan đau khổ muốn bỏ nhà ra đi.

Bé Hương đã kể cho tôi nghe, nhưng tôi không lấy đề tài này để viết tiểu thuyết, dù là một đề tài rất hấp dẫn, vì chúng tôi ở chung một cư xá. Nhà bà Tuyết là độc giả thường xuyên của tôi. Cho đến khi ông này đi làm ở một tòa đại sứ Việt Nam ở nước ngoài, không còn ở trong cư xá của tôi nữa. (Ông xin đi làm ở nước ngoài khi bé Lan nhất định vào nhà tu thăm chị Mai mà bây giờ nó đã biết là mẹ nó. Và một hai đòi chị Mai phải xin với mẹ bề trên ra đời để lo cho nó), tôi mới đem đề tài này viết thành tiểu thuyết cho báo Phụ Nữ Ngày Mai.

Đến năm 1990, khi các nhà xuất bản ở thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh xin phép in một số tiểu thuyết của tôi đã xuất bản trước 1975 và những truyện dài tôi viết trước 1975 nhưng chưa xuất bản thành sách, tôi liền cho xuất bản quyển Đời Con Gái. Sách vừa ra là bán hết ngay, được nhiều cảm tình của độc giả, và nhiều nhà văn bên phái nam đã lên tiếng cho rằng từ trước đến nay chưa một nhà văn nào khai thác đề tài cha ghẻ và con riêng của vợ một cách độc đáo như tôi. Quyển sách này đã làm sống lại tên tuổi của tôi, thật ra thì nó cũng chưa hề mai một và càng ngày độc giả các tỉnh càng yêu cầu có thêm sách tôi trên thị trường. Nhờ vậy mà tôi bán được tất cả 17 bộ sách.

Sách vừa in ra ở Việt Nam là bên Pháp, bên Mỹ cũng đã thấy xuất hiện ngay. Có một thời kỳ sau 1975, những nhà văn nhà báo bỏ quê hương chạy ra nước ngoài, mang theo các tiểu thuyết của tôi (như Việt Định Phương), qua bên ấy họ in nhiều quyển, nhất là quyển Bóng Người Xưa (do Nhà xuất bản Đại Nam bên Mỹ phát hành) mà nào họ có trả cho tôi một đồng xu nào! Vào thời điểm ấy, gia đình tôi cũng như bao

gia đình khác sống dưới chế độ cũ lâm vào tình trạng như thế nào các bạn cũng hiểu. Vậy mà cái bọn chạy ra nước ngoài còn lợi dụng tên tuổi sách vở của tôi để bán lấy tiền sống phè phỡn, nghĩ thật là vô lương tâm.

Nhiều người cũng tức giận thay về việc này. Nhưng riêng tôi, tôi nghĩ có lẽ Việt Định Phương lúc còn ở Sài Gòn vốn bất tài, sống được chỉ nhờ chạy chọt, nay chạy ra nước ngoài làm sao mà sống? Vốn liếng học hành không có, tiếng Mỹ không biết, sống nhờ tiền trợ cấp đâu có là bao, cho nên phải kiếm cách sống, in đại các sách mang theo qua bên ấy, bán kiếm tiền. Mình không nên trách mà nên hiểu cho hoàn cảnh của họ. Huống chi có một số người lớn tuổi, qua bên ấy không biết làm gì, không biết đi đâu, ngồi giữ nhà cho con cái, một tiếng Mỹ cũng không biết, làm sao đọc sách đọc báo? Có được những quyển sách bọn này in, họ mừng rỡ, mua đọc để khỏi buồn, khỏi nhớ quê hương. Như vậy, tên tuổi của mình được sống lại bên Mỹ, bên Pháp cũng là chuyện hay, có sao đâu?

Bây giờ tôi kể tiếp các bạn nghe, tôi còn viết một quyển tiểu thuyết nữa với nhân vật sống mà tôi đã gặp trong một lần đi về thăm một quân y viện. Đó là quyển Tình Thương, in trên báo Phụ Nữ Diễn Đàn năm 1971 và sau năm 1975 khi xuất bản thành sách đã lấy tên Chỉ Một Lần Yêu.

Tháng 11-1960, một bộ phận quân đội miền Nam đứng lên lật đổ chính phủ Ngô Đình Diệm mà lúc đó bị chỉ trích là chánh phủ độc tài, gia đình trị. Vì trong nước chánh biến, sự chết chóc không sao tránh khỏi vì sự xô xát giữa hai bên thân chánh phủ và chống chính phủ. Do vậy mà ở các bệnh viện, nhất là quân y viện, có nhiều thương bệnh binh. Tôi không nói nhiều về những diễn biến chính trị, chuyện này đã có nhiều người viết sử nói đến. Tôi chỉ nêu ra đây một chuyện là nhờ có việc này mà tôi có dịp tiếp xúc với các thương phế binh. Có dịp đi ủy lạo, thấy tận mắt cảnh thịt đổ xương rơi không phải tại chiến trường mà tại các quân y viện.

Số là bà Bút Trà, chị dâu tôi, làm chủ nhiệm báo Sài Gòn Mới. Chuyện lật đổ chính quyền ngụy là tin sốt dẻo, một dịp bán báo chạy, hốt bạc. Có nhiều báo cứ đăng tin và mạ lỵ những kẻ độc tài. Có báo đăng hình ông Ngô Đình Diệm và viết những câu mạt sát. Nhưng cuộc đảo chính này bất thành và chính quyền ngụy đã nắm lại quyền kiểm soát. Các báo lúc bấy giờ mới hốt hoảng, thôi đi tìm đủ cách để chuộc lỗi. Tiêu hủy các báo chưa ra, in lại những số báo ca tụng chính quyền ngụy đàn áp được cuộc đảo chính.

Ôi! Thật là những cảnh bát nháo đáng buồn cười. Các chủ báo như bà Bút Trà, ông Đinh Văn Khai (báo Tiếng Chuông) phải lánh mặt, kẻ khai bệnh đột ngột phải đi nằm bệnh viện, người bảo đi công tác xa, để đàn em tay chân dàn xếp với chánh quyền cho êm thấm, tránh tội. Vì vậy tôi nguyên là cây bút chuyên viết tiểu thuyết và các trang mục phụ nữ, tham gia nhiều công tác xã hội, được các anh em trong nhà tòa soạn, theo lời chỉ dẫn của bà chị dâu tôi, đề cử tôi thay mặt tờ Sài Gòn Mới đi ủy lạo các thương bệnh binh ngụy đã bị tai biến trong những ngày đảo chính hụt này. Và thế là tôi có dịp đi thăm và ủy lạo họ.

Từ bé tôi chưa bao giờ thấy cảnh chết chóc hay cảnh máu đổ, người bị thương. Đây là lần đầu tiên tôi đến một quân y viện và thấy tận mắt cảnh thịt nát xương rơi. Cảnh chiến tranh tàn khốc diễn ra trước mắt tôi một cách kinh hoàng. Và cũng trong một chuyến đi thăm này, tôi gặp một thiếu nữ mang hoa vào thăm một thương phế binh từ mặt trận miền Tây đưa về. Khi phát quà xong ra về, trên xe lam chở khách, tôi lại gặp cô thiếu nữ này. Cùng đi với cô là bà mẹ của thương phế binh. Nét mặt cô buồn bã vô vọng khó tả. Cô có nét đẹp tự nhiên, làn da trắng nuột, dù là người ở tỉnh. Cô không hề nhìn lên, nét mặt suy tư, đăm chiêu trong một thế giới riêng biệt không cần biết quanh mình xảy ra chuyện gì.

Một bà đứng tuổi ngồi gần tôi hỏi người đàn bà đi với cô:

- Cô ấy là con gái của bà?

Bà này lắc đầu.

- Nó là bạn học của con trai tôi. Con trai tôi đi lính thì nó cũng thôi học. Con tôi vừa ra trận đã bị mất một cánh tay, một cái chân.

- Cậu con bà được bao nhiêu tuổi?

- Mới 22 tuổi. Đã đậu trung học, định học nữa thì bị kêu lính.

- Còn cô này chắc ở gần nhà bà?

- Không cháu nó ở Sa Đéc, còn tôi ở Vĩnh Long.

Bà nói đến đây thì xe đến một trạm ở Phú Nhuận, cô gái ngước mắt lên nói với bà:

- Thưa bác, con phải xuống đây để gặp dì con, ngày mai con sẽ đến bác để cùng đi thăm anh Quân một lần nữa rồi về quê.

Cô nói xong xách cái giỏ rồi cúi đầu chào tôi, chào bà nọ, đoạn xuống xe. Khi cô này đi rồi và xe bắt đầu chạy thì bà nói với tôi bằng một giọng rất cảm động:

- Tội nghiệp con nhỏ. Nó đang học lớp 11, lại bỏ ngang vì chuyện thằng con tôi bị thương ngoài mặt trận. Nó phải lặn lội khắp nơi mới biết được tin thằng con tôi và chính nó cho tôi hay và kéo tôi đi thăm. Trong cảnh này thiệt tôi không biết nói gì. Hồi đó ba má nó không bằng lòng cho nó thư từ qua lại với con trai tôi, ông bà nói đi lính dễ chết lắm, có khôn thì dang ra sớm chớ không thì góa phụ mất con ơi! Hai bên gia đình tương đối dư ăn, thằng con tôi thương nó lắm. Chúng tôi không ngăn cản nhưng thấy thái độ không vui của cha mẹ nó, tôi không thích. Bây giờ câu chuyện xảy ra như vậy, tôi không dám tiến tới nữa. Thằng con tôi thấy mình ra nông nỗi ấy cũng khuyên cô ta đừng thăm viếng thường, trở về học tập, chớ chẳng lẽ đi yêu một phế binh như nó?

Ai trên xe nghe kể cũng thở dài. Bà liền nói:

- Vậy mà con nhỏ thật có tình có nghĩa, nó bỏ học, xin cha mẹ lên Sài Gòn để dễ bề đi thăm nuôi. Nó nói: Nó đã hứa làm vợ thằng con tôi là nó giữ lời.

Bà kể đến đây thì xe cũng đã ngừng ở ngã tư Phú Nhuận, tôi vội xuống xe và lòng không khỏi phân vân về chuyện bà nọ vừa kể.

Trong thời buổi chiến tranh, đất nước nào cũng có những chuyện tình cao thượng đáng quí như vậy. Như cô gái mà tôi gặp ở trên chưa phải là vợ chánh thức của anh thương binh kia, nhưng vẫn giữ một lời thề sống bên nhau khi chàng trai gặp chuyện tai biến. Mặc dù cha mẹ phản đối, mặc dù chàng trai khuyên lơn hãy quên chàng ta đi, cô này vẫn lặn lội đi nuôi. Rồi sau đó theo lời một người quen kể lại tôi nghe, cô dọn hẳn lên ở Sài Gòn đi học may, để tính chuyện lâu dài với anh chàng thương binh xấu số mà lại may mắn. Mỗi khi người ta đưa anh chàng này đi đâu đó là cô cũng dời chỗ ở đi theo và tìm nơi cư ngụ gần đó. Suốt mấy năm trời như vậy, cha mẹ cô tìm bắt cô về để gả chồng cô cũng không chịu. Đến khi anh chàng thương binh đã chữa lành các vết thương, được một cơ quan từ thiện nước ngoài làm cho bộ chân tay giả và đưa về Bình Dương học nghề làm sơn mài, vẽ tranh, thì cô liền dọn lên Bình Dương và mở một tiệm may gần đó. Trước mối tình chung thủy của cô, cha mẹ hai bên đành phải đứng ra làm lễ cưới và rồi họ sống bên nhau có được hai con, một trai một gái.

Tình yêu không phải chỉ tìm đến những nơi giàu có sang trọng, thanh lịch, yêu kiều, mà nó xuất phát từ con tim và như thế tình yêu mới có cái giá trị cao quí của nó. Khi quả địa cầu này còn có bóng người và dù là dân châu Âu da trắng hay dân châu Á da vàng, châu Phi da đen, châu Mỹ da đỏ, thì tình yêu cũng là bửu bối quí báu để loài người sát lại với nhau, tạo cho đời những con người cao thượng giữa xã hội vật chất phù phiếm.

2. NHỮNG KỶ NIỆM VỚI LÀNG BÁO SÀI GÒN

Lúc đầu khi viết tiểu thuyết tôi cứ nghĩ là để nuôi con, không ngờ khi cắm cúi viết hằng ngày, có nhiều chuyện xảy ra khiến tôi phải nghĩ là mình có quyền sinh sát đối với những nhân vật tiểu thuyết của mình.

Có lần tôi đang viết một câu chuyện dài, có chiều hướng không cho hai nhân vật yêu nhau đi đến hôn nhân, thì một buổi sáng vừa để cái cặp lên bàn, toan ngồi lại làm việc thì bà Bút Trá – chị dâu của tôi mà cũng là chủ nhiệm của báo Sàigòn Mới lúc bấy giờ – cho người mời tôi vào và nói:

- Thím không định cho Yến và Thanh kết hôn sao?

Thấy tôi cười mà không trả lời thì chị tôi nói:

- Thím nên cho tụi nó kết hôn với nhau, như thế mới hợp tình hợp lý và mới đúng với cái tên tiểu thuyết mà thím đặt Gương Vỡ Lại Lành.

Nhưng chuyện tôi đang viết lại là một chuyện thật – đó là chuyện gia đình của một cô bạn cùng học ở Gia Long nhưng là bạn về vai chị. Khi viết nửa chừng tôi bỗng có ý nghĩ không để cho họ "làm lành", và để trừng phạt người đàn ông phụ bạc, tôi không cho họ gặp nhau lại. Vì thế sau này in thành sách, tôi đã đổi tên từ Gương Vỡ Lại Lành thành Còn Vương Tơ Lòng.

Viết tiểu thuyết là một nghề mà như một nhà văn Pháp tự hào:

Muốn cho ai chết là chết.
Muốn cho ai sống là sống.

Lại một lần nữa, một bạn đồng nghiệp cùng dạy ở trường Tân Thịnh cũng là độc giả trung thành theo dõi tất

cả những tiểu thuyết của tôi trên các báo, gặp tôi ở văn phòng giáo sư đột nhiên hỏi: “Chị định cho kỹ sư Kiệt chết hay sao?”.

Tôi giật mình, bỡ ngỡ không biết kỹ sư Kiệt nào. Nhưng sau đó kịp nhớ ra thì ra ông bạn nầy nói đến một nhân vật trong tiểu thuyết Bóng Người Xưa mà tôi đang viết. Tôi bật cười hỏi lại: “Anh mà cũng đọc tiểu thuyết của tôi sao? Anh có biết một nhóm nhà văn nghĩ mình là đàn anh nên nói rằng tôi viết văn chỉ như người kể chuyện?”.

Lúc bấy giờ có anh Chỉnh, một giáo sư đậu cử nhân văn khoa vừa ở Pháp về cùng dạy ở trường, Chỉnh còn trẻ và ít tham gia vào câu chuyện của các giáo sư cùng ngồi chờ vào lớp. Nhưng lúc đó anh chợt nói:

- Bộ kể chuyện là không có tài sao? Kể chuyện mà không ai nghe thì sao?

Tôi nói:

- Họ còn nói tôi nghe lỏm những câu chuyện của các nhà văn Pháp rồi viết lại, chứ thậm chí không biết đọc chữ Pháp đó anh.

Các anh ấy cười xòa:

- Thì ra họ ganh tị với chị. Chứ chị dạy môn gì ở đây nào?

Sau này có lần một bà bạn rủ tôi đi nghe một buổi diễn thuyết về đề tài: “nhà văn cũng là một sứ giả gửi một thông điệp đến độc giả”. Diễn đàn là linh mục Thanh Lãng, Hội Văn bút tổ chức. Lúc ấy Phạm Việt Tuyền làm Chủ tịch. Thính giả toàn là hội viên của hội Văn bút cùng một nhóm sinh viên học sinh của các ông Thanh Lãng, Việt Tuyền, và một số nhà văn, nhà báo.

Khi ngồi vào chỗ, chị bạn của tôi, chị Nghệ, một nữ trí thức từng làm chính trị vừa ở Pháp về, nói với tôi:

- Mình không ngờ được dự một buổi nói chuyện lý thú, xem thử họ nói cái gì.

Trong bài diễn thuyết của mình, Thanh Lãng đã đi đến một kết luận đề cao vai trò của nhà văn: Một nhà văn là một sứ giả gởi một thông điệp đến cho độc giả khắp nơi. Vì thế vai trò của nhà văn là một sứ mạng cao quí. Quanh vấn đề này, nhiều người được mời lên phát biểu ý kiến. Toàn là những ông có cấp bằng cao, viết những quyển sách triết học hay những tác phẩm bình luận khó hiểu. Rồi bỗng trong đám thính giả ngồi ở hàng ghế sau cùng, một sinh viên ở một phân khoa nào đó nói giọng Bắc xin lên phát biểu ý kiến. Cậu ta khen những sách lý luận cao siêu và chê các nhà văn tiểu thuyết ở Sàigòn lúc bấy giờ, và nêu tên Dương Hà, Trọng Nguyên và… bà Tùng Long. Thật bất ngờ! Cậu ta bảo tôi không biết một chữ Pháp nào và chỉ nghe người ta kể các chuyện tiểu thuyết Tây rồi viết lại. Viết như vậy thì tại sao lại có báo chịu mua đăng, có độc giả chịu khó đọc?

Chắc khi nói cậu ta không ngờ trong đám thính giả lại có bà Tùng Long. Trong số người có mặt, còn có Nguyễn Hữu Ngư, nhà văn cộng tác với báo Bách Khoa (ký hiệu Nguyễn Ngu Í) và cũng là đồng nghiệp cùng dạy trường Tân Thịnh với tôi. Nguyễn Hữu Ngư dạy sử địa, còn tôi thì dạy Việt văn và Pháp văn. Cũng có cả Trần Dạ Từ, chồng của Nhã Ca, đang là phóng viên Đài phát thanh Việt Nam lúc bấy giờ, ngồi ở hàng ghế đầu và đang thu thanh buổi diễn thuyết cho đài. Cậu sinh viên này vừa nói xong thì ông Nghiêm Xuân Việt, một luật gia và cũng là một giáo sư trường Đại học Luật khoa, liền đứng ra trả lời vì ông có tên trong Hội Văn bút và cũng là nhóm tổ chức cuộc diễn thuyết ngày hôm ấy. Ông Việt cao giọng tán thành ý kiến của sinh viên nọ là nên đọc những sách thuộc loại nghiên cứu, sách có giá trị văn chương do những nhóm gọi là uyên bác cao thâm sáng tác, bởi họ mới thật là những sứ giả gởi đi các thông điệp cho quốc dân đồng bào. Còn loại sách nhảm nhí như sách của các tác giả mà cậu sinh viên nọ vừa nói xong thì có quyền đừng đọc đến. Ông Việt vừa nói xong thì Nguyễn Hữu Ngư và Trần Dạ Từ đều quay xuống nói với tôi (khi tôi vào giảng đường trường Quốc Gia Âm Nhạc họ có thấy và có chào): “Chị cứ để đó, tụi nầy sẽ lên trả lời cho chị”.

Nhưng tôi đã đứng lên và lên chỗ bàn thư ký để xin ghi tên phát biểu. Lúc ấy Minh Đức Hoài Trinh ngồi ghi. Minh Đức nhìn tôi cười, còn chị Nghệ thì nói:

- Chị không soạn bài mà dám phát biểu ngay à? Tôi thì không có tài ấy đâu.

Tôi cười và chờ đến phiên mình lên phát biểu. Không chờ đợi, tôi được mời lên ngay, vì ai chớ Phạm Việt Tuyền hay Minh Đức Hoài Trinh thì có lạ gì tôi. Phạm Việt Tuyền cùng dạy ở trường Tân Thịnh với tôi, và khi Phạm Việt Tuyền làm tờ Tự Do thì chính anh đã mời tôi giúp cho một tiểu thuyết và tôi đã viết chuyện Gió Ngàn Phương (đã xuất bản trước 1975).

Tôi còn nhớ rõ hôm ấy tôi mặc bộ áo dài trắng (tôi luôn mặc áo dài trắng khi đi dạy, khi đến các tòa soạn báo hay đi dự lễ hội, dự hội nghị), và sự hiện diện của tôi trước micro đã gây cho hội trường một sự ngạc

nhiên, nhất là khi Phạm Việt Tuyền trịnh trọng giới thiệu tôi là một cây bút có nhiều tác phẩm cộng tác với nhiều tờ báo hằng ngày và làm thư ký tòa soạn cho tuần báo Phụ Nữ Diễn Đàn, cộng tác với báo Văn Nghệ Tiền Phong và còn là giáo sư dạy ở các trường tư thục. Hội trường bỗng im bặt và chờ tôi phát biểu. Đầu tiên tôi cảm ơn ban tổ chức cho phép tôi có cơ hội lên để nói vài ý nghĩ thô thiển, và tôi thành thật cám ơn cậu sinh viên vừa phát biểu đã nói đến tôi. Trong đời tôi, chê tôi cũng quí như khen vì giúp tôi có kinh nghiệm tốt hơn khi sử dụng ngòi bút. Xong tôi đi ngay vào đề tài của Thanh Lãng, một nhà văn là một sứ giả gởi thông điệp đến mọi người. Nhưng sứ điệp ấy phải như thế nào để mọi người dù tầng lớp nào cũng có thể đọc hiểu được thì mới có thể tiếp nhận. Chứ những quyển sách viết quá cao, đầy triết lý sâu xa thì đâu phải ai cũng có thể tiếp nhận một cách vui vẻ và nồng nhiệt. Tôi nói tiếp: “Tôi không có khả năng để viết những loại sách cao siêu, cao thật cao ấy (và tôi giơ tay lên ra dấu khỏi đầu) nhưng tại sao tôi lại chấp nhận số phận của người cầm bút? Tôi có đọc một đoạn văn trên một tờ báo Pháp thấy có một nhà văn nam nào đó tuyên bố rằng: “Nếu tôi có một ngai vàng thì tôi sẵn sàng đổi nó để tìm hiểu tâm lý phụ nữ”. Như thế thì tôi, một phụ nữ, tại sao không viết để nói lên tâm lý của phụ nữ? Vì tôi đã trải qua thời kỳ niên thiếu dưới mái ấm gia đình của cha mẹ, bên các em thân yêu, tôi đã từng là một thiếu nữ, tôi hiểu những ước muốn, những buồn vui của giới thiếu nữ, của tuổi mới lớn. Tôi đã từng là một người vợ, một người mẹ. Tôi hiểu tâm sự của người vợ khi gặp cảnh ngộ ngang trái, khi sống trong hạnh phúc, khi nuôi dạy các con, và hiểu những đòi hỏi của các con mình. Tôi lại còn là một cô giáo từng đứng trên bục giảng và tìm hiểu những đôi mắt thơ ngây, vô tư của lũ học trò đang muốn gì, ao ước được những gì. Vì những ước mong thế đó mà tôi mạnh dạn cầm bút. Nói rằng tôi không biết một tiếng Pháp nào, chỉ nghe người ta kể chuyện trong các quyển tiểu thuyết Pháp rồi viết lại, thì nếu được như vậy kể ra tôi cũng có chút tài cỏn con nào đó, vì tôi kể chuyện như vậy mà vẫn có người đọc, người nghe, nhà báo chấp nhận mời viết thì thật là chuyện lạ trên đời phải không các bạn? Về chuyện tôi có đọc được sách Pháp hay không, lúc nãy qua lời giới thiệu của anh Phạm Việt Tuyền chắc các bạn cũng hiểu là lời chỉ trích kia có đúng hay không, tôi không cần đính chính. Nhưng tôi không dám tự phụ mà nói lên rằng thông điệp của tôi gửi cho phụ nữ, cho các bà mẹ, cho các học sinh chắc chắn là được đón nhận. Nếu không vậy làm sao tôi viết, làm sao có người thuê tôi viết? Nói lên cái tâm lý của phụ nữ vì mình là một phụ nữ, tôi đã mạnh dạn nhận lấy vai trò của tôi, một phụ nữ”.

Chỉ có năm phút để phát biểu nên tôi kết luận:

- Qua số thư từ tôi nhận được hằng ngày trong đó phần đông là thư của bạn gái, kế tiếp là thư của độc giả nam, của học sinh sinh viên, tôi chỉ lấy làm lạ là tại sao ông Nghiêm Xuân Việt lại có thể nói rằng những cuốn sách viết dở của các nhà văn như bà Tùng Long, Dương Hà, Trọng Nguyên thì vứt đi đừng đọc là xong. Riêng tôi, gặp một quyển sách ở tầm tay, đọc qua nếu là dở tôi vẫn cố gắng đọc cho hết để thấy nó dở chỗ nào. Một nhà văn ở châu Âu đã viết: “Trong một quyển sách dở vẫn có thể tìm thấy một câu hay hoặc một ý kiến khá”.

Tôi cảm ơn thính giả, ban tổ chức và đi xuống trong tiếng hoan hô vỗ tay của cả thính đường. Khi đi ngang qua hàng ghế của Nguyễn Hữu Ngư và Trần Dạ Từ, cả hai đứng lên nói: “Hoan hô chị Tùng Long!”.

Tôi ngừng lại và nói: “Cảm ơn các anh đòi trả lời cho tôi, nhưng mà chuyện của tôi để tôi nói là phải”.

Sau đó Phạm Việt Tuyền lên nói tiếp lời tôi và kết luận: “Không phải ai gửi thông điệp cũng có người nhận. Ngay Đức giáo hoàng gửi thông điệp cho toàn giáo dân trên thế giới mà vẫn còn có người không chịu tiếp nhận nữa thì sao?”.

Buổi nói chuyện kết thúc lúc 7 giờ tối. Chị Nghệ và tôi ra đường đứng đón taxi về nhà thì ông Nghiêm Xuân Việt chạy theo mời để ông được lấy xe đưa chúng tôi về nhà.

Chị Nghệ vốn có quen với ông Việt liền nhận lời ngay, và tôi xin đỗ xuống đầu hẻm Chu Mạnh Trinh để ông Việt còn đưa chị Nghệ về đường Ngô Tùng Châu (nay là đường Nguyễn Văn Đậu ở Bình Thạnh).

Tôi ít có thì giờ để theo dõi chương trình phát thanh của đài, nhưng sau đó anh Quốc Phong, chủ nhiệm báo Tiếng Vang mà tôi cộng tác, gọi điện thoại cho tôi và nói:

- Đêm qua cháu gái ở nhà nghe đài đến đoạn nói về buổi diễn thuyết của Thanh Lãng có nêu lời phát biểu của chị, nó gọi tôi đến nghe và tôi thật vui mừng thấy chị đã trả lời thật hay và xác đáng.

Tôi cũng cảm thấy vui vui là mình đã có dịp nói lên mục đích viết văn của mình. Tôi chưa bao giờ dám tự hào xưng mình là văn sĩ, nữ sĩ. Tôi chỉ nói tôi viết văn là để nuôi con, chỉ thế thôi. Ngay khi được báo Saigon Time (Thời báo Sài Gòn) phỏng vấn, tôi cũng đã nói tôi viết văn là để nuôi con. Khi nào các con tôi trưởng thành, đứa lớn lo được cho đứa nhỏ thì tôi sẽ nghỉ viết.

Nhưng việc ấy rồi cũng qua đi trong ngay tuần lễ sau đó vì tôi quá bận rộn với công việc dạy học, viết báo. Nào ngờ sau đó vài tuần, vào một buổi tối, ông Nghiêm Xuân Việt đã tìm đến nhà tôi và đưa cho tôi xem số Bách Khoa mới ra, trong ấy có bài chính ông ta viết để xin lỗi về những lời của ông phát biểu trong cuộc diễn thuyết, vô tình đã nói những lời xúc phạm đến tôi. Sau đó tôi mới biết chính ông ta là giáo sư giảng dạy cho con trai tôi Nguyễn Đức Lập đang học năm thứ ba ở Đại học Luật khoa – nhưng việc này ông ta không

biết và tôi cũng không cần nói làm gì, vì sau lần gặp gỡ nầy tôi không còn lần nào khác có dịp gặp ông ta. Nguyễn Hữu Từ làm ở tòa soạn báo Bách Khoa sau đó gặp tôi, tôi có hỏi bộ anh chỉủ nhà cho ông Việt hay sao mà ông ta biết vậy? Nguyễn Hữu Ngư cười hì hì và nói: “Chị ở cư xá Chu Mạnh Trinh ai mà không biết, chị không đọc bài báo của Duyên Anh sao? Duyên Anh nói anh ta ở cư xá Chu Mạnh Trinh, cái rốn của vũ trụ”.

Tôi hỏi:

- Tại sao lại là cái rốn của vũ trụ?

- Là vì ở cái cư xá này có lắm nhân tài.

- Ai là nhân tài vậy?

Nguyễn Hữu Ngư chỉ tôi và nói: “Duyên Anh kể Phạm Duy bên lô E cùng với Hồ Anh chủ nhiệm báo Văn Nghệ Tiền Phong. Lô C thì có Năm Châu cùng vợ là Kim Cúc. Lô B có Nguyễn Mạnh Côn, lô F có bà Tùng Long và chồng là thi sĩ Hồng Tiêu, Phan Quang Đán, Hoàng Nguyên, lô G thì có Hoàng Thi Thơ, Văn Quang. Như vậy không phải là cái rốn của vũ trụ là gì? Nơi đây hằng ngày tụ tập nào Thanh Nga, Thẩm Thúy Hằng, các nhà văn, nhà báo, và các nghệ sĩ sân khấu, các nhạc sĩ…

Tôi nhún vai nói:

- Hân hạnh, hân hạnh. Nhưng nói lớn lối như vậy, chỉ tổ cho thiên hạ ghét.

Nguyễn Hữu Ngư là bạn về vai em của tôi. Tôi thường gọilà Ngư là chú, chú em, nhưng sau này các con tôi có đứa gọi Ngư là anh, vì Ngư cưới Thoại Dung, một cô bạn của cô gái lớn của tôi.

Làng báo lúc bấy giờ có những người thích châm chọc, có dịp là họ viết trêu ghẹo trên các số báo Xuân hay trong mục Chuyện hằng ngày khi thiếu đề tài.

Như trong một tờ báo Xuân, anh Đỉnh cùng làm việc ở trường Tân Thịnh với tôi (anh ở ban giám thị, sau viết cho Văn Nghệ Tiền Phong lấy bút hiệu là Tử Vi Lang) đã viết:

Năm nay mưa thuận gió hòa, ông Đinh Văn Khai viết sách, bà Bút Trà làm thơ…

Ý Tử Vi Lang ngạo Đinh Văn Khai, chủ nhiệm báo Tiếng Chuông, vì ông nầy mới ra một quyển sách ký tên mình mà sách ấy lại do người khác viết.

Còn bà Bút Trà, trên báo Sàigòn Mới do bà làm chủ nhiệm năm nào cũng có một bài thơ mừng Xuân đăng ở trang đầu tờ báo Xuân Sàigòn Mới ký tên bà, nhưng lại do ông Bút Trà, chồng bà, một nhà thơ nổi tiếng, viết.

Ngoài Tử Vi Lang còn có Chu Tử, Nguyễn Duy Hinh có dịp là châm biếm dân trong làng báo, cũng như chồng tôi là Hồng Tiêu vớt bút hiệu Như Hoa ở mục Tranh Xã Hội trên mặt báo Sàigòn Mới.

Lẽ dĩ nhiên Tử Vi Lang không bao giờ viết châm biếm tôi vì quá hiểu tôi và là đồng nghiệp ở hai lãnh vực viết báo và dạy học. Trái lại, còn rất nể tôi và khi cưới vợ, có đưa vợ đến thăm tôi. Thỉnh thoảng Lang ghé thăm Hồ Anh bên lô E cũng tạt qua thăm tôi ở lô F. Vả lại sau nầy, Trịnh Viết Thành, tổng thư ký báo Tiếng Vang, cũng dọn về ở lô F, góp thêm một thành viên cho “cái rốn vũ trụ”.

Nguyễn Duy Hinh trong làng báo có tiếng là tay phá làng phá xóm, ai anh ta cũng dám viết bài kêu đích danh mà chê bai nêu không vừa ý việc làm của họ.

Thế mà hai lần Nguyễn Duy Hinh đề cập đến tôi bị tôi lên tiếng là chấm dứt ngay. Lần đầu không biết có phải là do Tế Xuyên nói về gia đình tôi – Vì có lần Tế Xuyên thất nghiệp, anh Hồng Tiêu của tôi đem về nhà giúp đỡ, còn giới thiệu cho ông Nguyễn Văn Sâm để viết tờ báo Đuốc Nhà Nam. Hinh viết là anh Hồng Tiêu không có lương tâm, cưới tôi rồi giao cả bầy con cho tôi nuôi nấng, tôi phải viết bài bù đầu bù cổ trong khi nhà tôi nghêu ngao làm thơ và tụ tập bạn bè chuyện nhảm suốt ngày không làm gì để phụ giúp tôi. Thật ra có ai hiểu được chuyện gia đình tôi, đèn nhà ai nấy sáng mà! Anh Hồng Tiêu không hợp tác với Pháp rồi với Nhật, và sau này với Mỹ. Anh mà cầm lấy cây bút là viết bài chửi lung tung khiến báo bị đóng cửa, riết rồi các ông chủ nhiệm không dám mướn dù họ biết nhà tôi có tài. Đọc thấy những lời của Hinh viết trên báo, tôi liền gọi điện thoại cho Hinh và chỉ nói một câu:

- Anh Hinh, anh lại định nói bậy bạ gì vậy? Đừng nhé, đừng có nghe lời của Tế Xuyên!

Hinh ú ớ qua điện thoại:

- Tôi viết có lợi cho chị.

- Không, cảm ơn!

Thế là bài báo ấy lý ra kéo dài cả bốn kỳ thì chấm dứt nửa chừng.

Một lần nữa, sau khi chính phủ ông Diệm bị đổ do nhóm quân nhân đảo chánh, quốc hội bị giải tán, Nguyễn Duy Hinh cũng có viết một bài báo nói về cái ghế ba chân của quốc hội, mà khóa III quốc hội lại quy tụ được 25 phụ nữ do bà Ngô Đình Nhu mời tham gia, trong ấy có tôi (tôi ứng cử ở Quảng Ngãi, quê chồng tôi). Tôi mong khi đắc cử sẽ làm một việc gì đó có ích cho tỉnh nhà, nơi mà tôi đã sống những năm 1944 đến 1952, đã có được một số học trò. Nhưng vừa đắc cử được một tháng thì chế độ Ngô Đình bị lật đổ, tôi lại trở về làm báo, dạy học như cũ.

Vừa đọc bài của Hinh, tôi liền gọi điện thoại cho Hinh và khuyên Hinh nên chấm dứt bài phóng sự ấy vì công kích làm chi, bươi móc làm gì những phụ nữ bị ép buộc phải ra quốc hội kỳ ấy? Và tôi có nói với Hinh để tôi viết một bài phóng sự khác trên báo Sàigòn Mới để trần tình…

Hinh nghe lời tôi không viết nữa và tôi cũng biết đây là một thiệt thòi lớn cho Hinh. Vì không viết thì không có tiền, mà Hinh thì rất cần tiền, lúc nào cũng cần vì ăn xài lớn quen rồi.

Sau đó tôi có viết bài phóng sự như tôi đã hứa với Hinh, nhưng vừa viết được hai kỳ, hai kỳ này tôi mới nói về trường hợp của tôi và chị Nguyễn Phước Đại, thì các bà cùng ra khóa III và là phu nhân của các nhân vật thân cận với chế độ Ngô Đình liền chạy tới năn nỉ chị Bút Trà bà đòi gặp tôi để xin tôi đừng viết tiếp nữa.

Còn Chu Tử, anh ta trong những bài "phim hằng ngày" thỉnh thoảng cũng có nhắc đến tôi với giọng hài hước như đã hài hước với bà Châu Phố khóc chồng ở Đà Lạt. Thuở ấy người ta thường nói về Đông Hồ khóc vợ ở Hà Tiên, còn Châu Phố thì khóc chồng ở Đà Lạt. Chu Tử khoe khoang là bà Châu Phố sẽ xuống Sài Gòn hợp tác với Chu Tử để Sống, Yêu và Loạn. Sống, Yêu và Loạn là ba quyển tiểu thuyết mà Chu Tử đã viết trên báo Sống và đã xuất bản, thuộc về loại sách bán chạy được người đọc trẻ lúc ấy hưởng ứng nhiệt liệt.

Tôi cũng gọi điện thoại cho Chu Tử – Tôi và Chu Tử không quen, chỉ gặp nhau vài ba lần trong các cuộc họp báo ở Bộ Thông Tin, không ai nói với ai lời nào, chỉ gật đầu chào thôi.

Tôi nói: - Anh Chu Tử ơi! Anh lại bày trò gì nữa đây? Xin anh cho tôi hai chữ bình an. Tôi viết văn là để nuôi con thôi, không có cái mộng văn sĩ, văn siếc gì đâu.

- Vâng, vâng, chị đã dạy thì xin nghe – Bên kia đầu dây, Chu Tử đã nói như vậy. Chu Tử tuy viết văn đôi khi có giọng thô lỗ, hỗn xược, nhưng bề ngoài phong độ rất nho nhã và lịch sự.

Sau đó có lần Chu Tử đến nhà nhạc sĩ Hoàng Nguyên, cùng ở lô F với tôi, chỉ đối diện cách hai ba nhà, nhờ vợ Hoàng Nguyên, một cây bút ngiệp dư cộng tác với Sống của Chu Tử, đưa qua thăm tôi. Ngoài mục đích thăm viếng, Chu Tử còn nhờ tôi giữ cho tờ báo Sống hai mục như ở báo Tiếng Vang và Sàigòn Mới, là một truyện dài mà mục Tâm Tình Cởi Mở. Chu Tử có bao giờ hạ mình mời tôi như thế vì anh ta tự hào về tờ báo Sống của anh qui tụ toàn những cây bút viết hay, có học thức cao. Tôi nói với anh được mời như thế nầy tôi rất cảm động và lấy làm hân hạnh, nhưng tôi hỏi lại anh:

- Anh thử nghĩ xem tôi còn thì giờ đâu để mà viết cho Sống nữa chớ? Tiếng Vang rồi Sàigòn Mới, rồi hai tờ báo tuần Văn Nghệ Tiền Phong, Phụ Nữ Diễn Đàn (làm thư ký tòa soạn), Phụ Nữ Ngày Mai với một truyện dài và một truyện ngắn hằng tuần.

Chu Tử thêm:

- Ngoài ra chị còn đi dạy học nữa phải không? Và còn làm cho nhiều hội như Hội Phụ nữ, Bảo vệ Luân lý và các hội phụ huynh có các con chị học.

Tôi nói:

- Đúng thế. Nhưng anh cũng nên hiểu cho, không viết được cho anh, tôi rất tiếc.

Trong thâm tâm tôi, lúc ấy tôi nghĩ và mỉm cười với mình. – Viết cho cái ông trời này, nay mai ổng lại quảng cáo rùm beng bà Tùng Long đã về với báo Sống, để Sống – Yêu và Loạn như ông đã viết về bà Châu Phố, thì có nước bị ông chồng cả ghen của tôi làm tội làm tình cho mà chết.

Nói cho đúng, trong làng báo từ khi tôi vào nghề đến năm 1972 tôi nghỉ viết, anh chị em văn nghệ sĩ đều đối xử với tôi rất tốt, xem tôi như một người chị, vì thật ra ai cần gì thì tôi đều giúp trong khả năng. Tôi sẵn sàng giúp cho một tờ báo mới ra đời một truyện ngắn không cần tiền nhuận bút, hoặc giới thiệu cho một số em út

vào làm ở các tờ báo mà tôi hợp tác. Thành ra lúc bấy giờ Nguyễn Ang Ca, Thanh Phong, Hoài Trinh của báo Phụ Nữ Diễn Đàn với bút hiệu chị Ba Sún Răng, Nguyễn Duy Hinh, Tế Xuyên, Hoài Thanh, Huỳnh Thanh Vị… đều xem tôi như một người chị. Anh em trong làng báo đối với tôi thật tử tế.

Có thể nói thời kỳ thành công và phồn thịnh nhất của tôi bắt đầu từ năm 1957 đến năm 1963. Năm 1963, vào khoảng tháng 11 vì có cuộc đảo chính Tổng thống Ngô Đình Diệm, trong làng báo cũng phải chịu một sự thay đổi và khủng hoảng, nên tôi cũng gặp phần khó khăn, nhưng sau đó lấy lại uy tín cũng rất nhanh chóng. Và rồi từ 1964 đến năm 1972, tôi vẫn viết đều đều ra một loạt sách nữa, sau đó mới nghỉ hẳn.

Năm 1963, vì công việc ở nhà báo thu hút quá nhiều thì giờ lại thêm công việc ở các đoàn thể cũng rất bận rộn, nên tôi phải nghỉ dạy, đó là một điều mà tôi rất tiếc. Sức khỏe kém, theo lời bác sĩ Pháp Boucheron đang điều trị cho tôi thì một lá phổi bị nám không thể dạy, vì vậy tôi phải lên Đà Lạt nghỉ một thời gian, và chữa trị xong chỉ còn viết và viết.

Trong thời kỳ phồn thịnh nhất của tôi, có nhiều sự việc đáng ghi lại. Việc thứ nhất là Nhất Linh đã viết về tôi: “Bà Tùng Long là cây bút ăn khách hiện nay”.

Đối với Nhất Linh, lúc nào tôi cũng xem như một bậc đàn anh. Mà thật thế. Khi nhóm Tự Lực Văn Đoàn cùng với báo Ngày Nay, Phong Hóa ra đời thì tôi còn học ở Gia Long và là độc giả trung thành của nhóm nầy cũng như của báo Tiểu Thuyết Thứ Bảy. Tôi đọc tất cả Thạch Lam, Nhất Linh, Khái Hưng, Nguyễn Công Hoan, Vũ Trọng Phụng, Thanh Châu, Lê Văn Trương… Sau này khi nhóm Tự Lực Văn Đoàn chạy vào miền Nam thì những cây bút nầy không còn mạnh, và độc giả miền Nam không hâm mộ như lúc trước nữa. Một phần cũng tại nhóm nầy phần đông là Việt Nam Quốc dân Đảng, hay Đại Việt, mà đất này thì họ khó có chỗ dung thân vì lý do chính trị.

Lúc bấy giờ khi sách được xuất bản, các tác giả thường gửi tặng tôi với những lời ưu ái. Như nhà thơ Thanh Tâm Tuyền với tập thơ đầu tay, sách đóng thật đẹp, đã viết: “Kính tặng chị Tùng Long, một cây bút đang làm mưa làm gió trên văn đàn miền Nam”.

Ôi! Thật là hãnh diện cho tôikhi chính tôi lúc bước vào con đường văn nghiệp đâu dám nghĩ mình là một văn sĩ mà chỉ mong sao đóng góp một phần nào đó xây dựng cho nữ giới và nuôi chín đứa con để chúng trở thành những công dân tốt.

Rồi Ban tổ chức cuộc thi văn chương toàn quốc (miền Nam Việt Nam) lần thứ hai vào năm 1961 hay 1962 mời tôi tham dự trong ban chấm thi. Ban giám khảo năm ấy có anh Đông Hồ, anh Phú Đức, và nhiều người khác nữa mà tôi không nhớ.

Trước đó, khi nghe đến cuộc thi văn chương toàn quốc, tôi có gửi dự thi hai tác phẩm, đó là quyển Bóng Người Xưa và quyển Nhị Lan. Nhưng khi kẹt vào Ban giám khảo, tôi liền rút sách lại không dự thi nữa. Cử chỉ nầy của tôi được Ban giám khảo ca ngợi, vì lẽ có nhiều người trong Ban giám khảo mà vẫn có sách dự thi và lại được chấm lãnh giải như ở kỳ đầu.

Năm tôi làm giám khảo, có tác phẩm của Nguyễn Vỹ dự thi, có sách của một người nào đó trong nhóm Văn Bút, mà khi phát giải, chị Nguyễn Thị Vinh lên lãnh thế vì người ấy đang ở Pháp.

Nhờ có tên trong ban giám khảo cuộc thi văn chương toàn quốc năm ấy mà tôi có thêm uy tín với làng văn làng bút và độc giả thân yêu của tôi. Tuy vậy tôi không hề lấy chuyện nầy làm hãnh diện, tôi cũng biết sức học của mình đâu bằng ai mà đi chấm môn tiểu thuyết. Có những nhà văn tên tuổi ra đời trước tôi như Nguyễn Vỹ gửi tác phẩm dự thi. Tuy vậy, dù tài sức không bằng ai nhưng đọc một tác phẩm và biết nó hay dở, chắc chắn là tôi làm được.

Sau buổi phát thưởng ở dinh Độc Lập, tôi được ông Nguyễn Đăng Thục tìm đến làm quen do nhà văn và nhà giáo Phạm Việt Tuyền giới thiệu. Ông Thục mời tôi vào hội nghiên cứu của ông, giao tôi phần nghiên cứu tiểu thuyết. Tôi trình bày với ông là tôi bận lắm. Như ông biết, rồi phụ trách nhiều tờ báo hằng ngày và hằng tuần, rồi còn có chân trong nhiều đoàn thể, hội phụ huynh, chắc tôi không đảm đang nổi. Đã vậy là một người phụ nữ, tôi còn nhiệm vụ đối với gia đình.

Ông Thục có lẽ cũng hiểu cho tôi như vậy, nên sau mấy lần hội họp tôi không đến dự được, ông cũng thông cảm cho tôi.

Rồi nhân trong một cuộc họp do Bộ thông tin tổ chức, lúc ấy bác sĩ Thọ làm giám đốc, bà Bút Trà có một bài thơ mừng sự nhận chức của bác sĩ, nhưng bà lại không dám đọc vì bà nghĩ rằng ai cũng biết bài thơ ấy là của ông Bút Trà làm cho. Bà giỏi về quản lý và điều khiển tờ báo, chớ làm thơ viết văn thì còn ai không biết bà học lực ra sao mà thơ thẩn gì! Bà liền nhờ tôi đọc giùm. Trong một buổi tiệc như vậy, có đông đảo mọi người, tôi làm sao từ chối được, vả lại bà là chị dâu mà cũng là chủ nhiệm của tôi. Thế là tôi đứng lên và trước khi đọc tôi tuyên bố rõ ràng là của chị tôi. Khi tôi đọc xong, tiếng vỗ tay không ngớt, có lẽ họ nghĩ do tôi viết, còn bác sĩ Thọ thì rất vui vì những lời ca ngợi ấy. Sau đó bác sĩ Thọ đã đứng lên bỏ chỗ ghế chủ

tọa của mình để xuống ngồi ở bàn của các nhà văn nhà báo. Bác sĩ ngồi gần bên tôi và hỏi thăm tôi về công việc viết lách và đời sống ra sao. Việc nầy khiến cho nhiều người càng nể tôi, và bà Bút Trà cũng phải thay đổi cách đối xử với tôi sau này.

Nhân chuyện nầy mà một phóng viên của báo Times ở Sài Gòn là Trần Quân có đến ngỏ ý với tôi muốn viết một bài phóng sự về cuộc đời viết văn của tôi và xin phép tôi cho Trần Quân đến nhà vào một ngày do tôi định. Thế là bài phỏng vấn ấy xuất hiện trên một kỳ báo Times. Với những câu trả lời của tôi, nay ngồi nhớ lại tôi vẫn không quên. Tôi có nói là tôi viết văn như một người thư ký làm có giờ giấc nhất định, không thức khuya dậy sớm vàkhông phải tìm nguồn cảm hứng một cách khó khăn. Tôi có thể viết bất cứ lúc nào và ở chỗ nào khi có nhu cầu. Tôi không dám cho mình là một nữ văn sĩ vì tôi viết văn để nuôi con. Nhưng nói thế không có nghĩa là tôi viết theo thị hiếu của độc giả và sự yêu cầu của các ông chủ báo với mục đích để bán chạy, bán nhiều. Nếu phải viết một quyển sách có phần tục lạc, hay tình cảm ướt át, thì dù trả tiền cho tôi gấp đôi tôi cũng không viết. Nhưng nếu một tờ báo mới ra đời, tài chính kém cỏi mà nhờ tôi viết cho một truyện ngắn, tôi cũng sẵn sàng viết ngay, không đặt vấn đề tiền bạc.

Bài báo ấy viết rất đặc sắc bằng tiếng Anh, được dịch ra như sau:

Bà Tùng Long và sự tự nhiên được bênh vực

Sự việc xảy ra thật sớm vào buổi sáng trong một cái chòi nằm chen chúc trong những con hẻm của một khoảnh đất ở vùng dân cư đông đúc và nghèo nàn của Sài Gòn. Buổi sáng, mặt trời chiếu trên những nóc nhà một cách yếu ớt, những người dân ở đó còn mơ màng trong giấc ngủ chập chờn vì cuộc sống quá khó khăn, thiếu không khí của những người dân lao động phải thức dậy lo công việc. Khi tiếng gà vừa gáy đợt đầu, một người đàn bà đã già mở cánh cửa của cái chòi và sai một đứa bé trai chạy đi mua cái gì đó cho bà. Mấy phút sau đứa bé chạy về, với hai bàn tay không và sẵn sàng chống đỡ những lời chỉ trích rầy la của bà. Bà ta đã đưa cho nó hai đồng bạc để mua cho bà một tờ báo Sàigòn Mới, tờ báo mà ai cũng biết xuất bản buổi sáng, và thằng bé lại lấy tiền đó để mua một khúc bánh mì cho đỡ đói.

Người đàn bà ấy không dằn được sự tức giận bèn la hét thằng bé, bảo tại sao nó không chịu ăn sáng với cơm như mọi người trong gia đình và để hai đồng bạc ấy mua cho bà một tờ báo. Tờ báo đối với và thật sự là một bữa điểm tâm tinh thần, cũng như một hơi thuốc lá và một cái tách cà phê đen và nóng vào buổi sáng của những người thượng lưu.

Nếu bạn may mắn và có dịp để hỏi cái gì trong tờ báo đã khiến cho bà quan tâm chiếu cố đến vậy, bà sẽ nói với bạn không một chút ngần ngại là không phải những chuyện tranh đấu không ngừng của Lumumba, hay cuộc tranh chấp không bao giờ chấm dứt của Phoumi và Phouma, và cũng không phải sự ra đời của một hoàng nam kế vị ngai vàng của xứ Iran, mà chỉ là tiểu thuyết ra hằng ngày trên báo của một cây bút nữ được cả nước nghe tên, được cả nước đọc với bút hiệu Bà Tùng Long, một người bạn trung thành của những người nghèo, của những người vô sản trong xã hội Việt Nam của chúng ta hiện giờ.

Không phải là một nhà văn

Bà Tùng Long là một trong rất ít phụ nữ viết văn hiện nay đã gặt hái được sự thành công, bà đã làm cho bao nhiêu con tim của cả nghìn vạn người từ mọi miền đất nước phải hồi hộp, khi bà xuất hiện vào năm 1955 như là một cây bút viết feuilleton nổi tiếng nhất trong kỹ nghệ làm báo lúc bấy giờ. Mặc dù không được giới trí thức (cao cấp) và giới trẻ còn quá vô tư với cuộc đời tiếp nhận, nhưng những tiểu thuyết của bà dễ đọc, dễ hiểu, với những tình tiết khéo léo và hấp dẫn, đã được theo dõi bởi phần đông độc giả của giới bình dân. Những quyển tiểu thuyết mà bà viết trên các báo đều được các nhà xuất bản mua và in thành sách cũng được độc giả hoan nghênh không kém. Độc giả của bà thuộc nhiều thành phần khác nhau, phần đông ở giới lao động, ít học, những người nội trợ muốn tìm cái chìa khóa hạnh phúc, những kẻ không có phương tiện để đến trường nghe lời giảng dạy của các thầy giáo, cả những quân nhân ở những vùng xa xôi hay những thủy thủ thiếu mái ấm gia đình. Mặc dù không có một quyển sách nào của bà được các nhà phê bình đem ra phê bình như một tác phẩm văn học của những nhà văn được coi là trí thức lúc bấy giờ, chính bà Tùng Long cũng tự nhận mình không phải là một nhà văn, mà bà chỉ viết cho những người thiếu học, những người không may mắn đến các trường Trung học Đại học, vậy mà tên tuổi của bà đã giúp bà kiếm được khá nhiều tiền trong cái thế giới làm văn của thời kỳ lúc bấy giờ.

Một tâm hồn nhạy cảm

Ngoài những bộ tiểu thuyết feuilleton mà bà Tùng Long đang viết ở báo Sàigòn Mới và tuần báo Phụ Nữ Diễn Đàn, bà con có những tác phẩm in lại thành sách cả 12 bộ vào năm 1963, đây là một kỳ công mà không một cây bút nữ nào hiện giờ ở đây có thể làm được. Hai tác phẩm được nổi tiếng nhất là Giang San Nhà Chồng và Bóng Người Xưa. Quyển thứ nhất nói về một phụ nữ Việt Nam sống trong địa ngục của bà mẹ chồng và gia đình chồng, chịu đựng bao điều khổ sở nhục nhã, nhất là bà mẹ chồng cay nghiệt cổ hủ, cho đến khi cô dâu này với ngày tháng đã chiếm được cảm tình và sự khâm phục của những kẻ đã đầy đọa mình. Quyển thứ hai mô tả cuộc đời sôi động của một đảng viên chánh trị chống lại sự cai trị của ngoại xâm. Nữ đảng viên này lập gia đình với một kỹ sư giàu có để có tiền giúp cho phong trào và các đồng chí

trong đảng, nhưng rồi phải bỏ chồng khi cuộc hoạt động không thành vì sự tan rã của các đảng viên trước kẻ thù quá mạnh. Cả hai tiêu biểu cho hai tâm hồn cao thượng trước những khó khăn của một xã hội phong kiến, nhưng vì tác giả phải viết từng ngày một cho báo hằng ngày nên đôi khi lời văn kém sâu sắc, hình ảnh không được chú trọng kỹ càng hơn, tuy vậy vẫn nói lên được những vấn đề hằng ngày của giới phụ nữ, trong gia đình, ngoài xã hội, chuyện tình cảm riêng tư một cách thiết thực và cách đáp ứng lại một cách khôn khéo thông minh, đã làm cho những cuốn tiểu thuyết của bà Tùng Long như những tấm gương hằng ngày của hàng vạn phụ nữ và cả hàng vạn nam giới nữa.

Đến lúc tự động phải cầm bút

Sanh năm 1915 tại Đà Nẵng (Trung phần Việt Nam), Lê Thị Bạch Vân, bút hiệu Tùng Long, là chị cả của bảy đứa con trong một gia đình trung lưu. Sau một thời thơ ấu bên bờ biển của một tỉnh lỵ và tại cô đô Huế với giòng sông Hương nước chảy lờ đờ, bà đã theo cha mẹ vào miền Nam và tiếp tục học ở trường Nữ trung học Gia Long nổi tiếng lúc bấy giờ, luôn luôn chiếm giải nhất về hai môn Pháp văn và Việt văn. Nhưng cái điều bà ao ước lúc này khi còn ngồi ghế nhà trường, là trở thành một nữ giáo viên ở một tỉnh yên tĩnh nào đó "có nền trời xanh trên những mái nhà và nơi đó có chim kêu ríu rít trên các cành cây tươi mát…". Bà đã trở thành một nữ giáo viên vào năm 1934 sau khi thi đậu ra trường. Năm sau bà lập gia đình với nhà báo Hồng Tiêu Nguyễn Đức Huy. Khi còn đi học bà đã tập tành viết những truyện ngắn, những tùy bút và những bài nói về phụ nữ, bây giờ bà lại viết trong những lúc rảnh rang, nhưng là viết cho mình đọc mà thôi.

Cho đến năm 1951, sau những năm dài đằng đẵng sống trong vùng kháng chiến, làm quen với những thiếu thốn vật chất và sự cô quạnh của những đêm không trăng, trong những hang đá của rừng núi, và những ngày đen tối bên những con đường nhỏ hẹp ngút ngàn của rừng rậm, mà nữ giáo viên tầm thường này nuôi cái mộng phải viết, phải nói lên những gì mà tâm hồn mình đã cảm nhận và con tim rung động.

Trở về Sài Gòn với chồng và các con, bà liền cầm bút viết một cách say sưa và hứng thú, và đã thành công ngay với cuốn tiểu thuyết đầu tay, rồi những quyển liên tiếp trên các báo hằng ngày và hằng tuần. Bà đã chinh phục được một diễn đàn rộng rãi và đến lúc ấy bà liền mở mục Giải Đáp Tâm Tình cho bạn đọc. Mục Gỡ Rối Tơ Lòng và Tâm Tình Cởi Mở như các mục Coeur A Coeur bên các báo La Femme hay Marie Claire của Pháp. Nhờ các mục này mà bà đã làm quen nhiều hơn với các độc giả và những chuyện tâm tình của họ.

Bốn giờ mỗi ngày

Ngày hôm nay, là mẹ của chín đứa con, người đàn bà viết văn này đã ước vào tuổi 45 và vẫn viết thường xuyên, đều đặn mỗi ngày bốn giờ, ngừng ngay khi cuối giờ thứ tư mặc dù đang lúc nguồn cảm hứng đang ở lúc cao độ. Bà nói bà phải ngừng lại theo một thời khóa biểu đã vạch sẵn để lo cho các con và còn một số học trò mà bà đang dạy ở các trường trung học tư thục Sàigòn.

"Tôi không nghĩ rằng mình là một nữ sĩ, một nhà văn, và tôi không bao giờ nghĩ rằng mình có một thực tài như vậy. Tất cả những gì tôi làm là ghi lại những gì tôi đã nghe và thấy xung quanh tôi, để có tiền nuôi các con tôi". Bà đã xác nhận một cách thành thật như vậy. Có thể bà nên viết một cách sâu sắc hơn, một lối văn trau chuốt hơn với những tình cảm dạt dào của sự sống, bớt đi những lời đối đáp không cần thiết thì bà còn có thể chiếm được một chỗ đứng đáng kính nể hơn trong lịch sử của nền văn chương hiện đại. Nhưng bà cũng như các cây bút nữ khác rất hiếm hoi lúc bấy giờ được độc giả biết đến cũng chỉ vì phương diện tình cảm con người như con đường duy nhất mà họ đeo đuổi để tạo được sự hòa thuận trong các gia đình, sự hòa bình trong xã hội.

Bà Tùng Long có thể tự hào là bà đã nhận lấy trách nhiệm quan trọng khi cầm bút là vạch ra cho phụ nữ đương thời con đường phải đi để được cùng tham gia với nam giới xây dựng một xã hội công bằng và tiến bộ hơn.

Mặc dù bà Tùng Long không nghĩ mình là một nữ sĩ, một nhàvăn có biệt tài, nhưng bà thật sự có một quần chúng độc giả đông đảo khắp các miền đất nước và bà đã làm cho bao con tim hồi hộp, chờ đợi một cái kết thúc khéo léo của quyển tiểu thuyết mà bà đang viết từng ngày một và bà cũng đã nổi tiếng trong suốt 20 năm và đảm nhận vai trò của mình, và cũng kiếm được một số tiền không nhỏ với những tác phẩm đã được in lại thành sách mà độc giả vẫn đón nhận một cách nhiệt tình.

Trần Quân (1963)

Trong bài phỏng vấn ấy, tôi có nói với Trần Quân tôi viết văn là để nuôi con. Hiện tôi có tất cả chín đứa, ba đứa ở đại học, ba đứa ở trung học, còn ba đứa sắp vào tiểu học. Khi nào các con lớn của tôi thành tài và ra đời thì tôi sẽ nghỉ viết.

Trần Quân hỏi tôi về tác phẩm mà tôi thích nhất thì tôi nói tôi không thấy một tác phẩm vừa ý, mà chỉ vừa ý một tác phẩm… Nói xong tôi vào bồng con bé út của tôi lúc ấy đã một tuổi ra khoe với Trần Quân. (Bé Phương Chi của tôi, hiện giờ đang ở Đức. Nó sang Tây Đứa năm 1980 và định cư ở đó, học ở trường Điện

Tử đậu kỹ sư và lập gia đình với một kỹ sư Việt Nam ở Thụy Sĩ).

Tất cả những bài báo, phỏng vấn hiện tôi không còn, vì năm 1975 tôi đã mất cả một tủ sách có giá trị và rất nhiều tác phẩm, tài liệu của tôi chưa in ra thành sách. Hồi đó trên báo Bách Khoa có phỏng vấn tôi hai lần, một lần về viết văn, một lần về dạy học. Linh Giang trên một tuần báo nào đó cũng có viết một bài về tôi và anh Hồng Tiêu của tôi.

Tôi không phải ngồi nhà mà viết tiểu thuyết, và cũng không phải như Phú Đức, phải nhờ vào ả phủ dung để viết những quyển tiểu thuyết dày năm sáu pho với cốt chuyện nhiều tưởng tượng hơn là thực tế. Tôi cũng không phải như Lê Văn Trương, như Trương Tửu, như một số nhà văn khác phải mượn rượu để giúp đầu óc có thêm hứng thú. Tôi có rất nhiều đề tài, những đề tài sống thực do các bạn đọc của tôi kể về cuộc đời làm dâu, làm vợ, về những cảnh ngang trái mà con cái phải chịu như cảnh dì ghẻ, con chồng, dượng ghẻ với con riêng của vợ. Còn nữa, còn nhiều nữa, những chuyện yêu thương của tuổi trẻ, những chuyện bơ vơ giữa chợ đời của những kẻ mồ côi… v.v và v.v. Đề tài thì nhiều, viết không sao hết, tài của mình, ngòi bút của mình đâu có chạy kịp với cả trăm nghìn chuyện như thế? Tôi lại được may mắn là viết rất dễ, viết cả chục trang không cần phải sửa. Trước khi viết tôi phải suy nghĩ về đề tài tôi sắp viết cả tháng như vậy, bất cứ lúc nào, ngồi trên taxi đến trường, ngồi giặt đồ ngoài sàn nước, đứng nấu thức ăn cho các con tôi, tôi tập sao cho đầu óc của tôi có nhiều ngăn như cái tủ của tôi, mỗi chuyện tôi viết cho báo này phải ở ngăn nào khi cần đến tôi kéo ngăn ấy ra.

Khi còn đi học, mỗi lần thầy cô cho đề luận, một hai tuần mới nộp bài, trong thời gian ấy tôi luôn suy nghĩ đến cái đề luận. Khi trên đường đến trường, khi ra chơi, vừa thức giấc, tôi liền nghĩ đến cái đề bài ấy, mình phải vô đề như thế nào, kết luận ra sao…

Và khi còn nhỏ, khi tôi tưới cây hay chăm sóc mấy bụi hồng cho cha tôi, tôi vẫn nghĩ đến những bài luận phải làm. Tôi không thích học toàn, chớ thật sự tôi không đến nỗi dốt toán, cho nên có những bài toán tôi cũng phải nghĩ cả tuần.

Tôi tự tập cho tôi giờ giấc làm việc, giờ nào làm việc nào và đêm phải ngủ vào lúc nào và sáng phải dậy mấy giờ, không cần đồng hồ báo thức. Cho đến ngày nay đã trên 80 tuổi, nhưng ngày nào phải dậy 6 giờ để đi bác sĩ là tôi tự động dậy đúng 6 giờ, không cần ai kêu và không cần đồng hồ báo thức.

Tôi làm việc gì cũng có thứ tự và rất ghét một điều là bị ai đó thúc giục. Tôi không làm được việc gì mà bị người ta hối. Vì vậy từ ngày viết feuilleton, tôi không bao giờ để thợ phải hối bài. Ngay khi sắp sanh, tôi cũng chuan bị trước bài vở và lần tôi bị mổ, tôi đã nghiêng mình viết vào ngày thứ ba đến nỗi bác sĩ Trần Đình Đệ phải ngạc nhiên.

Tôi tập vừa nghe nhạc vừa viết, vừa dạy con học vừa viết, vừa cả vừa nghe tin tức đài BBC hay VOA vừa viết tiểu thuyết. Tôi ăn uống có giờ giấc và làm việc cũng vậy. Tôi tập có ngăn nắp từ nhỏ, để không bao giờ phải mất thì giờ tìm một cái gì. Ngay bây giờ, khi cần nằm nhiều hơn ngồi, tôi sắp đặt xung quanh trong phòng tôi tất cả những gì mà tôi cần, như cái kéo, con dao, cái ly nước, hộp đồ may, quyển kinh nhật tụng, hay tất cả thuốc men cần uống, hộp giấy viết thư, hũ kẹo, nghĩa là tất cả những gì tôi cần đến là có mà không cần phải sai ai. Tôi rất ghét cái tật sai vặt của nhà tôi hồi đó.

Cho đến ngày nay khi ngồi viết những trang giấy nầy, tôi cũng vẫn còn giữ được tính ngăn nắp và ít khi làm phiền đến con cái, các cháu, ít sai ai làm những việc nhỏ cần thiết cho sinh hoạt hằng ngày của tôi…

CHƯƠNG 5. NHỮNG KỶ NIỆM ĐÁNG NHỚ TRONG KHI GIỮ MỤC GỠ RỐI TƠ LÒNG

Tôi nghỉ viết từ năm 1972, vậy mà cho đến bây giờ, mỗi khi nói đến tôi, nhiều người còn nhắc về mục Gỡ Rối Tơ Lòng của tôi và còn nói là với mục này tôi đã giúp chị em, bạn đọc gần xa không ít. Lại có người khi thấy những nhà xuất bản sau 1975 tái bản lại những quyển tiểu thuyết của tôi thì không khỏi tiếc rẻ là tại sao tôi không cho in lại những bức thư hỏi chuyện tâm tình và những câu trả lời của tôi, có thể xuất bản với tựa Tâm Sự Bốn Phương. Họ còn nói: Thời nào rồi cũng vậy, chuyện lòng của thiên hạ đâu có khác gì.

Thậm chí có nhiều tờ báo sau 1975 còn đề nghị tôi giữ mục này với nhuận bút khá cao. Nhưng tôi đã từ chối không dám nhận. Vẫn biết thời đại nào rồi cũng có chuyện yêu thương, ngang trái, chuyện tình cảm éo le, nhưng độc giả ngày hôm nay không phải là độc giả của ngày xưa. Và sau bao nhiêu năm vật đổi sao dời, sự suy tư của con người tất nhiên phải khác, cách cư xử cũng chịu ảnh hưởng của lối sống mới. Trả lời không phải dễ dàng. Thời nào có người nấy, rồi đây sẽ có người giữ mục này và họ sẽ thích hợp hơn.

1. TÔI ĐÃ KHỞI SỰ VIẾT MỤC GỠ RỐI TƠ LÒNG TỪ BAO GIỜ? VÀ TẠI SAO TÔI LẠI VIẾT MỤC NÀY?

Có thể nói tôi là người đầu tiên khởi xướng viết mục Gỡ Rối Tơ Lòng và được đăng trên báo Sài Gòn Mới vào năm 1953. Nguyên nhân là gì lúc ấy để có tài liệu viết bài về phong trào phụ nữ trên thế giới, tôi đã thường xuyên mua những tạp chí phụ nữ xuất bản ở Pháp. Trong đó có mấy tờ tuần báo Marie Claire và Elle, La Femme.

Ngay ở trang đầu báo Marie Claire có mục Couer À Couer (Từ trái tim đến trái tim). Độc giả nữ tâm sự, hỏi về những chuyện tình cảm và được một cây bút nữ trả lời ngắn gọn rất hấp dẫn. Thấy vậy tôi bỗng nghĩ đến một số đông phụ nữ Việt Nam vẫn có những tâm sự tương tự mà không biết hỏi ai nên liền đề nghị với bà Bút Trà, chủ nhiệm báo Sài Gòn Mới, để tôi viết mục Gỡ Rối Tơ Lòng và ký bút hiệu Tùng Long. Bà Bút Trà đồng ý ngay và tờ báo liền quảng cáo về mục Gỡ Rối Tơ Lòng.

Lúc đầu tôi ký Tùng Long, nhưng vì thời bấy giờ ít phụ nữ sống bằng nghề viết văn làm báo, mà có một số cây bút đàn ông viết những bài có liên quan đến phụ nữ, đến đời sống của phụ nữ lại ký tên cô Thanh Tuyền, cô Như Mai hay cô Bích Châu… nên lúc đầu khi thấy tôi ký tên Tùng Long, chị em còn dè dặt không biết bút hiệu Tùng Long là của đàn bà hay đàn ông nên chưa dám mạnh dạn gởi tâm sự đến cho tôi giải đáp. Có nhiều bức thư hỏi tôi: Tùng Long là đàn ông hay đàn bà vậy? Và vì lẽ ấy nên tôi phải ký "Bà Tùng Long" cho họ yên lòng. Tôi không ngờ mục này được bạn đọc gần xa hưởng ứng, chị em và cả nam độc giả cũng gởi tâm sự đến nhờ tôi giải đáp. Chỉ trong vòng vài ba tháng, mục Gỡ Rối Tơ Lòng cũng như chuyện Chúa Tiền Chúa Bạc (chuyện feuilleton thứ 2 của tôi đăng trên báo Sài Gòn Mới) đã đem lại cho tờ báo một độc giả đáng kể. Các đại lý báo đều xin thêm báo và tên tôi bắt đầu được nhiều người chú ý.

Không như mục Coeur À Coeur của báo Marie Claire hay Question Du Coeur (Câu hỏi của trái tim) của báo Elle, chỉ trả lời ngắn gọn và một kỳ báo có thể trả lời cho 5-7 người, tôi đưa lên báo mỗi ngày một vấn đề, có khi đăng trọn bài viết của độc giả, có khi tóm tắt khi họ viết quá dài rồi sau đó trả lời. Nhờ vậy mà độc giả rất thích mục này, nhiều chị em có cùng tâm sự cùng vấn đề đều có thể tìm thấy lời giải đáp mà không cần phải gởi tâm sự của mình đến nữa. Tôi không yêu cầu họ phải viết tên thật, không cần địa chỉ rõ ràng, chỉ cần có cốt truyện là trả lời.

Qua mục này tôi đã nêu lên nhiều vấn đề liên quan đến cuộc sống phụ nữ ở xã hội thời bấy giờ, như vấn đề tình ái và sự nghiệp, vấn đề hôn nhân, tình yêu và bổn phận, vấn đề hôn nhân cưỡng bức và tự do kết hôn… Nói tóm lại tất cả vấn đề có liên quan đến đời sống, quyền lợi của phụ nữ.

Lúc đầu chị em còn e dè không biết bà Tùng Long là ai, một phụ nữ thật sự bênh vực quyền lợi của chị em hay là một đàn ông lợi dụng mục này để tìm những bạn gái khờ khạo và đưa họ vào con đường tội lỗi, hay lợi dụng chuyện đau khổ của họ bày vẽ kiện tụng, xúi họ bỏ chồng, bỏ con. Nhưng sau nhiều lần thấy tôi xuất hiện trên báo chí vì có chân trong các đoàn thể xã hội, như Hội Phụ nữ Việt Nam, Hội Dục Anh, Bình dân học hội, hay có tên ở các buổi họp bầu cử ban trị sự của Hội Bảo vệ Luân lý, rồi Hội Phụ huynh Học sinh các trường trung học, lúc bấy giờ chị em mới mạnh dạn trao gởi tâm sự cho tôi. Nhưng không phải chỉ có chị em bạn gái nhờ tôi gỡ rối tơ lòng, mà ngay cả các nam độc giả một khi có sự rắc rối tình cảm cũng tham gia mục này, kể tâm sự của họ một cách thành thật và mong ở tôi một sự giải đáp hay những lời khuyên chân thành.

Thật tình mà nói và cũng không phải tôi tự hào hay khoe khoang, chứ lúc giữ mục này tôi chưa đầy bốn mươi tuổi và vẫn được xem là một phụ nữ đẹp. Nhưng tôi chưa bao giờ gặp một ai có ý sàm sỡ hay chọc ghẹo, mà tất cả ai đã gặp tôi đều có ý kính nể là khác. Và cũng trong thời kỳ giữ mục này, qua các bài tôi trả lời, có khi lời lẽ thật nghiêm khắc, có khi xem bạn đọc như một người ruột thịt, một đứa học trò, tự cho mình có quyền khuyên lơn và cả rầy la không tiếc lời. Vậy mà không hề có một người nào tức giận chửi rủa tôi lên mặt dạy đời hoặc viết thư phản đối cách giải thích của tôi không hợp lý hợp tình. Trái lại, tôi chỉ nhận được những thư cảm ơn.

Giữ mục Gỡ Rối Tơ Lòng độ một năm ở báo Sài Gòn Mới, vì tạo được độ rung xã hội nên tôi được các báo khác mời cộng tác đứng mục tương tự. Nhưng tôi chỉ viết thêm ở hai tuần báo Phụ Nữ Diễn Đàn và Phụ Nữ Ngày Mai cũng với mục này, vì đây là hai tờ báo do hai đứa con của chị Bút Trà đứng ra làm.

Thư từ của bạn đọc bốn phương tới tấp gởi đến, mỗi ngày một nhiều. Trong thời kỳ giữ mục này, tôi có thông báo không tiếp ai tại tòa soạn và tại nhà, mà chỉ trả lời qua thư từ gởi đến tòa soạn. Như thế đỡ mất thì giờ và tôi cũng không nhận một sự trả công, đền ơn đáp nghĩa nào ngoài nhuận bút của báo.

Tôi không ngờ tôi được độc giả tin cậy đến như vậy, thư càng ngày càng nhiều và tôi đã mất nhiều thì giờ để học và để trả lời. Có nhiều vấn đề liên quan đến cả một cuộc đời người trong cuộc, có liên quan đến gia đình và xã hội, tôi phải suy nghĩ suốt mấy ngày liền, không dám trả lời bừa bãi. Nhất là những vấn đề mà chị em đặt ra là phải ly dị không thể sống trong địa ngục trần gian, không chịu được sự áp bức của mẹ chồng, tôi thật phải đắn đo suy nghĩ, cân nhắc mới trả lời. Đây là cả một vấn đề trách nhiệm tinh thần không phải là một chuyện tầm thường để mình muốn viết sao cũng được. Rồi thì những chuyện các cô gái đi làm công bị chủ lợi dụng tình dục, chuyện các cô thư ký bị giám đốc đòi hỏi chuyện yêu thương lạt nẻo, chuyện chồng có vợ bé, chuyện mẹ chồng đày đọa, chuyện ép duyên, thôi thì không sót chuyện gì! Lần lần tôi bị thu hút vào những cảnh đời muôn mặt, những chuyện trái ngang mà không một nhà văn với đầu óc tưởng tượng phong phú cỡ nào có thể viết ra được. Và cũng nhờ vào tâm sự của các bạn xa gần, từ thôn quê đến thành thị, mà tôi có được rất nhiều đề tài để viết những bộ tiểu thuyết đăng hằng ngày hằng tuần ở các báo mà tôi hợp tác.

Cái kho tài liệu quí báu ấy nói lên đời sống của phần đông phụ nữ lúc bấy giờ. Họ cần có người để tâm sự cho vơi nỗi lòng, để được nghe những lời khuyên nhủ, để được thấy mình có được một chỗ dựa và nêu lên những vấn đề cần thiết cho người phụ nữ mà phong tục tập quán đã làm cho họ mất nhiều quyền lợi và cơ hội để nói lên tiếng nói của họ.

Tôi giữ mục Gỡ Rối Tơ Lòng ở báo Sài Gòn Mới ròng rã hai chục năm trời, vậy mà không hề nhận được một thư nào trách móc sao tôi trả lời sai lệch, hoặc xúi xử độc giả ly dị hay chống chế lại mẹ chồng. Tôi toàn khuyên lơn, giúp chị em dàn xếp an lòng, chuyện nhà sao cho hợp lý hợp tình, không để họ đi đến gãy đổ hoặc chống đối quyết liệt.

Khi giữ mục này cho báo Sài Gòn Mới, tôi nhận được rất nhiều thư cảm ơn của bạn đọc, cả gia đình kẻ gởi hỏi tâm sự, nhờ đó mà chồng hiểu cảnh vợ, nhận thấy những lời khuyên của tôi là đúng, mẹ chồng hiểu cảnh con dâu mà nương tay không tàn nhẫn như trước. Cũng có những ông chồng quay về với tổ ấm gia đình vì những lời khuyên của tôi đối với bà vợ ghen tuông, giận dữ, đã viết thư cảm ơn tôi. Những đứa con bỏ đi vì gặp cảnh mẹ ghẻ con chồng cũng đã quay về nhà và bà dì ghẻ nhờ đọc bài giải đáp của tôi cũng đã đối xử tử tế với con ghẻ. Nhiều lắm và nhiều lắm những thư từ cảm ơn như thế, và nhờ vậy mà suốt trong hai mươi năm trời giữ mục này tôi cảm thấy mình có một trách nhiệm tinh thần không phải nhỏ và luôn luôn đi con đường mà tôi đã vạch sẵn là phục vụ bạn đọc một cách chân thành, không vì một mục đích nào khác hơn là đem lại sự hài hòa và tình thương yêu cho mọi người ở mọi tầng lớp xã hội.

Chị Bút Trà không muốn tôi giữ mục này cho các báo nào khác ngoài báo Sài Gòn Mới và hai tờ Phụ Nữ Ngày Mai, Phụ Nữ Diễn Đàn.

Nhưng rồi cuộc sống mỗi ngày mỗi khác, tôi có cả một gia đình phải lo nên chị tôi cũng không thể ép buộc tôi phải là cây bút độc quyền của báo chị. Vì vậy mấy năm sau đó, tôi có người bạn cùng hoạt động cho các đoàn thể, cho các hội phụ huynh là anh Huỳnh Thanh Vị đứng ra chủ trương tờ Đồng Nai mời tôi giữ hai mục, một truyện dài và mục Gỡ Rối Tơ Lòng, thì chị Bút Trà không thể ngăn cản tôi được nữa. Là vì trước đó khi ông và Đinh Văn Khai, chủ nhiệm báo Tiếng Chuông, vào tận nhà mời tôi viết hai mục này và trả tiền rất hậu hĩ thì chị Bút Trà đem việc này ra trình bày trong một cuộc họp các chủ báo và nói rằng ông Đinh Văn Khai đã mua chuộc cây bút chủ yếu của báo Sài Gòn Mới với mục đích lấy độc giả của báo Sài Gòn Mới. Ông Đinh Văn Khai làm như vậy là bất chính, là cạnh tranh không hợp pháp, nhờ Hội các chủ nhiệm giải quyết giùm. Việc này các chủ báo có bày tỏ ý kiến là bà Bút Trà đâu phải mua đứa cây bút nữ này và theo lời họ thì họ biết bà Bút Trà trả tiền nhuận bút cho ký giả rẻ hơn các báo khác… Ông Đinh Văn Khai vì việc này không muốn mang tiếng là kẻ tranh giành bất chánh một ký giả liền cho tôi nghỉ và phải trả bồi thường ba tháng lương y như là tôi đã viết hết truyện dài trên báo ông để cho êm chuyện. Và nhờ vậy mà các ký giả hợp tác với Sài Gòn Mới được hưởng nhuận bút theo các chủ báo ấn định (truyện dài mỗi tháng là 6000đ – truyện ngắn 1000đ hay 2000đ tùy đăng một kỳ hay hai kỳ). Nhưng rồi cũng từ đó một ký giả có thể viết cho hai, ba tờ báo.

Nhờ chuyện này mà khi Huỳnh Thanh Vị ra tờ Đồng Nai, anh đến ngay tòa soạn Sài Gòn Mới tìm tôi và thương lượng nhờ tôi viết cho anh hai mục như trên báo Sài Gòn Mới. Anh cũng đem chuyện này nói với chị Bút Trà. Tôi và chị đành phải đồng ý. Trong sự đồng ý này còn có một nguyên nhân khác. Huỳnh Thanh Vị hoạt động nhiều về chính trị, quen biết nhiều nhân vật có uy tín trong chánh phủ đương thời, nên bà Bút Trà nể nang không dám động đến. Tôi đề nghị Huỳnh Thanh Vị đổi tên mục Gỡ Rối Tơ Lòng ra là Tâm Tình Cởi Mở để khỏi làm bà Bút Trà lo nghĩ nhiều.

Mục Tâm Tình Cởi Mở mở ra ở báo Đồng Nai cũng được độc giả chiếu cố ngay và cũng nhờ hai tiểu thuyết đăng song song, một là Cô gái Đồ Long của nhà văn Kim Dung do dịch giả Lưu Quốc Nghĩ dịch, và hai là truyện dài Giòng Đời của tôi. Nhưng tờ Đồng Nai như trên tôi đã nói là một tờ báo có mục đích chính trị, chống đối chế độ Ngô Đình Diệm, nên báo không thọ được quá hai, ba tuần. Sau khi báo Đồng Nai tạm đóng cửa chờ sự vận động bên trong thì Trịnh Viết Thành, một ký giả và cũng là láng giềng cùng cư xá với tôi lúc ấy (cư xá Chu Mạnh Trinh), đưa Quốc Phong là chủ nhiệm báo Tiếng Vang đến thăm tôi và yêu cầu hợp tác với Tiếng Vang bằng cách đem hai mục của tôi ở báo Đồng Nai qua Tiếng Vang.

Theo một bài người bạn trong làng báo cho tôi biết thì tờ Tiếng Vang đang sống dở chết dở, và họ đang đi tìm các cây bút có tên tuổi và được độc giả trong Nam ưa chuộng để dựng tờ báo dậy. Lúc ấy các báo Tự Do của Phạm Việt Tuyền, Ngôn Luận của Hồ Anh, Tiếng Vang của Quốc Phong, là những tờ báo hằng ngày mà số độc giả quá ít, không quá 5.000 số mỗi ngày, vì độc giả không quen với lối văn Bắc. Khi được Huỳnh Thanh Vị cho biết là tờ Đồng Nai gặp rắc rối về mặt chính quyền không biết có được tái bản không thì tôi liền nhận lời viết cho Tiếng Vang, với điều kiện sẽ viết một truyện dài khác, chớ không tái đăng và viết tiếp Giòng Đời. Làm như vậy tôi muốn chơi xem tờ Đồng Nai có thể tái bản được nữa không và cũng để bạn đọc thấy tôi không phải chỉ biết có tiền…

Tiểu thuyết đầu tôi viết cho Tiếng Vang là Đường Tơ Đứt Nối và viết bằng một lối trau chuốt theo kiểu các nhà văn ngoài Bắc, cố ý để cho họ thấy rằng khi muốn viết thật văn chương tôi cũng có thể viết được.

Sau khi Đường Tơ Dứt Nối chấm dứt sau ba bốn tháng trên báo Tiếng Vang và thấy tờ Đồng Nai không còn cơ may nào tái bản, tôi liền đem Giòng Đời qua Tiếng Vang và lúc bấy giờ, theo lời Trịnh Viết Thành, báo Tiếng Vang đã đứng vững rồi, không còn sợ gì nữa, đã có một số độc giả đủ cho mặt tài chánh của báo.

Tôi đã giữ mục Gỡ Rối Tơ Lòng và mục Tâm Tình Cởi Mở cho hai báo Sài Gòn Mới và Tiếng Vang cho đến năm 1972. Lúc bấy giờ chánh phủ của Nguyễn Văn Thiệu ra sắc lệnh các báo hằng ngày phải đóng 20 triệu thì mới tiếp tục được xuất bản. Một số báo của tư nhân như báo Sài Gòn Mới và Tiếng Vang đều không đóng tiền và đành chịu bỏ nghề báo sang qua làm các công việc khác. Các báo có sự ủng hộ của một cơ quan chánh phủ thì vẫn tiếp tục ra báo.

2.

Trước khi nói đến chuyện vui buồn, điều đáng nói trước là nhờ giữ mục Gỡ Rối Tơ Lòng mà tôi phải tự tìm hiểu và học hỏi thêm được nhiều thứ mà khi ở dưới mái trường tôi chưa học đến.

Bạn đọc gửi thư không chỉ hỏi chuyện tâm tình mà dần dần trên mục này còn có nhiều người hỏi về pháp luật, về thuốc men điều trị, về những chuyện trên thế giới và những trào lưu tân tiến ở xã hội phương Tây. Có cả các em học sinh yêu cầu chỉ về chuyện chọn trường, chuyện kiếm ký túc xá, thôi thì không thiếu thứ gì. Độc giả quả tin cậy ở kiến thức của tôi, tưởng đâu tôi là nhà bác học sao chứ! Vì vậy mà tôi phải đọc nhiều sách, phải đọc thật nhiều.

Tôi đã phải đọc rất nhiều sách về pháp luật, có vấn đề gì nan giải, tôi liên lạc với bà Nguyễn Phước Đại hay bà Huỳnh Ngọc Anh, hai nữ luật sư tên tuổi lúc bấy giờ và cũng ở trong đoàn thể phụ nữ với tôi. Còn về y học thì tôi đã học khoa châm cứu với thượng tọa Thích Tâm Ấn trong khi đến nhờ ông chữa cho bệnh nhức đầu.

Đêm đêm sau khi viết bài xong, tôi đọc sách, đọc báo nước ngoài đến khuya mới ngủ và thật tôi thật không thể ngờ nhờ vậy mà tôi đã có một số vốn kiến thức ở nhiều lãnh vực. Những quyển sách học làm người, những quyển tiểu thuyết trinh thám là những sách mà tôi thích nhất. Tôi không thích tiểu thuyết tình cảm. Có đọc chăng là khi còn học ở trường, vì phải học văn chương Pháp ở mọi thời kỳ.

Vậy mà sau này tôi lại viết những chuyện tình cảm tâm lý là do cái kho tài liệu mà các bạn đọc đã giao phó cho tôi, đã gởi gắm cho tôi và cho tôi thấy các khía cạnh sâu xa của tình cảm con người, lòng nhân hậu, sự độc ác, tánh hung dữ, sự thù hận của con người đối với con người như thế nào. Sau năm 1972, tôi còn có nhiều đề tài để viết, nhưng tôi lại không viết nữa vì tôi không giống như các nhà văn viết để đó chờ có cơ hội mới in. Tôi chỉ muốn viết cho những ai có nhu cầu đọc liền mà thôi. Vì có sẵn quá nhiều đề tài như vậy nên khi ngồi lại viết, tôi viết rất dễ dàng, không cần phải sửa đi sửa lại.

Bây giờ tôi đưa ra đây một vài chuyện mà tại sao tôi phải luôn luôn học hỏi để có thể giải đáp cho bạn đọc thân mến của tôi:

- Trong một bức thư gởi từ Vũng Tàu của một em nữ sinh, em bày tỏ với tôi rằng: Em đi bác sĩ vì tóc em rụng quá nhiều. Bác sĩ chữa trị cho em lại là bạn của anh trai của em, từ một tỉnh ở đồng bằng sông Cửu Long đổi ra đây làm việc ở ty y tế tỉnh và có phòng mạch riêng.

Vị bác sĩ này đã bắt em đi liên tiếp 12 lần để ông ta điều trị và theo dõi, tiêm thuốc, thay vì cho thuốc về nhà uống hoặc chích. Mỗi lần ông ta điều trị, ông ta thường kéo dài thời gian để nói chuyện với em, hỏi em về đủ thứ chuyện rồi dần dần có những cử chỉ không đúng, như quá thân mật trong khi tiêm thuốc hay khi tiễn đưa ra cửa. Dần dà ông ta lại mời em đi chơi và cố tình kéo dài thời gian chữa trị mà theo em nhận xét không thích đáng.

Em bèn viết thư hỏi tôi vậy là ông ta thành thật hay muốn kéo dài thời gian chữa trị để chọc ghẹo em hay bày tỏ tình cảm với em.

Gặp trường hợp như thế này lẽ dĩ nhiên tôi phải biết thuốc mới trả lời cho em được.

Tôi liền trả lời cho em là tóc rụng đôi khi do thiếu Vitamin C, cần uống Vitamin C hay chích Vitascorbol độ 3-4 mũi. Tiếp đó nếu không hết thì chích Bépanthène hay Biotine khoảng 5-6 mũi là tóc không còn rụng nữa. Tôi khuyên em đừng thức khuya nhiều. Đi ra ngoài trời nên đội nón và phải lựa những thứ dầu gội đầu tốt để gội.

Còn về chuyện ông bác sĩ này muốn kéo dài sự chữa trị là cố ý muốn tán tỉnh em. Như vậy không chính đáng. Nếu ông ta là người đứng đắn thì ông ta có thể đến nhà gặp em vì ông ta là bạn của anh em kia mà. Người ta không lạ gì cách câu khách và kéo dài thời gian điều trị của một số bác sĩ thiếu lương tâm hay muốn làm giàu, chứ cái bệnh rụng tóc ở các thiếu nữ đang lớn thì có khó chữa đâu.

Và việc gì xảy ra sau khi có bài trả lời của tôi trên báo, các bạn biết không?

Em học sinh này sau đó viết thư cảm ơn tôi và cho tôi biết là ông bác sĩ này có đọc bài trả lời của tôi, ông ta liền đến gặp anh của em để xin lỗi về chuyện ông ta đã sai lầm, thật ra ông ta đã có vợ con ở quê nhà.

Một lời giải đáp như vậy cũng có ảnh hưởng tới một bác sĩ tỉnh lẻ và họ cũng nể nang cây bút chuyện giải đáp tâm tình thời bấy giờ. Sau cô nữ sinh này còn viết thư cho tôi biết tên thật của cô và địa chỉ của cô ở Vũng Tàu. Còn mời tôi khi nào ra Vũng Tàu thì cho cô hay, cô sẽ đón tôi về nhà. Nhưng tôi chưa hề biết mặt cô ấy và cũng không hề đến nhà cô ở Vũng Tàu.

- Giữ mục này có nhiều chuyện đã đem lại cho tôi niềm an ủi rất lớn, khích lệ để đủ can đảm và bền bỉ đứng mục cả hai mươi năm mà không hề chán nản. Có lần một giáo viên đã viết thư tâm sự với tôi là đã chọn lầm nghề dạy học. Bấy giờ sau khi thi đậu ra trường sư phạm và được bổ nhiệm ở một trường tiểu học, cô rất chán nản trước bao khó khăn, và nghề dạy học chỉ là một nghề bạc bẽo, tiền lương đã ít mà sự lao tâm nhọc trí lại nhiều và còn hơn thế nữa, trách nhiệm quá nặng nề vì phải uốn nắn những tâm hồn ngây thơ nên người sau này.

Tôi đã viết một bài dài trả lời cho cô giáo này vì tôi cũng là một nhà giáo đã từng dạy học trò từ bậc tiểu học, rồi trung học trong suốt hơn mười năm trời. Đây là một vấn đề rất thời sự, rất nóng hổi, nên tôi cố đem hết tâm huyết ra để mà bênh vực cho nghề dạy trẻ.

Ngày này sau trên 20 năm viết bài này, và không còn tài liệu, bài báo cũ, nhưng tôi vẫn nhớ rõ ràng những gì tôi viết cho cô ấy. Tôi vô đề bằng cách khen cô đã đặt ra vấn đề trách nhiệm, và đã có tinh thần trách nhiệm thì không thể là một giáo viên tầm thường không yêu nghề được.

Tôi bênh vực nghề dạy học, tôi không hề xem nó là một nghề bạc bẽo, tôi chỉ nói những điều mà tôi học được, thu thập được khi đặt chân vào nghề này.

Tôi bảo dạy là học hỏi, dạy là sáng tạo và dạy là nuôi dưỡng những gì tốt đẹp trong ta. Tôi đã kể những kỷ niệm buồn vui khi tôi mới đặt chân vào lớp học lần đầu tiên, và những gì các học sinh gặt hái được sau một năm học với tôi và những tình cảm gắn bó giữa tôi và học sinh…

Tôi thật không ngờ lời giải đáp ấy của tôi lại được vị hiệu trưởng trường Sư Phạm ở Sài Gòn hồi đó lấy làm tài liệu để dạy học trò. Thật là một an ủi lớn cho tôi và các bạn cũng hiểu rằng độc giả của tôi không phải là những người bình dân ít học như một số người đã nói và phê bình, mà trong giới trí thức cũng có nhiều người là độc giả trung thành của tôi.

Có lần trường này ngỏ ý muốn cho tôi nói chuyện với học sinh – giáo sinh trong trường nhưng rồi tôi quá bận rộn với nhiều công việc và không thu xếp được thời giờ, thật là một điều đáng tiếc và cũng là sự thất lễ của tôi không đáp ứng được lòng mến mộ của thầy cô giáo trong trường.

- Một chuyện vui khác mà tôi sắp kể ra đây để các bạn thấy rằng những lời giải đáp của tôi ở mục Gỡ Rối Tơ Lòng cũng đem lại hạnh phúc cho những cặp vợ chồng sắp tan vỡ.

Một hôm mở chồng thư bạn đọc, tôi đọc thấy tâm sự của một giáo viên hỏi về chuyện yêu thương của mình.

Cô ta viết rằng cô đã có chồng và có hai con. Cô đang sống hạnh phúc vì cuộc hôn nhân của cô là một cuộc hôn nhân do luyến ái, thương nhau, hiểu nhau rồi mới xin cha mẹ đứng ra gầy dựng.

Bỗng nhiên ở trường cô có một giáo viên nam mới đổi đến và người này đã gây ngay tiếng sét ái tình cho cô vì đã đẹp lại thông minh, hoạt bát, biết làm vui lòng người đẹp bằng những cử chỉ lịch sự. Rồi cô và người ấy đã yêu nhau, ban đầu âm thầm , dè dặt, sau công khai bất chấp dư luận. Thế là cô có ý muốn ly dị với chồng để rồi sẽ kết hôn với ông giáo này. Cô hỏi ý kiến của tôi.

Các bạn có biết tôi trả lời ra sao không?

Tôi vô đề, viết ngay rằng:

“Tôi đã đọc kỹ thư em, đọc đi đọc lại để tìm hiểu tâm trạng của em và cũng để đo thử sự si mê của em đến mức độ nào rồi. Tôi có còn thuốc chữa trị cho em không? Tôi có còn đủ lời lẽ để khuyên lơn em không?

Trước khi trả lời, tôi muốn nói cho em biết, nếu em là em ruột của tôi, thì tôi sẽ bảo em nằm xuống cho tôi đánh 10 roi trước đã.

Em bảo cuộc hôn nhân của em do tình yêu mà có, lại đã có hai con và đang sống trong hạnh phúc. Vậy mà bây giờ vì gặp một giáo viên lịch sự, đẹp trai, thông minh, em đem lòng yêu thương và muốn ly dị với chồnbg để kết hôn với anh ta. Như vậy có hợp lý hợp tình không?

Không kể chồng em ra, hai con em, chúng nó có tội tình gì mà bỗng dưng lại phải sống xa cha mẹ?

Và người đàn ông sau này có thể chấp nhận cho em đem hai con về nuôi không? Rồi cảnh cha ghẻ và con riêng cua vợ, em có biết sẽ không bao giờ suôn sẻ không?

Cho rằng chồng em bằng lòng cho em ly dị và anh ấy giữ hai con thì rồi một ngày nào đó chồng em có vợ và em có biết cảnh mẹ ghẻ con chồng có bao giờ êm đẹp như tình mẹ ruột hay không? Đó là tôi nói với trường hợp chồng em nhận lời và cũng đang bốc đồng bị một tiếng sét ái tình như em!

Còn nếu chồng em còn yêu em thì sao? Thì là một sự sụp đổ tai hại em không thể lường trước được đâu và em sẽ là người gây ra bao nhiêu đau khổ và thất vọng cho nhiều người.

Em đã biết gì về người bạn trai mới chưa? Và chồng em có đã hay biết gì về ý định của em không?

Tôi thấy rõ ràng đây là một chuyện yêu thương lạt nẻo. Rồi đây em sẽ ăn năn suốt đời cho chuyện bốc đồng này của em. Em hãy vì các con, vì bổn phận thiêng liêng của người mẹ mà quên đi sự bốc đồng trong giây phút…”.

Tôi đã khuyên cô ấy rất nhiều và rồi tôi không hiểu cô ta có chịu nghe lời tôi không? Và rồi với bao nhiêu công việc mỗi ngày, tôi cũng không có thời gian để theo dõi chuyện này nữa. Tôi đã ra điều lệ cho bạn gửi thư hỏi chuyện tâm tình là không cần viết tên thật, địa chỉ thật. Tôi chỉ cần có cốt truyện để trả lời là đủ.

Thế rồi hai tháng sau tôi nhận được thư của một nam độc giả cho tôi biết ông ta là chồng của người giáo viên đã nhờ tôi gỡ rối tơ lòng về chuyện trên và cảm ơn tôi đã giúp gia đình ông khỏi gãy đổ, các con khỏi xa cha xa mẹ. Ông xin phép tôi được đưa vợ đến thăm tôi.

Tôi rất mừng và đã phá lệ là không tiếp ai ở nhà. Gặp đôi vợ chồng ấy, tôi thấy họ rất xứng đôi và tôi đã khen người chồng hiểu được sự yếu lòng của vợ mà không phiền trách vợ, tha thứ cho vợ. Cô giáo kia vì muốn làm yên lòng chồng đã xin chuyển đến một trường khác sau đó.

Đây là một trong hàng trăm câu chuyện mà nhờ những lời khuyên của tôi, độc giả nam nữ đã tìm thấy sự bình an của gia đình, và tôi cũng thầm cảm ơn Trời Phật đã cho tôi có cơ hội giúp các bạn đọc bằng lời khuyên của mình mà các lời khuyên ấy có hiệu quả. Và tôi cũng rất tự hào là bạn đọc đã tin cậy và thương yêu tôi rất nhiều cho nên họ mới nghe lời khuyên của tôi. Vả điều này đã giúp tôi cần dè dặt trong khi giải quyết những vấn đề lòng.

- Dưới đây là một chuyện khác từ một độc giả ở tận bên Lào đã gởi về cho tôi một bức thư chữ viết vừa xấu vừa sai chính tả, chứng tỏ ông ta là người ít học và đã lớn tuổi.

Theo lời ông tâm sự thì ông đã trên 50 tuổi, quê ở ngoài Bắc, vì tìm kế sinh nhai nên lúc nhỏ phải theo bạn bè trong làng qua tận bên Lào để làm phu khuân vác. Ông gặp một cô gái cùng cảnh ngộ trên đất khách quê người và cùng nhau lập gia đình. Theo ông kể, hồi đó ông làm công lãnh độ 5 xu một ngày, khi hái trà, khi làm phu khuân vác. Còn vợ ông cũng vậy, suốt ngày vất vả ở đồn điền. Suốt bao nhiêu năm nhọc nhằn, hai vợ chồng đã tạo dựng được một gia đình êm ấm, có chín đứa con và không còn làm phu, làm thợ nữa

mà quay qua buôn bán xuôi ngược trên đường Vientianne – Hà Nội. Rồi họ làm giàu, gầy dựng con cái nên bề gia thất. Các con đầu được đi học tử tế. Đột nhiên bà vợ bây giờ đã giàu có, có nhiều bạn bè sang trọng đâm ra chê ông ta dốt nát và đòi có nhà lầu, xe hơi, có kẻ ăn người ở như các người giàu có.

Ông thì vẫn giữ nếp sống bình thường., không bao giờ quên những ngày trẻ trung phải kiếm sống bằng 5 xu tiền công mỗi ngày và dạy con cái phải tiết kiệm, lo học hành để có cuộc sống nhàn hạ hơn ông lúc thiếu thời.

Bà vợ lại không chịu như vậy, cứ đua đòi theo bạn bè, chưng diện, bài bạc và lâu lâu về Sài Gòn học thêm cách chưng diện ăn chơi. Nói ông không nghe, bà liền đòi ly dị. Bà vào Sài Gòn mua một căn phố lầu, đưa các con về đó ở ăn học và cũng là nơi bà đi về nói là làm ăn, sự thật để sống một cuộc sống giàu sang, sung sướng hơn.

Ông đem chuyện kể hết trong một lá thư dài hai trang giấy lớn, viết không mạch lạc mà thỉnh thoảng lại than thở nỗi nọ niềm kia và nhờ tôi làm sao khuyên giùm vợ ông.

Những chuyện như thế này rất thường xảy ra ở các gia đình từ cảnh nghèo nàn trở nên giàu có và rồi chồng hay vợ lại cảm thầy chồng mình dốt nát, hay vợ mình xấu xí, đâm ta chán nản và quên cả nghĩa tào khang. Tôi cũng đã suy nghĩ cả mấy ngày để trả lời bà này, trả lời thế nào để bà ta khi đọc tự phân tích, vì tôi chỉ trả lời cho người hỏi, không thể khuyên người không hỏi tôi.

Vậy mà tôi đã thành công khi sau đó một tháng, ông lại viết cho tôi một bức thư cảm ơn tôi đã trả lời giải đáp cho ông mà khi vợ ông đọc lại cảm động và thấy mình có lỗi. Là vì tôi không hề chê trácg bà mà tôi chỉ khuyên ông thay đổi cuộc sống, có tiền thì cũng có quyền tạo cho mình một cuộc sống khá giả hơn, miễn là đừng tiêu xài hoang phí. Huống chi cả hai vợ chồng đang còn ở cái tuổi làm lụng được, bây giờ đã là thương gia thì có thể buôn bán kiếm tiền nhiều hơn, cũng phải cho con cái có những ngày đầy đủ ấm no, và cho vợ con được như những người đàn bà có tiền, có những lúc đi giải trí, có những kỳ nghỉ mát, chồng vợ, con cái bên nhau. Tôi viết: “Với một người đàn bà đã ngoài 50 tuổi, có cả chín đứa con, có dâu có rể lại đang sống trong cảnh giàu có thì ai điên gì mà muốn ly dị phải không? Lỗi là lỗi ở ông thôi. Có người mẹ nào đã nuôi chín con nên người, bây giờ đứa đã có chồng, đứa đã có vợ, lại chịu bỏ đi lấy chồng khác? Mà lấy ai bây giờ? Nhìn lại tóc mình đã bạc, da đã nhăn, dù mỹ viện có tài gì thì cũng chỉ tạo được cái bề ngoài, chớ còn bên trong cơ thể, già vẫn già. Lấy người trẻ chăng? Ai mà ưng, họ có ưng thì cũng vì đồng tiền chớ đâu có tình nghĩa gì? Lấy người trên 60 tuổi chăng? Để về lo cho họ phải không? Mà cái thời kỳ lo cho chồng, vợ ông đã trang trải gần suốt cuộc đời rồi, nay liệu bà có thể làm lại với một người đàn ông khác, người đàn ông đã già có nhiều đòi hỏi, nhiều bệnh tật? Tôi không nghĩ vợ ông lại kém suy xét như vậy. Hay là bà chỉ muốn hăm dọa ông, để ông chịu thay đổi cuộc sống cho bà dễ thở một chút, vì khi đã có tiền, ai mà không muốn co một nơi ăn chốn ở ra hồn, để đền bù những ngày còn trẻ đã vất vả nhiều…”

Rồi sau đó độ hai, ba tháng gì đó, mỗi lần tôi ở dưới lầu bước lên tòa soạn (tòa soạn báo Sài Gòn Mới ở lầu 1 của một dãy phố dài trên đường Phạm Ngũ Lão) thì có một người đàn ông đứng tuổi, ngồi chờ ở cái ghế bên ngoài, và cứ thầm thì nói chuyện với chú gác dan. Như vậy cả hai ba ngày, tôi thấy có chuyện lạ hỏi thì chú nói: - Đó là một độc giả từ bên Lào qua muốn xin gặp bà mà tôi không cho nên ông ta cứ đến hoài.

Nghe vậy tôi cho mời ông ta vào thì ra ông ta chính là người độc giả đã viết thư kể chuyện tâm tình như trên. Lại một lần nữa tôi phải phá lệ là tiếp một độc giả vì ông ta ở Lào qua. Ông ta cảm ơn và trao cho tôi một thùng quà nói là của vợ ông gởi biếu tôi và cảm ơn tôi đã can thiệp kịp và giúp bà tìm thấy hạnh phúc gia đình. Trong thùng quà ấy có sáu cái ly thật đẹp và một xấp gấm. Tôi từ chối mãi không được nên phải nhận và những cái ly ấy đến bây giờ tôi vẫn còn giữ làm kỷ niệm. Hôm ấy ông nhờ tôi viết giùm ông một bài nhỏ có tính chất gia phả kể lại cuộc đời vợ chồng ông và ông sẽ in lên một tấm giấy gấm để đóng khuôn và treo lên giữa nhà để các con ông thấy rằng cha mẹ đã vất vả như thế nào mới có được ngày nay. Và hôm ông ăn tân gia, ông bà có đến mời tôi dự nhưng tôi lại bận một chuyến công tác ở xa không đến dự được. Tôi rất tiếc không đến để thấy cảnh đoàn tụ của ông ta.

- Khi giữ mục Gỡ Rối Tơ Lòng, tôi còn gặp một chuyện thật hi hữu, nhớ đời và cũng là một sự khích lệ lớn lao cho tôi.

Nguyên là, một hôm vào khoảng năm 1958, nghĩa là sau khi tôi giữ mục Gỡ Rối Tơ Lòng được năm năm, trong chồng thư độc giả tôi có nhận được một lá thư của một độc giả ở Nha Trang gởi vào nhờ tôi giải đáp một vấn đề nan giải mà theo bà vì là người trong cuộc nên không được sáng suốt.

Nguyên bà có một người con trai duy nhất mà bà đã đánh đổi bằng một cuộc tình muộn màng thì nay con bà đã chết, để lại cho bà một cô dâu và ba đứa cháu còn thơ dại. Mấy lâu nay con và dâu của bà sống chung với và trong một ngôi nhà rộng và bà rất yêu thương mấy đứa cháu vì đây là tất cả những gì mà bà có trong cuộc đời bà. Con trai bà vừa chết được đâu một năm thì cô dâu đã đòi đưa các con về ở với mẹ cô. Mấy đứa cháu dù bà thương yêu nhưng không đứa nào chịu ở với bà, nhất định theo mẹ. Bà cũng biết con dâu của bà còn trẻ lại đẹp và là một phụ nữ có nghề nghiệp nên khi ra ngoài xã hội vẫn có nhiều người

đàn ông đeo đuổi. Bà không muốn đã mất con và bây giờ còn phải mất cả dâu, cháu. Bà sẽ sống ra sao? Bà đã viết thư tâm sự với tôi và hỏi ý kiến tôi.

Vì đây là một câu chuyện thường xảy ra trong các gia đình Việt Nam và là một câu chuyện trong lãnh vực phụ nữ và tình cảm con người, tôi liền nêu lên trước, như một vấn đề ưu tiên hàng đầu và tôi đã giải quyết như sau:

Bà phải thông cảm cho cảnh con dâu góa bụa nhưng còn quá trẻ. Lúc sống với chồng thì chồng luôn xa nhà vì bận công tác, nên luôn cảm thấy cô đơn và trong thâm tâm nay chắc cũng muốn bước thêm bước nữa. Nhưng vì còn ái ngại cảnh mẹ chồng và tình bà cháu tha thiết nên chưa dám bày tỏ nỗi lòng. Vì vậy nên mượn cớ mẹ mình cũng già, cũng cô đơn nên xin về ở với mẹ. Bà nên dò xét thử cô con dâu đã quen với ai, hay là cứ nêu thẳng vấn đề là bà không muốn cho con dâu phải thủ tiết thờ chồng vì còn quá trẻ. Bà cứ đề nghị bà sẽ xem cô ta như là con gái của bà và bà sẵn sàng đứng ra gả chồng cho cô. Rồi bà cứ nêu thử một vài đám nào đó hỏi ý kiến cô và nếu quả thật cô đã có người yêu thì cô sẽ tỏ thật với bà. Bà cứ tuyên bố và sẽ sẵn sàng đứng ra tác thành nhưng nhất định bắt rể vì nhà rộng, và như vậy bà sẽ không xa mấy đứa cháu. Chúng nó có bố dượng thì tất nhiên càng thương yêu bà. Bà lại hay đi vắng nhà để về quê ở Nghệ An, hoặc đi Huế thăm quê chồng. Và con dâu bà và chồng cô có thể tự do trong ngôi nhà của bà. Bà sẽ không mất dâu, mất cháu mà còn có thêm một người rể, một người đàn ông mà rất cần cho một gia đình như gia đình của bà.

Tôi trả lời như thế và độ một tuần sau, chị Bút Trà đã gọi điện thoại từ tòa soạn báo Sài Gòn Mới hỏi ý kiến tôi vì có một độc giả đã già, từ Nha Trang vào muốn gặp tôi. Tôi đã tuyên bố là không tiếp độc giả hỏi về chuyện tâm tình mà chỉ trả lời trên báo theo thư từ gửi về. Nếu phải tiếp độc giả thì tôi còn đâu thì giờ để làm việc vì mỗi ngày tôi chỉ ở tòa báo có một buổi để coi lại bài vở đã sắp chữ để cho lên khuôn và viết những tin tức thời sự hay bài xã luận nếu nhà báo không có người túc trực. Nửa ngày khác thì tôi lại bận ở các trường tư thục. Chị tôi cũng hiểu như thế nên chị tôi nói đây là một trường hợp đặc biệt, thím phá lệ một lần đi vì bà cụ đã già mà từ Nha Trang vào, thím nên nể tình bà ta. Thế là tôi phải nể lời chị tôi nhận lời. Độ một giờ sau tổng thư văn của nhà báo đã đưa bà độc giả từ Nha Trang vào đến nhà tôi. Bà ngồi chờ tôi ở phòng khách và tôi mặc áo dài để ra tiếp bà. Vừa ra đến phòng khách tôi không khỏi ngạc nhiên vì bà rất giống một người mà tôi đã quen thân từ trên hai chục năm qua. Bà đứng dậy và tự xưng mình là người gởi thư về mục tâm tình hỏi về trường hợp cô dâu. Trong một cử chỉ của bà khi đưa tay sửa kính cận, tôi bỗng la lên mừng rỡ: “Thưa cô, cô là cô Trần Phạm Thị Loan phải không, em là Bạch Vân, học trò cũ của cô khi học ở Đà Nẵng đây mà!”. Bà vui mừng khôn xiết vì đã có những năm tôi học với bà và thời gian ấy suốt cả cuộc đời tôi, tôi không bao giờ quên. Thế là chúng tôi đã nói chuyện cả buổi sáng. Bà cho tôi biết bà đã là độc giả của tôi ngay những bài đầu tiên tôi viết trên báo Sài Gòn Mới và Phụ Nữ Diễn Đàn. Bà cũng kể cho tôi biết bài giải đáp của tôi rất hợp lý và cũng đã lọt vào mắt cô con dâu vì cô ta cũng là độc giả của tôi.

Khi bà đem chuyện này bàn với cô dâu thì cô đã khóc và thú thật là cô đã quen với một người đàn ông khác và người này góa vợ, không có con, là giáo viên dạy ở trường trung học, không còn cha mẹ, sống với một người cô từ lúc nhỏ. Thế là và đòi gặp người giáo viên kia và thấy ông này cũng là người đứng đắn, bà liền ngỏ ý tác thành như lời tôi đã đề nghị với bà. Mọi việc xong xuôi và mới vào gặp tôi, định cảm ơn tôi và cũng luôn thể biết mặt tôi.

Tôi thật vô cùng cảm động trong trường hợp này. Nào ngờ những lời khuyên của tôi lại nhắm vào một cô giáo đã từng dạy tôi học hai năm lớp nhì ở trường Nữ tiểu học Đà Nẵng.

Còn bà cũng rất vui mừng khi thấy đứa học trò ngày nào bây giờ đã có một địa vị trong làng văn trận bút. Bà thường đòi hỏi quyền bình đẳng cho phụ nữ, bà là một người yêu nước, từng tham gia phong trào của các cụ Phan Châu Trinh, Phan Sào Nam, đã từng bị bọn Pháp tra tấn giam cầm, nay gặp tôi với ngòi bút đã nêu lên quyền lợi của phụ nữ, giúp chị em ở mọi giới và nhất là giới bình dân vươn lên một cuộc sống có văn hóa, hiểu biết bổn phận ở gia đình và ngoài xã hội, bà bảo bà rất hãnh diện.

Trước khi trở về Nha Trang, bà có đến thăm tôi một lần nữa tại tòa soạn báo Sài Gòn Mới và tặng tôi bài thơ sau đây:

Trót chục năm thừa lại gặp đây,
Tùng Long ấy cũng Bạch Vân này.
Đề cao bạn gái hằng lên tiếng,
“Gỡ Rối Tơ Lòng” lại khéo tay.
Tiểu thuyết dồi dào xem chẳng ngán,
Văn chương thâm thúy đọc càng say,
Giang sơn bút ngọc thường tô điểm.
Phụ nữ danh thơm hưởng phước lây.
Trần Phạm Thị Loan (1965)

- Trong khi giữ mục Gỡ Rối Tơ Lòng, tôi còn một chuyện thật buồn cười mà cũng rất cảm động xin kể tiếp ra đây. Sở dĩ tôi kể vì câu chuyện này lòng tôi lúc nào cũng áy náy và cũng không khỏi lấy làm lạ vì chuyện

xảy ra hơi đặc biệt.

Vào năm 1960-62, thời kỳ mà tên tôi đã vang lên trong làng báo, không phải như một nhà văn của Nhóm Tự Lực Văn Đoàn, hay của hội nhà văn này nhà văn nọ, hay có chân trong Hội Văn bút Quốc Tế v.v… và v.v… mà tôi được độc giả thương yêu, tên tôi ai cũng biết qua các báo chạy nhất thời bấy giờ. Tiểu thuyết và mục Gỡ Rối Tơ Lòng của tôi, độc giả ngoài chợ, trong hang cùng ngõ hẻm, trong các làng mạc xa xôi của miền quê đều đọc. Vào lúc ấy, tôi nhận được một bức thư dài cả 50 trang giấy viết tay, thứ giấy học trò và viết cả hai mặt bằng một nét chữ rất đẹp và rất già dặn. Nét chữ đàn ông có học thức và đã lớn tuổi, có thể tới 40-50. Người ấy viết rất cầu kỳ và có thể nói lối văn của người rối loạn tâm thần vì học nhiều, học rộng hay vì hoàn cảnh xã hội không làm được ý nguyện của mình mà mất trí.

Các bạn thử nghĩ một bức thư dày cộm có thể nói là trên 50 trang giấy viết kín không một khoảng trống mà tôi phải đọc lại cả 5-6 lần vẫn chưa hiểu hết ý tứ, tâm tình nguyện vọng của người độc giả đặc biệt này.

Vào đề ông ta hết lời thán phục tôi đã giữ mục Gỡ Rối Tơ Lòng một cách vô tư và hữu ích cho nhiều bạn đọc trong ấy có ông ta. Ông ta viết là đã theo dõi mục này từ năm 1953 khi tôi bắt đầu viết ở Sài Gòn Mới, nhưng đến hôm nay ông mới dám viết cho tôi bức thư tâm sự kể về cuộc đời ông. Nhưng qua những trang kể lể ấy, thú thật tôi không làm sao hiểu được nhiều đoạn ông muốn nói gì. Ông không nói về chuyện gia đình vợ con, ông không than phiền về những trắc trở hay thất bại mà ông đã gặp trên đường đời. Ông chỉ kể xã hội lúc bấy giờ và điều ông ước mong một ngày tươi sáng hơn, tôi cũng không dám tin tôi nghĩ như thế là đúng. Vì qua những chuyện ông kể xa gần, dường như có một nỗi uẩn khuất gì đó, một mối tình không đem lại hạnh phúc cho ai tôi cũng không hiểu nỗi. Nhưng có đoạn chót ông viết rằng:

Người ông tin cậy nhất trên đời này là tôi, người ông kính nể nhất trên đời này là tôi, nhưng ông biết ông không bao giờ dám xin gặp tôi vì ông biết đến độc giả phái nữ tôi còn không chịu tiếp, chỉ trả lời qua thư từ thì ông làm sao dám xin một đặc ân như vậy. Huống chi chuyện của ông khó nói lắm.

Ông chỉ xin tôi một điều: Khi nào ông hấp hối, tôi hãy vui lòng đến an ủi ông một lời, cầu nguyện cho ông một câu để ông vui lòng yên nghỉ. Rồi ông cho tôi địa chỉ một số nhà nào đó ở đường Vĩnh Viễn. Nhưng ông không cho tôi tên họ, tuổi tác hay hoàn cảnh, nghề nghiệp thật sự của ông.

Thú thật với các bạn, khi đọc cái đoạn chót này, tôi vô cùng kinh ngạc và vô cùng bối rối. Hay đây là một người mắc bệnh tâm thần chăng? Cũng có thể lắm vì nhiều đoạn trong thư tôi không làm sao hiểu được.

Tôi lại đọc kỹ thư của ông không biết bao nhiêu lần nữa và tôi có nhắn tin trên mục Gỡ Rối Tơ Lòng (tôi không ghi số nhà chỉ để ở đường Vĩnh Viễn). Từ ấy tôi không nhận được thư từ gì của ông gởi về mục này. Tôi cũng không hề đi thử con đường Vĩnh Viễn hay cho người dò hỏi chủ nhà này là ai. Tôi đã nói giữ mục này nhận thư thì trả lời, không cần biết tên thật của họ, bất đắc dĩ lắm mới cho gặp nếu bạn đọc ấy thật sự nhờ tôi giúp tìm một việc làm hay giới thiệu đến một luật sư, bác sĩ mà tôi quen.

Các bạn chắc cũng đã nghĩ như tôi, độc giả nào mà lại đòi hỏi một chuyện quá kỳ lạ, tôi đâu phải là một mục sư Tin lành, một cha đạo Thiên chúa giáo hay một tu sĩ Phật giáo để được mời đến đọc kinh, rửa tội cho tín đồ trong giờ lâm chung.

Khổ nỗi sự đòi hỏi này lại do một bức thư tâm tình khó hiểu, nhờ cậy một chuyện mà không biết sẽ xảy ra như thế nào, vào lúc nào. Lại nữa tôi là một người đàn bà đã có chồng con, làm sao bỗng dưng tôi lại có mặt lúc người ấy lâm chung để làm gì?

Tôi đã suy nghĩ mãi về lời yêu cầu này và tôi cũng có phần tự trách mình tại sao bỏ qua việc này không tìm hỏi nguyên nhân, tại sao không giúp được một người đau khổ như từ trước tôi đã giúp được với mục Gỡ Rối Tơ Lòng này, trong khả năng của tôi.

Ở đời thường có những chuyện như thế đó, mình có thể giúp cả trăm người rồi lại có người mình không thể giúp được. Nhưng lương tâm tôi vẫn không yên chút nào mỗi khi nghĩ đến bức thư kỳ lạ của một độc giả ghi là ở đường Vĩnh Viễn Sài Gòn mà khi đọc tôi cảm thấy người ấy không bình thường, muốn nói một điều gì mà không thể bày tỏ được, giữa cuộc đời đảo điên, điên đảo lúc ấy chăng?

- Giữ mục này tôi còn giới thiệu cho nhiều độc giả cả nam lẫn nữ có được việc làm nhờ tôi có nhiều bạn bè quen biết. Tôi cũng xin cho nhiều em học sinh nghèo được vào học trường công, vì tôi làm ở Hội phụ huynh học sinh. Tôi còn đưa nhiều người đến xin khám bác sĩ miễn phí, hay xin vào các bệnh viện để được giải phẫu nếu có. Ai nhờ tôi một việc gì mà tôi có thể giúp là tôi không hề từ nan. Tôi dám đến xin yết kiến một ông tỉnh trưởng mà khi được tiếp và được mời ngồi rồi tôi liền nói:

- Thưa ông tỉnh trưởng, tôi đến đây hôm nay không phải để xin xỏ một việc riêng tư cho tôi hay cho bà con tôi, mà xin cho ông tỉnh trưởng giúp cho một em học sinh nghèo…

Nguyên do như thế này. Lúc ấy tôi đang viết cho báo Văn nghệ Tiền phong của Hồ Anh. Mỗi ngày tống thư

văn của nhà báo đem báo biếu đến tận nhà và lấy bài tôi viết đem về tòa soạn. Chú này rất thân với các con tôi.

Một hôm chú đến gặp tôi, có vẻ lúng túng. Tôi hỏi có việc gì thì chú nói muốn nhờ tôi một việc. Thật ra chú không dám, nhưng các ông nhà báo nói chú phải đến nhờ bà Tùng Long. Tôi hỏi việc gì thì chú liền nói:

- Tôi chỉ có mỗi một đứa con gái. Nó thi vào lớp đệ thất trường nữ trung học Lê Văn Duyệt, nhưng tôi chỉ sợ nó rớt, vậy xin bà giúp cho tôi một tiếng để các bà giáo chấm nới tay cho cháu nhờ. Cháu cũng không đến nỗi tệ, cháu học giỏi ở trường tiểu học. Đã vậy tôi làm sao từ chối được, nên tôi phải nhận lời:

- Được, để tôi xem thử có cơ hội không đã. Chú cứ yên lòng đi, tôi đã hứa thì tôi giúp.

Nguyên lúc ấy bà hiệu trưởng trường nữ Lê Văn Duyệt với tôi không thân nhau, còn chống đối tôi là khác, vì tôi ở trong ban phụ huynh thấy bà làm nhiều chuyện bất công, không chính đáng, tôi có phê bình và yêu cầu sửa đổi. Bà nể tôi là nhà báo nên phải sữa đổi cách làm việc. Do đó mà nay nếu tôi xin xỏ cho một đứa học trò, lại không phải là con cháu tôi, tôi sợ không có kết quả. Vì vậy tôi tìm đến ông tỉnh trưởng và đã mở đầu câu chuyện như thế.

Ông tỉnh trưởng hỏi:

- Bà có bao giờ nhờ gì chúng tôi đâu, bây giờ bà đã đến thì việc gì giúp được bà tôi không ngần ngại đâu.

Thế là tôi đem câu chuyện chú tống thư văn của báo Văn nghệ Tiền phong ra nói. Tôi nhờ ông tỉnh trưởng gọi điện thoại cho bà hiệu trưởng để rồi hỏi tên con bé cùng số báo danh. Chỉ cần hỏi là bà hiệu trưởng hiểu ngay. Nhưng trong việc này thật ra cũng không cần lắm chỉ vì chú tống thư văn quá thương con mà lo cho nó thôi. Con bé đủ điểm đậu. Và tôi cũng đã nói cho chú tống thư văn biết tôi đã đi hỏi giùm và con chú đã đậu. Chú đem quà cho tôi, tôi không nhận.

Tôi chỉ nêu ra đây vài ba chuyện để các bạn thấy rằng hồi đó giữ mục Gỡ Rối Tơ Lòng tôi đã giải đáp cho biết bao là chuyện. Lần lần đi đến đâu, ở các đám đông, một người nào quen biết thấy tôi là y như kéo cả đám đông chạy lại để xem mặt tôi. Có lần tôi được mời đi dự một chuyến công du về miền Đông với các bà trong Ban chấp hành Hội Phụ Nữ Liên Đới của bà Ngô Đình Nhu. Các bà ấy toàn là những mệnh phụ phu nhân, ăn mặc rất sang trọng, hột xoàn đeo sáng chói. Còn tôi thì vẫn bộ đồ trắng bằng hàng nội hóa. Họ đi trực thăng đến, tôi đi xe hơi lên và cùng gặp nhau ở ngoài cổng dinh Tỉnh trưởng Biên Hòa. Lúc bấy giờ ở bên ngoài, một số hội viên của Hội Phụ Nữ, một số thân hào nhân sĩ đã chầu chực đón tiếp bà Ngô Đình Nhu từ lâu. Họ muốn thấy tận mắt con người của bà bằng xương bằng thịt mà tên tuổi lúc bấy giờ được nhiều người nói đến với không bao nhiêu thiện cảm.

Lúc bấy giờ, trong đám này có một giáo sư cùng dạy với tôi ở một trường tư thục nhận ra tôi và kêu lên: “Bà Tùng Long kìa!”. Thế là họ ào ra chào tôi, khiến bà Ngô Đình Nhu phải xoay lại nhìn tôi và cười. Thì ra hôm ấy họ đến đây ngoài mục đích đi đón bà Ngô Đình Nhu, còn có một mục đích thứ hai là tìm thấy bà Tùng Long mà bấy lâu họ đã là độc giả.

Sau đó một ông bạn của tôi đã nói với tôi: “Chị sung sướng thật đấy! Người ta ái mộ chị còn hơn bà Ngô Đình Nhu. Phải rồi. Tôi đâu có làm chính trị. Người làm chính trị thường bị ghét!

Cái lần được đi mười tỉnh miền Đông với phái đoàn phụ nữ ấy, ngoài bà Ngô Đình Nhu ra không một bà nào được người ta tìm xem mặt cả, mà chỉ có một mình tôi. Kể cũng oai thật, nhưng tôi cảm thấy càng được quần chúng độc giả ái mộ bao nhiêu thì mình càng phải cố gắng bấy nhiêu để khỏi phụ lòng của họ. Và suốt 20 năm làm báo, tôi không hề nghĩ đến lợi ích riêng tư của tôi mà chỉ nghĩ làm sao nêu lên được tinh thần yêu nước, yêu gia đình, duy trì thuần phong mỹ tục và hô hào phụ nữ chức nghiệp, phụ nữ bảo vệ nhân phẩm…

Đời con người, dù ở thời nào, xã hội nào, mà làm được một việc hữu ích, đóng góp một phần nhỏ mọn vào công việc chung thì cũng là chuyện đáng mừng rồi, phải không các bạn? Không kể việc làm báo, tôi còn dạy học, mà việc dạy học của tôi cũng có nhiều kỷ niệm đáng tự hào. Cho đến ngày nay, những học trò cũ của tôi đã đi vào tuổi sáu mươi, đã là bà ngoại, bà nội mà vẫn còn nhớ đến tôi, như vậy không phải là một niềm tự hào cho tôi rồi sao?

Ngay nay ngồi viết lại đoạn giữ mục Gỡ Rối Tơ Lòng theo trí nhớ, tôi thấy lòng mình vui vui. Tánh tôi không hề giữ những gì tôi đã viết. Thời làm báo tôi không hề giữ một kỷ niệm nào, tôi chỉ cắm cúi làm việc với mục đích nuôi con, dạy con, hy vọng các con trở thành người hữu dụng sau này. Và cũng nghĩ rồi có con nối nghiệp mình dạy học hay làm báo. Tôi không hề vạch cho chúng con đường tương lai để chúng chọn một nghề theo ý muốn của tôi. Tôi cứ để chúng tự nhiên chọn nghề mà chúng cho là thích hợp. Nhưng rồi cuộc đời ít khi chiều ai, các nghề con tôi chọn hay con tôi đang làm chưa hẳn là nghề chúng nó thích.

Còn về những bài người ta viết về tôi trên báo hay gởi thư cho tôi, tôi đọc qua một lần là đủ, không hề lưu

giữ để làm đề tài in thành sách sau này. Vì vậy cho nên ngày hôm nay có người muốn viết về những bài Tâm Tình Cởi Mở hay Gỡ Rối Tơ Lòng, tôi cũng không có tài liệu. Theo Đức Phật, tất cả đều là không, chỉ có cái tâm mới đáng kể. Tôi là một Phật tử nhưng chưa phải là một người tu hành có công phu, có đủ thì giờ để nghiên cứu, nhưng tôi lại không thích bo bo giữ những cái gì thuộc về cái tôi, mất thì tiếc rẻ được thì ích kỷ.

Tôi sở dĩ viết những trang kỷ niệm này không phải để đề cao cái tôi mà là để có cơ hội tiếp tục viết cho qua những ngày tuổi cao sức yếu không biết làm gì để giải trí, không biết dùng thì giờ để làm gì. Mà có lần tôi đọc trong một quyển sách thấy có lời này của đức Phật khi nói về thiền: tập trung tư tưởng để viết, suy gẫm một vấn đề gì cũng là một lối thiền cho con người được sống yên lành bình thản.

Còn một nhà bác học nọ thì nói rằng: “Những người làm việc bằng trí óc, ở tuổi cao cũng không đãng trí có thể sống khỏe mạnh, không bệnh hoạn, lo buồn”.

Đó là nguyên nhân ở tuổi 80 rồi 81, 82, 83, và năm nay ở tuổi 86 tôi vẫn mỗi ngày ngồi viết năm mười trang để có thể thiền – tìm một thú vui trong cuộc sống sắp tàn.

Chưa hẳn có người hay các con tôi có thì giờ đọc đến những gì tôi đã viết ở đây, nhưng tôi cứ viết vì viết là nguồn vui muôn thuở của tôi.

CHƯƠNG 6. KHÔNG MUỐN LÀM CHÁNH TRỊ NHƯNG KHÔNG THỂ THOÁT

Trong làng báo Sài Gòn trước năm 1975 có Huỳnh Thanh Vị, chủ báo Đồng Nai, là một nhà báo có xu hướng đối lập. Khi Huỳnh Thanh Vị mời tôi cộng tác, tôi cũng biết anh ta đang làm chánh trị nhưng không rõ là ở nhóm nào, vì tôi không quan tâm đến chuyện nầy khi tôi chỉ chuyên viết tiểu thuyết tình cảm và giải đáp chuyện tâm tình cho độc giả.

Có lần (sau năm 1963, nghĩa là sau khi Dương Văn Minh đảo chánh Ngô Đình Diệm), Huỳnh Thanh Vị hỏi tôi vậy chớ chị có quen với Dương Văn Minh (DVM) không? Tôi trả lời nói quen hay không quen đều có thể được. Khi DVM còn học ở Chasseloup Laubat thì tôi học ở Gia Long, ngang lớp nhau và cũng có thể cùng tuổi. Chúng tôi cùng ở một đường gần vườn Bờ Rô (nay là Công viên Văn hóa TP.HCM), là đường Lareynière sau đổi tên Đoàn Thị Điểm và bây giờ là Trương Định). DVM là con một gia đình công chức, đông em, và các em gái của DVM đều là bạn học của các em tôi. Minh cũng như tôi, là con lớn trong gia đình. Thì ra Vị là thành viên trong nhóm ba phe (chính quyền miền Nam, Mặt trận Giải phóng và thành phần thứ ba, trung lập) mà tôi thì không làm chánh trị. Ngoài việc nuôi con và làm công tác xã hội, tôi không hề tham gia chuyệh chánh trị. Khi viết văn tôi cũng chỉ viết về đề tài tâm lý xã hội mà thôi.

Sau đó DVM lại bị một đám quân nhân khác do tướng Nguyễn Khánh cầm đầu lật đổ với lý do Minh thân Pháp. Rồi DVM bị ép phải bỏ nước ra đi sống lưu vong một thời gian. Sau này lại được Nguyễn Văn Thiệu cho về và thành lập nhóm ba phe. Khi Huỳnh Thanh Vị hỏi tôi là giai đoạn lúc sau nầy, và tôi trả lời cho Vị như vậy đó.

Hùnh Thanh Vị nói:

- Dương Văn Minh nói có biết chị và bây giờ muốn gặp chị.

Tôi cười:

- Gặp để làm gì?

Tôi bỗng nghĩ lại về thời còn đi học, DVM là một trong những người ái mộ tôi trong khi tôi luôn luôn phớt tỉnh.

Vị nói:

- Anh ấy muốn mời chị vào nhóm ba phe.

Tôi lắc đầu:

- Anh thừa biết tôi không hề làm chánh trị, mà dù tôi có là người làm chánh trị đi nữa thì tôi cũng không bao giờ hợp tác với ông Minh.

Vị hỏi:

- Tại sao?

Tôi liền nói, vừa nói vừa xách cặp đứng dậy ra về:

- Khi cờ đến tay mà còn không phất được thì bây giờ có cơ hội nào để làm nữa?

Tôi đã nói bao nhiêu lần là tôi không thích tham gia chuyện chánh trị. Khi dẫn mấy đứa con từ vùng Quảng Ngãi thuộc Liên khu 5 về Sài Gòn, tôi đã tự hứa với lòng là từ đây chỉ làm việc nuôi con, chọn các trường tư thục chớ không dạy trường công, và viết văn làm báo tức là làm nghề tự do.

Viết đến đây tôi bỗng nhớ một chuyện cũng hơi lạ. Khi tôi đưa mấy đứa con từ Quảng Ngãi về Hội An, rồi từ Hội An ra Đà Nẵng, để từ Đà Nẵng xin giấy tờ đi Sài Gòn, ở Đà Nẵng tôi có bà con bên ngoại nên về ở nhà của dì tôi. Dì tôi góa chồng, còn cô em con dì tôi thì làm hãng Hàng không dân sự. Cô này là thư ký riêng cho ông giám đốc người Pháp, thỉnh thoảng ông ta đến nhà thăm và chuyện trò thân mật, chắc cũng là bồ bịch gì đó. Vì tôi biết tiếng Pháp nên em tôi giới thiệu ông ta. Tôi có nói tôi đưa lũ con từ vùng Liên khu 5 về Sài Gòn vì ở đó tôi không sống nổi do cái đói của những năm 1951-1952. Ông ta hỏi làm sao tôi trốn đi được với một lũ con nhỏ vừa đi vừa khóc như vậy?

Phải rồi, với một lũ con ồn ào như vậy thì làm gì có chuyện trốn đi được? Tôi nói tôi đang dạy cho chính phủ cách mạng và đã xin nghỉ, rồi xin giấy tờ công an Việt minh để về Sài Gòn. Ông ta lấy làm lạ hỏi: “Sao bà lại xin được giấy tờ?”. Tôi nói: “Vì bạn bè của nhà tôi đều làm trong chính quyền, thông cảm cho tình cảnh của tôi nên để cho tôi đem lũ nhỏ đi, còn nhà tôi vẫn ở lại”.

Ông ta đắn đo một hồi rồi nói:

- Tôi có một lời khuyên bà, không biết bà có nghe không?

Tôi liền nói:

- Xin ông cứ nói.

Ông nói:

- Nếu vào Sài Gòn, bà nên tìm những hãng tư mà làm, đừng làm với các cơ quan nhà nước.

Tôi cảm ơn và lúc ấy tôi không khỏi lấy làm lạ tại sao ông ta là người Pháp mà lại khuyên tôi như vậy.

Vào Sài Gòn, tôi ở với cha mẹ tôi ở đường Lương Hữu Khánh và mở lớp dạy Pháp văn và Việt văn tư ở nhà cho tụi học trò theo học chương trình Pháp. Được mấy tháng, vì anh chồng tôi làm chủ báo, các cháu tôi cũng có đứa làm chủ nhiệm báo tuần, nên tôi có đất để hoạt động. Sau đó, tôi lại được các trường tư như Tân Thịnh, Đạt Đức, Les Lauriers mời dạy.

Tôi có một số bạn đang dạy ở trường Gia Long vận động với bà hiệu trưởng lúc bấy giờ là bà Huỳnh Hữu Hội mời tôi vào dạy hoặc làm trong ban giám thị của trường, nhưng tôi thấy không tiện vì đây là trường công lập, phải qua Bộ Giáo dục. Còn ở trường Tôn Thọ Tường mà tôi từng dạy khi mới vào đời thì bây giờ là bà Nguyễn Văn Nhã vẫn còn làm hiệu trưởng. Khi tôi vào thăm, bà rất vui mừng sau bao nhiêu năm xa cách và tỏ ý nếu tôi cần thì cứ lên Bộ Giáo dục ghi tên lại, tôi thấy nếu làm cho nhà nước thì đồng lương không đủ nuôi các con, vả lại thì giờ cũng bị ràng buộc. Tôi dạy ở ngoài được nhiều tiền hơn, lại tự do về sự đi đứng và thì giờ.

Mỗi tháng tôi dạy ở các trường tư thục cũng được 10.000đ, lúc bấy giờ bằng hai lượng vàng. Tiền viết cho Phụ Nữ Ngày Mai và Phụ Nữ Diễn Đàn cùng Văn Nghệ Tiền Phong được 15.000đ, tiền viết hai mục ở Tiếng Vang là 12.000đ. Tiền lãnh ở Sàigòn Mới cũng 12.000đ. Tính ra vàng là cả chục cây. Lương như vậy đâu phải là nhỏ.

Tánh tôi lại không chịu nịnh bợ ai, kẹt vô trường Gia Long làm gì? Tôi còn nhớ tuy tôi không nhận lời dạy ở trường Gia Long, nhưng con gái lớn của tôi là Nguyễn Thị Thanh Hương, khi ở Quảng Ngãi về thi vô lớp sáu trường Gia Long đã đậu cao và được học bổng. Lúc ấy tôi chưa quen bà Huỳnh Hữu Hội. Nhưng sau đóbà mời tôi đến nhà chơi và trong một cuộc bầu cử hội phụ huynh học sinh trường, tôi đắc cử. Tôi có chút tên ở làng báo và được độc giả ưu ái nên đi đến đâu và bất cứ nới nào có bầu cử là tôi không sao từ chối được. Do đó mà tôi luôn bị đắc cử vào Hội phụ huynh học sinh các trường có con theo học: Gia Long (nay là Nguyễn Thị Minh Khai), Võ Trường Toản, Pétrus Ký (nay là Lê Hồng Phong), Lê Văn Duyệt (nay là Võ Thị Sáu) rồi cả Hội bảo vệ luân lý, được bầu cử ngay sau một lần lên phát biểu ý kiến ở Đại hội, rồi lại được bầu làm cố vấn cho Hội phụ nữ Việt Nam, cho Bình dân học hội – Đây là vào khoảng các năm từ 1956 đến năm 1961.

Làm việc ích lợi chung thì tôi làm, nhưng nếu để phục vụ riêng một nhân vật nào thì tôi không bao giờ chịu làm, do đó cũng có sự mếch lòng với nhiều người vì không lợi dụng tôi được. Hồi đó bà Huỳnh Hữu Hội có một cô con gái học ở Marie Curie, được học bổng đi Anh Quốc. Bà muốn tôi viết bài khen con bà trên báo, và ngỏ ý này với Nguyễn Như Hằng, bạn thân của tôi, đang làm giám học ở trường, nhờ Như Hằng nói giúp với tôi. Như Hằng nói là bạn thân nên rất hiểu tôi, tôi không bao giờ dùng mặt báo cho chuyện riêng tư, nên Như Hằng không chịu nói.

Tôi còn nhớ câu Như Hằng nói với tôi:

- Tao thấy mầy không bao giờ khen ai., nhất là người có chức quyền.

Bà Huỳnh Hữu Hội liền nhờ chị Ngô Thị Tý vì chị này cũng là bạn về vai chị với tôi và chị lại làm ở Ban Giám thị trường. Nhân lúc tôi bị bệnh, chị đến thăm cho tôi hai chai nước mắm ngon rồi ngỏ ý tôi nên viết một bài khen con gái bà Huỳnh Hữu Hội. Khen một nhân tài trẻ, một học sinh chăm chỉ thành công thì tôi sẵn sàng viết mấy bài cũng được, nhưng tôi biết con gái bà Hội không phải học giỏi, chỉ vì bà chạy chọt mà cô nầy được học bổng, nên tôi từ chối viện lẽ không thể viết được vì báo không phải là báo của tôi, tôi chỉ viết thuê mấy mục thôi. Bà Hội liền ngỏ ý nếu tôi giúp bà thì bà sẽ cho con gái thứ hai của tôi đang học lớp đệ tam ở trường Đạt Đức vào trường Gia Long. Đây là một sự đổi chác tôi không thích, nên tôi đã từ chối sự ưu ái của bà.

Sự ngay thẳng này của tôi thường bị nhà tôi cho là quá đáng, làm mất cảm tình của bạn bè. Nhưng sau việc này, bà Huỳnh Hữu Hội vẫn tử tế với tôi vì bà rất cần tôi ở Hội phụ huynh (con bà không có thực tài nên qua Anh đã không đậu vào trường Oxford mà phải học ở một trường tư).

Nói để các bạn thấy mua chuộc tôi không phải là chuyện dễ. Tánh tôi như vậy đó nên ít có bạn bè, và tôi thích giúp đỡ người thất thế hơn là giúp những người đã có địa vị còn dựa vào địa vị của mình để đi lên, đi lên mãi.

1. TẠI SAO ĐƯỢC MỜI LÀM HỘI ĐỒNG TỈNH GIA ĐỊNH MÀ TÔI TỪ CHỐI?

Khi ông Ngô Đình Diệm ra ứng cử Tổng thống nhiệm kỳ ba thì muốn làm ra vẻ dân chủ, cho những liên danh khác ra tranh cử. Lúc bấy giờ có nhiều liên danh ra tranh cử là do chính phủ đương thời đứng bên trong cổ võ để bên ngoài người ta thấy chính phủ Ngô Đình Diệm thật tình là một chính phủ dân chủ. (Nếu tôi nhớ không lầm thì có liên danh của luật sư Trương Đình Du, của một nhà thầu khoán nào đó, rồi của bác sĩ Phan Quang Đán).

Một hôm tôi đang làm việc ở báo Sàigòn Mới thì ông Bùi Đăng Độ, một người bạn vai em của cha tôi, lúc ở Đà Nẵng tôi thường gọi ông bằng "chú". Lâu lắm mới gặp lại, tôi không khỏi lấy làm lạ vì cha tôi đã mất và từ ngày cha tôi đổi vào Sài Gòn thì không còn gặp chú nữa.

Tôi vui vẻ hỏi chú:

- Lâu quá không gặp chú. Hôm nay chú đến tìm cháu có việc gì ạ?

Chú nhìn quanh tòa soạn rồi hỏi tôi:

- Ở đây chúng ta có thể nói chuyện được không? Vì đây là một chuyện rất quan trọng, và người ta, một nhân vật quan trọng, nhờ chú đến thương lượng với cháu.

- Chú thấy đó, cháu ngồi một mình một phòng. Có việc gì chú cứ nói, nhưng cháu xin nói trước với chú là lúc nầy cháu bận lắm, nếu là cộng tác với một tờ báo thì cháu xin chịu, không thể làm được.

- Không, không phải là chuyện làm báo.

- Thưa chú vậy là chuyện gì?

Chú ngần ngại một lát, rồi hỏi:

- Cháu có biết ông Nguyễn Thế Truyền không?

- Cháu có biết qua tên tuổi nhưng chưa hề gặp. Cũng là một nhà chính trị, đã từng làm cách mạng chống Pháp hồi đó.

- Đúng, nhưng bây giờ ông Nguyễn Thế Truyền muốn ra ứng cử Tổng thống nhiệm kỳ nầy.

Tôi vội vàng hỏi:

- Để tranh cử với đương kim Tổng thống Ngô Đình Diệm sao? Ồ, cháu thật tình không biết gì nhiều về chánh trị, nhưng cháu nghĩ rằng một khi ông Diệm còn ra tái cử thì sẽ không có liên danh nào khác đánh đổ ông ta được. Làm chánh trị kiểu độc tài mà chú.

Ông Bùi Đăng Độ nhìn tôi rồi nói:

- Đã đến lúc phải đánh đổ sự độc tài.

- Bằng cách gì? Và Nguyễn Thế Truyền đâu phải là đối thủ.

Ông Bùi Đăng Độ có vẻ sốt ruột:

- Để chú đi ngay vào câu chuyện cho cháu rõ.

- Xin chú nói ngay, cháu nghe đây.

Chú Độ liền nói:

- Ông Nguyễn Thế Truyền ra tranh cử với ông Ngô Đình Diệm, ông cần một phó Tổng thống nên nhờ chú đến mời cháu đứng vào liên danh với ông.

Thật là một chuyện bất ngờ ngoài sức tưởng tượng của tôi! Tôi ngồi khựng hồi lâu nhìn ông Độ rồi cười:

- Tại sao không mời chú? Chú cũng là một người chống Pháp hồi đó với ba cháu và ông Phan Thành Tài. Chú cũng là một nhà chánh trị, lại là đàn ông. Đàn bà không nên làm chánh trị.

Ông Bùi Đăng Độ thở dài:

- Chú thì tài cán gì! Hồi đó ông Phan Thành Tài cầm đầu phong trào Duy Tân thì ba cháu và chú còn trẻ. Sau này sinh kế, cũng vì trên đầu còn cha mẹ già, dưới gối còn con nhỏ, nên cha cháu cũng như chú phải ra làm công chức, như vậy đâu phải nhà chánh trị, đâu có xứng đáng gì mà ứng cử. Cháu bây giờ là cây bút nổi tiếng, từ thành thị đến thôn quê hỏi đến tên bà Tùng Long ai mà không biết. Cháu giúp ông Truyền một tay đi.

Tôi bật cười:

- Người ta biết tên cháu vì họ là độc giả của cháu. Cháu đang ở trên một lãnh vực khác, người ta đang ái mộ cháu, việc gì cháu đi làm một chuyện khiến người ta chê cười và ghét bỏ.

- Cháu suy nghĩ kỹ lại đi.

- Dù cháu có suy nghĩ cả tháng thì đáp số vẫn là không. Cháu không bàn cãi với chú về chuyện chánh trị, vì cháu dốt chánh trị lắm, vả lại chú là chú của cháu. Nhưng chú cũng thấy, ra tranh cử để làm gì? Làm sao thắng được ông Diệm, một đương kim Tổng thống? Họ có Đảng cần lao, quân đội, công chức… Nội các là của họ. Bên Tây, bên Mỹ thì còn họa may.

Thấy chưa thể thuyết phục được tôi, chú Độ liền nói:

- Cháu hãy về bàn lại với Hồng Tiêu, rồi ngày mai hay ngày mốt chú sẽ đến thăm hai cháu.

Tôi nói ngay:

- Việc của cháu là của cháu, đâu có gì phải bàn với nhà cháu. Làm một việc gì mà thấy trước thất bại thì cháu không làm, huống chi là chuyện chánh trị. Nhà cháu chưa bao giờ can thiệp vào việc làm của cháu.

Chú Độ lắc đầu rồi ra về, có vẻ tiếc rẻ cho tôi có một cơ hội như vậy mà lại từ chối.

Thì ra nổi tiếng trong chuyện viết lách, có một số độc giả ái mộ cũng là một lợi khí để người ta bước vào con đường chánh trị. Lúc ấy tôi đang nổi tiếng thật, làng báo đã trải thảm đỏ cho tôi đi, độc giả đã bao quanh tôi một tấm lụa hồng danh vọng, mọi người đều biết đến tôi như là một cây bút đúng đắn, chủ tâm xây dựng một phong trào lành mạnh cho giới trẻ, cho chị em phụ nữ đương thời.

Sau đó tôi đem chuyện này kể lại cho nhà tôi nghe thì nhà tôi nói:

- Em không chịu nghĩ kỹ rồi hãy trả lời. Một chuyện quan trọng như vậy mà tại sao em không bàn với anh, lại từ chối ngay vậy? Nhà chú Độ ở đâu, để anh đến hỏi kỹ chú xem sao.

- Hỏi kỹ cái gì?

- Nguyễn Thế Truyền ra ứng cử là dựa vào ai?

Tôi cười và nói:

- Dựa vào ai mặc kệ. Em không cần đứng vào cái danh sách ấy để có tên làm trò cười cho thiên hạ mà rồi làng báo sẽ cuốn mất tấm thảm đỏ mà họ đã trải cho em đi, độc giả sẽ xoay lưng lại em.

Nhà tôi lắc đầu:

- Em cứng đầu thật đấy. Em chả hiểu gì về chánh trị cả.

- Thì ra đã bảo là em không làm chánh trị mà.

Ngày hôm sau, nhà tôi ra tòa soạn và kể lại chuyện ông Độ đến mời tôi đứng vào liên danh ông Nguyễn Thế Truyền mà tôi không hỏi ý kiến của nhà tôi và anh chị tôi, đã từ chối dứt khoát.

Anh Bút Trà liền mời tôi vào phòng chủ nhiệm, rồi cũng bằng cái giọng của nhà tôi, bảo:

- Sao chuyện quan trọng như vậy mà thím không vào bàn ngay với tôi?

Anh Bút Trà rất nể tôi vì nhiều lẽ: tôi có học, giúp anh chị tôi được nhiền việc: thư ký, thông dịch viên cho

chị tôi, thay mặt anh tôi đi dự những buổi họp báo ở dinh Thống đốc, ở Sở mật thám Catinat để nghe cấp lãnh đạo của tụi Pháp phê phán đường lối các tờ báo. Anh Bút Trà thường lánh mặt để tôi đi dự vì bọn Pháp hay nể đàn bà, lần nào họp mấy ông chủ bút chủ nhiệm gì cũng đứng cả, chỉ có tôi và chị Thụy An là được ngồi.

Trước câu hỏi của anh chồng tôi, tôi nhìn thẳng vào mặt anh và nói:

- Thưa anh, em tài cán gì mà ra tranh cử chức Phó Tổng thống trong liên danh Nguyễn Thế Truyền? Đó là điều thứ nhất. Điều thứ hai: Nguyễn Thế Truyền làm sao thắng được Ngô Đình Diệm, đương kim Tổng thống? Điều thứ ba và cũng là điều định đoạt: Em không muốn làm chánh trị.

- Thím nói hết chưa?

- Dạ rồi.

- Vậy bây giờ đến phiên tôi giải thích cho thím. Thím nói thím không làm chánh trị là thím không hiểu thế nào là làm chánh trị. Thím viết bài hô hào chị em phải có nghề nghiệp để khỏi bị nam giới khinh rẻ, thế không phải làlàm chánh trị sao? Thím hô hào phụ nữ phải tham gia công tác xã hội, tranh đấu quyền lợi làm người, bình quyền bình đẳng với nam giới, rồi hô hào bảo vệ phụ nữ, nhi đồng, chống áp bức, nghèo đói, vậy không phải là làm chánh trị sao?

- Em làm việc xã hội.

- Thím để tôi nói. Làm việc xã hội là bắt nguồn để làm chánh trị. Thím hãy nhìn qua các nước trên thế giới, những nước kém mở mang như nước mình. Khi dân tình còn dốt nát, đói rét thì ai nói gì họ nghe nấy, miễn có cơm ăn áo mặc. Và khi được đi học để mở mang dân trí, thì họ làm gì thím cũng biết chớ. Họ đòi đủ thứ quyền khác, rồi đòi nước được độc lập, đòi xua đuổi bọn thực dân phong kiến . Tôi nói ít thím hiểu nhiều, và bây giờ thím còn khư khư tuyên bố không làm chính trị nữa không?

Tôi làm thinh thì anh tôi lại nói thêm:

- Ông Nguyễn Thế Truyền đã là một chính khách từng vào tù ra khám, chạy ra các nước khác để tranh đấu độc lập cho Việt Nam. Tuy ông ta thất bại, không được may mắn như ông Ngô Đình Diệm, nhưng cũng là một người đáng kính. Bây giờ thấy mình già rồi mà không làm được điều gì, cuộc đời sắp tàn, ông ta muốn vùng vẫy một phen, được hay không cũng phỉ nguyền ước vọng. Chuyện thành công hay thất bại ở đời khó luận. Hiện giờ dân chúng không còn sùng bái NĐD như hồi ông ta mới về nước, mà bị mang tiếng là độc tài, gia đình trị, làm tay sai cho Mỹ. Ông Truyền cũng có tham vọng lắm chớ.

- Vậy sao ông ta không mời một người có thành tích chính trị, hay mời anh, mời các nhà báo có tên tuổi, mà mời em, một phụ nữ chỉ biết viết văn để nuôi con?

- Bởi vì thím là một phụ nữ, mà phụ nữ là hơn một nửa quốc dân. Thím được phụ nữ và cả nam giới ái mộ nữa, thím chưa có một vết bẩn gì về chuyện lợi dụng đảng phái này đảng phái nọ để làm bàn đạp tiến thân. Cũng có nhiều phụ nữ có tài nhưng họ không có một công chúng to lớn như thím. Các bà luật sư Nguyễn Xuân An, Huỳnh Ngọc Anh, giáo sư hiệu trưởng Tăng Xuân An, bác sĩ Dương Quỳnh Hoa, lại đang ở trong đoàn thể này đoàn thể kia, còn thím, thím là một nhà văn, một nhà giáo độc lập, thím không hiểu như vậy sao? Thím có mất mát gì đâu, người ta lo hết cho thím, chỉ khi phải nói trước công chúng, thím mới ra sức, ra tài. Với nghề nghiệp, sức học của thím, thím dư sức thuyết phục những cử tri độc giả của thím.

Thấy bộ mặt lạnh lùng và cương quyết của tôi, nhà tôi nãy giờ cũng có mặt ở đó, liền nói:

- Anh đừng thuyết phục Bạch Vân vô ích. Chính ông nhạc của tôi cũng đã nói là vợ tôi lì lắm. Một khi đã quyết định việc gì – ngay từ khi còn nhỏ – thì không chịu nghe ai nói cả.

Anh Bút Trà cũng vốn là tay kinh tài, nên định đáng vào chuyện tiền bạc để cầu may:

- Còn một việc này nữa. Nhiều khi ông Truyền bị mua chuộc, thím hiểu không?

- Bị mua chuộc?

- Có thể như thế này: Như nhiều nhà độc tài khác trên thế giới, ông Diệm không muốn ra ứng cử một mình, sợ mang tiếng là độc tài. Nên ông mới bày ra chuyện hô hào các liên danh khác ra tranh cử, rồi bỏ tiền cho các liên danh này in áp-phích, đi cổ động… Ông Truyền sẽ có một số tiền và tên ông, tiểu sử của ông lại một phen được nhắc lại, sau đó có tiền sống những ngày già đỡ vất vả…

Tôi lắc đầu chán nản nhìn nhà tôi, và nhà tôi hiểu ngay là tôi rất ghét cái trò làm vật hy sinh cho người khác.

Tôi liền nói:

- Thưa anh, nếu vậy thì em từ chối rất phải. Đứng trong một liên danh như vậy thì sau nầy còn gì tên tuổi của em? Và em sẽ nói sao với các con em về việc làm vụ lợi vô lý này? Em cần gì? Tiền bạc nuôi con nên người phải do em làm một cách lương thiện. Hiện giờ em đâu đến nỗi nghèo đói, em dạy học và viết văn cũng đủ sức nuôi con rồi. Tên tuổi ai không muốn, nhưng tên tuổi tạo nên bằng cách lừa đảo, gian dối, vụ lợi, làm trò bung xung thì em không cần.

Anh tôi chịu thua:

- Vậy tùy thím. Nhưng tôi rất tiếc cho thím.

Sau đó liên danh Nguyễn Thế Truyền tìm một người khác làm Phó tổng thống ra ứng cử, tôi không để ý nên quên mất cái tên rồi. Lẽ dĩ nhiên là thất cử.

Thế rồi, lại xảy ra một chuyện khác: Tỉnh trưởng Nguyễn Đức Xích của tỉnh Gia Định lúc bấy giờ mời tôi đến dự một cuộc họp tại dinh tỉnh trưởng cùng vài nhân vật khác trong quận để nói về chuyện Tổng thống Ngô Đình Diệm tái ứng cử nhiệm kỳ 3. Sau đó ông ngỏ ý kiếm những người có tâm huyết đứng ra cổ động cho Ngô Đình Diệm. Sau buổi họp nầy, ông Xích còn mời riêng từng người đến nhà riêng ở Gò Vấp vào một buổi tối, làm ra vẻ bí mật không tiết lộ cho ai biết, để giao việc… Thế là tôi bị ở thế kẹt! Nhưng tôi nói với nhà tôi là anh đừng lo, người ta lấy thế lực, quyền uy ép mình, nhưng mình cũng có cách từ chối hoặc chỉ thi hành theo mệnh theo ý mình.

Nhà tôi lắc đầu:

- Đó, em thấy chưa? Em không muốn làm chánh trị người ta cũng không để yên cho em đâu.

Mỗi cổ động viên phải nói chuyện trước một đám đông, ở một địa điểm riêng nằm trong cơ quan nhà nước.

Tôi không rõ ngoài tôi ra, các cổ động viên khác là ai. Tôi phải nói trước một số phụ nữ đại biểu từ các tỉnh khác về dự, để rồi khi về khu vực của họ, họ sẽ phổ biến lại. Đây là một việc làm đầy hình thức và cũng thật buồn cười, cổ động dân chủ theo lối lấy vải thưa che mắt thánh. Những người đến dự là những người do chính quyền địa phương cử đến, trong phong trào Phụ Nữ Liên đới của bà Ngô Đình Nhu, hoặc trong phong trào Cần lao Nhân vị, Thanh niên Cộng hòa của Ngô Đình Nhu. Nhưng sau khi tôi nói chuyện xong và xuống tiếp xúc riêng với họ thì họ mới nói: “Chúng em đến để biết mặt bà, mấy lâu nay đọc bài của bà viết mà chưa một lần hội kiến. Chúng em chỉ ao ước có từng ấy việc”.

Rồi ngày bầu cử đến, lẽ dĩ nhiên liên danh của Ngô Đình Diệm tái đắc cử nhiệm kỳ ba.

Tôi vẫn vùi đầu vào công việc ở nhà báo, ở các trường, và dạy dỗ các con, nên cũng không lưu tâm nhiều về chuyện người ta đang ăn mừng thắng lợi chính trị, đây là vào khoảng đầu năm 1962. Nhưng họ không quên tôi, người đã bị họ đưa ra đi cổ động cho liên danh đắc cử. Tôi được mời dự một bữa tiệc thịnh soạn ở dinh tỉnh trưởng Gia Định đãi những người có công. Toàn là nhân sĩ trong tỉnh cùng với đại diện chánh quyền. Khi ngồi vào bàn, tôi được ông Phó tỉnh trưởng Thiệp mời mở một cái giỏ bày trên bàn trước khi vào tiệc và ăn món chim bồ câu ra ràng rôti. Không quen với tiệc tùng linh đình, tôi mở cái giỏ thì một cặp chim bồ câu bay thoát ra khiến tôi không khỏi ngạc nhiên, và có lẽ vẻ mặt của tôi lúc ấy buồn cười, ngộ nghĩnh lắm hay sao mà ai cũng vui vẻ thật sự.

Tôi còn nhớ trong buổi tiệc ấy có anh Văn Hoàn, một nhà báo cùng tuổi với anh Bút Trà, và anh Thiếu Sơn, một nhà văn có khuynh hướng cộng sản. Tôi đâu ngờ hai người này cũng cùng một cảnh ngộ như tôi là cổ động viên cho liên danh Ngô Đình Diệm. Anh Thiếu Sơn thì đường lối chính trị rõ ràng như vậy, còn anh Văn Hoàn cũng là một cây bút có tài, có lập trường, thực học, không phải con người chạy theo chính phủ. Tôi ngồi ở đầu bàn bên nầy nên không có dịp nói chuyện với hai anh ấy, lại nữa tôi không thích kẹt vào cái thế nầy, nên hôm ấy không được vui. Ông Xích thấy vậy để ông Thiệp, phó tỉnh trưởng, ngồi bên tôi trong khi ông phải ngồi ở ghế chủ tọa. Thấy tôi không vui, ông Thiệp kiếm chuyện hỏi về công việc đi dạy và viết lách của tôi, cùng các việc khác. Sau đó hết chuyện nói, ông Thiệp hỏi tôi tại sao tôi có cái tên Tùng Long, có phải nhà tôi tên là Tùng Long không? Vì vậy mà lẽ ra chỉ ký Tùng Long lại đèo thêm chữ bà. Sẵn đó tôi mới giải thích tên tôi là Lê Thị Bạch Vân mà trong văn chương chữ Hán có câu Văn Tùng Long, Phong Tùng Hổ (mây theo rồng, gió theo cọp). Tôi tên Vân nên lấy bút hiệu là Tùng Long, ai tên Hổ thường lấy bút hiệu Tùng Phong. Nhà tôi tên thật là Nguyễn Đức Huy, bút hiệu Hồng Tiêu. Còn lý do tại sao tôi không ký Tùng Long như các nhà văn khác ký Minh Đức, Thủy Tiên, Ngọc Anh…, tôi trả lời ông Thiệp rằng phụ nữ viết văn đã có người ký Đam Phương nữ sĩ, Lam Đài nữ sĩ, Manh Manh nữ sĩ; nhưng cũng có người ký bà Phương Lan(vợ của Bùi Thế Mỹ, một cây bút cùng thời với nhóm Tự lực văn đoàn, anh Đào Trinh Nhất, ông Phan Khôi…). Sau nầy chị Lan Phương, vợ của anh Nguyễn Văn An, đôi khi cũng ký Bà Lan Phương. Trước tôi cũng có bà Phan Thị Bạch Vân dùng tiếng “bà” đặt trước bút hiệu. Là vì hồi đó những cây bút phụ nữ đếm trên đầu ngón tay, nên người ta sợ lộn với tên các nhà văn nam mới ký như vậy. Còn tôi, lúc mới cầm bút chập chững đi vào làng văn làng báo, tôi không dám nghĩ mình là một nhà văn, một nữ sĩ, mà tôi

nghĩ mình có thể như bà Stael bên Pháp khi viết những bài báo về tâm lý giới trẻ hay viết những bài có tính cách giáo dục thanh thiếu niên thường ký Mme Stael. Còn một cây bút phụ nữ khác chuyên viết về giáo dục phụ nữ hay thanh thiếu niên cũng ký Mme Maintenon. Tôi nghĩ mình ký Bà Tùng Long ở các mục Gỡ Rối Tơ Lòng, Tâm Tình Cởi Mở cũng không sao, mà rồi sau này thành thói quen ai cũng gọi tôi là Bà Tùng Long, và bất cứ bài báo nào, tiểu thuyết nào của tôi họ cũng muốn tôi ký như vậy.

Sau bữa tiệc ấy mấy hôm, ông Nguyễn Đức Xích cử ông Thiệp đến nhà tôi, vừa để xem qua nhà cửa của tôi, vừa cho biết tỉnh Gia Định sẽ thành lập một Hội đồng tỉnh gồm các nhân sĩ để cùng với ông tỉnh trưởng lo cho sự phồn thịnh của tỉnh, phúc lợi của dân. Ông ngỏ ý mời tôi tham gia Hội đồng tỉnh. Tôi biết đây là một cách trả ơn về chuyện tôi có trong nhóm cổ động cho ông Diệm, và cũng để gom góp hết các nhân sĩ trong tỉnh lại cho dễ bề kiểm soát và sai khiến, vì khi đã ăn xôi chùa làm sao khỏi nghẹn họng?

Tôi nói:

- Xin anh cho tôi suy nghĩ lại. Nếu phải nhận chức Hội đồng tỉnh Gia Định thì tôi phải thu xếp nhiều vì tôi bận lắm. Với đám con chín đứa, tôi phải làm cật lực mới đủ nuôi chúng.

Lúc ấy ông Thiệp nói:

- Chị ở căn nhà này có vẻ chật hẹp quá. Hay chị để chúng tôi giúp chị một căn nhà ở một cư xá khác rộng rãi hơn. Chị nghĩ sao?

Phải rồi, nếu tôi chịu lòn cúi một chút thì tôi cũng có thể có nhà rộng, có xe hơi như các chính khách thời bấy giờ và không biết chừng nào họ còn cho tôi làm chủ một tờ báo. Nhưng tánh tôi lại không thích như vậy.

Nhà tôi nói:

- Em làm sao từ chối đây?

- Thì cứ từ chối, có cách để từ chối, vì người ta bảo để trả ơn cho mình thì quá dễ để từ chối.

Nhà tôi nói:

- Để xem em làm sao đây.

Rồi anh còn ngạo:

- Làm bà Hội đồng oai đấy chứ! Vậy là em sắp làm chính trị chính em rồi đó.

Tôi rất bực mình về chuyện nầy và suốt mấy đêm tôi không sao ngủ được. Ba hôm sau, ông Thiệp lại đến và khoe với tôi là ông đã tìm ra cho tôi một căn nhà trong dãy nhà mới cất ở đường Đinh Bộ Lĩnh. Dãy nhà gồm một trệt, hai lầu, đầy đủ tiện nghi của bà Hứa Phước Mỹ và bà sẵn sàng nhường cho tôi một căn. Tôi nói với ông Thiệp về việc nầy tôi sẽ đến gặp ông Tỉnh trưởng để trả lời cụ thể. Ông Thiệp thấy rõ là tôi muốn từ chối và nhìn tôi một các kinh ngạc như tôi là một người ở hành tinh khác. Một chức vị Hội đồng tỉnh, với bao sự giúp đỡ của chính quyền, một căn nhà khang trang và còn bao nhiêu chuyện khác có lợi cho con cái tôi sau nầy… mà tôi có thể từ chối ư? Bao nhiêu người van xin cầu lụy mà dễ gì có. Ôi! Thì ra trên đời này còn có người ngu dại ngông cuồng như tôi, chắc ông ta đang nghĩ như thế. Riêng tôi, tôi bỗng nghĩ rằng mình viết báo chỉ để nuôi con, khăng khăng cứ nghĩ như thế nào ngờ nhờ cây bút mà gây được sự ưu ái của độc giả, và đo đó lại bị chính quyền lợi dụng uy tín của mình để đưa mình vào con đường mà họ cho là danh lợi, tiến thân. Phải, ngay các ông đàn ông còn khó có thể từ chối, còn đưa hai tay ra chấp nhận, nữa là một người đàn bà đang lao tâm nhọc trí làm hết mình để nuôi con. Thế mà tôi từ chối! Thật sự là vậy chớ không phải là chuyện bịa đặt.

Ngày hôm sau, tôi đến dinh Tỉnh trưởng Gia Định gặp ông Xích. Ông ta nguyên là một sĩ quan quân đội được phái về giữ chức tỉnh trưởng, lại nghe đâu là con đỡ đầu của ông Ngô Đình Diệm. Ông ta hãy còn trẻ, nhỏ tuổi hơn tôi, người miền Trung. Ông tiếp tôi rất lễ độ nhưng có sự dè dặt. Tôi nói ngay vào mục đích của tôi đến đây và cảm ơn ông đã nhờ ông Thiệp đến gặp tôi mấy lần. Tôi hỏi ông Xích:

- Thưa ông Tỉnh trưởng, việc tôi cổ động cho liên danh Tổng thống, ông Tỉnh trưởng cho là một công lao lớn phải lkhông? Và kẻ có công theo ông phải được trọng thưởng phải không?

Ông Xích đưa tay ra nói:

- Thưa bà, tôi phải nói ngay đây, không phải chỉ là đền ơn mà còn chọn vào guồng máy xã hội một người có tài có đức như bà.

- Thưa Tỉnh trưởng, vậy tôi xin hỏi: Người tốt bụng cho ơn huệ, vậy thì người được cho có quyền nhận hoặc từ chối phải không?

Ông Tỉnh trưởng có vẻ lúng túng:

- Vâng, đó là quyền của bà.

- Tôi không dám nói hai tiếng từ chối mà xin nói rằng tôi không thể nhận lời. Vì tôi có nhiều lý do để trình bày ra đây. Điều thứ nhất, tôi có một gia đình gồm một ông chồng và chín đứa con tôi phải lo. Chừng đó chuyện đã thu hút gần hết thì giờ của tôi rồi. Lo cho gia đình, tôi phải làm việc. Như ông thấy đó, tôi viết cho sáu tờ báo ngày và tuần, tôi còn phải làm công tác xã hội. Và như ông đã biết, cấp trên nhận thấy Hội phụ nữ Việt Nam của bà Bút Trà kết nạp toàn những chị em mà chánh quyền thấy lai lịch không được rõ ràng lại không có học thức nhiều, nên mới buộc bà Bút Trà tìm những người khác thay thế. Bà Bút Trà phải đưa chị Lê Quang Kim vào làm Phó Chủ rịch, rồi phu nhân của các ông trong chánh phủ vào làm cố vấn và còn đề cử tôi làm Tổng thư ký thì Hội phụ nữ Việt Nam của bà Bút Trà mới được tồn tại. Rồi chính ông tỉnh trưởng tiền nhiệm của ông đã đưa tôi vào làm trong phong trào Phụ nữ Liên đới miền Đông dưới quyền của phu nhân tướng Văn Thành Cao. Tôi lại phải có chân trong Hội bảo vệ luân lý, các hội chống mù chữ, hội phụ huynh học sinh các trường mà con tôi đang học. Nếu làm Hội đồng tỉnh trường Gia Định thì tôi làm sao có thì giờ nữa? Như ông thấy đó, vì nhiều lý do tôi không dám nhận. Xin ông tìm một phụ nữ khác nếu ông cần thấy có một phụ nữ trong Hội đồng. Lương Hội đồng cao lắm chỉ mười lăm nghìn. Hiện phải viết và dạy cật lực tôi mới kiếm được trên năm mươi nghìn đồng để đủ nuôi con và lo cho gia đình.

Ông Xích cười:

- Bà có thể kiếm nhiều món tiền khác với chức vị Hội đồng của bà.

Tôi cũng cười:

- Tôi nghĩ đại diện cho dân là phải lo quyền lợi cho dân, chớ còn kiếm tiền do chức vị này là gì tôi không hiểu. Tôi ngu dốt về chuyện làm tiền lắm.

Ông Xích thấy nói thế nào tôi cũng khăng khăng từ chối, từ chối một cách hết sức lễ độ và thành khẩn, nên ông nói:

- Ngày ra mắt Ban Hội đồng cận kề quá, chúng tôi làm sao tìm được một phụ nữ thay thế cho bà? Bao nhiêu phụ nữ có học thức và tài đức đã bị kết nạp vào phong trào Phụ nữ Liên đới của bà Nhu rồi.

Nhưng rồi ông Thiệp vẫn tìm ra một phụ nữ: bà Trần Thị Xá, một người công giáo và là giáo viên dạy tiểu học.

Tôi đã từ chối thẳng thừng nhưng tỉnh Gia Định không thể làm gì tôi được vì họ phải nể mặt tôi, và bất cứ ngày lễ lạc gì của tỉnh, họ đều mời tôi, và trong thâm tâm của các nhà cầm quyền vẫn nể nang tôi, phục tôi là khác.

Ngày Ban hội đồng ra mắt, tôi được mời đến dự và đích thân Tỉnh trưởng Xích đã mời tôi vào hàng ghế đầu, nhưng tôi chỉ ngồi vào hàng ghế sau. Khi bầu cử, anh văn Hoàn trúng ghế chủ tịch, còn anh Thiếu Sơn thì là ủy viên của một ban gì đó. Tôi thấy vẻ mặt của hai người có vẻ nghiêm trọng, không vui. Khi ra mắt Ban hội đồng xong, tôi xin phép ông tỉnh trưởng ra về, cả ông Xích lẫn ông Thiệp đều nói với tôi: “Lẽ ra cái ghế chủ tịch của ông Hoàn là của bà”. Tôi cảm ơn và nói:

- Tôi cũng rất tiếc nhưng thì giờ không cho phép.

Khi tôi đi ngang qua chỗ anh Hoàn và anh Thiếu Sơn thì cả hai đều nói:

- Chị Tùng Long, tại sao chị không nhận?

Tôi chỉ đọc một câu để đùa với họ: Ngoài vòng cương tỏa chân cao thấp.

Cả Thiếu Sơn và Văn Hoài đều làm thinh. Tôi biết họ ở cái thế bị ép và không tiện từ chối…

Trong khi làm báo và dự các buổi họp về phụ nữ hay xã hội, tôi gặp và quen chị Khánh Trang, giám đốc công ty bảo hiểm Hưng Việt. Chị đi du học về và là vợ của anh Hoàng Minh Tuyn, một sáng lập viên của tờ Bách Khoa. Công việc của chị đang làm ăn khá thì chị được và Ngô Đình Nhu (NĐN) mời làm bí thư cho bà. Những lần gặp tôi, chị ân cần vui vẻ cứ mời tôi đến nhà chị chơi. Thấy chị lịch sự, dễ thương, quen biết đông, tôi cũng mến chị và có lần đi ngang nhà chị, tôi ghé lại thăm, nói năm ba câu xã giao, hỏi thăm sức khỏe của chị rồi tôi lại đi. Những buổi lễ, ngồi trên khán đài, chị Khánh Trang thường đưa tay chào tôi.

Một bà bạn nói với tôi:

- Bí thư của bà cố vấn đó, chị quen lúc nào vậy? Mọi việc đều qua tay bà ta trước khi đến và cố vấn.

Tôi cười hỏi:

- Vậy sao?

Lẽ dĩ nhiên chị Khánh Trang đã biết tôi không nhận lời đứng trong liên danh của Nguyễn Thế Truyền, từ chối chức Hội đồng tỉnh Gia Định, nhưng tôi có chân trong Hội phụ nữ Việt Nam, tôi lại có chân trong phong trào Phụ nữ Liên đới miền Đông với chức Phó Chủ tịch. Chị tin chắc lần hồi rồi thế nào chị cũng có thể dùng tình cảm để lôi kéo tôi vào chuyện chánh trị.

Ngay như chị Nguyễn Phước Đại, một luật sư nổi tiếng thời bấy giờ, không thích tham gia việc gì dù là việc xã hội chớ đừng nói là chánh trị. Vậy mà với cái vốn cả Anh văn lẫn Pháp văn, thoạt đầu chị được "nhờ" tiếp những nhân vật nữ đến Việt Nam như và Suxanne Labin, những nữ luật sư ở châu Âu, những đại diện cho Usom, Usaid. Được nhờ như vậy, chị làm sao từ chối được. Rồi vì có một việc rắc rối đến chính quyền do một người thân trong gia đình chị, vì sức ép của thân mẫu, chị phải nhờ đến bà cố vấn, nên sau đó để đền đáp công ơn, chị phải nhận ra tranh cử bổ sung một dân biểu đang nửa nhiệm kỳ 2 đã qua đời. Vì vậy chị thành nữ dân biểu của khóa 3 Quốc hội.

Đầu tiên chị Khánh Trang chỉ nói với tôi về Hội phụ nữ Việt Nam do bà Bút Trà làm chủ tịch. Nhờ có tờ Sàigòn Mới trong tay nên bà Bút Trà cổ động rất mạnh cho Hội phụ nữ, mở mỗi tỉnh một chi hội và mỗi năm vào tháng chạp, liên kết với Bình dân học hội cũng do bà làm chủ tịch mà mở ra cây mùa Xuân, vận động đi xin quà các tiệm buôn vải, các chị em có lòng từ thiện, rồi phân phát cho trẻ em nghèo. Việc làm này rất có ý nghĩa, vì vậy bà Bút Trà rất được chị em tán thưởng và lẽ dĩ nhiên trong hội của bà toàn là chị em bình dân, nên những người có tư tưởng chống thực dân bắt đầu len lỏi vào và để tìm cơ hội tuyên truyền chống Pháp.

Khi Hội mới ra đời thì chị Ái Lan, một đảng viên cộng sản (hoạt động ngầm) làm thư ký. Sau đó chị bị bắt và chị Lê Thị Quí lên thay thế. Chị này cũng có cảm tình với cộng sản. Chị em trong Hội, như chị Lê Quang Kim, chị Ana Lê Văn Cang, và nhiều chị em khác có tên trong ban trị sự là để che mắt chánh quyền mà thôi. Thật sự chị Lê Quang Kim làm chủ tịch Chi Hội phụ nữ Quốc tế ở Việt Nam, thỉnh thoảng mới đi họp bên Hội phụ nữ Việt Nam. Còn chị Ana Cang thì bận ở báo Tin Điển của cha chị nên thỉnh thoảng mới đến họp, vả lại cái lối ăn mặc kỳ dị của chị, lúc nào cũng chiếc áo dài đen phết đất, nói thì toàn tiếng Pháp, nên chị chả được lòng ai. Lúc bấy giờ tôi vừa từ Liên khu 5 đưa mấy đứa con về Sài Gòn, lo tìm sinh kế để nuôi con, chị tôi cũng mời tôi dự một chân trong Hội. Nhưng tôi còn nghèo, phục sức nửa quê nửa tỉnh, lại thêm chưa quen với cách tiếp đón các nhân vật trong chính quyền, nên chị Bút Trà chưa cho tôi xuất đầu lộ diện ở những buổi lễ, mà chỉ giúp chị trong việc sổ sách, viết diễn văn… Lần lần thấy tôi quen việc và tên tuổi được nhiều người biết nên chị mới đối xử với tôi như các bà khác. Lại thêm khi có khách ngoại quốc đến viếng Hội, chị phải cần đến tôi để làm thông dịch. Đến khi tôi được bà Nhu chú ý, được tỉnh Gia Định giới thiệu vô phong trào Liên đới miền Đông gồm 13 tỉnh, lúc ấy chị mới thật sự nể tôi và mỗi khi có các cuộc họp báo chí, các cuộc lễ lớn, chị đều nhờ tôi đi dự. Chớ trước đó chị không dám đưa tôi ra vì sợ bắc cầu cho tôi qua. Trong các cuộc họp báo, mặc dù tôi phục sức rất giản dị, lúc nào cũng mặc bộ áo dài trắng và không có một món nữ trang nào ngoài chiếc nhẫn cưới, trong khi các bà khác đều áo quần lòa loẹt, hột xoàn sáng giới, mặc dù họ chỉ là bà Văn Cầm, vợ một chủ rạp hát, hay bà Trần Văn Khiêm, vợ một thương gia. Sau này, tôi có tên tuổi trong làng báo, mặc dù phục sức giản dị, mặc dù không có hột xoàn, nữ trang quí giá, trong các cuộc họp họ vẫn mời tôi lên ngồi hàng ghế trước, có khi còn mời tôi lên bàn chủ tọa, phát biểu ý kiến rồi bị ép vào các hội như Hội bảo vệ luân lý, Nghiệp đoàn ký giả miền Nam… thì chị Bút Trà mới thấy có muốn ém tài tôi cũng không được. Đến khi chị thấy tỉnh Gia Định đối xử với tôi rất tử tế, mời tôi vô Hội đồng tỉnh mà tôi từ chối, rồi lại trúng vào Ban Chấp hành Hội phụ nữ liên đới của miền Đông, thì chị đã thay đổi thái độ. Và sau đó vì Hội phụ nữ Việt Nam của chị lúc bấy giờ có nhiều chị em hoạt động cho cộng sản nên bị nhà cầm quyền kêu lên kêu xuống như chị Ái Lan, chị Quí, bà Phụng, bà Phạm Xuân Lạng cùng nhiều chị em khác ở các tỉnh, họ là những người nằm vùng hoạt động cho phong trào cách mạng. Rồi có những chị em bị bắt kêu án tù như chị Ái Lan, nên nhà cầm quyền đã bắt đầu để ý đến Hội phụ nữ của chị, vì vậy khi chị thấy tôi được mời vào Hội phụ nữ Liên đới của bà Nhu thì năn nỉ tôi đừng từ chối, để có gì tôi có thể lên tiếng nói minh oan cho Hội phụ nữ Việt Nam.

Tôi sở dĩ nhận vô Hội phụ nữ Liên đới một phần là để che chở cho Hội phụ nữ Việt Nam, phần khác tôi đã từ chối Hội đồng tỉnh rồi, không thể viện lý do gì khác để từ chối một chân ở Hội phụ nữ Liên đới. Biết đâu dựa vào hội nầy tôi có thể giúp chị em được nhiều việc. Lại nữa, thật ra với cái chức Phó chủ tịch phong trào Liên đới miền Đông, tôi cũng chẳng làm gì ngoài các buổi họp hằng tháng hay đi dự những buổi tiếp tân nầy nọ. Nhiều người bạn khuyên tôi không nên từ chối những việc ấy nếu muốn được yên thân để nuôi con.

Lúc ấy lại xảy ra chuyện ông Phan Ngô, giám học trường Tân Thịnh nơi tôi dạy, bị bắt cùng với anh Thiên Giang, một giáo sư dạy sử địa của trường. Anh Phan Ngô vốn là Đảng viên Việt Nam Quốc Dân Đảng, tôi

không biết lúc ấy anh có còn hoạt động không. Nhưng còn anh Thiên Giang chính là cộng sản, đã từng vào tù ra khám từ lúc còn ở ngoài Trung. Việc các anh ấy bị bắt không có gì đáng lạ vì họ có hoạt động chính trị, nhưng sau đó khi qua mấy tháng điều tra, họ được thả về thì các anh Phan Ngô và Thiên Giang đến nói riêng cho tôi biết là khi lấy cung hai người, họ đều hỏi về tôi: "Có phải bà Tùng Long là cộng sản không? Tại sao bà ấy ở Liên khu 5 lại được chánh quyền ở đó cho bà dẫn các con về Sài Gòn?"

Anh Phan Ngô nói với tôi là anh đã trả lời: "Bà Tùng Long không thể là một người hoạt động chính trị được vì bà có cả một lũ con nheo nhóc, lo làm nuôi chúng còn không có thì giờ thì còn thì giờ đâu mà làm chính trị. Tất cảnhững việc bà làm đều là công tác xã hội để có thể có thêm tiếng tăm mà viết báo và dạy học". Còn anh Thiên Giang thì cương quyết là tôi không hề làm chính trị, mà chỉ dạy học và viết tiểu thuyết.

Cả hai người đều khuyên tôi nên dè dặt. Họ nói: Ngay Thiếu Sơn là một cộng sản nằm vùng dậy mà khi người ta mời anh làm Hội đồng tỉnh Gia Định anh còn không từ chối, thì chị làm sao là một phụ nữ lại không gia nhập vào phong trào Liên đới khi người ta đã để ý mời chị?

Tôi đã nói rõ trong các bài người ta phỏng vấn tôi vì lẽ gì tôi phải đem các con về Quảng Ngãi năm 1943 và rồi kẹt ở đó cho đến năm 1952 mới được phép đưa các con về lại Sài Gòn. Bọn Pháp nghi tôi cũng có lý do vì tại sao chánh quyền cộng sản lúc đó lại để tôi chính thức ra đi khi tôi đang làm Liên hiệu trưởng ở Nghĩa Kỳ. Chỉ vì lẽ các con tôi đói, nạn đói hoành hành ngoài Bắc ngoài Trung, người người chết như rạ, vì lẽ ấy họ cho phép tôi đi, gặp không biết bao nhiêu gian nan vất vả tôi mới về đến Sài Gòn và làm lại tất cả từ đầu để nuôi dạy một bầy con nên người và để cho nhà tôi có thể ngồi yên ngâm thơ, không hợp tác với Pháp, với Nhật và sau đó với Mỹ.

Lúc tôi về Sài Gòn được vài ba năm và đã viết báo, đi dạy, tham gia vài công tác xã hội, làm vài hội phụ huynh học sinh nơi các trường có con tôi học, thì những người hoạt động cho cách mạng chắc cũng đã theo dõi công việc của tôi nên thỉnh thoảng cũng có người nằm vùng rải rác ở các nhà báo, các nhà in, nhà xuất bản thường đến gặp tôi bàn chuyện in sách hay mời viết những truyện nhi đồng… Việc gì làm có tiền để nuôi con thì tôi nhận thương lượng, ký giao kèo. Nhưng khi các anh em đến rủ tôi vào Hội truyền bá Quốc ngữ, một Hội mà tôi biết có nhiều người hoạt động ngầm, thì tôi từ chối vì phải lo cho các con, không có thì giờ rảnh. Xét cho cùng tôi không nghiêng về phía nào cả, tôi không thích làm chánh trị. Phía Quốc gia thời Ngô Đình Diệm cũng có những hoạt động không phải hoàn toàn có lợi cho nhân dân miền Nam. Bọn tham ô cậy thế cậy quyền ở đâu cũng có, mà Ngô Đình Diệm thì như kẻ ngồi trong tháp ngà, mọi việc đều bị mấy người em thao túng. Làm chính trị theo tôi nhận xét không thể không tàn nhẫn, mạnh tay, và cứ nói vì quyền lợi quốc dân mà không cần biết quốc dân có đồng ý hay không.

Mỗi năm cứ đến ngày Tết, tôi lại nhận được một tấm carte gửi qua bưu điện do Chủ tịch Hồ Chí Minh chúc mừng và khuyến khích. Hai ba năm liên tiếp như vậy – chắc của những người hoạt động ở thành phố Sài Gòn – Gia Định gửi, không có địa chỉ. Tôi nhận và cất kỹ, và có lẽ do những việc này mà nhà chức trách lúc khai thác ông Phan Ngô và ông Thiên Giang đã hỏi đến tôi, nhưng không có bằng chứng gì nên không đếm xỉa nữa. Còn không thì họ đếm xỉa đến tôi bằng cách mời tôi tham gia vào Hội đồng tỉnh Gia định, cổ động cho liên danh ứng cử của Ngô Đình Diệm, tham gia phong trào Phụ nữ miền Đông để theo dõi, kiểm soát sự đi đứng của tôi.

2. TẠI SAO TÔI RA ỨNG CỬ KHÓA III QUỐC HỘI?

Một hôm chị Bút Trà mời tôi vào phòng và nói:

- Thím ngồi đây để hai chị em mình có việc nói chuyện.

Tôi ngồi xuống trên nệm bên cạnh của chị, vì chị tôi thường lấy phòng ngủ để làm chỗ tiếp khách là những người thân, những ký giả vai em của chị, kể cả trưởng nhà in hay thợ chạy máy. Trên đầu giường của chị là một cái kệ chia ra làm nhiều ngăn, mỗi ngăn chứa đựng những sổ sách, giấy tờ cần thiết… Đây vừa là phòng làm việc, chỗ tiếp khách, phòng ngủ, và cả phòng ăn nữa. Chị theo lối làm việc giản tiện của người Hoa mà chị chịu ảnh hưởng qua cuộc hôn nhân đầu tiên của chị với một thương gia ở Chợ Lớn.

Chị nói:

- Thím Tùng Long à, họ muốn sáp nhập Hội phụ nữ Việt Nam của mình vào Hội phụ nữ Liên đới của bà Nhu!

Trước đó, bác sĩ Trần Kim tuyến (phụ trách an ninh chính trị của chế độ Ngô Đình Diệm) đã có mời tôi lên và khuyên tôi nên bàn với bà Bút Trà nếu muốn duy trì Hội phụ nữ Việt Nam thì phải cải cách, tổ chức lại Ban Trị sự của Hội, vì bà cố vấn cũng như chính quyền đang nghi ngờ; thậm chí đã có những bằng chứng thấy rõ, như việc một số thành viên của Hội bị bắt, bị kết án là hoạt động cho cộng sản.

Tôi liền trả lời:

- Thưa bác sĩ, tôi chỉ là cố vấn của Hội mà Hội thì có cả chục cố vấn, tôi bận nhiều công việc lắm, ít khi đi họp mà chỉ dự những buổi lễ lạc, tiếp tân.

Bác sĩ Tuyến nói:

- Tôi đã bàn với bà Bút Trà rồi và tôi đề nghị với bà ấy nên mời bà Tùng Long làm Tổng thư ký. Bà ấy cũng đã trả lời là bà bận nhiều việc lắm, mà việc hội thì đâu có lương hướng gì, chắc chắn bà sẽ không nhận. Tôi thì hiểu bà không muốn chen vào một tổ chức có những thành phần cộng sản, chớ còn chuyện viết lách thì vừa làm Tổng thư ký hội vừa làm báo cũng không phải là khó, chỉ cần bỏ bớt giờ dạy là được. Tôi đã mời bà Bút Trà lên đây để khuyên bà ấy giao chức Tổng thư ký Hội phụ nữ Việt Nam cho bà đảm trách.

- Xin bác sĩ cho phép tôi thu xếp lại công việc vì thú thật với bác sĩ tôi chỉ thích viết văn và dạy học. Còn chuyện làm việc xã hội, tham gia hội này hội nọ chỉ là chuyện trách nhiệm chung mà thôi, không có tôi thì cũng có người khác đảm đang được.

Đưa tôi ra tận cửa, bác sĩ Tuyến còn nhắc lại: “Chỉ với bà thì bà cố vấn mới bằng lòng và mới cho phép Hội phụ nữ Việt Nam hoạt động”.

Mặc dù tôi không chịu nhận chức Tổng thư ký Hội phụ nữ Việt nam, các chị em trong hội cũng như chị Bút Trà cứ năn nỉ tôi nên nhận, để tìm cách cứu lấy cái hội mà chị Bút Trà đã mất bao công sức xây dựng từ đời chính phủ Nguyễn Văn Tâm. Vì lẽ đó mà tôi phải nhận chức Tổng thư ký và phải bỏ dần những giờ dạy ở các trường, khiến các hiệu trưởng Phan Ngô ở trường Les Lauriers và Phan Thuyết ở trường Đạt Đức vô cùng mến tiếc, và cả đám học trò cũng vậy. Thật ra lúc ấy tôi cũng đang bị nám phổi và bác sĩ Boucheron đã khuyên tôi nghỉ dạy…

Bây giờ họ còn đòi sáp nhập Hội phụ nữ Việt Nam vào Hội phụ nữ liên đới! Không khỏi tức bực, tôi nói:

- Như vậy là họ muốn dẹp hẳn cái hội của mình rồi, cho sáp nhập vào đó thì còn làm được việc gì nữa? Hội phụ nữ Liên đới của bà Nhu là một hội chính trị, để nắm hết phụ nữ theo bà hầu như có lợi cho chánh quyền Ngô Đình Diệm. Phụ nữ Bán quân sự, Thanh nữ Cộng hòa, tất cả những tổ chức đó cũng chỉ có một mục đích củng cố quyền lực cho gia đình họ Ngô. Bây giờ chị tính sao?

Chị tôi cũng tức lắm:

- Sáp nhập gì? Đó là kiểu họ giải tán khéo hội của mình thôi.

- Vậy chị tính sao?

- Còn tính gì nữa? Đã có giấy của bà cố vấn định ngày đưa người xuống hợp thức hóa sự sáp nhập hội mình vào phong trào Liên đới rồi.

- Thế thì chị phải mở một cuộc họp nội bộ ngay tức khắc để nói rõ ý đồ của bà Nhu, rồi mình bàn cách đối phó, bằng cách xin trì hoãn.

Chị Bút Trà của tôi là chủ nhiệm báo Sàigòn Mới. Sau ngày đơn vị nhảy dù định lật đổ chính phủ Diệm (1-11-1960), một vài tờ báo trong đó có báo Sàigòn Mới hấp tấp ủng hộ ngay nhóm của đại tá Nguyễn Chánh Thi và báo đã lên khuôn với những bài chỉ trích kịch liệt chế độ gia đình trị của nhà họ Ngô, suýt nữa thì bị đóng cửa, nếu không nhờ bà vợ ông bác sĩ Tuyến che chở giùm, năn nỉ bác sĩ Tuyến tìm cách bỏ qua, chỉ kêu lên răn đe rồi cho mở lại báo sau mấy ngày đóng cửa. Vì vậy cuối cùng chị đã không dám phản đối quyết định của bà Nhu. Chị đã nói trong buổi họp mặt đông đủ chị em trong Ban trị sự:

- Mình đâu dám cãi lại bà cố vấn. Mấy chị thì không sao chớ còn tôi cần có tờ báo trong tay để nuôi gia đình tôi và gia đình các ký giả, công nhân máy in, có bề gì thì khổ cả đám.

Thế là chị Bút Trà gọi điện thoại cho chị Khánh Trang, bí thư của bà Nhu, để trả lời đồng ý sáp nhập Hội phụ nữ Việt Nam vào phong trào Phụ nữ Liên đới. Bà Nguyễn Văn Là, vợ của tướng Là, tổng thư ký phong trào Liên đới Trung ương, có gọi điện nói chuyện với tôi là bà chỉ vâng theo chỉ thị của bà cố vấn, và nhờ tôi nói giùm với chị Bút Trà đừng hiểu lầm việc này có ý kiến của bà.

Lễ bàn giao hội đã cử hành tại trụ sở Hội phụ nữ Việt nam ở Bàn Cờ. Đại diện cho phong trào Liên đới là phu nhân tướng Nguyễn Văn Là, Tổng thư ký phong trào Phụ nữ Liên đới Trung ương, bà luật sư Nguyễn Phước Đại – đại diện cho Hội phụ nữ Việt Nam (vì tôi là Tổng thư ký).

Thật là chuyện khó xử giữa ba chúng tôi. Tôi và bà Đại quen nhau khá thân. Qua công việc của bà, tôi phục bà có tài ăn nói, nhiều vụ kiện do bà cãi đã làm nổi bật vai trò của bà ở pháp đình; còn bà thì hiểu tôi qua những bài tôi viết. Bà tướng Là thì xuất thân là một nhà giáo, cũng hiền lành và cũng thông cảm cho vấn đề

khó xử của Hội chúng tôi, nên đến dự mà mặt mày không vui. Tôi không thân với bà Là, chỉ gặp bà qua những cuộc họp. Tôi thấy bà có tài điều khiển, có thái độ cởi mở và khiêm tốn, và nhất là bà tuy hoạt động ngoài xã hội vẫn là một người vợ biết lo cho gia đình con cái.

Bà Là đọc báo cáo xong, đến khi ký vào biên bản thì bà Nguyễn Phước Đại hỏi tôi: "Bà Bút Trà là sáng lập viên của hội từ bao nhiêu năm, từ thời Pháp thuộc, duy trì đến nay là một công lao lớn, tại sao không có mặt? Còn thế nào gọi là sáp nhập? Nếu tất cả hội viên không đồng ý thì sao, và ai có quyền bắt tất cả hội viên phải vào phong trào Liên đới? Họ có quyền lựa chọn chứ? Còn trụ sở nầy của hội thì sao?".

Bà Là nói:

- Theo bà cố vấn thì giải tán trụ sở nầy, chị em từ nay là đoàn viên của phong trào Liên đới. Bà Bút Trà phải cho chỉ thị xuống các tỉnh để giải tán các chi nhánh hội ở tỉnh. Và bây giờ, xin mời bà Tùng Long đại diện cho hội và cho bà Chủ tịch, bà luật sư Nguyễn Phước Đại ký vào biên bản.

Tôi liền nói:

- Đã có chỉ thị của bà cố vấn, và hiện giờ có bà Là là Tổng thư ký phong trào Trung ương ký vô là đủ rồi, tôi thiết nghĩ tôi không cần thiết phải ký. Sau này, chị em nào của Hội phụ nữ Việt Nam có gì thắc mắc thì chúng tôi chỉ cần đưa chỉ thị của bà cố vấn ra là đủ. Vả lại tôi thiết nghĩ tôi không có thẩm quyền để ký…

Ý tôi ngầm nói là việc làm của bà cố vấn sai với pháp luật, là một việc cậy quyền ỷ thế. Ngay như tại Quốc hội, bao người có học thức, khoa bảng đã nhận thấy Bộ luật gia đình của bà là vô lý, không phải để bênh vực phụ nữ mà chỉ nhắm cho quyền lợi của chị bà là bà Trần Thị Lệ Chi, vợ của tổng trưởng Nguyễn Hữu Châu, vậy mà ai nấy có phản đối thì đạo luật vẫn được thông qua. Thì với cái Hội phụ nữ này, bà Bút Trà đã tránh mặt, tôi còn bàn cãi làm gì?

Nghe tôi nói thế, bà Là xoay lại hỏi bà Nguyễn Phước Đại:

- Vậy thì xin bà luật sư đứng về mặt tư pháp ký vào.

Bà Nguyễn Phước Đại vẻ mặt buồn xo nói:

- Tôi thấy chuyện giải tán Hội phụ nữ Việt nam là một việc không đúng pháp lý, tôi cũng không có thẩm quyền ký vào, sau này có tội với lịch sử vì mình là một người hiểu luật, làm luật, sao lại ký vào một văn bản như thế này? Thôi, một mình bà Là, đại diện bà cố vấn ký vô là được rồi.

Nói xong bà Đại liền xin phép phải đi gấp vì có một phiên tòa đang đợi bà.

Bà Là nhìn tôi hỏi ý kiến:

- Như vậy tôi cứ ghi vào đây là mọi người đều chấp thuận chỉ thị của bà cố vấn và tôi ký vô là đủ rồi phải không?

Rồi bà nói nhỏ với tôi:

- Làm lấy có thôi, mọi việc đã an bài rồi.

Thế là từ đó coi như Hội phụ nữ Việt Nam của chị Bút Trà đã bị giải tán.

Sau việc nầy, một hôm tôi gặp chị Khánh Trang trong một buổi họp về bảo vệ phụ nữ và nhi đồng. Tôi ngồi ở hành ghế thứ ba, thì bỗng chị Khánh Trang xoay lại nhìn thấy tôi và đưa tay ngoắc tôi lên ngồi gần chị. Chị nói:

- Tôi có chút việc nói với chị, định gọi điện thoại về nhà báo thì không tiện. Chị không có điện thoại riêng phải không?

- Vâng, tôi không có. Thế có chuyện gì hả chị?

- Chuyện như thế này. Bà cố vấn thấy rằng khóa I Quốc hội chỉ có 5 dân biểu nữ, và khóa II chỉ có 9 người. Như vậy bà cho là ít và lần này khóa III, muốn đề cao vai trò của phái mình, bà cố vấn đưa ra 25 phụ nữ để tranh cử với phái nam.

Tôi liền hỏi:

- Vậy chắc là chị được đề cử chứ gì?

Khánh Trang cười:

- Ồ không, tôi là người trong bóng tối vì là bí thư riêng của bà. Với số cũ 9 người, trong đó cũng có giáo sư, luật sư, nghiệp đoàn lao động, bác sĩ. Lần nầy với 25 người, tôi thấy toàn là phu nhân các ông tướng, các công chức cao cấp, chẳng hạn là bà Là, bà Cao Văn Viên, bà Quách Tòng Đức, bà Trương Công Cừu, thêm vài bà luật sư như bà Huỳnh Ngọc Anh, bà Trần Thanh Phương. Luật sư, giáo sư, bác sĩ đã có, chỉ còn thiếu một nhà văn, nhà báo.

Tôi vội vàng nói:

- Bà Bút Trà sẽ được nhiều phiếu lắm đó.

- Nhưng về trình độ học thức…

- Thế chị quên rằng bà Huỳnh Ngọc Nữ…

Chị Khánh Trang nói:

- Ờ, chị Nữ khá hơn nhiều, lại thuộc thành phần lao động.

Rồi chị nhìn tôi cười:

- Hay là chị ra ứng cử đi? Chị thì không ai không biết. Chị vừa từ chối chức Hội đồng tỉnh Gia Định phải không?

Tôi thở dài:

- Tôi bận nhiều việc lắm. Cả lũ con…

Chị Khánh Trang nói:

- Ồ, những chuyện đó tính sau. Chị còn dám từ chối cả một căn phố lầu của tỉnh Gia Định muốn giúp chị nữa mà.

- Sao chị biết?

- Bà cố vấn cũng biết.

- Vậy thì bà cố vấn còn bảo tôi ra tranh cử làm gì?

- Thì vì quyền lợi của phụ nữ. Nam giới họ ghét mình chỉ vì mình đòi ngang hàng với họ, và phụ nữ lúc nào cũng thiệt thòi.

Tôi cười:

- Chị biết vậy thì chị cứ để tôi viết báo, với cây bút của tôi có thể làm được nhiều việc cho chị em hơn là vào Quốc hội đầy mùi chánh trị (tôi muốn nói "bù nhìn" nhưng ngăn lại kịp).

Thế là một cuộc tranh luận giữa tôi và Khánh Trang về vai trò của người phụ nữ đã diễn ra. Chị Trang nói:

- Mình cứ vào đó rồi sẽ có cách để giúp chị em đắc lực hơn.

Tôi liền nói:

- Chúng mình sẽ bàn lại sau…

Tôi về và có hỏi ý kiến anh chị Bút Trà và nhà tôi. Anh Bút Trà khuyên gặp việc cứ làm, còn nhà tôi thì nói:

- Em liệu làm được thì làm.

Riêng chị Bút Trà rất thực tế:

- Thím muốn làm được việc của mình thì không nên từ chối nữa. Thím có thấy ai dám cãi lại lời của bà Nhu không nào?

Đó là vào khoảng tháng 4 năm 1963.

Thế rồi tôi được mời họp liên miên ở dinh Độc lập và bà Nhu chấp thuận cho Khánh Trang ghi tên tôi vào danh sách 25 phụ nữ ra ứng cử kỳ III của Quốc hội. Nhiều người nói với tôi, chánh phủ Ngô Đình Diệm đang gặp nhiều khó khăn, chống đối. Dân chúng không còn tin cậy như lúc Ngô Đình Diệm mới về. Lúc này mà ra không khéo kẹt. Nhưng làm sao bây giờ, tôi đã từ chối nhiều lần, từ chối lần này nữa e khó được yên ổn để làm việc.

Tôi bỗng có ý nghĩ xin ra ứng cử ở ngay tỉnh Quảng Ngãi, để có thể làm được một cái gì cho quê chồng, cho nơi tôi đã sống những năm nghèo khó nhưng lại đầy kỷ niệm về tình cảm của học trò. Tỉnh Quảng Ngãi là một tỉnh tích cực trong các phong trào đấu tranh, trong tư tưởng vì nước vì dân, ra tranh cử ở đây thế nào tôi cũng có thể giúp cho tỉnh này một phần nào. Tôi vốn sanh ra ở Quảng Nam, lẽ ra tôi nên xin ứng cử ở Quảng Nam thì hợp lý hơn, dễ dàng hơn, nhưng không hiểu sao trong đời tôi cứ thích làm những việc cần đem tài sức ra tranh đoạt, chớ ra ứng cử với cảnh một mình một cõi, không có người tranh thì chẳng ra cái gì cả.

Thật ra với 25 ứng cử viên nữ đó, trưởng ban vận động tranh cử của bà Nhu lúc bấy giờ là Hà Như Chi, dân biểu của hai khóa đầu, đã nghe theo chỉ thị của cấp trên bố trí thế nào để không một ai bị thất cử. Nói như vậy các bạn cũng hiểu thời ông Diệm, độc tài là như thế nào rồi, và bà Nhu đã có một quyền lực như thế nào ở chánh quyền này.

Hôm tập họp để chia địa phương cho 25 phụ nữ ra tranh cử Quốc hội khóa III lần này, phần nhiều bà mệnh phụ phu nhân đều được đưa đi những quận xa xăm, không có người tranh cử. Các bà ấy một mình một chợ, nắm chắc phần thắng trước khi bầu. Hôm ấy bà Nhu ngồi ở đầu bàn, hai bên là hai phụ tá Hà Như Chi và Khánh Trang. Phần đông các bà chịu đặt đâu ngồi đó, theo sắp xếp của cấp trên. Duy chỉ có chị Nguyễn Phước Đại ra ứng cử ở Sài Gòn, đơn vị cũ của chị hồi khóa II. Khánh Trang cũng được điều động đến một đơn vị khỉ ho cò gáy. Tôi xin ứng cử tại Quảng Ngãi và người ta bố trí cho tôi ở huyện Sơn Tịnh. Tôi liền nói với mấy bà ngồi gần tôi là tôi không muốn ra ứng cử ở Sơn Tịnh, mà chỉ muốn chọn huyện Tư Nghĩa, nơi có thị xã Quảng Ngãi. Các bà ấy tỏ ý sợ sệt:

- Làm sao dám nói?

Tôi nói tôi sẽ xin lên phát biểu ý kiến chớ có gì khó đâu.

Họ cản tôi:

- Chị làm thế phật ý bà cố vấn mới sao?

Thấy chúng tôi bàn tán, bà Nhu hỏi:

- Chị em có ai có ý kiến gì không?

Tôi liền đưa tay lên xin phát biểu ý kiến. Chị Hồ Thị Chi, bạn thân cùng học ở Gia Long với tôi ngày nào, không kịp kéo tay tôi thì bà Nhu đã nói:

- Mời bà Tùng Long lên phát biểu.

Thế là tôi đi lên trước sự ngạc nhiên của mọi người. Tôi trình bày là tôi đã từng sống ở Quảng Ngãi và biết rõ tỉnh này. Tôi xin ra ứng cử ở Tư Nghĩa mà không phải ở Sơn Tịnh theo sự giới thiệu của Ban vận động ứng cử, vì tỉnh Quảng Ngãi càng đi xa thị xã, đi ra các quận huyện thì sự an ninh càng phải giữ gìn. (Lúc đó tôi thật ngớ ngẩn: mấy bà ra ứng cử ở các quận huyện xa xôi đâu cần phải đến đó ra mắt hay tranh cử. Vì có ai ra tranh cử đâu? Và có ai dám không bỏ thăm cho các bà đã đứng ra tranh cử trong phong trào Liên đới? Nhưng không ai giải thích cho tôi cả, tôi cứ nghĩ ra tranh cử như chị Phước Đại ở Sài Gòn thì phải vất vả hơn nhiều, phải lên diễn đàn, phải tranh với những ứng cử viên khác như với Phạm Văn Thùng được đồng bào lao động ủng hộ kịch liệt ở quận Nhì. Đành rằng rốt cuộc chị cũng thắng và Phạm Văn Thùng dù được dân lao động ủng hộ cũng phải chịu thua. Bấy giờ khi đã dấm chân vào con đường chánh trị tôi mới thấy không phải là chuyện đơn giản, đôi khi còn phải dối trá, gian lận, cúi lòn, miễn sao được việc là được). Bà Nhu nghe tôi trình bày xong liền chỉ thị ngay cho Hà Như Chi:

- Ông Hà Nhu Chi, ông sắp xếp lại để bà Tùng Long ra ứng cử ở Tư Nghĩa, đơn vị mà bà yêu cầu.

Hà Như Chi cúi đầu vâng dạ, còn mấy bà khác khi nghe bà Nhu nói thế đều không khỏi ngạc nhiên là tại sao bà Nhu lại có thiện cảm với tôi như vậy. Tôi cám ơn bà Nhu rồi trở về chỗ ngồi. Chị Hồ Thị Chi nói nhỏ:
- Chị Tùng Long gan thật đấy. Mấy ai dám xin đổi đơn vị như vậy.

Sau chuyện này, mấy bà phu nhân của các ông Bộ trưởng , giám đốc ra ứng cử đều nể tôi lắm, họ cứ nghĩ là bà Nhu nể tôi. Sự thật tôi chưa từng xin gặp riêng bà Nhu để xin xỏ việc này việc nọ. Tôi chỉ muốn làm một cái gì đó cho phụ nữ, và người dân nói chung ở Quảng Ngãi, quê chồng tôi. Người ta cần tôi thì tôi giúp, dù người ấy là ai đi nữa, và tôi giúp vì lợi ích chung mà thôi. Tôi đã từng ở Quảng Ngãi bao nhiêu

năm, trong thời kỳ đi tránh bom đạn của Mỹ. Tôi đã sống những năm thiếu thốn về vật chất nhưng về mặt tinh thần thì vô cùng có ý nghĩa, vì nơi ấy tôi đã rút ra bao nhiêu kinh nghiệm để viết lách, đã đào tạo được một nhóm học trò, không phải những học trò giàu có, mà là những nông dân lớn tuổi chưa từng biết chữ i chữ tờ, những trẻ em nghèo bỏ học nửa chừng để phụ giúp cha mẹ trong công việc kiếm sống hằng ngày, giúp các em ấy có một số kiến thức để khi bước chân vào đời nếu có phương tiện có thể học thêm.

Ra Quảng Ngãi để có mặt tại đấy cùng với các ứng cử viên khác ở các huyện Sơn Tịnh, Mộ Đức, Đức Phổ, tôi mới biết là chính Hà như Chi đã giới thiệu em trai mình, lúc ấy làm hiệu trưởng trường trung học Tư Nghĩa, ra ứng cử tại Tư Nghĩa, và điều này đã được bà Như cùng hội đồng duyệt xét đưa người ra tranh cử chấp nhận và đưa lên danh sách. Thật là một việc bất ngờ! Vậy mà Hà Như Chi đành phải vâng lời bà Nhu để đưa tôi ra ứng cử ở Tư Nghĩa và ông em trai của Hà Như Chi đành rút lui. Việc này còn làm cho tôi thêm uy tín.

Khi tôi họp ở tỉnh thì có nhiều người trong giới chính quyền nói cho tôi biết nếu ra ứng cử ở Tư Nghĩa tôi khó mà tranh nổi với Hoàng Vinh, một giáo sư dạy ở Huế, người của ông Cẩn đưa vô tranh cử ở Quảng Ngãi, huyện Tư Nghĩa. Họ khuyên tôi để tỉnh bố trí ra tranh cử ở Sơn Tịnh, một mình một chợ, khỏi phải vất vả, vì Hoàng Vinh là một tay chính trị đã từng vào tù ra khám, rể của bà Phạm Hòe, bạn của gia đình tôi. Tôi không lạ Hoàng Vinh, nó thuộc về vai cháu, nhưng việc đã rồi, tôi đã tự nguyện xin ra ứng cử ở Tư Nghĩa thì tôi phải chịu, bây giờ gặp đối đầu và bị người ta hù là rút lui hay sao? Đời tôi lại vốn hay thích làm một chuyện gì mà người khác không làm được và không bao giờ chịu lùi bước trước một khó khăn.

Đến lúc đó tôi mới thấy Hà Như Chi thật nể sợ bà Nhu. Hôm họp ở Sài Gòn ông ta có quyền nói đơn vị này đã được bố trí xong, vànói với tôi là cứ yên lòng vì an ninh trong khi đi bầu cử đã có chính quyền địa phương đảm trách, thì chắc tôi cũng không nài ép làm gì. Hà Như Chi sau việc này cứ tưởng tôi được bà Nhu nể nang vì tôi có uy tín nhiều trong giới phụ nữ. Điều này thì chính tôi cũng không biết.

Ở Quảng Ngãi lúc bấy giờ có em gái tôi cùng chồng là Trần Quang, một đông y sĩ có tiếng ai cũng biết. Trần Quang cũng lăm le ra tranh cử dân biểu ở quận Tư Nghĩa. Ở hai huyện khác đã có hai dân biểu tái ứng cử và là đảng viên của đảng Cần lao Nhân vị, họ nắm chắc sự đắc cử trong tay, dù có người ra tranh cử cũng chỉ là hình thức mà thôi. Ba người mới ra lần đầu là bác sĩ Nguyễn Văn Thọ, rồi một dược sĩ từ Đà Nẵng vào, thứ ba là tôi, nhà văn.

Khi ra tới Quảng Ngãi, tiếp xúc với chị em trong phong trào Phụ nữ Liên đới và trong các đoàn thể khác do chánh quyền lập nên như Cần lao Nhân vị, Thanh niên Cộng hòa, tôi mới thấy tất cả những đoàn thể này đều có tên mà không có thực lực, đều là những hội bù nhìn thành lập ra để trang sức, quảng cáo cho chế độ mà thôi.

Lúc ấy tôi mới bật ngửa và vô cùng thất vọng, nhưng tiến thoái lưỡng nan, công việc đã đâu vào đó rồi, tôi đâu có thể đùa giỡn với chính quyền được. Sau lần đầu ra Quảng Ngãi, tôi trở về Sài Gòn đến gặp các bạn thân như Hồ Thị Chi, Huỳnh Ngọc Nữ để nói chuyện. Cả hai người này họ đều biết tất cả. Chị Huỳnh Ngọc Nữ đại diện cho đảng Lao Động, chị là vợ của ông Bửu, tất nhiên phải biết rõ, nhưng chị được mời ra ứng cử từ khóa đầu, chị cũng có một mục đích khi nhận lời là nhân cơ hội này giúp đỡ giới lao động được phần nào hay phần nấy. Chị Hồ Thị Chi thì nói: “Mình ra ứng cử, bao giờ đắc cử tùy cơ ứng biến ráng làm sao giúp được dân chúng phần nào thì cứ làm”. Thật ra chị Hồ Thị Chi có chân trong phong trào Cần lao Nhân vị, vì vậy sau ngày quân đội cướp chính quyền và lật đổ chế độ Ngô Đình Diệm, chị Hồ Thị Chi bị bắt giam một thời gian cùng với chị Khánh Trang.

Có một chuyện thật lạ là khi tôi bước vào kho bạc để đóng lệ phí ra ứng cử, lòng tôi hồi hộp một cách khó hiểu, và khi tôi lấy bút ra để ký tên thì năm lần bảy bận đều viết không ra chữ. Thật kỳ lạ vì cây bút của tôi là cây bút đặc biệt dùng ống mực lắp vào chớ không phải là loại viết phải bơm mực. Viết rất đắt tiền, tôi đã dùng nó để viết văn, dạy học suốt cả thời gian dài không bao giờ trục trặc. Một linh tính cho tôi biết là có người khuất mặt cản trở, báo động trước là cuộc ứng cử này dù có đắc cử cũng không có lợi cho thanh danh của tôi. Tôi mới lâm râm khấn vái là công việc đã lỡ rồi, dù muốn dù không tôi cũng không thể lùi bước lúc nầy, và tôi thề với vong linh các tiền nhân, nếu đắc cử sẽ cố gắng làm một cái gì cho tỉnh nhà. Khi tôi vái xong, đặt viết xuống ký thì có mực ngay. Chính ông thủ quỹ đưa giấy tờ cho tôi cũng không khỏi lấy làm lạ. Hai lần ông đưa viết cho tôi vì tưởng viết tôi hết mực, tôi đều từ chối, cứ đứng như trời trồng. Ông nhìn tôi chăm bẳm cho đến khi tôi quay lại, đi ra cửa và lên xe.

Chuyện bầu cử dưới thời Ngô Đình Diệm là vậy đó, xem ra cũng chỉ là một màn kịch có đạo diễn – và đạo diễn rất vụng về mà thôi.

Lọt vào màn kịch chánh trị ấy và đóng vai trò một ứng cử viên vào Quốc hội, tôi lại không chịu làm diễn viên mà lại muốn chánh thức tranh cử, vất vả không thua gì bà Nguyễn Phước Đại khi tranh cử ở Sài Gòn. Nhưng nói thì nói vậy, dù có tranh cử thật tình, vẫn có sự gian lận và giàn xếp thế nào cho những ai được nhà nước đưa ra đều đắc cử. Mà thật vậy, luôn ba khóa liền không có ai là người của ông Diệm đưa ra mà rớt cả.

Tuy phần lớn dân biểu của ba khóa đều thuộc hàng trí thức, những nhà khoa bảng, những nhà chính trị, nhưng than ơi, một khi lọt vào chế độ phải phục tùng ấy thì dù có thành tâm nhiệt huyết đến đâu cũng chẳng làm được trò gì ngoài việc sai đâu làm đó.

Quay lại chuyện tôi ra tranh cử. Ở các quận khác như Sơn Tịnh, Bình Sơn, Đức Phổ, Ba Gia, … mỗi quận chỉ có một ứng cử viên, riêng quận Tư Nghĩa của tôi là hai. Ứng cử viên kia là Hoàng Vinh, mà dân chúng ở đây nói là người của ông Cẩn. Hoàng Vinh là người công giáo, lại có lần ở tù dưới thời cộng sản. Đi đâu anh ta cũng huênh hoang là sẽ đắc cử như lật bàn tay vì anh ra là người của ông Cậu (ông Cậu ở đây là Ngô Đình Cẩn). Còn tôi, họ bảo tôi ra với danh nghĩa của phong trào Liên đới, tôi là người của bà Nhu. Lúc bấy giờ bà Nhu và ông Cẩn kình nhau tranh giành quyền lực, nên ai cũng bảo tôi khó mà đắc cử được ở đơn vị nầy, vì miền Trung là miền của ông Cẩn.

Riêng tôi, tôi không hề lấy chuyện đắc cử làm trọng, nhưng dù ra ứng cử với danh nghĩa nào thì tôi vẫn nghĩ mình cứ làm hết mình, đắc hay thất không là chuyện đáng kể. Đời tôi từ thuở bé thích làm những gì khó khăn mà người ta không làm được. Làm cái gì mà không có sự cố gắng, tranh đua, làm cái gì mà không hết lòng là tôi không thích. Tôi không hề muốn phụ đời, phụ người, không muốn đối xử thiếu công bằng với bất cứ ai. Vì lẽ ấy, nếu người khác mà gặp cảnh như tôi chắc phải lo nghĩ thối lui hay cầu cứu lung tung. Tôi thì không. Vì vậy ở các buổi ra mắt đồng bào cử tri ở các xã, tôi đã phải tranh đấu với Hoàng Vinh một cách ráo riết và tôi nhất định không chịu thua. Hoàng Vinh đã phải chạy ra Huế để xin gặp Đức tổng giám mục Ngô Đình Thục và cậu Cẩn. Lần đó ai cũng tưởng tôi thất cử, mặc dù ở Tư Nghĩa tôi có một số bạn bè và một số học trò cũ ở Mỹ Thịnh, An Hội. Các học sinh ấy bây giờ là cán bộ trong bộ máy chính quyền Ngô Đình Diệm. Nhưng thật tình mà nói, dân Quảng Ngãi lúc bấy giờ cũng phải nể tôi, vì thấy tôi là một phụ nữ mà lại có tài hùng biện, rất dạn dĩ khi đứng trước quần chúng. Các bạn thừa biết Quảng Ngãi cũng như Nghệ An, là một tỉnh rất nổi tiếng về dân trí trong các phong trào cách mạng chống Pháp. Bao nhiêu anh hùng chí sĩ xuất phát từ hai tỉnh Nghệ An và Quảng Ngãi. Trong Sài Gòn, các bạn tôi đều lấy làm lo cho tôi, nhưng tôi cứ tỉnh bơ. Thậm chí các ông ra ứng cử ở mấy đơn vị khác của tỉnh Quảng Ngãi do phong trào cách mạng quốc gia hay phong trào Cần Lao Nhân Vị cứ lo cho tôi và hỏi: “Chị có báo cáo tình hình tranh cử của chị ngoài này cho Trung ương biết không?”. Tôi nói: “Cần gì phải vậy? Đắc cử hay thất cử có sao. Mình làm hết mình thì thôi. Mấy lần đi các xã để tranh cử với Hoàng Vinh, tôi thấy tôi cũng chiếm được ít nhiều cảm tình của cử tri”.

Có người la lên:

- Trời ơi! Chị tin như vậy sao? Chị ở trong Nam, chị không biết oai quyền và thế lực của ông Cẩn sao?

Tôi chỉ cười:

- Chuyện đắc cử lúc này chưa hẳn là điều may đối với tôi đâu. Tôi đâu thích làm chánh trị, tôi chỉ thích viết văn và dạy học thôi.

- Vậy chị ra ứng cử làm gì?

Và rồi như hiểu vì lẽ gì tôi ra ứng cử, họ lắc đầu:

- Người ta cần chị thì chị cũng phải làm sao để đắc cử chớ?

- Mấy anh nói chuyện buồn cười thật, tôi cũng đã làm hết mình rồi đó. Các anh có ai không một mình một chợ đâu, chỉ có tôi là gặp Hoàng Vinh.

Nhưng rồi tôi vẫn đắc cử.

Trở về Sài Gòn, tôi phải dự các cuộc họp liên miên trước ngày khai mạc Quốc hội khóa III vào tháng 10-1963. Lúc bấy giờ tình hình chính trị đã thay đổi nhiều. Như trên tôi đã nói, khi ông Ngô Đình Diệm về nước dẹp được Bình Xuyên, Hòa Hảo thì dân chúng thán phục tin cậy biết bao nhiêu, thì sau bốn, năm năm chấp chính, dân chúng từ hàng trí thức đến dân lao động đã bắt đầu bất bình (nên có sự mưu lật đổ chính quyền của quân nhảy dù vào năm 11.11.1960 và sau đó là vụ dội bom vào dinh Độc Lập ở cánh cư ngụ của gia đình cố vấn Ngô Đình Diệm. Cả hai lần này đều không thành công vì còn những tướng lãnh trung thành với Ngô Đình Diệm, tuy thù ghét ông bà cố vấn Ngô Đình Diệm và chính sách gia đình trị của nhà Ngô).

Tôi vừa dự lễ ra mắt dân biểu khóa III thì một tháng sau đã có cuộc đảo chánh 1-11-1963 lật đổ chánh quyền Ngô Đình Diệm. Và thật buồn cười là ngay tháng lương đầu của Quốc hội, lúc bấy giờ là 25.000đ, tương đương với 5 lượng vàng (nhưng còn ít hơn tiền tôi viết ở các báo lúc bấy giờ), tôi còn chưa được lãnh.

Trước đó vài ngày thôi, chủ tịch Quốc hội, ông Trương Vĩnh Lễ, làm việc tại Tòa Đô chánh (nay là trụ sở Ủy ban nhân dân TPHCM) đãi các dân biểu và một số quan khách. Khi đến dự, tôi thấy không khí buổi lễ thật là buồn tẻ. Một số dân biểu ở tỉnh đã có người về tỉnh, một số quan khách được mời lại không đến, một số

dân biểu trong chính quyền cũng vắng mặt, nên phòng khánh tiết của Tòa Đô chánh thấy rộng rãi thênh thang quá. Tôi để ý thấy các ông cứ họp nhau từng nhóm bàn chuyện gì riêng, còn ngay ông Trương Vĩnh Lễ là người đứng ra mời khách lại buồn so. Tôi nói với mấy chị bạn của tôi: "Khách khứa hôm nay sao ít quá! Tiệc tùng như thế mà chẳng thấy ai vui vẻ, chả ai thiết ăn uống gì cả". Đúng là một số người đánh hơi thấy có chuyện lớn sắp xảy ra. Chắc chắn có người đã hay biết có chuyện đảo chánh nhưng chưa biết vào ngày nào và do ai. Lúc đó bà Nhu vừa đắc cử xong đã từ biệt chúng tôi ở phi trường để đi các nước châu Âu. Khi sắp ra đi tôi còn nhớ bà bị nhà báo Nguyễn Ang Ca phỏng vấn:

- Xin được phép hỏi bà cố vấn, chuyến công du này của bà là bao lâu và với mục đích gì?

Tôi đứng gần đó, nghe bà trả lời:

- Tôi như một cánh chuồn chuồn, khi vui thì đậu, khi buồn thì bay.

Ai ngờ câu nói ấy thật là một điềm gở cho bà, bà đi mà không có ngày trở lại và đã mất tất cả ngay từ ngày ấy.

Về chuyện nầy tôi không cần viết dài vì đã có nhiều người viết về cuộc đảo chánh nầy. Tôi chỉ viết về những gì đã xảy ra cho tôi sau cái ngày 1-11 ấy.

À, tôi quên nói cho các bạn biết là trong buổi tiệc tẻ lạnh ấy, các bạn của tôi có hỏi tôi:

- Chị đã lãnh tháng lương đầu của Quốc hội chưa?

Tôi nói chưa. Họ bảo về lãnh đi. Hôm ấy là ngày 29. Và 30 hình như cận ngày chủ nhật. Thế là tôi không lãnh được tháng lương đầu của Quốc hội khóa III ấy. Có nghĩa là tôi chưa hề hưởng một ân huệ nào của chế độ NĐD. Con người ta có phần số như vậy đó.

Không được hay chưa được lãnh tháng lương đầu tiên ấy, tôi không một chút tiếc rẻ, nhưng điều làm tôi buồn là mình tốn công, tốn sức với ý nguyện làm được một việc gì cho tỉnh Quảng Ngãi, giúp được cho chị em bị ức hiếp hay bị bạc đãi, nay cái ước nguyện ấy đã thành mây khói.

Những ngày sau cuộc chính biến ấy thật khủng khiếp, nhất là sau cái chết của ông Diệm và Nhu. Làm chánh trị ít ai tránh khỏi những mất mát về tinh thần lẫn vật chất. Các bạn đồng viện của tôi nhiều người bị bắt, trong đó về phụ nữ thì có bà Hồ Thị Chi, bà Khánh Trang. Nhà cửa một số dân biểu, bộ trưởng bị phá phách như nhà bà luật sư Phan Thị Minh Nguyệt. Còn báo chí thì tòa soạn các báo Tự Do, Sàigòn Mới, Tiếng Chuông… bị dân chúng kéo đến phá tan tành. Chị Bút Trà phải vào bệnh viện Dung Anh của bác sĩ Trần Đình Đệ nằm, lấy cớ bị đau nặng. Ngay con gái út của chị là Nguyễn Thị Kim Châu, chủ rạp hát Kim Châu, cũng bị một bọn người vào uy hiếp, đã phải nhảy xuống lầu nhà bà chủ tiệm sách Lê Phan để trốn tránh.

Nhưng riêng về phần tôi, không ai đả động gì đến tôi cả. Khi các báo đã được chính phủ quân nhân mời lên để đưa đường lối mới của chánh quyền thì tình hình bớt căng thẳng. Một nước chẳng lẽ không có một tờ báo, không nhờ vào báo chí để tuyên truyền, để nói lên các chủ trương của chính phủ? Vì vậy mà các báo lại tiếp tục tái bản và cũng xoay chiều đổi hướng để sống và để anh em làm báo khỏi thất nghiệp. Những cây bút viết xã luận hay viết châm biếm nay cũng phải đổi chiều. Nhà báo mà không viết được thế này thì họ viết thế khác. Cái thời Tây đô hộ họ còn chửi xéo chửi xiêng mà nào có ai làm gì được họ. Nhưng cái gì chớ chuyện lật đổ được chế độ độc tài gia đình trị đến nước không còn ai chịu được nữa thì ai mà không tán thành, ai màkhông đồng ý đồng tình? Còn những người viết tiểu thuyết như tôi, hay viết mục Gỡ Rối Tơ Lòng thì đâu ai cấm viết. Nhưng lúc đầu vì tôi có tên trong khóa Quốc hội thứ III, nên anh chị tôi không khỏi lo sợ, bảo tôi tạm ngưng làm việc. Thấy thái độ thay đổi của ông anh bà chị mà tôi không khỏi tức giận, tuy vậy vẫn không nói gì. Lúc ấy cũng có nhiều báo muốn mời tôi viết. Còn độc giả của Sàigòn Mới hỏi tại sao tôi không giữ các mục cũ mà bỏ tiểu thuyết gián đoạn. Anh Bút Trà buộc lòng phải cho in tiếp tiểu thuyết của tôi nhưng thật hèn nhát là… không đề tên tác giả. Lúc bấy giờ có một vài tờ báo của nhóm quân nhân đỡ đầu ngỏ ý mời tôi viết, ông bà Bút Trà mới hốt hoảng và để tên tôi trở lại. Cuộc đảo chính tuy thành công nhưng cái chết của ông Diệm đã khiến một số sĩ quan, một số người trung thành với chế độ cũ, nhất là với cá nhân ông Diệm bất bình ra mặt. Rồi sự tranh quyền của những sĩ quan với nhau khiến tình thế chánh trị lúc bấy giờ rối mù. Hết đảo chính này đến đảo chính khác, riết rồi dân chúng cũng chán ngán vì họ cảm thấy khó làm ăn, không biết phải tin vào ai.

Nói không làm chính trị rồi cũng mắc chân vào. Hai lần, một lần được mời làm Hội đồng tỉnh Gia Định, một lần được mời đứng vô Liên danh ông Nguyễn Thế Trình để ra tranh cử với đương kim Tổng thống Ngô Đình Diệm, để ra tranh cử với đương kim Tổng thống Ngô Đình Diệm, cả hai lần tôi đều từ chối được. Nhưng còn lần ra ứng cử dân biểu Quốc hội khóa III cũng là lần được mời và trong tình thế không thể từ chối được, tôi ra tranh cử và đắc cử nhưng khóa Quốc hội ấy chỉ sống được một tháng rồi cuộc đảo chính nhà độc tài Ngô Đình Diệm đã cho tôi rút chân ra khỏi đường chánh trị và trở về cuộc sống yên lành của nhà văn.

Khoảng thời gian này con cái của tôi đã có ba đứa vào đại học, ba ở trung học và ba ở tiểu học. Tôi vẫn viết đều đặn, đời sống tuy không dư dả, không giàu có như ai, nhưng cũng đủ lo cho con và cũng có được một phương tiện để tham gia các đoàn thể, làm công tác xã hội.

Nhưng rồi người ta vẫn không để yên cho tôi được sống yên lành, người ta vẫn rắp tâm rủ tôi ra ứng cử. Đây là thời Nguyễn Văn Thiệu làm Tổng thống. Lần nầy người ta mời tôi ra ứng cử Thượng nghị sĩ!

Buồn cười thật! Đời tôi toàn gặp những chuyện như trò chơi. Cái gì ai có thì mình dù không muốn cũng có như ai. Số là Kiều Mộng Thu, vợ ông Nguyễn Chức Sắc, phó tỉnh trưởng ở Cà Mau, là một cây bút nghiệp dư nhưng có tài và rất lanh lợi khôn ngoan, lại thêm đẹp đẽ dễ coi. Kiều Mộng Thu ở tận dưới đồng bằng sông Cửu Long nên cũng buồn, thường thì viết thư làm quen với các nhà văn nhà báo có tiếng lúc bấy giờ. Với tôi, Kiều Mộng Thu mấy lần viết thư làm quen và thỉnh thoảng có ai về Sài Gòn thì gởi lên cho tôi nào là mắm cá lóc, nào tôm khô… Rồi Kiều Mộng Thu đến thăm tôi và có lần đưa cả Nguyễn Chức Sắc đến thăm nhà tôi và rồi thành bạn thân với nhau.

Cuộc bầu cử Thượng nghị sĩ khóa II của chế độ mới lại đến. Nguyễn Chức Sắc nguyên là một người có địa vị nào đó trong đạo Cao Đài nên giáo phái định đưa ra một liên danh để tranh vào Thượng Nghị Viện. Mỗi liên danh là 10 người, có cả thảy chục liên danh. Tôi còn nhớ có một liên danh trong đó có bà Nguyễn Phước Đại. Liên danh Cao Đài gồm chín người đàn ông và họ mời tôi là phụ nữ để đủ mười ứng cử viên. Kiều Mộng Thu thì được giáo phái này đưa ra ứng cử dân biểu Quốc hội ở Huế.

Một chức sắc Cao Đài (tôi quên tên rồi) đến gặp tôi và nhà tôi để bàn về chuyện nầy, hôm đó có cả Nguyễn Chức Sắc và Kiều Mộng Thu. Nhà tôi không có ý kiến gì, khuyên tôi nên cân nhắc, nếu nhận lời được thì nhận lời. Còn Kiều Mộng Thu thì hết lời năn nỉ tôi nên nhận lời và còn nói có chị liên danh này sẽ đắc cử là vì chín người kia cũng là những người có tên tuổi. Nếu tôi nhận lời họ sẽ tập hợp lại trên Đà Lạt để bàn tính chuyện ra tranh cử, vấn đề tài chính ai tài trợ và phải dựa vào ai để nắm chắc phần đắc cử. Qua các liên danh đã thành lập, tôi thấy liên danh của chị Nguyễn Phước Đại là có hy vọng nhiều nhất vì gồm toàn các người có tên tuổi, có kinh nghiệm trên trường chính trị từ đời Ngô Đình Diệm. Liên danh Cao Đài nầy về tài chánh rất dồi dào, họ cũng có nhiều cử tri trong Giáo phái ủng hộ, nên coi bộ họ có hy vọng đắc cử, và họ nói nếu có tên tôi trong liên danh thì chắc chắn có nhiều hy vọng.

Tôi không từ chối ngay hôm ấy nhưng tôi đã chủ tâm từ chối ngay khi đầu họ yêu cầu. Nhà tôi biết là tôi không nhận lời, nhưng nể tình mấy ông bạn có công đi lại mấy lần nên nói: “Để cho nhà tôi nghĩ lại”. Nhưng tôi không cần nghĩ lại gì hết, tôi nói riêng với Kiều Mộng Thu là tôi không đủ tài đủ sức để ra tranh cử vào Thượng Nghị Viện, Kiều Mộng Thu nên khuyên các ông ấy tìm một người khác.

Sau đó liên danh này cũng có đưa thêm vô một người đàn bà nhưng về tên tuổi thì không ai biết. Và rồi liên danh ấy không đắc cử.

Lần này đâu ai ép buộc tôi phải nhận lời. Về tôn giáo, tôi là Phật tử, tôi không phải ở giáo phái Cao Đài. Và thú thật tôi đã chán ngán chánh trị quá rồi. Tôi nguyền viết thêm năm sáu năm nữa rồi nghỉ việc, nghiên cứu đạo Phật.

Tôi quên nói với các bạn là với cây viết, tưởng mình viết văn để nuôi con; với viên phấn, tưởng mình đứng trên bục giảng để dạy học trò. Nào ngờ nhờ hai cái nghề này mà tên tuổi của mình lại được nhiều người biết và bị lôi cuốn vào con đường chánh trị, người ta toan lấy mình để làm con cờ cho họ đi lên.

Thảo nào Phạm Quỳnh sau một thời gian chủ trương tờ tạp chí Nam Phong đã được mời về làm Bộ trưởng dưới thời Khải Định. Nói là mời cũng không đúng mà phải nói rằng được bọn thực dân Pháp gài vào triều đình Huế. Rồi Nguyễn Phan Long, chủ bút tờ Việt Nam, cũng nhờ viết văn mà gây trên chính trường một tên tuổi để đời. Rồi Nguyễn Văn Sâm nhờ làm chủ nhiệm tờ Đuốc Nhà Nam mà sau này vào năm 1945 có tên trong chính phủ của Trần Trọng Kim với chức vụ Thống đốc miền Nam (tôi không biết có phải chữ Thống đốc không).

Đó, câu chuyện không muốn làm chánh trị mà không thể thoát của tôi chỉ là như vậy!

PHỤ LỤC 1. NGU Í – NGUIỄN HỮU NGƯ CHÚ EM CỦA GIA ĐÌNH TÔI

Tôi không nhớ chúng tôi đã quen với Nguiễn Hữu Ngư [1] trong trường hợp nào. Kể về tuổi tác thì Ngư nhỏ hơn tôi khoảng 6,7 tuổi. Ngư lại là bạn học ban Tú tài trường Trung học Pétrus Ký với Lê Thị Hàn, cô em gái thứ tư của tôi.

Lúc ấy tôi đã lập gia đình với anh Hồng Tiêu Nguyễn Đức Huy và đã là mẹ của hai con, sau khi tôi không còn chủ trương tờ báo Tân Thời. Anh Hồng Tiêu cũng chưa hề quen biết Ngư. Và khi tôi bước vào làng báo thì Ngư mới chỉ là một học sinh trung học.

Nhưng rồi tại sao sau này Nguiễn Hữu Ngư lại là một người bạn vai em thân thiết của gia đình chúng tôi, và các con tôi gọi Ngư bằng chú rất thân tình?

Có lẽ tôi quen Ngư qua những câu chuyện do em Hàn kể về Ngư. Theo lời em tôi, Ngư là một học sinh thông minh, học giỏi, có tài hùng biện, đối đáp mau lẹ. Và Ngư cũng là con một nhà cách mạng lão thành chống thực dân, đã từng bị đưa đi đày ở nhà tù Lao Bảo. Ngư còn có năng khiếu làm thơ từ thời còn đi học, mà sau đây là hai bài tiêu biểu làm tặng bạn bè (trong đó có Giáo sư Trần Văn Khê) mà tôi còn lưu trữ trong tư liệu riêng:

Rồi sẽ ra sao

Đời tôi rồi sẽ ra sao
Đò đưa không khách ai rào đường đi
Tình tôi? Nói đến làm gì
Đi hoài không lại, thôi thì từ đây
Tôi xin giữ chặt kẻo bay
Hương lòng sót để cho vay kiếm lời
Nhưng bao giờ mới gặp người
Mượn tuy có một mà bồi hơn trăm?
Ngoài kia rực rỡ trăng rằm
(Trung học Trương Vĩnh Ký 1938)

Lưu luyến

Thôi nhé, Trường em, hãy đợi chờ
Vì anh từ giã chốn nên thơ
Sắp xa cảnh cũ người quen biết
Với cái tương lai mờ mịt mờ

Con đường nho nhỏ nhánh gòn nghiêng
Máy nước êm êm gió nhẹ hiền
Bãi cỏ xanh xanh ngồi thủ thỉ
Hành lang rộn rã guốc đua chen

Lớp học nghiêm trang thầy đếm bước
Nhà ăn chén dĩa mệt người xem
Bao nhiêu xe đạp chờ chuông đổ
Tà áo màu chì dáng dáng mềm

Cái bụng nhà ai đi lúc lắc
Giọng ai sang sảng ngâm thơ Đường
Gậy ai khuya khoắc còn lên xuống
Khiến bóng đèn xanh nói với giường…

Thôi biết tìm đâu bao cảnh cũ
Tìm đâu cho thấy ít người thân
Xa em, Trường hỡi, là chôn kỹ
Cả một trời thơ chết chín phần

Những phen mơ ước này kia nọ
Những phút hờn căm đợi những gì
Thương, ghét, gần, xa ai chẳng nhớ
Tình người trai trẻ rộng đường đi

Nhưng Đời đợi sẵn nhăn mày đón
Bao kẻ lo âu giã mái Trường

Mặt trắng còn đâu trong trắng nữa
Đầu xanh giờ tắm bụi mười phương

Trường ơi, em hãy như người chị
Để một ngày nao có kẻ nào
Lặng lẽ trở về thăm chốn cũ
Thì em chớ đón với mày cau

(Trung học Trương Vĩnh Ký – 1938)

Bấy giờ Ngư được giáo sư Phạm Thiều của trường Pétrus Ký đem về nuôi cho ăn học. Thầy Phạm Thiều cũng có một cô em gái học đồng lớp với Ngư và em Hàn, đó là cô Phạm Thị Nhiệm, về sau là phu nhân tỉnh trưởng Kiến Hòa Phạm Ngọc Thảo (thời Ngô Đình Diệm).

Những người học trường ấy, sau này phần đông tham gia phong trào yêu nước chống thực dân Pháp, trong số đó có nhiều nhân tài xuất sắc như nhạc sĩ Lưu Hữu Phước, tiến sĩ Trần Văn Khê, cùng nhiều nhân tài trí thức khác mà tôi không nhớ hết.

Các bạn gái của Hàn đến nhà chơi hay kể chuyện về Ngư, nên tôi đã có được vài nét chấm phá về con người kỳ lạ này. Các cô bảo rằng Ngư rất thông minh, cái thông minh của một người mắc bệnh tâm thần, khi vui không kềm chế được suy nghĩ và hành động của mình. Cũng có người nói Ngư khùng, Ngư điên, nhưng theo tôi nhận xét như vậy là khắc khe, vì điên khùng thì sao có thể là một học sinh giỏi, lanh trí và còn xuất khẩu thành thơ nữa.

Có lẽ tôi biết và quen Ngư gián tiếp vào lúc bấy giờ mà không hay, còn Ngư thì qua em Hàn và các bạn gái của Hàn đã biết về tôi, "chị Bạch Vân của Hàn", nhưng chưa gặp mặt lần nào, và tôi cũng chưa hề biết mặt Ngư.

Có lần em Hàn mang vào lớp tập thơ tôi chép tay những bài thơ hay của các nhà thơ Pháp như Victor Hugo, Lamartine, Alfred de Musset, Alferd de Vigny và nhiều nhà thơ nổi tiếng khác, cùng với những bài dịch ra Việt ngữ. Và những bài thơ Tiễn chân anh Khóa của Á Nam Trần Tuấn Khải, thơ dịch của Băng Dương, thơ của anh Hồng Tiêu, và thơ của các thi sĩ Việt Nam đương thời. Nhưng trong tập ấy, tôi chép nhiều nhất là thơ của Comtesse de Noailles. Vì em Hàn đem ra xem trong giờ chơi, cùng các bạn xúm lại đọc nên giáo sư Nguyễn Văn Nho ngó thấy, cầm lên xem rồi bảo em Hàn cho mượn về đọc mấy ngày sau mới trả. Khi trả, giáo sư Nho có nói với Hàn: "Chị của em thế nào rồi cũng viết văn, vì đã có một tâm hồn yêu thích văn thơ đến thế này".

Sau khi quen với gia đình chúng tôi. Ngư cho biết: Vì lẽ đó cho nên lúc ấy Ngư đã tò mò muốn biết về tôi.

Rồi năm 1942, Mỹ thả bom Sài Gòn, tôi phải đưa các con về Quảng Ngãi quê chồng. Khi đó tôi sống tại thị xã Quảng Ngãi với ba đứa con và đang có thai chờ sanh, thì vừa lúc quân Nhật đầu hàng, Cách mạng tháng Tám bùng lên dưới sự lãnh đạo của nhà cách mạng Hồ Chí Minh. Không khí hăng say cách mạng của tỉnh Quảng Ngãi bừng lên với cờ đỏ sao vàng trong khí thế chưa từng thấy.

Giữa lúc ấy, anh Hồng Tiêu vào Nam, còn mẹ con tôi thì hòa trong hy vọng của nhịp sống đất nước đang thay đổi tưng bừng. Thời gian ấy, tôi sanh đứa con thứ tư, cũng dịp này tôi quen với cô Thoại Dung, một thiếu nữ thích hoạt động xã hội và thường ghé qua nhà xem chừng tôi có cần gì khi sinh, để giúp đỡ. Và Thoại Dung cũng là người hàng xóm vui vẻ trẻ trung của chúng tôi.

Thế rồi, một hôm tôi đang bồng đứa con sơ sinh đứng chơi trước cửa – nhà tôi ở sát con đường thiên lý (Quốc lộ I) cạnh Bangalow (nhà khách của tỉnh Quảng Ngãi bấy giờ). Có một đoàn người vai mang balô đi ngang qua, đó là những sinh viên từ miền Nam ra Bắc để tham gia phong trào kháng chiến cứu nước. Trong đoàn người ấy (về sau tôi được Ngư cho biết là có nhạc sĩ Lưu Hữu Phước), bỗng có một người đang đi chợt lùi lại nhìn, rồi tạt vào ngó sững tôi và hỏi:

- Sao trông chị giống chị Hàn quá? Có phải chị là chị Bạch Vân không?

Tôi đang ngơ ngác chưa biết người khách này là ai, thì người ấy quả quyết:

- Ồ, đúng là quả đất tròn. Tại sao chị lại ở đây?

Tiếp theo đó, người khách ấy đọc luôn mấy câu thơ gì đó, nay tôi không nhớ rõ. Khi ấy, đoàn người đi đã khá xa, trong đoàn có người chạy ngược lại kêu lớn:

- Ngư, đi chớ! Phải ra đến Châu Ổ trước khi trời tối nhé.

Ngư! Khi nghe tên Ngư làm tôi nhớ lại lời em Hàn và các bạn thường nói với nhau, một Nguiễn Hữu Ngư

tóc húi ngắn, mang kính cận dày, người ốm nhom, ốm nhách. Đúng đây là Nguiễn Hữu Ngư và đó là lúc Ngư đang tỉnh, sau những cơn tâm trí rối loạn đến phải bỏ học trường Cao đẳng Sư phạm.

Rồi mấy năm sau, khi anh Hồng Tiêu từ Sài Gòn trở về Quảng Ngãi với vợ con được vài năm, chúng tôi nghe bạn bè kể với nhau là có một người điên, đeo kính cận, vai mang ba-lô đi từ Bắc vào Nam, bị bắt giam ở nhà lao Quảng Ngãi. Khi bị bắt, anh ta la hét om sòm rằng mình đã ra Hà Nội để gặp Hồ Chủ Tịch, nhưng không muốn ở lại, nên mang ba-lô trở vào Nam can chi mà bắt, ta đâu phải Việt gian. Vì la hét om sòm cả ngày cho nên người ta phải chuyển về trại giam của huyện lỵ Nghĩa Hành. Thời gian Ngư bị giam ở Quảng Ngãi bao lâu tôi không nhớ rõ. Chỉ còn nhớ lời một người công an ở đó kể lại, anh ta cứ đòi gặp các cấp lãnh đạo để tường trình cho biết anh là thành phần yêu nước phải thả cho anh về Nam để tiếp tục chiến đấu chống xâm lăng. Rồi ngày nào anh ta cũng sắp sẵn ba-lô ngồi chờ giấy ân xá. Đợi hoài không được, một hôm, anh ta làm ra vẻ hiền lành, thản nhiên cười nói với người công an đang canh giữ mình:

- Tôi ra một câu đối nhá, nếu anh đối được thì tôi để anh bắt. Không, thì phải thả tôi đi.

Rồi Ngư đọc: - Râu rĩ râu ria ra rậm rạp.

Người công an nhìn thấy người đang bị nhốt râu ria đầy hàm, mặt mũi vì thiếu ăn nên choắt lại chỉ còn da bọc xương, đôi mắt trắng dã lờ đờ sau cặp kính cận dày mụp. Người công an còn đang lúng túng vì có phần thương hại ngươi điên, thì Ngư liền đọc vế đối tiếp theo: Ngông nghênh ngốc nghếch ngó ngu ngơ. Rồi nhào đại ra bỏ chạy mất dạng.

Chúng tôi nghe, biết ngay đó là Ngư. Cũng may hôm ấy Ngư gặp được người công an có lòng nhân cho nên anh ta mới để cho Ngư chạy thoát… Rồi không biết sau đó Ngư làm cách nào ra được khỏi tỉnh Quảng Ngãi. Chỉ biết trong thời gian này, dù điên điên khùng khùng, Ngư cũng vẫn làm thơ rất hay, trong đo có bài Má mà tôi chỉ còn nhớ được hai câu đầu và hai câu cuối vì chúng quá ấn tượng, như sau:

Má ơi, con Má điên rồi
Má còn trông đứng đợi ngồi mà chi?

Và:

Ầu ơ… Ví dầu con Má có sao
Có điên có dại Má nào hết thương

Có lẽ đây chính là những câu thơ hay nhất mà một người điên có thể làm cho mẹ mình!

Trong thị xã Quảng Ngãi lúc bấy giờ có trường Mẫu giáo Tơ Vàng do cô Thoại Dung vừa làm hiệu trưởng vừa làm giáo viên, dạy dỗ một số thiếu nhi trong thị xã. Trường cũng nằm trên Quốc lộ 1. Cô giáo Thoại Dung người nhỏ thó, học trường Trung học Vinh về, cũng là hạng nữ lưu thích làm công tác xã hội. Ngày Cách mạng bùng nổ ở Quảng Ngãi, cô là người đầu tiên hăng hái tham gia, cầm cờ đi đầu trong cuộc biểu tình và tham dự nhiều buổi tiếp chiến sĩ ở các chiến khu về. Qua những ngày sôi động, cuộc sống trở lại bình thường, thì cô Thoại Dung mở lớp Mẫu giáo.

Cô Thoại Dung dạy các em vừa học vừa múa hát, cô bày những trò chơi để các em ham thích đến trường và siêng năng học. Sau buổi học trong lớp, cô dẫn đám học trò cỡ năm, sáu tuổi, trong số ấy có hai con tôi là Nghi Xương và Trạch, ra khoảng sân vườn rộng sau trường. Nối đuôi một đoàn thầy trò trước sau, bước nhịp nhàng, cùng múa hát: Một ngón tay nhúc nhích này! Cũng đủ cho ta vui này! Hai ngón tay nhúc nhích… và lần lượt vừa hát vừa đếm đủ mười ngón tay! Cây lá trong vườn xanh um, mặt trời chiếu qua kẽ lá, cảnh vật mát mẻ êm dịu làm bối cảnh cho thầy trò hát ca nhảy múa trong bầu không khí trong lành rất thơ mộng thanh bình.

Thế rồi một hôm, thầy trò cô Thoại Dung đang chạy nhảy múa hát trong mảnh vườn thơ mộng ấy, bỗng từ đâu xuất hiện một thanh niên vai mang ba-lô, tóc hớt ngắn, đến nối đuôi nhau phía sau đoàn trẻ, rồi thản nhiên nhảy múa tung tăng và cũng hát một ngón tay nhúc nhích, hai ngón tay nhúc nhích… y như cô giáo với học trò đang múa hát. Cô giáo và học trò vô tình cứ chạy vòng vòng và múa hát, chẳng ai để ý đến cái anh chàng tham gia bất ngờ vào cuộc chơi một cách lý thú như vậy. Nhưng đến một khúc quanh, cô giáo mới giựt mình khi trông thấy người ấy chạy nhảy múa hát vui đùa hăng say còn hơn thầy trò mình nữa. Rồi ngày nào cũng vậy, cứ đến giờ tập hát thì anh chàng ấy lại xuất hiện theo cái kiểu "ban đầu ngoài sân sau lần vào bếp". Rồi anh ta đứng ngoài cửa sổ nhìn vào lớp trong giờ dạy để nghe thầy trò cô giáo Thoại Dung ê...a... đánh vần.

Đây không phải là cảnh tượng một khách giang hồ dừng chân dưới lầu hoa, say sưa lắng nghe tiếng đàn thánh thót du dương của một giai nhân; mà là nỗi đam mê của tuổi trẻ, sau lúc tâm hồn mệt mỏi bởi một chuyến năng nổ hăng say chạy theo lý tưởng mà chí nguyện không đạt thành. Đang khi mệt mỏi tạm dừng chân, bỗng gặp một tâm hồn giản dị hồn nhiên, sống cho thế hệ, bồi đắp dắt dìu những mầm non của đất nước để phục vụ cho đời một cách thản nhiên, không vụ lợi và cũng không hề nghĩ là mình đang làm một

công việc hữu ích.

Và rồi hai tâm hồn cùng một ý hướng muốn phục vụ cho mục đích cao cả ấy gặp nhau, thông cảm nhau. Để rồi sau đó, bất chấp cơ quan an ninh đang truy lùng. Ngư quyết định ở lại Quảng Ngãi chỉ vì cô giáo Thoại Dung và đám trẻ ngây thơ vui đùa múa hát với những "ngón tay nhúc nhích" đầy quyến rũ. Và, mối tình Dung-Ngư nẩy nở vào dịp thị xã Quảng Ngãi có lịnh tiêu thổ kháng chiến. Dung theo gia đình tản cư lên Đồng Cọ, chúng tôi cũng dắt díu đàn con chạy về chợ Gò vùng Mỹ Thịnh nơi có thắng cảng Thạch Bính Tà Dương.

Vì sinh kế vật chất, tôi quên bẵng mối tình thơ mộng của hai người bạn trẻ ấy. Mãi một hôm, Ngư tìm đến Mỹ Thịnh nhờ anh Hồng Tiêu đứng chủ hôn. Thì ra người yêu mà Ngư định cưới là cô giáo Thoại Dung của các con tôi và cũng là cô bạn trẻ của chúng tôi.

Vợ chồng tôi có trực tiếp lo lắng một cách chân tình với cô Thoại Dung, cho Dung biết Ngư là một người không bình thường, làm vợ Ngư chưa hẳn hạnh phúc, mà phải mất mát nhiều, hy sinh nhiều, bởi vì Ngư còn nuôi mộng quá lớn, chưa hẳn đã chịu dừng chân trong mái nhà tranh với hai quả tim vàng. Nhưng cô Thoại Dung quả quyết trả lời: "Em sẵn sàng hy sinh để giúp anh ấy đạt chí lớn".

Vậy là sau đó anh Hồng Tiêu đứng ra thay họ nhà trai lo đám cưới cho Ngư-Dung. Cũng từ ngày ấy, Ngư là em của vợ chồng tôi. Còn cô giáo Thoại Dung của con tôi đã trở thành thiếm Ngư của gia đình tôi.

Tôi còn nhớ thời đó chúng tôi quá nghèo, cho nên tôi chỉ tặng đôi tân hôn Dung-Ngư một cặp gối thêu hai con chim én đang tung cánh.

Năm 1952, tôi dẫn đàn con thơ lặn lội về Sài Gòn, anh Hồng Tiêu còn ở lại Quảng Ngãi một thời gian mới vào sau. Còn Dung-Ngư hình như vào Sài Gòn cuối năm 1952 thì phải.

Vào Sài Gòn, Ngư cũng dạy học, viết báo, còn cô giáo Thoại Dung dạy trường mẫu giáo Aurope ở đường Phan Đình Phùng (nay là trường Lương Định Của đường Nguyễn Đình Chiểu), bởi tâm hồn Thoại Dung vốn rất yêu thương trẻ.

Thời gian đó Ngư viết báo Bách Khoa, phụ trách mục phỏng vấn các nhân vật, nghệ sĩ, nhà văn, nhà giáo. Thỉnh thoảng tôi cứ bị "Phóng viên Ngu Í" phỏng vấn về vấn đề viết văn, dạy học.

Còn nhớ năm 1965, khi tôi ổn định phần nào cuộc sống ở Sài Gòn, một hôm đang làm việc tại tòa soạn báo Sàigòn Mới, Ngư gõ cửa bước vào nói liền: - Chị Tùng Long, chị đi với tôi đến gặp một người…

Tôi ngắt lời: - Người nào vậy? Chú không thấy tôi đang viết gấp mấy trang tiểu thuyết cho báo kịp lên khuôn sao?

- Vậy tôi ra ngoài chờ, chị cứ viết xong rồi sẽ đi.

Sau khi viết bài cho trang báo xong, tôi ra gặp Ngư, mới biết Ngư đã lãnh trách nhiệm với ông hiệu trưởng và ông giám học trường Tân Thịnh, muốn mời tôi dạy chương trình Pháp văn và Việt văn. Tôi ngần ngại nói: - Bộ chú không thấy tôi không còn thời gian để lãnh viết thêm cho vài tờ báo đang mời viết sao. Còn giờ đâu mà dạy học nữa?

Ngư thản nhiên nói như ra lịnh: - Chị phải thu xếp để dạy học. Chị quên là chị còn nghề dạy học nữa sao? Chị Tùng Long à! Ở đất Sài Gòin này phải có hai nghề, một nghề tay phải và một nghề tay trái thì mới sống nổi.

Thế là Ngư lên xe đạp, tôi lên xích lô, theo Ngư đến nhà ông Phan Ngô là giám học trường Tân Thịnh. Tôui phải lãnh dạy hai môn Việt văn và Pháp văn.

Sau đó có mấy trường nữa cũng muốn mời, nhưng tôi chỉ thu xếp công việc để lãnh dạy thêm hai trường Đạt Đức và Les Lauriers.

Cũng nhờ Ngư mà hôm nay đã tám mươi hai tuổi, vẫn có học trò cũ của tôi ở các trường ấy nay đã trên dưới sáu mươi tuổi đến thăm. Những người ấy đều thành đạt, có địa vị trong xã hội. Thật là một niềm vui rất hiếm với tôi lúc này.

Lại một lần nữa, vào lúc 16 giờ, khi tôi vừa dạy hai tiết ở trường, ra gọi taxi chạy về tòa báo Sàigòn Mới, đến nơi đã thấy Ngư chờ ở phòng khách.

Thấy tôi, Ngư mừng quá, nói ngay: - Cứ lo là chiều nay chị không về tòa soạn. Thôi, mời chị đi ngay với tôi.

- Chú mời tôi đi đâu vậy?

- Đi gần đây thôi. Đến Đài phát thanh Pháp Á.

- Chú lại bày trò gì nữa đây?

Ngư cười hề hề nói: - Giới thiệu chị với ông giám đốc, theo yêu cầu của ông ấy…

Tôi khựng lại, toan kiếm cách từ chối, thì Ngư năn nỉ: - Chị được ổng mời viết và sẽ lên đài nói về vấn đề phụ nữ hoặc nhi đồng, vào mỗi chiều thứ năm lúc 18 giờ hằng tuần. Đây là một việc có ích cho quyền lợi phụ nữ của phụ nữ trong xã hội, là một dịp hiếm có, chị không thể bỏ qua.

Tôi đành phải đi bộ theo Ngư – Ngư dắt theo chiếc xe đạp – từ đường Phạm Ngũ Lão qua Hàm Nghi đến đài Pháp Á.

Rồi đó, mỗi tuần lại có tiếng nói của tôi trên đài phát thanh Pháp Á theo yêu cầu của ông giám đốc đài này. Và chị em độc giả của tôi gởi thư về cho biết họ rất vui khi nghe tiếng nói của tôi.

Cũng nhờ Ngư bắt ép như vậy, mà từ đó về sau, mỗi lần có những dịp nói về vấn đề phụ nữ hoặc nhi đồng, là đài phát thanh Sài Gòn thường mời tôi lên nói chuyện.

Ngư thường giúp bạn bè như vậy, nhưng không bao giờ nghĩ là mình đã giúp, mà cho đó là bổn phận đối với bạn mà thôi.

Bao nhiêu năm trôi qua cho đến một hôm, Ngư ôm một mớ sách, áo quần xộc xệch, vai đeo túi vải, đến thăm chúng tôi và nói với anh Hồng Tiêu:

- Tôi và Dung đã ly dị nhau.

Nghe vậy, tôi và nhà tôi không lấy gì làm ngạc nhiên, mà chỉ nghĩ rằng với tánh nết của Ngư, thế nào rồi cũng có ngày phải như vậy. Nhưng lúc ấy, tôi nói với Ngư:

- Chú nói cái gì lạ vậy? Tại sao lại ly dị? Tại sao tôi không nghe Dung nói?

Về sau, tôi có nghe một người bạn thân của Dung cho hay là Dung không còn chịu nổi tánh bốc đồng của Ngư, vì khi Ngư nổi cơn thì chả lo gì vợ con mà còn làm Dung rất mệt. Dung và Ngư có xin một bé trai về nuôi để làm "đầu con" vì sau thời gian dài chung sống mà không con. Sau khi có đứa con nuôi (Nguiễn Hữu Tuiền) được vài năm thì Dung có thai và sinh được một thằng cu (Nguiễn Hữu Nguiên) rất kháu khỉnh. Dung phải nhận thêm giờ dạy ở trường Aurope để nuôi con. Lại nữa, Ngư cứ nổi cơn điên đi lang thang nay nhà này mai nhà khác, khi về kiếm chuyện gây gổ với Dung.

Tôi vốn không chủ trương cho vợ chồng ai phân ly khi đã làm cha làm mẹ của đám con cái. Tánh tôi vốn tội nghiệp đám trẻ thơ sống thiếu tình thương dù cha hay của mẹ, bởi hậu quả những cuộc ly hôn! Cho nên lúc ấy tôi đã viết một truyện ngắn đăng trong phụ trang báo Sàigòn Mới, nội dung kể lại mối tình êm đẹp của hai tâm hồn hiểu nhau, yêu nhau, tay nắm tay bước vào đời cốt xây dựng cho đời một cái gì êm đẹp, vậy mà chỉ vì một sự bất hòa trong chốc lát đã bỏ nhau. Mối tình cao quý, đẹp đẽ ngày nào tưởng rằng sẽ đi vào lịch sử, nay lại phải gãy đổ nửa chừng. Qua truyện ngắn ấy, các bạn cũng hiểu là tôi muốn nhắc Dung nhớ lại lời hứa trước ngày nhận làm vợ Ngư. Truyện ngắn ấy Dung có nghe một người bạn đã đọc và kể lại, Dung có ý phiền tôi. Nhưng sau đó, tôi hiểu ra là Ngư cố gây chuyện để phao tin ly dị chỉ vì lý do chính trị, không muốn vợ liên lụy bởi những hoạt động của chồng.

Thong thời gian này, bịnh điên của Ngư tái phát thường uyên. Có lần Ngư đến thăm chúng tôi, sau khi dùng trà với anh Hồng Tiêu, bỗng Ngư đến quỳ xuống trước mặt tôi vừa khóc vừa nói: - "Chị Tùng Long, chị nghe lời tôi đi. Trong tình thế này, chị không nên viết nữa".

Tôi cố làm ra vẻ thản nhiên hỏi Ngư: - Nếu không viết thì lấy gì mà nuôi con? Chú tưởng chỉ dạy học là đủ lo cho mấy đứa nhỏ của tôi sao?

Thế rồi, sau khi Ngư ra về, tôi ngồi vào bàn để viết tiếp mấy cái tiểu thuyết để đưa cho các báo, coi lại không còn cây viết nào trên bàn nữa. Tôi vốn có thói quen dùng viết BIC mực màu đen, và trên bàn viết của tôi lúc nào cũng có 3,4 cây để sẵn. Thì ra, khi nãy Ngư đã lén "chôm" đem đi hết rồi!

Đó là thời kỳ Ngư điên trở lại và sau đó bị đưa vào dưỡng trí viện Biên Hòa, hình như có nhà thơ Bùi Giáng với một ông bác sĩ, cũng vào nằm chung với Ngư thì phải. Trong lúc nằm nhà thương điên, Ngư, Bùi Giáng và ông bác sĩ nọ có làm những bài thơ điên thật tuyệt, chả có vẻ gì là điên loạn cả. Rất tiếc, hiện nay tôi không còn giữ được mấy bài thơ ấy.

Sau ngày 30-4-75, bạn bè, thân quyến mỗi người một ngả, rồi mạnh ai nấy lo miếng cơm manh áo. Đâu còn

thời gian tìm gặp để thăm hỏi nhau. Cho đến một hôm Ngư tìm đến thăm anh Hồng Tiêu và tôi, chúng tôi mới biết Ngư đã ra Dưỡng trí viện Biên Hòa, về sống với vợ con và gặp bạn bè cũ, cho nên trông Ngư có vẻ tự tin, khỏe mạnh phần nào. Ngư thấy chúng tôi cũng sống thanh bạch như những ngày trước kia, và các con tôi vẫn đi làm kiếm tiền để nuôi cha mẹ, thì Ngư tỏ vẻ yên lòng.

Trước khi từ giã, Ngư gọi con gái lớn của tôi lại dặn nhỏ:

- Nếu thầy mẹ có bề gì, cháu phải cho chú hay lập tức nhé!

Nhưng than ôi, Ngư đã ra đi trước anh Hồng Tiêu của tôi [2]! Và giờ này trong khi ngồi viết lại những kỷ niệm về Ngu Í – Nguiễn Hữu Ngư theo yêu cầu tha thiết của Thoại Dung, người bạn trẻ của tôi năm nào, trong ký ức tôi vẫn còn đọng lại hai câu thơ hay của Ngư:

Bao nhiêu chí trẻ rồi tro bụi
Một chút tình riêng cũng ngậm ngùi!

cuối Đông Ất Hợi 1995

---

1 Một trong những điểm đặc biệt (và có phải đó cũng là dấu hiệu cho thấy sự bất thường?) của Ngư là từ rất sớm Ngư đã chế kiểu viết chữ riêng: i thay cho y, q thay cho qu, k thay cho kh, c thay cho k, j thay cho gi, f thay cho ph…, đi trước rất xa các nhà “cải cách giáo dục” sau này.

2 Nguiễn Hữu Ngư mất ngày 18-2-1979 tại Sài Gòn.

PHỤ LỤC 2. BÙI GIÁNG VÀ CON TÀU HI VỌNG

Trên báo Thanh Niên số Xuân Bính Tý 1996, tôi đọc thấy hai bài thơ của Bùi Giáng:

Nàng tiên ấy

Nàng tiên ấy đã đi đâu
Hay còn luẩn quẩn giữa màu lá cây
Nàng đi nhớ tháng thương ngày
Thương năm tháng rộng thương ngày cong cong
Nàng đi tôi nhớ tấm lòng
Xiết bao từ ái phiêu bồng nhân gian
Nàng đi như trút lá vàng
Cho người hiệu thể cho toàn chúng sanh
Xóa giùm những nỗi bất bình
Nỗi oan riêng rẽ trong tình tự chung
Chờ mong trong cõi mông lung
Chiêm bao mộng tưởng trùng phùng người ơi

Ly rượu cuối cùng

Uống xong ly rượu cuối cùng
Cơn say choáng váng tưởng mình chúa Xuân
Chào con thể lệ điệp trùng
Đường xuân viễn tuyệt ông dừng chân đây
Cà phê kỳ vọng một ngày
Mưa nguồn dĩ vãng trùng lai một giờ
Các con từng đã bơ vơ
Chân trời mặt đất bao giờ gặp đây
Ông là ai? Ông là ai?
Ông là một kẻ thở dài quá vui
Các con đi trước thụt lùi
Xa xa nhìn thấy ông Bùi chịu chơi

Tôi bỗng có ý muốn ghi lại đây một vài chuyện mà tôi biết về Bùi Giáng. Năm 1952, sau khi xin được nghỉ làm Liên hiệu trưởng ở Nghĩa Kỳ (vùng giải phóng ở tỉnh Quảng Ngãi) và được chính quyền cách mạng cho phép đưa các con tôi từ Quảng Ngãi trở về Sài Gòn để tránh đói, tôi bèn đưa các con ra Châu Ổ rồi từ đó ra Tam Kỳ ra Hội An, vùng cai trị của người Pháp. Nhà tôi không được cùng đi trong chuyến này, phải ở lại làm việc. Anh căn dặn tôi đủ điều, trao tôi cái gánh nặng phải chu toàn cho các con, nhưng rồi anh lại làm một bài thơ đầy thương cảm:

Má bây chừ tránh đói
Bồng bế dắt nhau đi
Cha bây chừ ở lại
Học người hái rau vi
Thú Dương nào ở đâu đây?
Rau vi sánh với củ mì kém xa
No lòng vỗ bụng ngâm nga
Rằng trời đất đã sinh ta làm gì
Ngang tàng một đấng nam nhi
Phải chăng ngồi xực củ mì làm no.

(viết tháng 5-1952 tại Mỹ Thịnh)

Khi ghe đến Cẩm Phô, ở đây đã có sẵn một số công an của chính phủ Pháp (nhưng là người Việt Nam) đón chúng tôi, hỏi giấy tờ và lục lạo đồ đạc. Khi lục thấy các bằng cấp của tôi, họ bảo nhau: “Bà này về Sài Gòn sẽ làm ra khối tiền”. Và họ không làm khó dễ gì, cho tôi được mang theo một số đồ kỷ niệm. Rồi có xuồng máy của họ mang chúng tôi về Hội An, ở viện tế bần chờ một tuần lễ để làm giấy tờ đi Đà Nẵng rồi từ Đà Nẵng sẽ đi Sài Gòn.

Đến Đà Nẵng, khi biết quê ngoại của tôi ở thành phố này, họ làm giấy cho tôi về ngay nhà dì tôi ở chợ Cồn. Thật là chuyện bất ngờ khi bà con của tôibỗng thấy tôi kéo một đoàn con đến, đứa nào cũng gầy ốm xanh xao và mệt nhừ. Tình bà con thật là tốt đẹp. Dì tôi vội vã thu xếp chỗ ăn, ở. Còn mợ tôi ở nhà đối diện lo ngay chuyện nấu nướng cho một đám khách bất ngờ. Tôi còn được gặp lại bà ngoại tôi, năm ấy đã ngoài bảy mươi nhưng vẫn còn khỏe mạnh. Bà tôi rất vui mừng khi thấy cả một lũ cháu, và hàng ngày bà lại mang quà bánh cho các con tôi ăn sáng. Còn cậu tôi làm thợ may, cắt may ngay cho các con tôi những bộ

quần áo mới…

Được tin tôi sắp đưa các con về Sài Gòn, cha mẹ tôi mừng lắm, lại biết được trong thời gian ở Quảng Ngãi tôi có thêm ba đứa con trai thì càng vui hơn. Cha mẹ tôi liền gởi tiền ra cho tôi để lo may mặc cho các cháu. Các em tôi đều đã có gia đình, hùn tiền gửi ra tiếp. Tôi được biết trong thời gian tôi ở Liên khu 5, anh chị Bút Trà có gửi về cho tôi một lượng vàng và áo quần, cha mẹ tôi cùng một số bạn bè cũng gởi tiền, đồng hồ… về, mà người bạn cùng quê nhận đem đi lại quá bất lương lấy hết không trao đồng nào ngoài tấm ảnh của mẹ tôi. Sau cái thằng bất lương ấy khi lụt tràn vào làng Phổ An, vội vã mang của chạy lụt, ghe lật mất cả tài sản. Thì ra trời ở gần chứ đâu có xa! Lượng vàng anh chị tôi gửi cho mà đến tay chúng tôi, chúng tôi đâu phải sống vất vả nhiều năm và đâu phải dắt díu nhau đi tránh đói.

Ở Đà Nẵng, tôi nhận được nhiều thông tin đáng khích lệ. Anh chị tôi vẫn còn làm tờ Sàigòn Mới và các trường tư cũng đang cần một số giáo sư giảng dạy hai môn Việt văn, Pháp văn. Tôi nghĩ với sức học và những kinh nghiệm lượm lặt được trong bao nhiêu năm tạm gác bút, tôi có thể trở lại với nghề tự do để nuôi các con và chờ ngày đoàn tụ với nhà tôi.

Mọi giấy tờ rồi cũng làm xong, chỉ chờ có phương tiện là đi Sài Gòn. May sao trong lúc đi phố tôi gặp một bạn học cũ thời tiểu học. Tôi còn là học trò học nữ công gia chánh với chị của chị nầy. Người bạn cũ ấy lúc bấy giờ là vợ ông Bửu Đài, tỉnh trưởng Đà Nẵng. Thế là chị bạn liền can thiệp với chồng xin cho mẹ con tôi được đi tàu thủy vô Sài Gòn khỏi tốn tiền. Thật là dịp may hiếm có! Chúng tôi đi trên tàu Espérance (Hi Vọng), đi chuyến nầy là về luôn bên Pháp để sữa chữa. Tàu chở toàn binh lính Pháp, còn dư chỗ họ lấy một số hành khách đi Sài Gòn. Không quen đi tàu thủy, nhiều người say sóng nằm ngổn ngang. Trong gia đình, chỉ có tôi cùng đứa con trai lớn mười tuổi (tên Nguyễn Đức Trạch) là không bị say sóng. Đứa con nhỏ nhất của tôi, lúc đó mới tám tháng tuổi (tên Nguyễn Đức Thông và sau này khi viết văn lấy bút danh là Nguyễn Đông Thức), nằm li bì khiến tôi phải ngồi một chỗ không dám đi đâu. Thằng Đức Trạch đi lãnh thức ăn, đồ hộp cho mọi người, nhưng đa số đều không ăn được vì cứ nôn mửa cả ngày.

Con Nghi Xương, đứa con gái thứ hai lúc ấy mười hai tuổi, cũng không say sóng. Nó theo các hành khách khác đi viếng khắp tàu, qua các cabin và xuống dưới hầm tàu chỗ chứa thức ăn, thấy treo đầy những bò, trừu, gà vịt ở phòng đông lạnh và nghe nói những thức ăn ấy đã được giữ lạnh cả sáu, bảy tháng, mỗi khi cặp bến lớn, tàu mới đổi thức ăn hoặc lấy thêm thức ăn khác. Nó kể lại cho tôi nghe và nói kinh sợ không dám ăn những món thịt trên tàu nữa mà ăn toàn fromage hay đồ hộp. Con bé thật kỳ lạ, ngay từ lúc ấy đã sợ hãi khi phải ăn thịt những con vật đã bị giết chết và treo cả năm, sáu tháng. Sau nầy nó thường ăn chay và có lòng tín ngưỡng đạo Phật, dọn đường đi tu. Còn tôi trong khi cứ phải ngồi ẵm cu Thông trên boong tàu, tôi chỉ đưa mắt ngắm trời biển mênh mông. Trên đất liền, con tàu to như một lâu đài, vậy mà ra biển nó còn bé tí không nghĩa lý gì, không có gì để mình tin tưởng là nó đủ vững chắc để có thể chống trả nổi những phong ba bão táp…

Tôi ngồi nhìn hết trời nước bao la đến quan sát bọn lính Pháp. Chúng cũng say sóng nằm la liệt và khi qua cơn nôn mửa, tỉnh táo lại, chúng thường tập hợp trên boong tàu vào buổi chiều mát để bày trò chơi giải trí, vui cười đùa giỡn cho không khí đỡ buồn tẻ. Các con tôi cũng hay thích thú đứng nhìn họ chơi. Trong những trò chơi của bọn lính Pháp, có trò bịt mắt tìm người nào đánh mình. Người bị bịt mặt đứng giữa một vòng người, rồi một người trong vòng tiến ra đập vào vai người bịt mắt, thật lanh, rồi chạy trở lại chỗ cũ, trong khi người bị bịt mặt giở ngay cái khăn che mắt ra và nhận diện kẻ đã đánh mình, nếu trúng thì người ấy phải bị thay. Tôi thật buồn cười thấy có nhiều anh lính năm lần bảy lượt vẫn chưa nhận diện được kẻ đã đánh mình và cứ bị đứng giữa vòng, mặt mày ngố ngố làm sao ấy. Trong lúc ấy bỗng có một người Việt Nam là hành khách trên tàu, từ khi lên tàu đến lúc ấy tôi chỉ thấy anh ta cắm cúi đọc sách, đến giờ ăn thì đi lãnh cơm, không hề trò chuyện với ai. Thanh niên ấy trạc hai mươi mấy tuổi, mặc áo sơmi trắng và quần tây xám, tóc húi cua, mặt tròn có cái thẹo trên trán, da ngăm đen và có vẻ khỏe mạnh. Anh ta đứng lên xin bọn lính cho được cùng chơi, bằng một thứ tiếng Pháp có học hẳn hoi. Bọn Pháp chấp thuận ngay và anh xin được làm người bị bịt mắt. Thằng Đức Trạch nói với tôi: “Mẹ coi kìa, bọn lính da trắng ngó vậy mà ngu quá! Tụi nó lúc nào cũng không bằng anh lính da đen, anh ta lanh lợi ghê đi, một lần bị bắt là vô chỉ trúng ngay tên nào đã đánh mình. Bây giờ xem thử cái ông Việt Nam này có lanh lợi và thông minh như ông lính da đen kia không”. Quả nhiên anh chàng Việt Nam này cũng không kém phần thông minh, lanh lợi. Hễ bị bắt vào vòng là chỉ đúng ngay kẻ nào đã đánh mình, không cần đến lần thứ hai. Bọn lính da trắng khi đánh ai rồi chạy về chỗ, hoặc đứng sai hàng hoặc nét mặt không giữ được tự nhiên, rất dễ bị phát hiện… Sau vài lần anh xuất hiện gia nhập trò chơi như vậy, các con tôi đã bắt đầu làm quen với anh và anh hỏi gì chúng nó mà chúng nó nhìn về phía tôi. Rồi anh hướng dẫn các con tôi xuống tàu, viếng tàu, gặp các người đầu bếp hay các viên chỉ huy của tàu để trò chuyện. Các con tôi kể lại anh nói anh đã lội qua sống ở Quảng Nam để ra Đà Nẵng xin được vào Sài Gòn…

Tại bến Nhà Rồng đã có cậu Năm Lâm, em trai chị Bút Trà, và cháu Thành, con trai lớn của chị, đi xe hơi ra rước. Tôi đứng dựa vào lan can tàu nhìn xuống bến tìm người quen. Cảnh tấp nập của cảng Sài Gòn khiến tôi không khỏi mừng mừng tủi tủi. Cái thành phố thân yêu mà tôi đã từng sống với cha mẹ suốt trong những năm học ở Gia Long, rồi lập gia đình, rồi năm 1943 lại bồng bế con cái để về Quảng Ngãi khi Mỹ thả bom ở Sài Gòn. Thật cuộc đời đưa đẩy lắm trớ trêu. Dâu bể, bể dâu đến thế! Tôi đứng ở lan can tàu, tìm một chỗ riêng rẽ để những người đi đón dễ trông thấy. Quả thật có hiệu quả ngay. Tôi thấy thằng con trai riêng của

nhà tôi, sau mấy năm xa cách đã cao lớn hẳn, đang đứng nhìn lên để tìm người nhà. Vừa thấy tôi, nó đâm đầu chạy lên tàu và vui mừng bồng mấy đứa em lên. Nó tên Đức Thạnh, sau ngày Cách mạng tháng Tám đã lên xe lửa đi vào Sài Gòn một mình để tìm cha, rồi ở luôn trong đó khi cha nó từ Sài Gòn ra Bắc rồi lại từ Bắc về Quảng Ngãi với tôi năm 1946.

Lúc ấy, người thanh niên giỏi tiếng Pháp đã chơi với các con tôi trên tàu, xách cái giỏ đựng những thứ cần dùng đi ngang qua chỗ mẹ con tôi và hỏi:

- Chị về đâu?

Tôi trả lời: “Chúng tôi về nhà cha mẹ tôi. Thế còn anh, anh về đâu?”

Anh ta liền nói:

- Tôi về số 1 Palce Cuniae. Chào chị.

Tôi cố nhớ lại đường Place Cuniae [1] ở đâu. Thì ra nó ở chỗ góc đường Hàm Nghi và đối diện xéo với báo Sàigòn Mới. 1 Palce Cuniae là một công sở của hỏa xa chớ không phải là nhà riêng của ai.

Thế rồi chuyện gặp lại gia đình, bà con, chuyện tìm nơi ăn ở tạm, chuyện đi thăm bà con họ hàng khiến tôi không còn nhớ đến chàng thanh niên mà mình đã gặp trên tàu Hi Vọng. Tôi có bao nhiêu công việc, mà việc thứ nhất là đi trình diện chánh quyền miền Nam, rồi thu xếp ở tạm với cha mẹ tôi. Việc thứ hai là đi liên lạc với các chị bạn dạy chung trước kia để xin cho các con vào học các trường tiểu học. Rồi đến chuyện tìm chỗ dạy tư và mở lớp dạy Việt văn và Pháp văn tại nhà. Tôi không muốn làm phiền cha mẹ tôi trong lúc tuổi già (cha tôi đã về hưu và đang xin làm thêm ở một hãng tư). Mỗi tháng tôi kiếm được 2.000đ, đủ tiền cơm nước, chợ búa. Ngồi nghĩ lại lúc ở Đà Nẵng với giá sinh hoạt ngoài ấy, tôi cứ tưởng với giá gạo 900 đồng một tạ, tôi chỉ cần kiếm vài nghìn là mẹ con đủ sống để chờ ngày đoàn tụ với nhà tôi. Ai ngờ cuộc sống ở chốn phồn hoa đô hội không phải như cái Chợ Gò - Mỹ Thịnh (Quảng Ngãi). Nó đòi hỏi đủ thứ. Tiền xe cộ cho con đi học, tiền xe hằng ngày tôi lên Hội Phụ nữ Việt Nam của chị tôi để dạy Pháp văn cho các chị em lớn tuổi, tiền ăn sáng, tiền quà vặt theo nếp sống bình thường của một gia đình công chức… 2.000 đồng đâu có thấm vào đâu! Rồi thì tiền thuốc men cho con cái, tiền sách vở, tiền học thêm của các con… thật là tốn kém! Vào Sài Gòn lại gặp đúng mùa nắng gắt rồi mùa mưa, mà cứ ngồi nhìn trời, nhìn thiên hạ đi như mắc cửi, thật cũng sốt ruột không kém gì lúc mới tản cư về Chợ Gò – Mỹ Thịnh. Tôi ở căn nhà ngang của cha mẹ tôi, vì lợp tôn nên khi nóng chịu không nổi. Nhưng trời càng nóng, lòng tôi cũng nóng không kém.

Bỗng một hôm tôi nhớ lại lời một người bạn học cũ ở tiểu học Đà Nẵng. Nó có một tiệm đại lý sách báo và khi tôi đến mua báo lúc mới ở Quảng Ngãi ra thì gặp lại nó. Nó hỏi: “Bạch Vân có định khi vào Sài Gòn sẽ viết báo không? Hồi đó cô Điềm, cô Loan đều nói Bạch Vân viết văn hay lắm mà”. Tôi cười: “Cũng không biết chừng, không có nghề gì thì viết báo cũng tốt vậy. Chỉ sợ độc giả không thích thôi”. Nhớ lại như vậy, thế là giữa trưa nắng chang chang và không khí oi bức, khi các con tôi đứa đi học lớp chiều, đứa ngủ, tôi lấy giấy bút ra viết thử một truyện đăng làm hai kỳ. Viết xong tôi đưa cho cháu tôi, con đầu của chị Bút Trà và là chủ nhiệm báo Phụ Nữ Diễn Đàn. Bài được đăng ngay và đây là lần đầu tiên tôi ký bút hiệu Bà Tùng Long. Sau khi đọc bài ấy, anh Bút Trà liền nói: “Sao thím không thử viết cho Sàigòn Mới?”.

Thế là tôi viết chuyện Đứa Con Hoang (khi in sách đã đổi tên là Ái Tình Và Danh Dự) phỏng theo một tác phẩm của Eugène Sue L’orqueil, nhưng đã sửa đổi cho phù hợp với xã hội Việt Nam.

Khi khởi đầu viết, tôi thấy không khó lắm. Tôi viết một mạch không hề nháp, như khi tôi ở Liên khu 5 viết bài để dạy học sinh vì không có sách giáo khoa. Chuyện Đứa Con Hoang có tiếng vang ngay trên báo Sàigòn mới và độc giả của báo tăng lên thấy rõ. Người ta không tin bút hiệu Tùng Long là của một người đàn bà. Thế rồi tờ tuần báo Phụ Nữ Diễn Đàn lại nhờ tôi viết một truyện dài. Tôi viết ngay truyện Dòng Lá Thắm. Vì là báo tuần, truyện dài chỉ cần đăng ba hay bốn tháng nghĩa là 12 đến 15 kỳ là nhiều. Sau Đứa Con Hoang là Lầu Tỉnh Mộng, Chúa Tiền Chúa Bạc… có tiếng vang khắp nơi. Các học trò của tôi và một số bạn bè cũ đã biết bà Tùng Long không phải là một cây bút nam lấy tên phụ nữ mà chính là tôi. Những việc này xảy ra vào khoảng 1953. Khi viết Chúa Tiền Chúa Bạc thì tên tôi đã vững lắm rồi. Truyện nào của tôi vừa kết thúc ở báo là có nhà xuất bản đến hỏi mua để in thành sách ngay.

Nãy giờ viết sa đà quên bẵng là đang viết về Bùi Giáng. Tôi nhắc lại lúc gặp anh chàng trên tàu Hi Vọng và rồi anh chia tay để về số 1 Place Cuniae, tôi không biết tên anh là gì. Nhưng rồi khi lãnh dạy ở Tân Thịnh, ngày đầu tiên họp giáo sư, tôi thấy anh ta lù lù xách cặp táp vào. Tôi nhìn anh, anh nhìn tôi, cả hai cùng mỉm cười khi nhận ra nhau. Lúc bấy giờ anh Phan Ngô mới đứng ta giới thiệu từng tên giáo sư. Anh ta là Bùi Giáng, quê ở Quảng Nam, đã từng học hết ban tú tài trường Quốc Học Huế, đảm nhận dạy Việt văn cho các lớp đệ ngũ, đệ tứ. Học trò bàn tán thầy Bùi Giáng làm thơ hay lắm và dạy rất hấp dẫn, nhiều nữ sinh ái mộ. Nhưng tôi ít có dịp gặp Bùi Giáng ở đây vì giờ dạy của anh ta ít khi trùng với giờ tôi. Có hôm gặp ở phòng họp giáo viên thì anh ta chỉ mỉm cười và không hề nói năng gì. Sau đó khi anh Hồng Tiêu vào dạy ở Tân Thịnh thì Bùi Giáng có vẻ rất thích nhà tôi vì cả hai đều có tâm hồn thi sĩ. Có mấy lần chồng tôi rủ

Bùi Giáng về nhà uống trà, đọc thơ cho nhau nghe rất tâm đắc. Lại nữa, Bùi Giáng là giáo sư dạy Việt văn cho con gái riêng của anh Hồng Tiêu và cũng là con đỡ đầu của tôi, tên là Minh Khiết. Nó cũng là một cây thơ, có dòng máu của cha nó. Tuy vậy tôi ít khi nói chuyện với Bùi Giáng và cũng ít đọc những bài thơ của anh. Tôi biết anh rất thích thơ của Cù Huy Cận, thường lấy thơ ông này đem ra dạy học trò. Lúc ấy trong Nam, chúng tôi cũng thường lấy thơ Tố Hữu ra dạy học sinh vì có nhiều chất xã hội và tình người. Bùi Giáng còn viết bài trên báo ca ngợi thơ Cù Huy Cận. Tôi thấy rõ Bùi Giáng cũng có tính khí bất thường như Nguiễn Hữu Ngư. Đến năm 1963, vì bận quá nhiều việc tôi không còn dạy học nữa và rút về làm báo, viết tiểu thuyết.

Khi Nguiễn Hữu Ngư phát điên – không rõ là lần thứ mấy – tôi nghe nói khi Ngư vào nhà thương điên Biên Hòa, ở đây đã có cả Bùi Giáng. Sau này tôi có được đọc qua một tập thơ do một người quen cho mượn, in những bài thơ của hai cây bút điên này làm trong bệnh viện với một bác sĩ nào đó. Thế rồi sau năm 1975, tôi được biết cả Ngư và Bùi Giáng đều được bệnh viện thả ra và chuyện Ngư thì tôi đã viết trong bài trước rồi, duy có Bùi Giáng thì không nghe nói đến nữa.

Một hôm tôi ra chợ trời Bà Chiểu gặp vài cô bán hàng để mua ít đồ cần dùng thì một cô hỏi tôi – họ không biết tôi là ai – là bác có thấy ông Bùi Giáng vừa đi qua đó không. Tôi ngạc nhiên và giả vờ hỏi:

- Ông Bùi Giáng nào vậy?

- Bác không biết ông Bùi Giáng, một thi sĩ nổi tiếng, đã từng dạy học, làm thơ, viết báo hay sao?

Tôi hỏi:

- Vậy sao? Mà ổng ra đây làm gì. Buôn thuốc tây như các cháu hả?

Một cô cười:

- Đâu phải.

Tôi hỏi lại:

- Tại sao cháu biết ông ta là Bùi Giáng?

Một cô khác cướp lời:

- Hồi đó cháu có học với ông ta ở trường Đông Tây Học Đường mà!

- Vậy mà lúc nãy ông ta đi ngang qua đây để làm gì?

Cả bọn đều cười:

- Ông ta điên, bác ạ. Ông ta gánh giỏ đi mua ve chai, vừa đi vừa nói lảm nhảm. Vậy mà ông ta nhận ra em đó bác.

Cô nói chuyện với tôi tên Hoa, Hoa nói tiếp: “Em chạy ra chào: Chào thầy! Ông ta nhìn em và hỏi: Đã đi làm cho các ông này chưa? Em trả lời: Dạ, em bán chợ trời. Ông ta bèn cười rồi tiếp tục quảy gánh đi. Trong hai cái giỏ có một nải chuối, vài cái chai không và mấy tập giấy cũ”.

Tôi nghe kể mà thương cảm, không hiểu anh ta đi mua bán ve chai kiểu ấy thì lấy gì mà sống. Tụi nhỏ còn kể đầu ông trọc lóc, mình mặc quần cụt, áo thun và chân đi giày Bata, có hôm lại đi chân không. Sau đó và cho đến bây giờ [2], Bùi Giáng vẫn đi lang thang ngoài đường và lúc nào có tiền bạn bè ở ngoại quốc gửi về cho thì Bùi Giáng lại sống đỡ hơn. Nhưng cánh tánh gàn, chướng và điên điên dại dại của Bùi Giáng vẫn không khỏi. Cho đến năm 1995, nhân đọc tờ báo Xuân Tuổi Trẻ, tôi thấy một bài thơ của Bùi Giáng:

Theo áng mây bay

Tháng năm dòng nước trôi xa
Người qua, người sẽ đi qua những người
Tôi qua không một hẹn lời
Hẹn hò chi bấy, bước đời về đâu?

Tặng đời đóa đóa hoa sầu
Nhớ nhau từ đóa mộng đầu rã đôi
Giọt nước theo giọt mưa rơi
Mỗi mùa mưa đến tôi ngồi chắp tay

Mưa về đọng ở hàng mi
Mắt tôi hồng lệ dựng xây hồng vàng
Đèo bòng đeo đuổi đa mang
Đẩy đưa u oán đá vàng hiểu cho

Đi đi lỡ bước sang đò
Cuồng ca tuế vũ không dò lênh đênh
Đi đi suốt kiếp mỏi mềm
Nhọc nhằn đã lắm còn lênh đênh hoài

Giọt mưa gõ nhịp kéo dài
Hoàng hôn gõ nhánh cửa cài kín bưng
Đi đi tỉnh mộng vô chừng
Đăm chiêu vô tận, ngại ngùng vỡ toang

Như tia nắng biếc chiều tàn
Lửa đời thoi thóp khôn hàn trái tim
Niềm vui níu nhánh mộng chìm
Tâm hồn cô độc tâm tình tìm nhau

Gom từng con nắng nhỏ nhoi
Nụ cười hiu hắt phanh phôi nỗi đời
Nhành đời gió lộng trùng khơi
Nhặt lên thả xuống chiều vời vợi bay

(L.T.S của báo Tuổi Trẻ:

Sáng ngày 4-1-1994, trong sân báo Tuổi Trẻ có mấy phóng viên đang ngồi tán gẫu trên bàn đá trước khi đi công tác. Bỗng một người kêu lên "Ua, thi sĩ Bùi Giáng đây nè!". Cả bọn cùng quay lại hết sức ngạc nhiên và thích thú. Bùi Giáng đang đứng trong sân, dưới vòm lá me xanh mởn. Mấy anh em quây quanh ông, chưa kịp nói gì thì ông đã ôn tồn lên tiếng: "Tôi vừa viết xong một bài thơ, muốn gửi các bạn xem". Ông chào mọi người và thoáng chốc biến mất.

Trong lúc mấy anh em phóng viên xúm nhau đọc bài thơ, Đỗ Trung Quân đã kịp vẽ rất nhanh chân dung thi sĩ Bùi Giáng trong giây phút đáng nhớ hôm ấy).

Thì ra Bùi Giáng vẫn còn làm thơ được, thơ có gì là điên đâu, còn hay hơn bao nhà thơ khác kia mà! Rồi đến số Xuân Thanh Niên năm nay lại có thêm hai bài thơ nữa, lời thơ vẫn tự tin tự hào, có vẻ khôi hài nữa.

Đó là tôi những gì đã biết về Bùi Giáng.

Viết xong ngày 8-3-1996.

---

1 Nay là đường Huỳnh Thúc Kháng, Q.1.

2 Bài này được viết lúc nhà thơ Bùi Giáng chưa mất (Ông mất ngày 7-10-1998 tại TP.HCM).

PHỤ LỤC 3. TÔI ĐÃ ĂN CÁI TẾT TUYỆT VỜI NHẤT Ở VÙNG THẠCH BÍCH TÀ DƯƠNG

Trong cuộc đời tôi, tôi đã ăn Tết ở nhiều nơi trên khắp đất nước thân yêu, nhưng chưa bao giờ được cùng gia đình ăn một cái Tết đáng nhớ đến như vậy, ở vùng tôi di tản vào năm 1949, vùng chợ Gò Mỹ Thịnh, nơi có danh lam thắng cảnh Thạch Bích Tà Dương của tỉnh Quảng Ngãi, quê chồng tôi. Thật là một cái Tết nhớ đời, với nhiều kỷ niệm đẹp đẽ, thắm thiết, và không bao giờ tìm lại được một cái Tết thứ hai như vậy.

Tôi đang ở Sài Gòn, hòn ngọc viễn đông thời bấy giờ, tại sao lại chạy về chợ Gò Mỹ Thịnh, một nơi có tiếng là nghèo nhất huyện Tư Nghĩa, chỉ được duy nhất một điều là nó nằm ở trước dãy núi đẹp nhất tỉnh là Thạch Bích Tà Dương?

Năm 1943, khi máy bay Đồng minh thả bom xuống Sài Gòn, chồng tôi đang làm việc ở Huế, nhắn tin là tôi phải dẫn lũ nhỏ về gấp Quảng Ngãi để tránh bom. Mặc dù cha mẹ tôi ngăn cản, mặc dù anh chị chồng tôi không bằng lòng, nhưng tôi vẫn cứ thu xếp sang nhà, bán đồ đạc, sắp xếp đâu vào đó để đưa mấy đứa con về Quảng.

Có chồng thì phải theo chồng
Chồng đi hang rắn, hang rồng cũng theo.

Tôi đã làm một cuộc hành trình vất vả nhưng rồi cũng đến quê chồng, một thị xã quá nghèo nàn nhỏ bé so với Sài Gòn hoa lệ và náo nhiệt của lũ con tôi, lúc ấy mới có ba đứa.

Vừa thu xếp tạm ổn cuộc sống ở đây thì sau Cách mạng tháng Tám, quân Nhựt đầu hàng, Quảng Ngãi lại phải tiêu thổ kháng chiến vì hạm đội Mỹ đang đậu ngoài khơi. Chúng tôi lại phải di tản một lần nữa, lần này thì lên chợ Gò Mỹ Thịnh, vì chồng tôi có ông bạn học cũ rất thân trên đó.

Lại một lần nữa tay bế tay bồng đi lánh nạn, phải mất cả năm mới ổn định được cuộc sống ở đây.

Chợ Gò Mỹ Thịnh ở Nghĩa Thắng, một xã nghèo nhất ở quận Tư Nghĩa, nằm giữa bốn xã dân giàu đất rộng là An Mỹ, An Hội, Phước Lộc và Xóm Bùn; những nơi vừa giàu lúa, vừa có những công nghệ như dệt lụa, làm đường, sản xuất nước mắm… Còn Mỹ Thịnh thì đất cằn cỗi, quanh năm chỉ trồng khoai mì, khoai lang, người dân ở đây chỉ biết đi làm thuê, làm mướn; đàn ông đi đốt than trên núi, đàn bà đi đốn củi trong rừng.

Tản cư lên một vùng như vậy, riêng phần tôi, tôi cũng tự hỏi không biết lấy gì để sống đây? Dân ở vùng này mỗi lần thấy tôi đi chợ thường bảo nhau:

- Cái tướng “lưỡng thưỡng như cà cưỡng ăn nho” ấy làm sao sống ở đây được chớ?

Họ còn hỏi tôi:

- Cô có biết giã gạo không? Cô có biết chằm nón không?

Trong lúc ấy thì ông xã tôi vốn là một nhà thơ, cái chất thơ thấm vô máu, vô xương tủy từ bao giờ, cứ nói bên tai tôi:

- Em nghe đồi thông trước mặt nhà mình reo có hay không? Và em có nhớ ông Phan Khôi, khi viết bài thường ký bút hiệu Thông Reo là tại sao không? Tiếng thông reo hay thật đấy!

Kiếp sau xin chớ làm người
Làm cây thông đứng giữa trời mà reo.

Rồi những đêm sáng trăng, ông xã tôi còn rủ vài ông bạn tụ tập dưới trăng đối diện với núi Thạch Bích, bên rừng thông vi vu để làm thơ, thưởng nguyệt, và cũng để chửi rủa bọn phá rối đất nước thân yêu của chúng tôi. Sống ở Mỹ Thịnh lúc bấy giờ, tôi đã chết cả người vì cứ phải lo nghĩ về miếng cơm manh áo của lũ con, vậy còn lòng nào mà thấy Thạch Bích Tà Dương là danh lam thắng cảnh và tiếng thông reo vi vu hay ho đến nỗi ông Phan Khôi thích thú lấy làm bút hiệu Thông Reo ký dưới những bài báo “Chuyện hằng ngày” cảnh tỉnh dân tình, nhắc nhở dân phong trên một tờ báo hằng ngày lúc bấy giờ ở Sài Gòn.

Hãy gác chuyện kiếp sau đi đã, để lo nghĩ đến cái chuyện kiếp này có phải là có lý hơn không?

Mỗi buổi chiều, tôi ra ngồi ngoài hàng hiên nhìn thiên hạ đi chợ, nhìn cảnh người đi than đi củi từ trong núi đi ra, tôi càng thấy rõ cảnh sống ở đây. Người ta đi chợ đem một đội rau lang, rau muống để đổi lấy vài lon gạo, một nắm khoai ngô, hay bán một trái mít non để đổi lấy vài lon bắp. Có kẻ bán vài chiếc nón lá mà họ cặm cụi chằm cả mấy ngày để mua vài con cá, một trái bí trái bầu…

Thế rồi một hôm, nhận thấy thằng nhỏ bên hàng xóm vừa chăn bò vừa đọc sách, tôi bèn gọi lại gợi chuyện. Mới biết nó là con ông chủ đất cho tôi xây cất căn nhà tranh, vì cảnh đơn chiếc lại thêm mẹ ghẻ con chồng, nên mới học nửa năm lớp ba đã phải bỏ học để chăn bò, làm rẫy…

Thấy thằng bé ham học, mặt mày cũng dễ thương, tôi liền đề nghị sẽ dạy cho nó. Mỗi ngày vào giờ nó chăn bò, thả bò ăn cỏ trước sân, nó đem bài vở ra hỏi tôi. Tôi dạy nó làm toán, làm luận văn, dạy vẽ bản đồ, tập viết chữ cho đẹp. Có lẽ nó đi khoe với bạn bè, hoặc thấy học một mình không vui, nên đã rủ thêm vài đứa bạn cùng cảnh ngộ bỏ học dở dang vì cảnh nghèo khó.

Ba đứa, rồi năm đứa, rồi tiếng lành đồn xa, ở An Mỹ, An Hội cũng lên xem cách tôi dạy. Thật tình chưa ai tin tôi lại có thể giải một bài toán lớn nhất, khó nhất trong quyển Arithmétique của vợ chồng Brichet, vẽ được bản đồ Việt Nam mà không cần có mẫu, và ghi các tên địa danh, thành thị, sông ngòi trên đó nữa để dạy cho bọn trẻ.

Thấy tôi có khả năng dạy và dạy còn dễ hiểu hơn các ông thầy giáo ở trường công, các em kéo nhau đến xin học. Những học trò tôi có người đã có vợ con, có kẻ là nông dân sáng dậy từ năm giờ cày cấy, đến tám giờ mới đến trường, có người làm ở các cơ sở cách mạng tối mới về học. Thật là một lớp học phức tạp, nhưng được dạy để có việc làm với người ta thì tôi sẵn lòng, miễn sao khỏi bị chê là "lưỡng thưỡng như cà cưỡng ăn no" từ đâu về cái vùng mà dân tình đã đói ăn thiếu mặc như thế này.

Nhà tôi thấy vậy liền hô hào bạn bè giúp đỡ, kẻ tranh người tre, cùng các em học trò dựng lên một ngôi trường vách đất khá rộng rãi, bàn ghế thì em nào có cứ mang lại, xiêu vẹo thì sửa lại, với những học trò tay thợ làm gì mà không được cơ chứ!

Rồi tôi xin mở trường Tiểu học tư thục Tân Dân. Khổ nỗi tôi chỉ có thể dạy từ lớp ba trở lên, chớ các lớp mù chữ vỡ lòng thì tôi chịu. Nhà tôi lúc ấy thấy học trò đông cũng vui, vỗ ngực lãnh dạy số mù chữ và vỡ lòng. Nhà tôi thường nói đùa: "Phần anh chặt xây bỏ vỏ, phần em chạm trổ…".

Được cái là nhà tôi rất thương trẻ con và đám thanh niên. Mà họ cũng rất thương nhà tôi. Vì học với nhà tôi thì sau khi ê a vài chục phút, khom lưng viết vài trang tập xong là thầy trò kéo ra sân đá banh, đá cầu. Có khi bọn nhỏ đánh bi, nhà tôi và mấy "học trò cán bộ" đánh cờ. Cũng có khi họ còn được nghe nhà tôi kể chuyện Đông Tây Nam Bắc, tha hồ mà thích, còn tôi thì không! Học là học, không có chuyện đùa giỡn, chơi bời. Học suốt ba giờ, sau đó muốn đá banh hay chạy nhảy tùy thích.

Năm đó tôi đưa năm em học sinh đi thi Tiểu học. Các em học với tôi mới được sáu tháng, khi vô học trình độ chỉ lớp ba, lớp nhì, vậy mà cả năm em đều đậu tiểu học, em xếp hạng thứ 15 toàn tỉnh là đứa học trò… chăn bò đầu tiên của tôi. Sau đó có em đậu vô trường Trung học Bình dân, trường Trung học Rừng Xanh… thế là trường của tôi được tiếng thơm. Đầu niên học kế đó, nhiều bậc cha mẹ có con em đang học ở trường công cũng kéo về cho học với tôi.

Nhưng các bạn chưa nghe tôi nói về chuyện học phí phải không? Chúng tôi không đòi hỏi về học phí, chỉ ra một điều kiện: các em năng học và có gì trả nấy. Em nào cha mẹ giàu thì đóng tiền, em nghèo thì năm mười lon gạo, mùa nào đóng tiền mùa nấy. Mùa đường cho đường, mùa đậu cho đậu. Ôi thôi, trong nhà tôi lúc ấy có cả khạp đường, cả hũ đậu đen, đậu đỏ, các con tôi trưa nào cũng có chè ăn. Rồi thì khoai lang, khoai mì, bắp tươi, cho đến bầu bí, rau cải, trứng gà, trái cây, không thiếu thứ gì. Có nhiều em nghèo quá, chúng tôi càng thông cảm, không nề hà và cũng đối xử như các em có cha mẹ đóng tiền sòng phẳng.

Tháng chạp năm 1948 đến. Trước đó, năm 1945, tôi có thêm một thằng con sanh tại thị xã Quảng Ngãi vào ngày Cách mạng tháng Tám, bây giờ lên đây đã được bốn tuổi. Tháng 11 năm 1948, tôi sanh một đứa con trai nữa ở chợ Gò Mỹ Thịnh, tại ngôi trường Tân Dân của tôi. Thế là trong lúc đi di tản, tôi có thêm hai miệng ăn nữa.

Cái Tết 1949 đến, bà con ở đây vui vẻ chuẩn bị đón Xuân… nhưng đối với gia đình tôi, cái Tết năm ấy thật bất ngờ, quá đầy đủ. Hằng ngày, với tiền học phí của học trò con nhà giàu, cùng các thứ ngũ cốc của các học trò khác, chúng tôi cũng ăn "giáp hột".

Chị chồng của tôi từ dưới Sáng Tích (cách chỗ tôi ở cả hai mươi cây số) gánh lên cho chúng tôi một gánh gạo và rất nhiều bánh chưng, bánh tét do chị làm để các con tôi ăn Tết. Lúc bấy giờ di chuyển toàn là đi bộ. Thật cái tình bà con ở quê sao mà đẹp vậy!

Em gái tôi cùng chồng ở Phước Lộc ngày 28 cũng mang qua cho một con vịt và nhiều thịt heo, thịt bò…

Học trò thì lần lượt đứa đem gạo, đứa đưa tiền. Em nghèo để mấy ngày nghỉ đi bắt cá và đem cho mấy xâu cá giếc, cá bống còn nhảy soi sói. Thôi thì bấy nhiêu cũng đủ cho gia đình tôi ăn một cái Tết trưởng giả sau bao nhiêu năm di tản.

Đêm 29, người ta kêu ơi ới đi chia thịt. Họ xẻ heo rồi chia cho từng nhà với giá rẻ, ai có tiền xách vài xâu về

kho để ăn đến mồng ba mới có chợ.

Chúng tôi nghĩ, ở miền rừng núi mà ăn Tết như vậy là quá đầy đủ rồi. Chồng vợ, cha con, chị em ai có phần nấy, nấu nướng, dọn dẹp trang hoàng nhà cửa cho ra vẻ Tết. Ông nhà tôi lại cặm cụi viết hai câu đối dán trong nhà.

Cái tục "Mồng một Tết cha, mồng ba Tết thầy", năm đó ở vùng nầy tôi mới thấy hết ý nghĩa, thật đậm đà thắm thiết.

Ngay từ bảy giờ sáng, mỗi em mỗi quả bánh mứt nối nhau đến xông đất nhà tôi. Có em được cha mẹ cùng đi, áo quần mới, mặt mày rạng rỡ, tay bưng quả bánh sơn đỏ. Rồi thì lời chúc mừng, cảm tạ nổ lên thay pháo.

Một ngày thật vui, bánh trái học trò đi Tết bày khắp nơi trong căn nhà chật hẹp. Thôi thì bánh thuẩn dòn, bánh nổ, bánh in bột đậu xanh, bột nếp, bánh ít, bánh tét. Cả trà rượu, mứt trái không thiếu thứ gì.

Bao nhiêu tình nghĩa trải ra trước mắt bằng những hiện vật được làm công phu, khéo léo với cả tấm lòng.

Tối lại, tôi chọn một số bánh ngon, sắp cúng ở bàn thờ ông bà cha mẹ chồng. Còn lại, tôi tìm tất cả cái gì có thể đựng được để sắp bánh mứt vào mà trong lòng cứ nghĩ: làm sao ăn cho hết đây?

Nhưng cái điều tôi lo ấy lại là chuyện thừa. Sáng hôm sau, khi còn nằm trên giường, tôi đã nghe ở phòng ngoài nhà tôi và đứa con gái lớn mới lên 12 tuổi thì thầm trò chuyện. Thì ra hai cha con đã lấy ra hai cái túi vải, cha một túi lớn, con một túi nhỏ, loại túi may để chạy giặc, sắp bánh mứt vào, rồi cha trước, con sau, rón rén ra khỏi nhà. Nhà tôi đi trước, con bé lạch bạch chạy theo sau, đi đến cái xóm nghèo ở đầu làng phát tặng bánh cho các gia đình suốt ngày làm thuê làm mướn mà cái Tết chỉ là những bữa cơm đạm bạc.

Phân phát xong, hai cha con lại trở về lấy đầy hai túi khác, lần này lên xóm trên. Rồi sau đó lại đến xóm ngoài. Ba lần đi như vậy thì bánh mứt cũng chỉ còn vừa đủ cho gia đình tôi hưởng một cái Tết vui.

Cũng may, hướng trước nhà tôi nhìn sâu thăm thẳm vào dãy núi Thạch Bích, dân cư ở đó là đồng bào dân tộc của suối Tơ, xa lắc xa lơ, cha con nhà họ không đi nổi, nếu không thì chỗ bánh mứt kia chắc cũng không còn nữa.

Thằng con lớn lên tám tuổi đang chơi đánh bi với đám bạn gần đó, thấy thầy [1] nó cứ mang bánh đi đi về về như vậy, chạy vào hỏi tôi:

- Mẹ, sao thầy cứ mang bánh đi đâu hoài vậy? Có còn cho tụi con ăn không?

- Thầy đem cho mấy gia đình nghèo, mình ăn thì hết, người ta ăn thì còn, con ạ.

- Vậy hả mẹ?

Rồi nó bỏ chạy ra chơi đánh bi tiếp. Con gái tôi mặt mày tươi hẳn ra sau một chuyến đi làm công tác xã hội đầu tiên trong đời, nó vui vẻ nói với tôi:

- Thật cảm động, mẹ ạ. Người ta đón tiếp thầy và con như là đón tiếp ông già Noel vậy!

- Thế con cũng là ông già Noel à?

- Thì con là… con ông già Noel mà!

Hôm ấy, khi tà dương sắp buông màn, ngồi ở hàng hiên tôi thấy Thạch Bích Tà Dương quả đúng là một danh lam thắng cảnh của xứ Quảng, không thua gì Thiên Bút Phê Vân, Thiên Ấn Niêm Hà, Long Đầu Hý Thủy, Cổ Lũy Cô Thôn, La Hà Thạch Trận…, những thắng cảnh khác của quê chồng mà trước đây tôi đã từng chiêm ngưỡng. Tôi chỉ chưa đến Sa Kỳ Điếu Tẩu mà thôi.

Hôm nay ngồi nhớ lại cái Tết kỳ diệu, ấm áp tình người, đầy tình nghĩa thầy trò của năm 1949 ấy, tôi thật không khỏi bùi ngùi cảm xúc, và chính tình cảm cao quí của đám học trò lúc ấy đã cho tôi một niềm tin về đạo lý con người, và cho tôi có đủ can đảm bất cứ nơi đâu, gặp bất cứ hoàn cảnh nào, khi cầm viên phấn đứng trên bục giảng tôi luôn luôn làm tròn phận sự của mình.

31-12-1994

---

[1] Người miền Trung thường gọi cha là "thầy".

PHỤ LỤC 4. MỘT BỮA TIỆC BẤT NGỜ

Hôm 16-6, có một cú điện thoại gọi đến nhà lúc tôi đang ngủ trưa. Con gái lớn của tôi là Nguyễn Thị Thanh Hương nhận điện. Bên kia đầu dây là một vài em học sinh cũ của tôi gọi đến tìm tôi. Những em học sinh này đã học với tôi cách đây 40 năm, nghĩa là vào năm 1956, khi tôi bắt đầu dạy ở trường trung học tư thục Tân Thịnh, do ông Phan Ngô làm giám học. Năm ấy vì quá bận công việc nhà báo nên tôi chỉ nhận làm giáo sư chính (bây giờ gọi là giáo sư hướng dẫn) môn Việt văn một lớp đệ thất và môn Pháp văn một lớp 6 è Moderne. Trong cuộc đời dạy học của tôi, nếu hỏi thời kỳ nào tôi có nhiều kỷ niệm êm đẹp nhất thì có lẽ đó chính là thời kỳ tôi dạy ở Tân Thịnh.

Đám học sinh của tôi cả nữ lẫn nam đều thật dễ thương, mà dễ thương nhất có lẽ là những học sinh thuộc chương trình Pháp-Việt của niên khóa này. Sau niên khóa này tôi còn dạy thêm cả năm, sáu năm nữa ở Tân Thịnh và ở cả Đạt Đức (ông Phan Thuyết làm hiệu trưởng), Les Lauriers (ông Chơn lên làm hiệu trưởng sau khi ông Ngô đi làm hiệu trưởng trường Văn Hiến).

Đến năm 1963, tôi phải nghỉ dạy vừa vì lý do sức khỏe vừa vì công việc quá đa đoan cứ phải đi công tác ở các tỉnh, lại thêm có chân ở nhiều đoàn thể, nhiều Hội phụ huynh học sinh… Khi tôi nghỉ dạy thì học sinh ở lớp đầu tiên này (1956) có em đã ra đời, có em còn tiếp tục học đại học. Thầy trò ít có cơ hội gặp nhau. Thỉnh thoảng các em đến thăm tôi vào dịp Tết mà thôi. Rồi năm 1974 tôi không còn ở cư xá Chu Mạnh Trinh, dọn về sống với Thanh Hương ở cư xá SICOVINA. Tôi lại nghỉ viết và chỉ ở nhà lo việc gia đình, vì vậy một số học trò cũ của tôi dù muốn gặp tôi cũng không biết tìm tôi ở đâu.

Rồi 30-4-1975 đến, sự phân tán càng nhiều, dâu bể bể dâu, vật đổi sao dời, phần ai nấy lo cho cuộc sống trước một sự thay đổi quá lớn. Một số học trò cũ và độc giả cứ tưởng tôi đã bỏ nước ra đi, cho đến những nhà văn nhà báo các bạn đồng nghiệp cũ cũng đều in trí là tôi đã đi khỏi đất nước Việt Nam rồi.

Nghề dạy học luôn được tôi xem là nghề tay mặt, còn viết văn chỉ là nghề tay trái mà thôi. Khi dạy học, tôi luôn để hết tâm trí vào việc giảng dạy, với ước mong các em học sinh của mình ngày sau phải là những người hữu ích cho đời, cho xã hội. Dù dạy cho các trường tư thục, tôi vẫn dạy hết sức tận tình, lúc nào cũng tự khuyên mình phải làm một nhà mô phạm như các bậc thầy của tôi ngày xưa. Vì vậy ngoài bài vở ra, tôi còn dạy các em về cách đối xử ngoài đời. Việc này không khó lắm cho tôi vì tôi dạy hai môn văn chương Việt Pháp, có đủ thì giờ để nói dông dài, Đông Tây Nam Bắc, thời xưa thời nay, chớ không phải chỉ nói đến những con số, những công thức này công thức nọ như các giáo sư dạy Toán hay Lý Hóa. Có lẽ vì vậy mà tôi gần với học sinh hơn. Và mặc dù đã nghỉ dạy trên 30 năm, tôi vẫn không quên các em học sinh của tôi, thỉnh thoảng có dịp là tôi lại nhắc. Cũng có lẽ vì vậy mà giữa các em học sinh và tôi mới có được sự đồng giao cách cảm để ngày nay sau 40 năm, khi các em đã là những giáo viên, hiệu trưởng, công chức về hưu, những kẻ đã thành công trên thương trường hay đang vất vả vật lộn với cuộc sống…, vẫn chưa quên tôi, tìm đến tôi trong ngày một số em cùng sinh trong tháng 6 tổ chức sinh nhật chung, mời tôi đến dự.

Tôi đã quá già rồi, năm nay đã 81 tuổi, từ lâu không dự tiệc tùng nữa. Thời trẻ đã dự quá nhiều rồi, ở đời việc gì cũng phải theo luật bù trừ phải không các bạn? Vậy mà tôi rất vui khi nhận lời mời, làm sao từ chối một đám học sinh cũ mà mình đã để bao tâm huyết ra dạy, đã đặt bao kỳ vọng nơi các em, và ngày nay các em đã thành đạt trên đường đời, trong gia đình đã là ông bà nội, ngoại.

Em Chúc đứng ra làm tiệc, một tiệc chay rất khéo, rất linh đình với bánh sinh nhật, và đi rước tôi bằng xe taxi. Hôm ấy trời lại mưa lất phất khiến lòng người, lòng thầy trò chúng tôi cùng se lại. Các em đã đón tôi với sự nồng nhiệt và cũng như ngày nào, những cặp mắt đầy thân yêu lại hiện ra, mừng rỡ. Tôi đến bữa tiệc mà như đến lớp học, vào ngày tôi còn dạy lớp đệ thất Tân Thịnh, hay lớp 6 è Moderne. Em Tôn dìu tôi vào phòng tiệc và la lớn: “Cô đến!”. Thế là các em ùn ùn ra đón, trong khi em Châu chạy tới chạy lui quay phim chụp hình. Có khác nào ngày xưa khi các em tổ chức lễ Tân niên và kéo nhau đi mời tôi đến dự vì tôi là giáo sư chính cả hai lớp.

Cảnh hội ngộ mừng vui nói sao cho xiết! Các em lo bày tiệc, mời tôi và các bạn ngồi vào bàn rồi cử một em đứng ra nói vài lời, tôi đáp từ và mừng những em cùng có sinh nhật trong tháng 6 này.

Các em bảo tôi không thay đổi, 82 tuổi mà chưa già nhiều, còn phong độ… Nhiều giáo sư cùng dạy với tôi ở Tân Thịnh đã qua đời. Kẻ chết ở Việt Nam như Nguyễn Hữu Chỉnh, Phan Ngọc Châu, Nguiễn Hữu Ngư, Thái Châu… Người chết ở nước ngoài như Trịnh Chuyết ở Tây Đức, Lê Đình Duyên ở Mỹ… Tôi sống lâu, nên mới có ngày nay, một ngày đáng nhớ.

Trong buổi tiệc, tôi để ý đến một em. Đó là em Hồ Thị Vinh, học với tôi ở đệ thất, rất đẹp và có tật ở chân. Tôi để ý đến em vì thấy ở em có một nỗi buồn gì đó mà không thể tâm sự cùng ai được. Trong khi nhìn các em khác, tôi thấy nhiều em hân hoan vui vẻ ra mặt. Sau đó tôi đã hỏi riêng một em và hiểu cuộc đời của em Vinh đã không được may mắn như các em khác. Vẫn biết với nhà Phật, mọi sự đều vô thường, có đó rồi mất đó, nhưng ở em Vinh, khi tôi về nhà nằm nghỉ vẫn thấy một chút bùi ngùi thương cảm. Không phải ai đem tận tâm tận lực ra làm một việc gì đó, đeo đuổi một chí hướng nào đó, đều hưởng được thành công.

Mưu sự tại nhân mà thành sự tại thiên cũng là vậy!

Bữa tiệc hôm ấy đã làm tôi thật cảm động trước tình cảm của các em, trước niềm vui mà Trời Phật, số phận đã dành cho tôi trong lúc tuổi già bóng xế. Dạy học, lại dạy ở trường tư như tôi, mà được học sinh yêu thương như vậy, tôi thiết tưởng cũng là một vinh dự lớn lao cho mình. Nhân buổi tiệc này, khi về nhà tôi đã nghĩ thật nhiều về các em và bỗng có ý nghĩ nên viết cho em Hồ Thị Vinh một bức thư – vì em không có điện thoại nên tôi không thể nói chuyện với em được. Viết cho Hồ Thị Vinh tức là viết cho các em, các em chắc cũng hiểu thâm ý của tôi. Và tôi đã viết:

Em Hồ Thị Vinh thương,

Trong buổi họp mặt sinh nhật của các em, cô được mời đến dự. Mặc dù đã 82 tuổi, sức khỏe không cho phép, cô vẫn ráng đến để gặp lại những học sinh cũ mà cô rất thương khi còn dạy và khi xa các em rồi cô vẫn luôn nhớ đến với bao kỷ niệm êm đềm. Hôm ấy cô thật sự cảm động và nhớ lại cả một quãng đời rất đẹp của mình khi còn cầm viên phấn đứng trên bục giảng nhìn xuống các em, với những cặp mắt thông minh ham học đang nhìn lại cô chăm chú. Ôi! Thật là một quãng đời đáng nhớ, một quãng đời mà không một cái quí giá trên đời này có thể đổi lấy được. Những khuôn mặt của các em quen thuộc với cô quá. Hồi cô còn dạy, còn trẻ, cô nhớ từng tên các em cả họ lẫn chữ lót, cả chỗ từng em ngồi trong lớp ở bàn nào, dù là bàn đầu hay bàn chót . Vậy mà bây giờ, những khuôn mặt ấy cô vẫn còn nhớ, nhưng tên thì em nhớ, em quên. Thời gian có bao nhiêu cái hay, nhưng lại có cái dở đó các em ạ. Với khoảng thời gian dài 40 năm, với một số học trò quá đông đúc qua gần 10 năm cô đứng lớp, các em cũng hiểu cô làm sao mà nhớ cho hết phải không các em?

Tất cả các em đều để lại trong lòng cô một tình thương bao la sâu đậm và cũng chính tình cảm này đã nuôi dưỡng cô đến ngày nay, giúp con người cô vẫn còn phong độ trong lúc tuổi già. Nhưng riêng với các em, em Hồ Thị Vinh thân mến, cô vô cùng cảm động nhìn thấy sự hân hoan hiện rõ lên nét mặt của em khi em nhìn cô. Sự hân hoan này các em khác cũng có, nhưng không bộc lộ một cách tự nhiên như em. Em nhìn cô rồi ôm hôn cô, em lại cầm bàn tay đã già nua, nhăn nheo của cô mà vuốt ve từng ngón tay. Cái bàn tay ấy ngày xưa đẹp biết bao em nhỉ? Khi bàn tay cô cầm viên phấn đặt lên bảng đen để viết những nét chữ thì bàn tay ấy đâu phải nhăn nheo như bây giờ phải không em Vinh?

Cô thương các em quá, cám ơn các em đã cho cô cái dịp quí hóa này để gặp lại các em, để nhớ một thời tươi đẹp của mình.

Về đến nhà, đầu óc đã gần đi vào sự quên lãng của cô đã hồi phục nhớ lại tất cả những khuôn mặt thân thuộc ngày nào, những khuôn mặt đã giúp cô đứng vững trong thời gian trẻ còn nhiều vất vả. Nhớ đến các em, nhớ đến em Hồ Thị Vinh bé bỏng của cô ngày nào, cô ngồi lại bàn viết cho em – viết cho em tức là viết cho tất cả các học sinh cũ để ghi lại một kỷ niệm êm đềm của cuộc đời người cầm viên phấn đứng trên bục giảng và cầm bút để viết những gì mà mình mong mỏi con người đi vào đường thiện mỹ.

Cô viết cho em vì nhìn vào bảng danh sách của Tôn đưa, cô thấy em không để số điện thoại, nên cô không thể nói chuyện với em qua điện thoại như các em khác. Lúc em rảnh hãy nhớ lời hứa với cô nhé. Hãy đến thăm cô với vài người bạn nữa. Khi cô ngồi trên bàn dạy, dưới mắt cô, tất cả các em dù ở hoàn cảnh nào đi nữa thì cũng đều bình đẳng. Bây giờ điều đó vẫn không hề thay đổi. Thành đạt hay không thành đạt, cô vẫn dành cho các em tình cảm như nhau, nếu không muốn nói là cô càng thương hơn những em không gặp được may mắn trong cuộc sống.

Cô thăm em và chúc emvượt qua tất cả mọi sự, mọi việc không vừa ý.

Thân ái
(Viết và gởi ngày 23-6-1996)

PHỤ LỤC 5. GẶP GỠ NHÀ VĂN LÃO THÀNH BÀ TÙNG LONG

Lê Phương Chi

Quá trình đi học:

- Học hết bậc tiểu học trường Tiểu học Đà Nẵng.
- Học một năm Trung học Đồng Khánh – Huế.
- Chuyển vào học năm 2è Année (Đệ nhị niên) trường Aùo Tím (Collège Des Jeunnes Filles Indigènes) – Sài Gòn.

Quá trình đi dạy:

- Dạy Pháp văn các trường Trung học Tân Thịnh, Đạt Đức, Les Lauriers ở Sài Gòn (1950 – 1954).
- Làm Hiệu trưởng, Liên hiệu trưởng các trường Tiểu học Bình dân Học hội ở Nghĩa Kỳ – Quảng Ngãi.

Quá trình hoạt động Văn học – Báo chí:

- Chủ bút Tuần báo Tân Thời (1935).
- Phụ trách mục Gỡ Rối Tơ Lòng trên nhật báo Sàigòn Mới.
- Phụ trách mục Tâm Tình Cởi Mở trên nhật báo Tiếng Vang (1962 – 1972).
- Thư ký tòa soạn tuần báo Phụ Nữ Diễn Đàn.
- Đã cộng tác với các tuần báo Văn Nghệ Tiền Phong, Phụ Nữ Ngày Mai.
- Đã viết tiểu thuyết (feuilleton) cho các báo ở Sài Gòn từ năm 1954 – 1972.
- Đã có trên sáu mươi đầu sách được xuất bản từ năm 1956 đến 1972.
- Sau 1975 đã tái bản và in mới trên mười cuốn sách.

(Hiện nay tác phẩm của Bà tùng Long đã bị thất lạc trên năm mươi phần trăm).

Ý niệm của nhà văn Bà Tùng Long:

“Tôi vừa viết tiểu thuyết cho báo, vừa dạy con học, vừa thảo thực đơn cho con gái đi chợ. Viết văn đối với tôi đã trở thành chuyên nghiệp chớ không phải viết theo cảm hứng”.

“Tôi ngồi đâu cũng viết được và viết bất cứ lúc nào, khi có nhu cầu… Tôi thích viết loại bút Bic mực màu đen, viết trên giấy báo đã in một mặt.”

“Tôi viết văn để nuôi con. Khi các con tôi những đứa lớn trưởng thành, dìu dắt được các em chúng, bấy giờ tôi sẽ nghỉ viết.”

“Tôi làm báo chẳng những không bị gia đình rẻ rúng, mà còn được cha tôi khuyến khích và chồng tôi dìu dắt. Tôi tự xét mình, thấy trong hai mươi năm làm báo, tôi chưa hề “nói láo ăn tiền”…”

GẶP GỠ BÀ TÙNG LONG: “VIẾT LÀ NIỀM VUI LỚN NHẤT ĐỜI TÔI”

Nhà văn nữ BÀ TÙNG LONG đã nổi tiếng là cây bút có biệt tài về tiểu thuyết tình cảm, tâm lý của bạn gái, với hàm ý giáo dục đạo đức các thành viên trong gia tộc vươn lên nếp sống lý tưởng, thanh cao, hướng thiện, để lành mạnh xã hội đang manh nha suy thoái thời bấy giờ.

Với số kiến thức căn bản, đa dạng, Bà Tùng Long có thể viết lối văn mà giới phê bình văn nghệ mệnh danh là “văn bác học”. Nhưng bà chỉ thể hiện một văn phong bình dị dễ hòa nhập vào giới bình dân ít học, trình độ hiểu biết còn hạn hẹp, cho họ cảm nhận được, nâng cao kiến thức anh chị em trong giới lao động.

Có thể so sánh nhà văn nữ Bà Tùng Long với nhà văn nữ Quỳnh Giao của Đài Loan là những nhà văn nữ đi vào lĩnh vực tâm lý của giới thanh niên nam nữ bình dân đương thời. Nhưng ở Sài Gòn, Bà Tùng Long đã bước sớm hơn Quỳnh Giao một thập niên.

Nhà văn nữ BÀ TÙNG LONG tên thật là Lê Thị Bạch Vân, sinh ngày 1-8-1915 tại Đà Nẵng, quê nội ở thị xã Hội An. Khi cha về Hội An khai sinh cho con, nhân viên hộ tịch ghi ngày 21-4-1915. Sở dĩ có sự ghi sai ngày sinh của bà như vậy vì bấy giờ Đà Nẵng (tức Touranne) là thuộc địa của thực dân Pháp, nên thân phụ của bà không muốn con mình là dân xứ thuộc địa, mới về Hội An, quê nội, làm giấy khai sinh cho con. Còn ngày tháng trong khai sinh ghi lộn xộn là vì lý do chính trị: Thân sinh của bà lúc đầu làm việc trong một công ty tư của ngoại quốc, có tham gia phong trào Duy Tân do nhà các mạng Phan Thành Tài (cha của Phan Bá Lân và Phan Thuyết, sau này là giáo sư các trường Trung học tư thục Chấn Thanh và Đạt Đức) dẫn đầu. Thân phụ bà làm liên lạc viên cho phong trào. Khi phong trào tan vỡ, ông Phan Thành Tài bị thực dân Pháp bắt đưa lên đoạn đầu đài, và một số khác bị đày Côn Đảo.

Trước hiểm họa ấy, thân mẫu bà lánh về Hội An ẩn náu với mẹ chồng. Bấy giờ bà nội của bà cũng đã già yếu. Vì chữ hiếu, buộc lòng thân phụ bà phải thi vào sở Douanes (Thương chánh – nay gọi là Hải quan). Đó là lý do cô bé Lê Thị Bạch Vân khai sinh ở Hội An và ghi lệch ngày chào đời ở Đà Nẵng.

Vừa rồi, ngày 1 tháng 8, các con của bà có tổ chức buổi tiệc họp mặt mừng mẹ tám mươi tuổi, ngày đó đúng là sinh nhật của bà.

Thời gian thân phụ và làm vệc tại Sở Thương chánh Đà Nẵng, bà theo học hết bậc Tiểu học tại đây, rồi ra Huế học trường Trung học Đồng Khánh.

Năm 1932, thân phụ bà đổi vào Sở Douanes Sài Gòn thì bà học những năm cuối ban Trung học tại Collège Des Jeunes Filles Indigène (Nữ trung học Bản xứ), vì nữ sinh mặc đồng phục áo dài màu tím, cho nên người Sài Gòn quen gọi là trường Áo Tím. (Sau đổi lại là trường Gia Long, mãi cho đến sau ngày miền Nam giải phóng, trường đổi tên Trung học phổ thông Nguyễn Thị Minh Khai cho đến nay).

Bà đã viết cho Trang Phụ Nữ của báo Sài Thành (sau đổi tên là Sàigòn Mới) hồi còn ngồi ghế nhà trường. Ngoài bút danh Bà Tùng Long, bà còn ký Lê Thị Bạch Vân.

Riêng bút danh "Bà Tùng Long" bà đã ký trong mục Gỡ Rối Tơ Lòng cho nhật báo Sàigòn Mới, mục Tâm Tình Cởi Mở cho nhật báo Tiếng Vang, và trên bốn mươi đầu sách đã xuất bản, với mười mấy truyện dài đăng báo chưa in ra sách.

Nhà văn Bà Tùng Long đã đi vào văn đàn Việt Nam với sự ưu ái của độc giả nhiều lứa tuổi thời bấy giờ.

Năm 1935, Bà Tùng Long kết hôn với nhà báo Hồng Tiêu Nguyễn Đức Huy tại Sài Gòn. Nhà báo Hồng Tiêu là người Quảng Ngãi, chủ bút nhật báo Sài Thành bấy giờ, chuyên trách mục Tranh Xã Hội (Film du Jour), đả phá thói hư tật xấu xã hội đương thời, dưới bút danh Như Hoa.

Bấy giờ Bà Tùng Long thuê manchette (bảng hiệu) tờ báo Tân Thời, chuyên về vấn đề phụ nữ, vì lúc ấy báo Phụ Nữ Tân Văn đã đình bản. Khi biết bà chủ trương tờ Tân Thời, một số bạn bè cũ ở trường Gia Long, trường Pétrus Ký (Sài Gòn), trường Pellerin (Huế), đã góp sức cổ động cho báo. Nhờ báo Tân Thời chủ trương đề cập những vấn đề thiết thân của chị em trong giới phê bình dân, báo được nhiều độc giả ủng hộ. Bà lại qui tụ được nhiều bạn học cũ cộng tác. Người ở xa thì gởi bài về, những người ở quanh vùng Sài Gòn, Gia Định thì đến làm việc luôn tại tòa soạn. Những cây viết ấy phần đông tên tuổi còn xa lạ với độc giả, và cũng mới chân ướt chân ráo bước vào làng báo như bà. Nhưng về sau, sau năm 1952 bà ở Quảng Ngãi về lại Sài Gòn, thì bút danh Tùng Long của bà đã được "cầu chứng" trong làng văn làng báo; như Nguyễn Trọng Trí đã nổi danh là nhà thơ Hàn Mặc Tử đang dưỡng bệnh ở Qui Hòa; Nguyễn Đức Nhuận cũng là nhà thơ đã được ghi tên trong quyển Thi Nhân Hiện Đại của Hoài Thanh, Hoài Chân (Nguyễn Đức Nhuận này không phải Bút Trà Nguyễn Đức Nhuận, anh chồng Bà Tùng Long); và một người là Nam Quốc Cang, đã trở thành người hùng, hy sinh trong cuộc biểu tình chống Pháp của phong trào Trần Văn Ơn.

Nhắc đến nhà báo Nam Quốc Cang, bà nhớ kỷ niệm khi Nam Quốc Cang giữ mục Chuyện Hằng Tuần trên tờ tuần báo Tân Thời, nhà báo này viết; "Người Việt Nam chúng tôi chỉ có bốn quyền Tư do, đó là Tự do cờ bạc, Tự do rượu chè, Tự do hút sách và Tự do đĩ điếm".

Thế là trong một buổi họp báo tại dinh Thống đốc Nam Kỳ (Thống đốc bấy giờ là ông Khrautemer), họ cho đọc bài ấy giữa cuộc họp báo, bấy giờ gồm có các ông Nguyễn Phan Long chủ nhiệm báo Việt Nam, Nguyễn Văn Sâm chủ nhiệm báo Đuốc Nhà Nam, Bút Trà chủ nhiệm báo Sài Thành, và bà Thụy An, vợ của Băng Dương, chủ nhiệm báo Đàn Bà. Vì tác giả Nam Quốc Cang vắng mặt, nên Bà Tùng Long đã lãnh đủ những lời chỉ trích ác liệt, nào là tác giả có tư tưởng đen tối, công kích chính phủ Pháp… Và Viên Thống đốc không quên kèm theo lời đe dọa, làm mọi người đều quay lại mỉm cười nhìn bà – chẳng biết mỉa mai hay thương hại – chắc họ nghĩ là bà mới bước vào làng báo, chưa biết sự lợi hại và nguy hiểm của lưỡi kéo kiểm duyệt!

Sau đó, người chủ cho thuê bảng hiệu báo, thấy báo bán chạy liền tìm cách lấy báo lại, mặc dù chưa hết giao kèo. Bấy giờ (1936) bà đang ốm nghén, và trong giao kèo thuê báo còn lỏng lẻo, lại nữa chủ báo cũng là người bên nhà chồng, nên bà bỏ luôn tờ báo, về nhà cụ thân sinh (đang ở Sài Gòn) để nghỉ ngơi chuẩn bị sinh con. Bà sinh con gái đầu lòng xong, sau đó vẫn đi dạy trường Tôn Thọ Tường và chỉ còn viết cho trang Phụ Nữ của nhật báo Sài Thành. Rồi năm 1994, Sài Gòn bị máy bay phe Đồng Minh thả bom, thân sinh của bà đổi xuống Sở Douanes tỉnh Trà Vinh; ông bà Bút Trà về Tân An tránh bom. Bà cũng bế con theo chồng về quê Quảng Ngãi.

Đúng ra, nguyên quán anh em ông Hồng Tiêu ở tỉnh Quảng Nam, nhưng cụ nội xưa kia làm quan ở Bình Thuận. Khi đau nặng, gia nhân đưa về ngang Quảng Ngãi thì mãn phần tại đây. Cụ bà (là cô của tiến sĩ Phạm Liệu, một trong Ngũ Phụng Tề Phi xứ Quảng) là mẹ của thân sinh anh em ông Bút Trà – Hồng Tiêu sau này, ở lại nơi chôn ông cụ để cư tang đái hiếu. Và rồi nơi đây trở thành quê hương thứ hai của tộc họ

Nguyễn Đức…

Khi về Quảng Ngãi, tỉnh lỵ cũng bị bom quân đồng minh, vợ chồng bà lại chạy lên vùng Mỹ Thắng, Nghĩa Kỳ, nơi có thắng cảnh Thạch Bích Tà Dương, mỗi chiều về nắng chiếu vào vách núi tạo nên một vẻ đẹp kỳ ảo, là một trong những thắng tích của tỉnh Quảng Ngãi. Vì ở gần núi nên đêm về gió lùa lạnh thấu xương.

Rồi Cách Mạng tháng 8 bùng lên, bà kẹt luôn ở đấy. Bà xin mở trường Tiểu học lấy tên là Tân Dân, dạy những người lớn tuổi thất học, ban ngày làm việc đồng áng, tối về lớp học. Trong số đó có cán bộ hành chánh, đoàn thể đến học thêm ngoài giờ làm việc. Bà giúp một số anh chị em thi vào trường Trung học Bình dân Chợ Chùa tỉnh Quảng Ngãi.

Sau này, có vài người học trò cũ ở trường Tân Dân thuở ấy, đã là cán bộ cao cấp, nhân dịp vào Sài Gòn, đã tìm đến thăm bà. Gặp số học trò cũ, gợi bà nhớ lại những kỷ niệm thời chín năm kháng chiến chống Pháp…

Bấy giờ là thời điểm UBHC tỉnh Quảng Ngãi chủ trương tiêu thổ kháng chiến, lớp học ban ngày còn nhờ ánh sáng mặt trời, đến lớp đêm dạy anh chị em cán bộ, phải đốt đèn dầu mù u, mỗi lần lên lớp là phải có hai người học trò cầm đèn mù u đứng hai bên cho bà giảng bài. Bà không có sách để dạy môn Toán (Arithmétique) và Hình học (Géométrie), nên phải tự soạn chương trình và soạn những bài giảng Việt văn theo trí nhớ để dạy học (sau này gọi là giáo án).

Dạy học trong hoàn cảnh thiếu thốn như vậy được bốn năm (từ 1945 đến 1949), bà cũng đào tạo nhiều người được đưa vào trường Trung học Bình dân (Chợ Chùa – Quảng Ngãi), giúp anh chị em cán bộ trước kia thiếu điều kiện cắp sách đến trường, nay có thể tự học để nâng lên trình độ Trung học. Sau đó, Ty Giáo dục địa phương thấy bà dạy có hiệu quả, mời làm Liên hiệu trưởng coi thêm các trường học quanh vùng Nghĩa Kỳ.

Đến năm 1952, vì tình trạng khó khăn chung trong vùng kháng chiến, gia đình bà thiếu ăn, các con và đói chỉ vì lương tháng dạy học của bà vừa mua đủ hai mươi ngày gạo, cho dù bà lãnh thêu cờ, khăn, bao gối để kiếm thêm cũng không đủ tiền nuôi con. Giới chức địa phương thông cảm hoàn cảnh bà, chấp thuận cho bà dẫn con về vùng tạm chiến. Khi đó con trai út của bà, nay là nhà văn Nguyễn Đông Thức mới tám tháng tuổi. Bấy giờ bà vào Sài Gòn với các con, ông Hồng Tiêu ở lại.

Vào Sài Gòn, Bà Tùng Long vừa dạy học vừa viết báo để nuôi con. Bà nhận dạy Pháp văn cho các trường trung học Tân Thịnh, Đạt Đức, Les Lauriers… đồng thời viết truyện dài từng ngày (feuilleton) cho các nhật báo xuất bản ở Sài Gòn. Sau 1954, bà viết thêm cho các báo Đồng Nai, Tiếng Vang, Tiếng Chuông, và các tuần báo Văn Nghệ Tiền Phong, Phụ Nữ Diễn Đàn, Phụ Nữ Mới, Phụ Nữ Ngày Mai, Duy Tân, Đông Phương… Và bà chuyên trách mục Gỡ Rối Tơ Lòng trên báo Sàigòn Mới, và mục Tâm Tình Cởi Mở cho báo Tiếng Vang. Đặc biệt hai mục này bà có rất nhiều độc giả, nhất là độc giả trẻ rất ái mộ.

Thời ấy, những truyện dài của bà vừa kết thúc trên báo đã có nhà xuất bản thương lượng mua bản quyền để in sách. Từ năm 1956 đến 1958, bà đã cho xuất bản trên hai mươi đầu sách, rồi từ 1963 đến 1972 bà tiếp tục cho xuất bản trên hai mươi đầu sách nữa. Những đầu sách chúng tôi tra cứu được in kèm dưới đây vẫn còn thiếu. Vì sau 1975 sách báo thất lạc rất nhiều. Mấy năm gần đây bà cũng có cho tái bản mấy cuốn: Đời Con Gái, Hứa Hẹn, Tỉnh Giấc Tình Si, Tìm Về Bến Thương, Mười Hai Bến Nước… nhưng bà không được hài lòng vì nhà xuất bản in giấy xấu quá, thiếu thẩm mỹ.

Bà Tùng Long gác bút từ năm 1972, như bà đã trả lời cuộc phỏng vấn của ký giả Trần Quân báo TIME năm 1961: “Tôi viết văn để nuôi con. Khi nào các con tôi đứa lớn trưởng thành dìu dắt được đàn em nó, bấy giờ tôi sẽ nghỉ viết”.

Cho nên đến khi người con gái lớn của bà đỗ cử nhân Khoa học (hiện đang công tác tại Công ty Dệt Phong Phú) và mấy người con trai của bà cũng đỗ đạt, thành danh trong và ngoài nước, đã là giáo sư, luật sư… là bà toại nguyện.

Và bà cũng “gác bút quy ẩn” từ dạo đó…

Tôi đã xin Bà Tùng Long một cái hẹn từ mấy ngày trước, hôm tôi đến tư thất của bà ở đường Đinh Bộ Lĩnh, quận Bình Thạnh, được bà tiếp thân mật ở phòng khách nơi đặt bộ salon đơn sơ, bày trước tủ thờ, bên trên có di ảnh nhà báo tiền bối Hồng Tiêu chồng bà, đã quá cố năm 1985.

Bà khoan thai trong bộ quần áo bà ba trang nhã, tuy tuổi đã bát tuần nhưng thoạt trông ngỡ như mới ngoài sáu mươi, vì tóc chỉ điểm sương, nét trán chưa nhăn, âm hưởng giọng nói vẫn thanh tao, và điều đặc biệt là trí nhớ của bà vẫn còn sắc sảo thể hiện qua những câu trả lời rất gọn gàng mạch lạc trong cuộc mạn đàm với tôi sau đây…

Trong lúc hàn huyên giao đãi, tôi hỏi thăm về nhà thơ lão thành cũng là nhà báo kỳ cựu Hồng Tiêu. Bà

Tùng Long nhân lúc vui chuyện, đọc cho tôi nghe hai câu đối của nhà thơ Lam Giang tặng vợ chồng bà:

BẠCH VÂN thiên thượng cô phi ảnh
Dao vọng HỒNG TIÊU luyến ái thê

(Xin lược dịch nôm na:

Mây trắng trời xanh bay lẻ bóng,
Sáo ngọc vang xa nhớ vợ hiền)

Sau đó, tôi mời bà Tùng Long cùng vào cuộc trao đổi về tâm sự của bà:

- Thưa bà, vào thời điểm 1936, người phụ nữ Việt Nam đều có xu hướng làm vợ làm mẹ, và phần đông đều mơ ước được làm dâu trong gia đình tư sản, để về sau làm chủ gia sản lớn, sống trong nhung lụa. Với học lực và dung mạo trên trung bình, bà dễ dàng bước vào ngưỡng cửa giới thượng lưu. Sao bà lại thích theo nghề viết văn làm báo?

Bà Tùng Long: - Tôi viết văn là chịu ảnh hưởng của cha từ khi tôi còn nhỏ. Thuở ấy, cha tôi cộng tác với các báo Hữu Thanh, Nam Phong, tôi đọc các tạp chí ấy khi còn học tiểu học ở Đà Nẵng. Và lên trung học, tôi được đọc thêm sách của Tự Lực Văn Đoàn, Tiểu Thuyết Thứ Bảy, mộng viết văn của tôi ấp ủ từ đó.

Còn tôi làm báo thì do chồng tôi khuyến khích. Đó là khi cha tôi đổi vào Sài Gòn, tôi theo học trường trung học Áo Tím, chồng tôi bấy giờ chỉ là nhà báo Hồng Tiêu, bạn vong niên của cha tôi, cùng hoạt động trong Hội Trung Ái Hữu, đang là chủ bút nhật báo Sài Thành, thường tới nhà bàn thảo công việc với cha tôi và hay gợi ý cho tôi viết báo, rồi giao tôi phụ trách Trang Phụ Nữ của báo Sài Thành, lẽ dĩ nhiên là được cha cho phép và khuyến khích. Và sau đó cũng cha tôi tác hợp hôn nhân cho chúng tôi.

- Thưa bà, thời bấy giờ đang trong xã hội phong kiến, mọi người còn quan niệm rằng "Làm báo nói láo ăn tiền" cho nên những ai lăn lóc vào nghề này dễ bị gia đình khinh rẻ. Chẳng hay trường hợp của bà có ngoại lệ không?

- Tôi làm báo chẳng những không bị gia đình rẻ rúng mà còn được cha tôi khuyến khích, chồng tôi hướng dẫn. Và tôi xét thấy suốt hai mươi năm làm báo, tôi chưa hề "nói láo ăn tiền" bao giờ. Mặc dù viết văn để nuôi con, nhưng tôi không chiều theo vài ông chủ báo để viết theo thị hiếu xấu của một số độc giả của báo nào đó. Mà tôi chỉ viết theo lương tâm, mục đích xây dựng luân lý và trau dồi đạo đức con người. Vì tôi quan niệm mình phải làm như vậy thì các con của mình sau này mới nên người tốt và có ích cho xã hội.

- Thưa bà, bà thường viết vào lúc nào trong ngày? Viết luôn vào máy đánh chữ hay viết tay? Bà có thói quen gì trong khi viết?

- Tôi thường viết bằng bút Bic mực màu đen, viết trên giấy báo đã in một mặt. Tôi thường ghé tòa soạn mỗi sáng, vào thẳng nhà in lấy tờ ruột đã in trang 2 và 3, để coi lại feuilleton của mình đã đến đâu. Nếu hôm nào người ấn loát trưởng (chef typo) cho biết bài của tôi đã hết, phải đưa thêm, tôi liền ngồi vào bàn tại phòng sắp chữ, viết nối theo đoạn tiểu thuyết hôm trước, đưa liền để thợ kịp sắp chữ, lên khuôn.

- Thưa bà, còn khi viết ở nhà?

- Sau bữa cơm tối, tôi viết từ mười chín giờ đến khoảng hai mươi giờ cho những đoạn tiếp theo đoạn trước, và trả lời thư của mục Gỡ Rối Tơ Lòng để kịp đưa cho các báo sáng hôm sau. Cũng có hôm, báo nào nhờ viết truyện ngắn chẳng hạn, thì tôi cũng viết liền một mạch – sau khi xong các bài nói trên – đến hai, ba giờ sáng cho xong. Đôi lúc vì quá mệt, tôi phải xếp lại để tối hôm sau mới hoàn tất…

- Thưa bà, những lúc đang viết mà mất hứng, bà gợi hứng như thế nào để viết tiếp?

- Vấn đề gợi hứng để viết tiếp ít khi xảy ra với tôi. Bởi vì, nếu viết tại nhà thì tôi vừa dạy mấy đứa con nhỏ học, vừa thảo thực đơn cho đứa lớn đi chợ, vừa viết văn… thì đâu có thể viết theo cảm hứng được! Viết văn đối với tôi bấy giờ đã trở thành chuyên nghiệp rồi.

- Trong hoàn cảnh bận rộn như vậy mà bà viết tiểu thuyết cho nhiều báo một lúc, có khi nào nhân vật truyện này nhẩy qua truyện kia không?

- Tôi luôn lập sẵn dàn bài, tóm lược cốt truyện, phân chương và ghi chi tiết từng chương, định hình nhân vật… cho mỗi truyện. Trước khi viết tiếp cho báo nào, tôi luôn xem lại dàn bài này, nhờ vậy không bao giờ lẫn lộn cốt truyện, hoặc nhân vật truyện này qua truyện nọ. Nói cho đúng, tôi nhờ nghề viết văn mà lần hồi nuôi được chín đứa con, đứa nào cũng vào đại học.

- Bà viết nhiều tiểu thuyết đồng loạt cho các tờ báo, đề tài và chất liệu bà lấy ở đâu mà phong phú quá vậy?

- Tôi được hưởng di sản phong phú về trí nhớ và tâm hồn văn thơ của cha tôi. Bắt nguồn từ căn bản đó, đến những ngày học ở Huế, rồi những ngày theo cha đến những nhiệm sở như Tam Quan (Bình Định), nơi có rừng dừa bạt ngàn, non xanh nước biếc phong cảnh rất nên thơ; và nơi có sự sinh hoạt xô bồ náo nhiệt ngày đêm như ở Sài Gòn. Rồi với những điều mắt thấy tai nghe, tôi còn chắt lọc thêm qua những câu chuyện tâm tình của bạn đọc. Khi viết báo, tôi lại chắt lọc qua tâm sự của học sinh trong các lớp học. Và qua mục Gỡ Rối Tơ Lòng với mục Tâm Tình Cởi Mở, đó là hai nguồn cung ứng tài nguyên cho đề tài và chất liệu trong các tác phẩm của tôi.

- Thưa bà, chúng tôi xin vô phép được hỏi, thuở sinh thời ông nhà có góp sức trong sinh kế gia đình? Và có giúp đỡ bà trong việc viết lách phần nào không?

- Có nhiều lắm chớ! Nhưng nhà tôi say mê hoạt động chánh trị, lợi nhuận của nhà tôi ở lĩnh vực khác. Riêng trong việc viết lách của tôi, khi nào tôi viết mà gặp những danh từ Hán văn, hoặc những điển tích, thì nhà tôi giảng cho. Thuở nhỏ tôi đã được ông nội dạy học chữ Hán, sau này nhà tôi có dạy nhưng tôi bận quá nên không học. Có thể nói cho vui là vợ chồng chúng tôi ví như hai quyển sách tự điển của nhau, chẳng hạn khi tôi cần vấn đề gì về Hán văn hoặc về điển tích thì có nhà tôi, cũng như khi nhà tôi cần gì về địa danh trên thế giới thì tôi đáp ứng. Nhà tôi còn muốn dạy tôi làm thơ Đường luật và các thể loại thơ khác, nhưng tôi không học, chớ không thích làm thơ, tôi tự biết mình không có năng khiếu ở lĩnh vực ấy.

- Bấy giờ bà làm việc nhiều như vậy còn thì giờ đâu mà giải trí? Xin bà cho biết những thú vui của bà?

- Thú thật, tôi ít có thời gian dành cho những cuộc đi giải trí bên ngoài. Ban ngày thì ngoài công việc viết báo, tôi còn dạy Pháp văn và Việt văn cho các trường như tôi đã kể. Tôi còn làm Tổng thư ký Hội phụ nữ Việt Nam (thời Ngô Đình Diệm, lúc bà Bút Trà là Hội trưởng), có chân trong BCH Hội bảo vệ luân lý, và tham gia BCH các Hội phụ huynh học sinh những trường có con tôi theo học như Võ Trường Toản, Gia Long, Lê Văn Duyệt, Pétrus Ký… Bấy giờ, sau những tiết dạy hoặc những buổi họp, tôi phải nhào lên taxi chạy cho kịp giờ, tôi nghĩ cũng gần giống như hiện nay những danh cha chạy show đến các tụ điểm ca nhạc cho kịp giờ hát vậy.

- Trong bữa cơm hằng ngày bà thường ăn những món gì?

- Hồi nhỏ, lúc còn ở Đà Nẵng, mẹ tôi cho ăn món gì thì khi ra đời và cho mãi đến bây giờ tôi vẫn ăn các món đó. Mà cha mẹ tôi ăn uống rất giản dị, căn bản là cá biển nấu ngót theo kiểu Đà Nẵng, cá chiên giầm nước mắm tỏi ớt, ăn với rau luộc, và món ăn thường bữa của chúng tôi là món cá kho mặn.

- Còn những ngày gia đình bà sống ở Sài Gòn, thì các món ăn và giờ giấc những bữa cơm hằng ngày như thế nào?

- Tôi cũng ăn uống theo thói quen của mẹ tôi đã cho tôi ăn thuở nhỏ, cho nên tôi ít ăn cá đồng và các món lạ như ếch, lươn… dù tôi biết là cũng rất ngon. Tôi chỉ ăn ngàyba bữa: Sáng điểm tâm cháo trắng hay là xôi ở nhà nấu, rồi đi dạy học hoặc đến các tòa báo. Trưa và tối ăn hai bữa nữa. Tôi rất ít ăn quà giữa những bữa cơm. Dù có ai biếu món ăn gì, hoặc bánh, trái cây, tôi cũng để dành chờ dọn cho cả nhà ăn sau hai bữa cơm chính.

- Bà có thích ăn những món cổ truyền của Hội An như Cao lâu, và mì Quảng của Đà Nẵng không?

- A, món Cao lâu! Hồi nhỏ, sáng chủ nhật nào tôi cũng đi ăn với cha tôi. Vì bấy giờ bà nội tôi ở Hội An cho nên hễ chiều thứ bảy tan sở là cha con tôi lên thuyền xuôi về Hội An. Ở chơi với bà đến chiều chủ nhật lại theo thuyền trở về Đà Nẵng để sáng thứ hai tôi đi học, cha tôi đi làm. Nhưng hiện nay tôi bị bệnh tim mạch, bác sĩ bắt ăn kiêng các chất béo, nên tôi không dám ăn món Cao lâu và mì Quảng nữa, vì món nào cũng có nhiều mỡ quá.

- Thưa bà, thời gian gần đây bà có đọc tác phẩm của các nhà văn trẻ không? Nếu có, xin bà cho biết cảm tưởng ra sao?

- Ngoài việc dạy học và viết văn, tôi còn hai đam mê nữa, đó là đan len và đọc sách. Hễ rảnh tay là tôi đan, hoặc gặp được cuốn sách nào thích là tôi đọc mải miết cho hết mới chịu buông, nhiều cuốn tôi đọc đến bốn , năm lượt, có cuốn tôi đọc say sưa một lèo đến gần sáng. Vì mê đọc sách, cho nên các bộ kiếm hiệp của Kim Dung tôi đều có đủ, nhưng đâu dám đọc, bởi sợ không dứt được để làm việc khác, mãi sau này nghỉ viết tôi mới đọc hết toàn bộ sách ông ta.

- Còn các nhà văn trẻ hiện nay, thưa bà?

- Gần đây tôi cũng đọc các nhà văn trẻ, tôi nhận thấy các cây bút trẻ bây giờ đã chắt lọc được nhiều khía cạnh của cuộc sống để thể hiện vào tác phẩm, nhờ môi trường rộng và đa dạng. Lại nữa các bạn trẻ còn có điều kiện đi lại nhiều nơi trong nước và ngoài nước, được tiếp cận với muôn mặt của cuộc sống hiện nay,

có thể nói đời sống của các bạn trẻ hôm nay phong phú hơn thời chúng tôi trước kia nhiều lắm.

- Bà có thể cho biết vài nhà văn trẻ được bà ưa thích qua tác phẩm?

- Nếu chỉ nói thích đơn thuần, thì tôi thích đọc nhiều cây bút trẻ. Như về thơ, tôi thích thơ Đỗ Trung Quân, Từ Kế Tường và Nguyễn Duy. Nhà thơ Nguyễn Duy khi đi Thụy Điển về, có bài thơ nói về các thiếu nữ nước ấy tắm nắng. Lời thơ dí dỏm có nhiều tứ mới, nhẹ nhàng mà súc tích, dễ cảm nhận. Cũng như những cây bút hàm tiếu trong báo Mực Tím viết rất dí dỏm, tươi tắn và khá hồn nhiên.

Còn văn thì tôi thích đọc tác phẩm của những cây bút đang lên như Nguyễn Nhật Ánh, Lý Lan, Nguyễn Thị Minh Ngọc… Văn phong các bạntrẻ ấy gãy gọn, sử dụng những câu ngắn nhưng sống động với nhiều hình ảnh, rất hóm hỉnh đầy chất trẻ. Riêng về tác phẩm của Nguyễn Nhật Ánh, tôi liên tưởng đến nhà văn André Lichtenberger của Pháp…

- Thưa bà, các con của bà, ngoài nhàvăn nhà báo Nguyễn Đông Thức, có còn anh chị nào nối nghiệp của ông nhà và bà không?

- Tôi còn một người con trai, anh của Đông Thức, đang sống ở ngoại quốc, cũng viết báo. Bây giờ anh nhắc đến Đông Thức, làm tôi nhớ khi nó còn học cấp I, có lần tôi chê nó dốt Việt văn, nó nói: “Bộ má tưởng viết tiểu thuyết khó lắm sao? Theo con, chỉ cần thuộc hai mươi lăm mẫu tự là viết được”. Tôi buồn cười và nghĩ nó còn nhỏ mà đã nói lớn lối như vậy, có lẽ sau này nó sẽ viết văn. Mà về sau quả đúng như vậy. Sau khi Đông Thức đi thanh niên xung phong về, nói với tôi là con sẽ làm báo Tuổi Trẻ và viết văn. Tôi hỏi sao con không chọn nghề khác, chớ mẹ thấy sống với nghề cầm viết làm sao nuôi nổi vợ con. Đông Thức trả lới với tôi là: “Con theo nghề báo của Thầy, nghề văn của Mẹ, sau này sướng thì nhờ, cực thì con cũng ráng chịu!”.

- Rồi bà trả lời sao, thưa bà?

- Tôi nghe con nói vậy, chỉ biết im lặng vì xúc động và làm thinh luôn chớ còn biết nói gì nữa?

- Thưa bà, nhà báo Hồng Tiêu cũng là nhà thơ Đường luật kỳ cựu, chẳng hay các con của ông bà có người nào nối nghiệp thơ, hay chỉ viết văn làm báo như Nguyễn Đông Thức thôi?

Bà Tùng Long bảo tôi hãy đợi một chút, rồi bà đi vào phòng trong đem ra một tập vở có nhiều bài thơ chép tay, đưa tôi xem và trả lời câu hỏi của tôi lúc nãy:

- Chị em chúng nó cũng có làm rất nhiều thơ theo thể Đường luật để biểu cảm về tình yêu thương cha mẹ. Trong tập thơ này là bài thơ chị em nó làm trong những dịp chúc thọ tôi.

Tôi đón tập thơ chép tay, đọc lướt qua nhiều bài thơ của các con bà cảm tác để chúc tụng mẹ trong ngày sinh nhật. Tôi chú ý đến bài thơ Lòng con của Nguyễn Đức Thông (Đông Thức) làm theo thể thất ngôn tứ cú, vào dịp lễ sinh nhật của Mẹ ngày 1-8-1962, khi ấy Đông Thức mới 11 tuổi:

LÒNG CON

Từ lâu ơn Mẹ quá cao dày
Viết báo, làm văn suốt tháng ngày
Nuôi đám con thơ ăn học đủ
Mong con khỏi khổ lúc sau này

Ước gì con có đủ quyền uy
Nắm được thời gian chớ vội đi
Để Mẹ chúng con còn trẻ mãi
Nhưng rồi ước vọng lai tan đi

Mái tóc đen nay đã bạc màu
Đôi môi tươi thắm có còn đâu!
Làn da trắng mịn giờ thay thế
Bằng một làn da kém ửng đào.

Con muốn đem ngay mái tóc đen
Cùng dòng máu nóng của con tim
Thay vào tóc trắng, đôi môi héo
Và nếp da nhăn của Mẹ hiền.

Long Nhi – Nguyễn Đức Thông

- Thưa bà, bà đã ký bút danh Bạch Vân cũng đẹp, vì sao bà lại ký Bà Tùng Long và dùng mãi đến bây giờ?

Bà Tùng Long cười: - Các vị nho học của chúng ta có câu: "Vân Tùng Long, Phong Tùng Hổ", nghĩa là mây theo rồng, gió theo cọp, cho nên thuở xưa, người nào lấy biệt danh Tùng Hổ thì biết người ấy tên là Phong. Tôi tên Vân cho nên lấy bút danh Tùng Long. Và khi ký bút danh này, tôi thấy không trùng với ai, cho nên tôi dùng luôn đến nay.

- Thưa bà, nếu vậy hai từ Tùng Long cũng đủ, sao bà còn thêm từ Bà phía trước?

Bà Tùng Long lại cười: - Vì ký bút danh Tùng Long, tôi sợ độc giả hiểu lầm tôi là đàn ông, nên tôi thêm chữ Bà vào để phân biệt. Lúc đầu tôi nghĩ là dùng tạm một thời gian, nhưng về sau tôi thấy cũng nhiều người dùng từ Bà trước bút danh, chẳng hạn như Bà Đạm Phương. Hồi còn trẻ, bà Đạm Phương thường dùng danh từ Đạm Phương nữ sĩ, và bà Tương Phố cũng dùng bút danh Tương Phố nữ sĩ.

Hồi ấy cũng có một bà Đông y sĩ xưng danh là nữ sĩ Phan Thị Bạch Vân, đồng thời các vị mày râu khi viết bài về phái nữ, cũng ký Huỳnh Hoa nữ sĩ, Ngọc Lan nữ sĩ… Riêng tôi, không dám tự hào là nữ sĩ, nên tôi không ký Tùng Long nữ sĩ.

Hơn nữa, trong thời gian tôi còn dạy học ở Quảng Ngãi và khi vào Sài Gòn, tôi có viết bài để dạy học mà bây giờ gọi là giáo án, hoặc dịch vài bài thơ Pháp đăng báo, tôi cũng thường ký bút danh Bà Tùng Long, chủ đích để cho độc giả khỏi lầm tôi là đàn ông, đồng thời tôi cũng nghĩ rằng mình chỉ là nhà giáo dục, chớ không phải nhà văn. Chẳng hạn như bà Stael và bà Maintenon bên Pháp, lúc nào cũng ký bài báo và những cuốn sách của mình viết về các vấn đề giáo dục các thiếu nữ, là Madame Stael, Madame Maintenon. Rồi về sau trong văn học sử Pháp cũng ghi bút danh của các bà ấy với từ Madame đứng trước bút hiệu.

Còn tôi, trong các mục Gỡ Rối và Giải Đáp, tôi ký Bà Tùng Long là để gần gũi với phái nữ. Vả lại, như vậy các nữ độc giả sẽ tin cậy và dễ bộc lộ tâm tình hơn là chỉ ký Tùng Long, họ có thể nghĩ lầm tôi là phái nam thì họ sẽ ngần ngại khi muốn bộc lộ tâm tình. Chỉ đơn giản có vậy thôi.

- Thưa bà… Yêu văn chương từ thuở nhỏ, lẽ nào và đã thật sự gác bút?

- Cảm ơn anh đã rất hiểu tôi. Thật sự thì hiện nay hàng ngày tôi vẫn viết, khi thì những đoạn hồi ký bất, khi lại là những cảm xúc bất chợt trước những sự việc xảy đến hàng ngày, những con người vừa gặp gỡ… Cũng có khi đó là một đoạn văn tôi viết về một người bạn, một đứa cháu… Viết là niềm vui lớn nhất đời tôi.

TÁC PHẨM CỦA BÀ TÙNG LONG ĐÃ XUẤT BẢN:

1. LẦU TỈNH MỘNG, tiểu thuyết, NXB Huỳnh Văn, 1956
2. TÌNH DUYÊN, tiểu thuyết, NXB Tấn Phát, 1956
3. NGÀY MAI TƯƠI SÁNG, truyện nhi đồng, NXB Sống Mới, 1957
4. ÁI TÌNH VÀ DANH DỰ, tiểu thuyết, NXB Bình Minh, 1957
5. CHÚA TIỀN CHÚA BẠC, tiểu thuyết, NXB Huỳnh Văn, 1957
6. CÒN VƯƠNG TƠ LÒNG, tiểu thuyết, NXB Tấn Phát, 1957
7. GIANG SAN NHÀ CHỒNG, tiểu thuyết, NXB Bình Minh, 1957
8. HAI TRẺ ĐÁNH GIÀY, Truyện nhi đồng, NXB Sống Mới, 1957
9. HOA TỈ MUỘI, tiểu thuyết, NXB Tấn Phát, 1957
10. MẸ CHỒNG NÀNG DÂU, tiểu thuyết, NXB Rạng Đông, 1957
11. NHỊ LAN, tiểu thuyết, NXB Rạng Đông, 1957
12. MỘT NGƯỜI CHỊ, truyện nhi đồng, NXB Sống Mới, 1957
13. TẤM LÒNG BÁC ÁI, truyện nhi đồng, NXB Đồng Nai, 1957
14. VỢ LỚN VỢ BÉ, tiểu thuyết, NXB Tấn Phát, 1957
15. TÌNH VẠN DẶM, tiểu thuyết, NXB Rạng Đông, 1958
16. TÌNH VÀ NGHĨA, tiểu thuyết, NXB Rạng Đông, 1958
17. VỢ HIỀN, tiểu thuyết, NXB Rạng Đông, 1958
18. TRÊN ĐỒI THÔNG, tiểu thuyết, NXB Hương Nam, 1963
19. CON ĐƯỜNG HẠNH PHÚC, tiểu thuyết, NXB Thế Kỷ, 1963
20. GIÒNG ĐỜI, tiểu thuyết, NXB Tia Sáng, 1966
21. AI LÀ MẸ, tiểu thuyết, NXB Trung Thành, 1967
22. BÊN SUỐI CHI LAN, tiểu thuyết, NXB Thế Kỷ, 1967
23. BIỆT THỰ MỸ KHANH, tiểu thuyết, NXB Trung Thành, 1967
24. CHỌN ĐÁ THỬ VÀNG, tiểu thuyết, NXB Trung Thành, 1967
25. DUYÊN LÀNH, tiểu thuyết, NXB Đẹp, 1967
26. GIỮA CƠN SÓNG GIÓ, tiểu thuyết, NXB Kim Lệ, 1967
27. MỘT BÓNG NGƯỜI, tiểu thuyết, NXB Trung Thành, 1967
28. NHỮNG PHÚT CHIA LY, tập truyện ngắn, NXB Thiên Tứ, 1967
29. TÌNH CẦM, tiểu thuyết, NXB Hồng Hưng, 1967

30. TỜ DI CHÚC, tiểu thuyết, NXB Trung Thành, 1967
31. CON ĐƯỜNG MỘT CHIỀU, tiểu thuyết, NXB Trung Thành, 1969
32. NGƯỜI XƯA ĐÃ VỀ, tiểu thuyết, NXB Thế Kỷ, 1972…

NHỮNG SÁCH TÁI BẢN VÀ IN MỚI SAU NĂM 1975:

33. BÓNG NGƯỜI XƯA, tiểu thuyết (tái bản), NXB Văn Nghệ TP.HCM, 1989
34. MỘT LẦN LẦM LỠ, tiểu thuyết, NXB Tiền Giang, 1989
35. MƯỜI HAI BẾN NƯỚC, tiểu thuyết, NXB Sông Bé, 1989
36. ĐƯỜNG TƠ ĐỨT NỐI, tiểu thuyết, NXB Tiền Giang, 1990
37. TỈNH GIẤC TÌNH SI, tiểu thuyết, NXB Tiền Giang, 1990
38. CHỈ MỘT LẦN YÊU, tiểu thuyết, NXB Tiền Giang, 1990
39. NẶNG GÁNH ÂN TÌNH, tiểu thuyết, NXB Tiền Giang, 1990
40. HỨA HẸN, tiểu thuyết, NXB Tiền Giang, 1990
41. NGƯỜI XƯA ĐÃ VỀ, tiểu thuyết (tái bản), NXB Mũi Cà Mau, 1990
42. CON ĐƯỜNG HẠNH PHÚC, tiểu thuyết (tái bản), NXB Kiên Giang, 1990
43. TÌM VỀ BẾN THƯƠNG, tiểu thuyết, NXB Đồng Nai, 1990
44. DUYÊN TÌNH LẠC BẾN, tiểu thuyết, NXB Sông Bé, 1990
45. NẺO VỀ TÌNH YÊU, tiểu thuyết, NXB Bình Định, 1990
46. BẾN SUỐI CHI LAN, tiểu thuyết (tái bản), NXB Nghệ Tĩnh, 1991
47. AI NỠ ÉP DUYÊN, tiểu thuyết, NXB Quảng Ngãi, 1991
48. LẦU TỈNH MỘNG, tiểu thuyết, NXB Quảng Ngãi, 1991
49. MẸ CHỒNG NÀNG DÂU, tiểu thuyết (tái bản), NXB Quảng Ngãi, 1991
50. ĐỜI CON GÁI, tiểu thuyết, NXB Quảng Ngãi, 1991